

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**







(Giai đoạn đánh giá: 30/6/2017-30/6/2022)

(Hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài)










Hà Nội, tháng 9 năm 2022

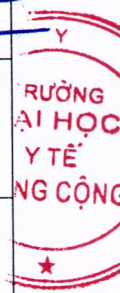
**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**



(Kèm theo Quyết định số 292/QĐ-ĐHYTCC ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Y tế công cộng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hoàng Văn Minh	GS, TS Hiệu trưởng, Đảng ủy viên, Thành viên Hội đồng Trường Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thanh Hà	PGS, TS Phó Hiệu trưởng, Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng Trường Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Đào tạo	Phó Chủ tịch thường trực	
3	Lã Ngọc Quang	PGS, TS Phó Hiệu trưởng, Đảng ủy viên Thành viên Hội đồng Trường Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Phó Chủ tịch	
4	Bùi Thị Thu Hà	GS, TS Bí thư Đảng ủy Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
5	Lê Thị Thanh Hương	PGS, TS Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí, Đảng ủy viên, Chủ tịch Ban Chấp hành Công đoàn, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên – Trưởng ban Thư ký	
6	Đỗ Thị Hạnh Trang	TS Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên	



7	Nguyễn Thanh Nhã	Ths Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Thành viên	
8	Trần Thị Tuyết Hạnh	PGS, TS Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phát triển, Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên	
9	Trần Ninh Giang	Ths Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên	
10	Đoàn Ngọc Tiến Minh	Ths Phó Trưởng phòng Công tác Học viên Sinh viên, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường ĐH YTCC	Thành viên	
11	Tạ Anh Hà	ThS Trưởng phòng Quản trị Công nghệ	Thành viên	
12	Nguyễn Hải Hà	ThS Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên	
13	Nguyễn Ngọc Bích	TS Trưởng khoa Sức khỏe môi trường nghề nghiệp Đảng ủy viên Thành viên HĐ trường Ủy viên BCHCD	Thành viên	
14	Đặng Thế Hưng	TS Giám đốc Trung tâm Xét nghiệm	Thành viên	
15	Phạm Hùng Tiến	ThS, BS Phó Trưởng Phòng khám đa khoa	Thành viên	



16	Nguyễn Ngọc Sơn	Học viên lớp ThSQLBV14-1B1	Thành viên	
17	Nguyễn Minh Anh	Sinh viên lớp CNCQYTCC17-1A	Thành viên	

(Danh sách ấn định gồm có 17 người).

T E

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	5
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	2
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	2
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	6
2.1. Quy định pháp lý của các hoạt động của ĐHYTCC và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường.6	6
2.2. Những thách thức chính mà ĐHYTCC gặp phải và kế hoạch của Trường để khắc phục những thách thức đó9	9
2.3. Các điểm mạnh và cơ hội của ĐHYTCC và cách mà Trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó 10	10
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục 8)	14
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	15
Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	15
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	22
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	29
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	36
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	41
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	48
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	59
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	74
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	81
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	97
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	116
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	123
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	135

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	146
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	161
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	172
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	180
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	190
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	203
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	214
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	227
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo.	237
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	247
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	269
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	281
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC	297

DANH MỤC BẢNG

Bảng 7.1.1. Thống kê các chỉ số tài chính từ năm học 2017-2018 đến kỳ I năm học 2021-2022 (1)	64
Bảng 7.1.2. Tổng thu thường xuyên và cơ cấu thu theo năm học (2)	64
Bảng 7.1.3 Tổng chi thường xuyên và cơ cấu chi theo năm học (3)	65
Bảng 12.2.1 Các tiêu chí đối sánh (4)	132
Bảng 12.4. Bảng tự đối sánh về đào tạo từ năm học 2017-2018 đến 2021-2022 (5)	134
Bảng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến năm 2022 (6)	143
Bảng chỉ tiêu xét tuyển đại học chính quy 2017-2021 (7)	143
Bảng 14.1. Điều chỉnh CTDH dựa trên ý kiến của các BLQ giai đoạn đánh giá (8)	162
Bảng 22.2.1. Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình các chương trình đào tạo giai đoạn 2017-2021 (9)	248
Bảng 25.1.1. Bảng tổng hợp thu chi giai đoạn từ năm học 2017-2018 đến kỳ 1 năm học 2021-2022 (10)	290
Bảng 25.2.1. Thống kê kết quả và chỉ số thị trường tuyển sinh từ NH 2020-2021 (11)	296
Bảng 25.2.2. Đối sánh chỉ tiêu và điểm chuẩn ngành YTCC các trường ĐH Phía Bắc (12)	296
Bảng 25.2.3. Tình trạng tốt nghiệp của SV đại học chính quy trong 5 năm gần đây (13)	297
Bảng 25.2.4. Thống kê kết quả nghiệm thu đề tài NCKH giai đoạn 2017-2021 (14)	298
Bảng 25.2.5. Thống kê số lượng bài báo được xuất bản trên các tạp chí trong 5 năm gần đây (15)	299
Bảng 25.2.6. Thống kê số tiền tham gia hoạt động mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo và phòng chống dịch (16)	300
Bảng 25.2.6. Thống kê số tiền tham gia hoạt động thiện nguyện (17)	300

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Các từ viết tắt

Chú thích

AUN-QA	Asian University Network – Quality Assurance
BGH	Ban Giám hiệu
CBQL	Cán bộ quản lý
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBVC	Cán bộ viên chức
CCDV	Cung cấp dịch vụ
CCVC	Công chức viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CN	Cử nhân
CNTT	Công nghệ thông tin
CK	Chuyên khoa
CLB	Câu lạc bộ
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTHVSV	Công tác học viên sinh viên
CQ	Chính quy
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSSK	Chăm sóc sức khỏe
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐBCL&KT	Đảm bảo chất lượng – Khảo thí
ĐH	Đại học
ĐHYTCC	Đại học Y tế công cộng
ĐGN	Đánh giá ngoài
ĐT	Đào tạo
ĐTN	Đoàn Thanh niên

IQA	Bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐ	Hội đồng
HĐT	Hội đồng trường
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KTXNYH	Kỹ thuật xét nghiệm y học
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NSNN	Ngân sách Nhà nước
MTCL	Mục tiêu chiến lược
QĐ	Quyết định
QLKH&HTPT	Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển
QLBV	Quản lý bệnh viện
QTCN	Quản trị công nghệ
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
TCHC	Tổ chức hành chính
TCKT	Tài chính kế toán
TĐG	Tự đánh giá
TTB	Trang thiết bị
TSTT	Tài sản trí tuệ
VC-NLĐ	Viên chức – Người lao động
VTVL	Vị trí việc làm
XBQT	Xuất bản quốc tế

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của tất cả các trường đại học. Trong bối cảnh hiện nay, tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 cùng các vấn đề khác của ngành y tế đòi hỏi nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực thuộc khối dự phòng có chất lượng cao cho ngành y tế và cho đất nước để ứng phó tốt hơn với các vấn đề y tế công cộng. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học thuộc khối ngành đào tạo khoa học sức khỏe ngày càng trở nên cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, Trường Đại học Y tế công cộng (ĐHYTCC) đã luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và đã có nhiều chính sách, áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Trong quá trình đánh giá chất lượng giáo dục, tự đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và xây dựng văn hóa ĐBCL bên trong nhà trường. Trong quá trình triển khai công tác TĐG, Trường ĐHYTCC đã căn cứ vào các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng (KĐCL) của Bộ GD&ĐT và các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) có uy tín để tiến hành xem xét, TĐG về thực trạng chất lượng và hiệu quả của các hoạt động của Nhà trường, xác định được các điểm mạnh và điểm tồn tại, từ đó xây dựng kế hoạch hành động (KHHĐ) phù hợp nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra.

Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

Trong suốt hơn 20 năm từ ngày thành lập và hơn 73 năm phát triển, Trường Đại học Y tế công cộng đã và đang không ngừng nỗ lực phát triển để trở thành một trường đầu ngành của cả nước đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao trong lĩnh vực y tế công cộng. Những đóng góp của Nhà trường cho công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước đã được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý: Huân chương Độc lập hạng Ba, Cờ thi đua của Chính phủ, Tập thể lao động xuất sắc của Bộ Y tế.

Đến thời điểm hiện tại, ngoài các ngành đào tạo thuộc khối ngành khoa học sức khỏe, Trường Đại học Y tế đã thành công mở hai mã ngành mới là Công nghệ kỹ thuật môi trường (2019) ứng dụng trong bệnh viện và Khoa học dữ liệu (2022) ứng dụng trong y tế, đưa tổng số ngành đào tạo ở bậc đại học của Trường lên 7 ngành, bậc sau đại học là 7 ngành, trong đó có 3 ngành đào tạo thạc sĩ, 2 ngành đào tạo tiến sĩ, 1 ngành đào tạo chuyên khoa I và 1 ngành đào tạo chuyên khoa II. Trường có đội ngũ giảng viên giỏi, nhiệt tình, tâm huyết, đa phần được đào tạo bài bản ở nước ngoài. Từ năm 2016, Trường chuyển về cơ sở mới tại số 1A Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, với cơ sở vật chất rộng rãi, khang trang, hiện đại và là một trong những trường công lập có cơ sở vật chất, hạ tầng thuộc nhóm tốt nhất ở Việt Nam hiện nay.

Ban lãnh đạo trường cùng toàn thể cán bộ, giảng viên của Trường luôn nỗ lực phấn đấu, thực hiện các nhiệm vụ và sứ mạng của Trường để khẳng định vị thế là một trường đại học đầu ngành về lĩnh vực y tế công cộng và khoa học sức khỏe ở Việt Nam, có năng lực hội nhập với hệ thống giáo dục đại học trong khu vực.

Trường có 21 đơn vị trực thuộc Trường, trong đó có 7 phòng chức năng, 7 Khoa/viện/bộ môn chuyên môn, Bệnh viện thực hành và Phòng khám Đa khoa, Trung tâm Xét nghiệm, Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội, Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển và 3 Trung tâm nghiên cứu.

Sứ mạng

Trường Đại học Y tế công cộng có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, qua đó có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

Tầm nhìn

Đến năm 2025, Trường Đại học Y tế công cộng trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Giá trị cốt lõi (SMART)

- Chuẩn mực (Standard)
- Chia sẻ, hợp tác (Mutuality)
- Minh bạch (Accountability)
- Tin cậy, chuyên nghiệp (Reliability)
- Công nghệ (Technology)

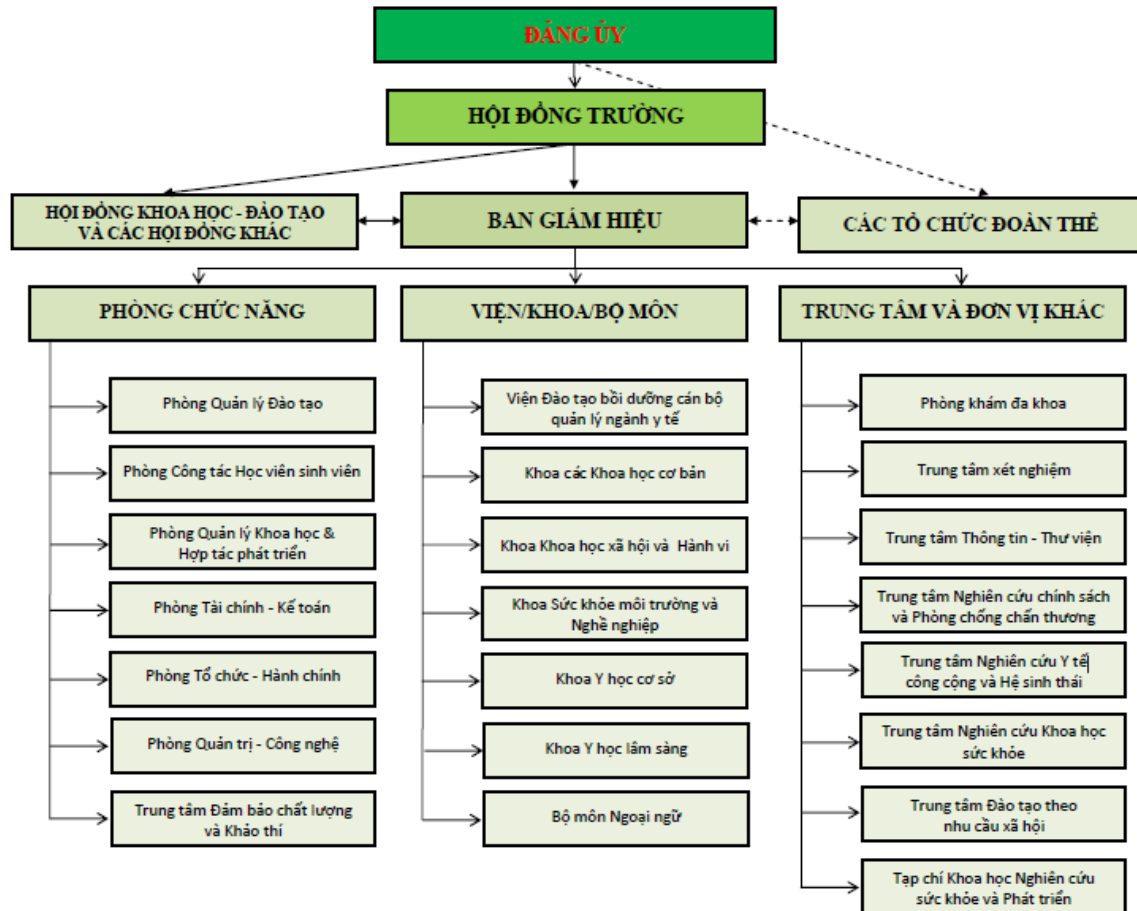
Triết lý giáo dục

- *Hiệu quả (Efficiency)*: Trường Đại học Y tế công cộng cung cấp các chương trình đào tạo và môi trường dạy-học linh hoạt, phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực của nhà trường, tiềm năng của người học nhằm giúp cho người học trở thành người làm nghề chuyên nghiệp, có đạo đức, kỷ luật, có trách nhiệm và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

- *Ứng dụng (Application)*: Nhà trường tạo ra môi trường văn hoá học tập ứng dụng, thực học, thực hành, lý luận gắn với thực tiễn, tạo nhiều cơ hội trải nghiệm thực tế, giúp người học hình thành các kỹ năng, có khả năng thích ứng với nghề nghiệp và xã hội cao.

- *Phát triển (Development)*: Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục không ngừng phát triển cả về qui mô và chất lượng, liên tục cập nhật các tiến bộ trong và ngoài nước giúp cho người học được trang bị nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể tự học, tự phát triển nghề nghiệp trong một xã hội không ngừng biến đổi.

Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường



Số: 3535/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng
nhiệm kỳ 2020 - 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết của Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế họp ngày 30/7/2020 về việc nhất trí phê duyệt Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Đảng ủy và Ban Giám hiệu Trường Đại học Y tế công cộng tại Tờ trình số 588/TTr-ĐHYTCC ngày 09/7/2020 về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 17 thành viên (danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng nhiệm kỳ 2020 - 2025 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các ông/bà: Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để biết);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: Văn thư, TCCB.

Q. BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Long

DANH SÁCH

Thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng
nhiệm kỳ 2020 -2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3535/QĐ-BYT ngày 12/08/2020 của Bộ Y tế)

1. GS.TS. Bùi Thị Thu Hà, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng - Chủ tịch Hội đồng trường;
2. Ths. Trần Ninh Giang, Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y tế công cộng, Thành viên kiêm Thư ký Hội đồng trường;
3. PGS.TS. Lê Thị Thanh Hương, Chủ tịch Ban Chấp hành Công đoàn, Trưởng khoa Sức khỏe môi trường & Nghề nghiệp, Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
4. Bà Trần Thị Ngọc Bích, Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, sinh viên Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
5. GS.TS. Hoàng Văn Minh, giảng viên cao cấp, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
6. PGS.TS. Nguyễn Thanh Hà, giảng viên cao cấp, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
7. PGS.TS. Lã Ngọc Quang, giảng viên cao cấp, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
8. PGS.TS. Hồ Thị Hiền, giảng viên cao cấp, Phó Trưởng khoa Y học lâm sàng, Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
9. TS. Bùi Thị Ngọc Hà, Phó Giám đốc Trung tâm xét nghiệm, Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
10. TS. Nguyễn Ngọc Bích, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
11. Ths. Nguyễn Thị Thanh Nhã, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trường Đại học Y tế công cộng - Thành viên;
12. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Bộ Y tế - Thành viên;
13. TS.BS. Trần Thị Nhị Hà, Phó Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hà Nội - Thành viên;
14. Ths. Nguyễn Hoàng Ánh, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý Chất lượng môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thành viên;
15. PGS.TS. Hà Hữu Tùng, Giám đốc Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thành viên;
16. Ths.BS. Đỗ Thị Thu Hà, Giám đốc Trung tâm Y tế Quận Cầu Giấy, Sở Y tế Thành phố Hà Nội - Thành viên;
17. Ông Nguyễn Toàn Thắng, Trưởng ban Thời sự Chính trị, Báo Sức khỏe và Đời sống - Thành viên.

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

2.1. Quy định pháp lý của các hoạt động của ĐHYTCC và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Trường.

Trường ĐHYTCC được thành lập theo Quyết định Số 65/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường cán bộ quản lý ngành y tế trực thuộc Bộ Y tế. Trường được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Trường Đại học và là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế, có nhiệm vụ (1) Đào tạo cán bộ y tế trình độ đại học và sau đại học; (2) Nghiên cứu khoa học phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Hiện tại, Trường ĐHYTCC đã và đang tiến hành song song công tác đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo (CTĐT) và cấp cơ sở giáo dục (CSGD). Trong giai đoạn từ tháng 01/2017 đến hết tháng 01/2022, Nhà trường đã hoàn thành công tác đánh giá ngoài (ĐGN) đối với 1 CTĐT theo chuẩn AUN-QA (chương trình cử nhân Y tế công cộng) với kết quả tốt và 1 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) (chương trình cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học) với kết quả 84% số tiêu chí đạt yêu cầu. Trường ĐHYTCC cũng là Trường đầu tiên trong ngành y tế có CTĐT đạt chuẩn AUN-QA (Chương trình đào tạo Thạc sĩ Y tế công cộng đạt chuẩn AUN-QA năm 2016 và chương trình thạc sĩ Quản lý bệnh viện đạt chuẩn AUN-QA năm 2017). Trường hiện tại cũng đang triển khai công tác tự đánh giá (TĐG) đối với hai chương trình đào tạo ở bậc sau đại học là chương trình Thạc sĩ Y tế công cộng (YTCC) và Thạc sĩ Quản lý bệnh viện (QLBV) theo chuẩn AUN-QA.

Thực hiện Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Trường Đại học Y tế công cộng đã tiến hành công tác Tự đánh giá từ tháng 10/2021 theo công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học và Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.

Mục đích Tự đánh giá của Trường:

- Tự đánh giá giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của Trường để nhận biết được những điểm mạnh, điểm tồn tại, từ đó triển khai các KHHĐ nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường;
- Tự đánh giá giúp cho việc xây dựng thái độ, nhận thức của lãnh đạo, các đơn vị chuyên trách, chuyên viên, cán bộ, giảng viên (GV) và nhân viên về chất lượng của mọi mặt hoạt động và xây dựng văn hoá chất lượng bên trong Nhà trường;
- Thông qua hoạt động TĐG đã thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH), cung cấp dịch vụ (CCDV) chăm sóc sức khỏe và các nhiệm vụ được giao khác, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Bên cạnh đó, việc TĐG giúp Nhà trường tham gia vào quá trình kiểm định CLGD để được công nhận và công khai chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1: Thành lập hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công trách nhiệm cụ thể của các nhóm;
- Bước 3: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá; Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để thu thập ý kiến;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá:

Đánh giá toàn bộ các mặt hoạt động của Trường theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH của Bộ GD&ĐT (ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017).

Phương pháp tự đánh giá:

Tự đánh giá là quá trình Trường dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GDĐT ban hành để tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác, làm

căn cứ để Trường tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đối với mỗi tiêu chí, các nhóm công tác chuyên trách thực hiện theo trình tự sau:

- Thu thập thông tin, minh chứng;
- Lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan;
- Mô tả, làm rõ thực trạng của tiêu chí;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Nhà trường theo từng tiêu chí.

Quá trình TĐG và hoàn thành báo cáo TĐG được thực hiện từ tháng 09 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022.

Công cụ đánh giá:

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học và Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm công văn số 768/QLCL-KĐCLGD và các tài liệu hướng dẫn khác.

Cách thức mã hóa minh chứng

Các minh chứng được mã hóa theo hướng dẫn tại văn bản công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học. Cụ thể, các minh chứng này được mã hóa theo quy tắc sau: Mã minh chứng được ký hiệu theo công thức: Hn.a.b.c. Trong đó:

- H: viết tắt của “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng (được đánh số từ 1 đến hết);
- a: số thứ tự của tiêu chuẩn (được đánh số từ 01 đến 25);
- b: số thứ tự của tiêu chí (được đánh số từ 01 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn);
- c: số thứ tự của minh chứng trong tiêu chí (được đánh số từ 01 đến hết số minh chứng của mỗi tiêu chí).

Những lợi ích Trường thu được trong quá trình tự đánh giá

TĐG không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Trường trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng, mục tiêu đã được xác định.

Qua công tác TĐG, Trường đã rút ra được những điểm mạnh và những tồn tại nhằm xây dựng các chủ trương, biện pháp, kế hoạch cải tiến, điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

2.2. Những thách thức chính mà ĐHYTCC gặp phải và kế hoạch của Trường để khắc phục những thách thức đó

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDĐH: GV, SV, Chương trình, giáo trình giảng dạy; Tính thực hành, thực tế và định hướng nghề nghiệp; Phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá học tập; CSVC; Đội ngũ những người làm công tác quản lý và công tác hỗ trợ tại các đơn vị. NCKH và chuyển giao công nghệ; PVCĐ, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan...Tất cả các yếu tố này đều được ĐHYTCC kiểm soát bằng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, các quy định, quy trình cụ thể cho từng lĩnh vực, được kiểm tra đánh giá và rà soát thường xuyên để khắc phục những khó khăn, cải tiến chất lượng hoạt động.

Các yếu tố cạnh tranh thị trường:là những thách thức mà ĐHYTCC phải vượt qua, đó là: (i) Sự cạnh tranh giữa các trường đại học quốc tế và trong nước; (ii) Việc làm cho SV tốt nghiệp ngay sau khi ra trường; (iii) Đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Trường ĐHYTCC phải vượt qua những thách thức này bằng chính chất lượng của Nhà trường, chất lượng là hàng đầu, là yếu tố giúp ĐHYTCC cạnh tranh lành mạnh trong thị trường giáo dục. Chất lượng trở thành “văn hóa” trong mọi hoạt động của ĐHYTCC, được vận hành, rà soát, đánh giá và cải tiến liên tục.

Các yếu tố văn hóa –xã hội –kinh tế:(i) Giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế; (ii) Tự chủ đại học; (iii) Nhu cầu của xã hội về học tập; (iv) Nhu cầu tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp; (v) Tình hình xã hội, y tế của Việt Nam và thế giới có liên quan đến mục đích và định hướng phát triển của Nhà trường. Trường ĐHYTCC luôn quan tâm đến sự phản

hội của các bên liên quan, đến giáo dục trong thời kỳ hội nhập, xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng phát, đến tình hình phát triển kinh tế xã hội... để điều chỉnh sứ mạng, điều chỉnh KHCL phát triển Nhà trường cho đúng hướng, tránh lệch lạc.

2.3. Các điểm mạnh và cơ hội của ĐHYTCC và cách mà Trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

Qua một chặng đường gần 75 năm hình thành và phát triển, ĐHYTCC đã gặp không ít rủi ro, thách thức và cơ hội. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, Nhà trường vẫn phát triển mạnh mẽ và bền vững với các điểm mạnh như:

- Lãnh đạo trường luôn mong muốn và cam kết phát triển trường theo định hướng hiện đại (gắn kết, phát triển và hội nhập).
- Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và minh bạch.
- Chất lượng giảng viên/nghiên cứu viên của một số chuyên ngành và cán bộ một số đơn vị trong trường đã có uy tín
- Có nguồn kinh phí phù hợp dành cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra
- Có cơ sở vật chất/ tốt (Cơ sở thực hành cho sinh viên/học viêntại phòng khám/bệnh viện của trường, trung tâm xét nghiệm của trường và tại cộng đồng)).
- Trường đã xây dựng và thực hiện nhiều quy chế, quy định quy trình quản lý các hoạt động của trường (BSC, KPI, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học...)
- Đã có đầu tư để phát triển hệ thống thông tin, truyền thông của nhà trường như bộ nhận diện thương hiệu, các kênh truyền thông thương hiệu như website, Fanpage, báo chí và kinh nghiệm triển khai marketing tuyển sinh.
- Đã có nhiều sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng tốt

Bên cạnh những điểm mạnh Nhà trường vẫn còn một số tồn tại:

- Chưa có nhiều nhân lực trình độ cao ở một số lĩnh vực mới như xét nghiệm y học, xét nghiệm môi trường.

- Còn có một số cán bộ ít quan tâm và chưa cố gắng để có các đóng góp thiết thực vào các công việc chung của trường cũng như việc phát triển uy tín/thương hiệu của trường.
- Trường nằm ở vị trí xa trung tâm, giao thông chưa thuận tiện, các dịch vụ tiện ích còn hạn chế.
- Chưa ứng dụng nhiều các thành tựu công nghệ thông tin vào quản trị và vận hành các hoạt động của trường
- Chưa có nhiều kết nối giữa hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường với các hoạt động của hệ thống y tế
- Chưa có kế hoạch branding, marketing chuyên nghiệp cũng như chưa có chuyên viên được đào tạo và có kinh nghiệm triển khai các hoạt động truyền thông, phát triển thương hiệu.

Mặc dù vậy Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường cũng nhận thức được các cơ hội giúp Trường phát triển bao gồm:

- Luật giáo dục đại học sửa đổi tăng cường tính tự chủ của trường
- Bộ Y tế đã ban hành quy định về đào tạo quản lý đối với các chức danh lãnh đạo quản lý y tế. Vị trí việc làm mới được Bộ Y tế ban hành...
- Nhu cầu đào tạo và ứng dụng khoa học quản lý, phương pháp nghiên cứu khoa học, xuất bản quốc tế của cán bộ ngành y tế tăng lên.
- Có nhiều cơ hội hợp tác với các đơn vị bạn trong các thử nghiệm lâm sàng
- Nhiều đơn vị trong và ngoài hệ thống y tế (trong và ngoài nước) mong muốn hợp tác với trường trong đào tạo, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.
- Nhu cầu các dịch vụ CSSK định hướng YTCC (các dịch bệnh mới nổi và tái nổi, NCDs)

Thách thức Nhà trường phải đối mặt bao gồm:

- Cạnh tranh trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ ngày càng gia tăng.
- Số lượng học viên, sinh viên các ngành không có chứng chỉ hành nghề có xu hướng sụt giảm.

- Chi phí đầu tư và thường xuyên, vận hành gia tăng.
- Các nguồn tài trợ dành cho y tế công cộng sụt giảm.

Từ việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức Nhà trường đã đưa ra các giải pháp về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ như sau:

Đào tạo: Phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng (trình độ và CCHN theo qui định) phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của các chương trình đào tạo của Trường theo quy định; Các giảng viên phải tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo về các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên môn giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kiểm định chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học v.v. theo KPI cá nhân đã được phê duyệt; Giảng viên giảng dạy các môn học lâm sàng và cận lâm sàng thuộc CTĐT có cấp chứng chỉ hành nghề phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định; Chuyên viên và đội ngũ cán bộ quản lý các phòng phải tham gia đào tạo, bồi dưỡng về quản lý giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục bằng các khóa đào tạo sau đại học, hoặc các khóa đào tạo liên tục theo KPI cá nhân đã được phê duyệt; Các giảng viên, chuyên viên tham gia các đoàn học tập kinh nghiệm giảng dạy, quản lý đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo tại các cơ sở khác để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ bản thân theo kế hoạch hoặc theo nhu cầu thực tế; Định kỳ rà soát và điều chỉnh các môn học của chương trình đào tạo theo đúng quy định (1 năm/lần); Định kỳ rà soát, lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh chương trình đào tạo theo qui định (2 năm/lần); Thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo thông qua các tổ chức kiểm định quốc tế (AUN) và các tổ chức kiểm định trong nước được cấp phép theo quy định hiện hành (giai đoạn 2020-2025 kiểm định mới 3 CTĐT: 2021: CT CNKTXNYH; 2023: CN DD và CN CTXH); kiểm định lại 3 CTĐT (2024: ThS YTCC, ThS QLBV và CN YTCC); Tiến hành kiểm định một số môn học theo chương trình kiểm định quốc tế. Giai đoạn 2020-2025 dự kiến kiểm định thêm 3 môn học mới bởi hệ thống kiểm định quốc tế; Mỗi chương trình có tối thiểu 1 môn giảng bằng tiếng Anh chuyên ngành (ưu tiên các môn đã được kiểm định bởi hệ thống tropEd và các môn tự chọn trong các CTĐT); Duy trì và củng cố hệ thống cơ sở dữ liệu nội bộ để các giảng viên chia sẻ các bài giảng, kinh nghiệm giảng dạy để tất cả giảng viên trong trường có thể tham khảo, nâng cao trình độ phục vụ hiệu quả

cho quá trình giảng dạy; Đẩy mạnh hoạt động quảng bá các chương trình đào tạo nhằm tăng chất lượng đầu vào tuyển sinh và tăng dần quy mô đào tạo; Tăng cường các hoạt động kết nối với cựu người học để phát triển mạng lưới bền vững nhằm hỗ trợ cho các hoạt động của Trường (tuyển sinh, đào tạo, NCKH và phát triển dịch vụ) đồng thời hỗ trợ phát triển chuyên môn cho cựu người học; Xây dựng mới các khóa đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội như (mỗi năm xây dựng mới ít nhất thêm một chương trình đào tạo theo đề xuất của Khoa chuyên môn); Rà soát, chỉnh sửa quy trình đào tạo để đảm bảo không trùng chéo, nhằm giảm bớt thời gian hoạt động quản lý đào tạo; Tăng cường khuyến khích, hỗ trợ để sinh viên đại học tham gia đề tài nghiên cứu khoa học (mỗi ngành cử nhân có ít nhất 1 đề tài cấp cơ sở /1 năm học); khuyến khích học viên sau đại học sử dụng nguồn số liệu thứ cấp và/hoặc gắn với các dự án nghiên cứu của trường hoặc các đơn vị đối tác; áp dụng phương pháp giảng dạy và đánh giá phù hợp với đào tạo dựa trên năng lực; Xây dựng và áp dụng phương pháp lượng giá/đánh giá hiện đại: OSCE, OSPE, mini test v.v. đối với các môn học phù hợp; Áp dụng phương pháp lượng giá tay nghề đối với 100% học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo có cấp CCHN.

Nghiên cứu khoa học: Củng cố và phát triển năng lực của các trung tâm nghiên cứu hiện có và xây dựng thêm 1 trung tâm nghiên cứu mới (Trung tâm dữ liệu sức khỏe) để mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ nghiên cứu khoa học của nhà trường; Xây dựng các cơ sở thực địa tại cộng đồng (1-2) , bệnh viện (1-2); Mời chuyên gia (quốc tế, trong nước) về trường tập huấn cho cán bộ, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về phương pháp, kỹ thuật NCKH, phân tích số liệu nâng cao, dữ liệu lớn (big data), ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong y tế, để nâng cao năng lực của cán bộ nhà trường; Xây dựng và triển khai các gói đào tạo về phương pháp NCKH, viết bài báo khoa học quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, xuất bản quốc tế của cán bộ trường và cung cấp dịch vụ; Xây dựng và áp dụng chính sách khuyến khích, động viên, khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân đưa các đề tài, dự án NCKH trong nước và quốc tế về trường.; Khuyến khích, khen thưởng cán bộ xuất bản tại tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI, Scopus (có tính đến chỉ số tác động IF và phân nhóm Q1, Q2, Q3, Q4) và có nhiều xuất bản quốc tế; Khuyến khích và ưu tiên các nghiên cứu, bài báo có sự tham gia của nhiều đơn vị trong trường (đặc biệt

có sự phối hợp Phòng khám đa khoa/bệnh viện, Trung tâm xét nghiệm và các khoa/bộ môn, áp dụng công nghệ thông tin); Khuyến khích và ưu tiên nghiên cứu, bài báo, hoạt động khoa học có sự tham gia của nghiên cứu viên ngoài trường; Cần tăng cường đầu tư cho các hoạt động về xuất bản quốc tế, hoạt động hợp tác NCKH quốc tế, thực hiện đề tài NCKH cơ sở, đề tài NCKH của sinh viên (là 1 tiêu chí bắt buộc trong kiểm định các chương trình đào tạo), phát triển tạp chí khoa học Sức khỏe và Phát triển, đăng ký bản quyền, sở hữu trí tuệ.

Cung cấp dịch vụ: Đảm bảo tuyển dụng mới cán bộ, nhân viên các chuyên ngành theo yêu cầu của định hướng phát triển. Toàn bộ nhân sự công tác tại các đơn vị, bộ phận cung cấp dịch vụ đều phải được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý, kỹ năng giao tiếp, quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao phạm vi và chất lượng dịch vụ, hướng tới tăng sự hài lòng của khách hàng; Có chế độ thu hút nguồn nhân lực có đủ năng lực và trình độ chuyên môn sâu; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết để cung cấp tối đa dịch vụ tiềm năng đáp ứng yêu cầu của khách hàng; Công tác đảm bảo chất lượng dịch vụ phải được đặt ưu tiên hàng đầu. Phải xây dựng các quy định, quy trình nội bộ để tuân thủ các quy định, hướng dẫn về an toàn, chăm sóc người bệnh như an toàn phẫu thuật, an toàn truyền máu, an toàn tiêm, truyền, an toàn sử dụng thuốc, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý chất lượng xét nghiệm, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng xét nghiệm y học theo quy định; Quản lý khách hàng chuyên nghiệp giúp xây dựng mối quan hệ lâu bền với khách hàng vì khách hàng chính là người mang lại nguồn tài chính của đơn vị. Quản lý khách hàng chuyên nghiệp sẽ lắng nghe ý kiến khách hàng, giúp giữ khách hàng trung thành, giúp cho đơn vị tiếp cận giới thiệu sản phẩm phù hợp với khách hàng, qua đó tăng cường khách hàng mới. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lưu trữ thông tin, quản lý khách hàng; hoàn thiện các quy định, quy trình hoạt động, tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, an toàn lao động, nghề nghiệp.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục 8)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường Đại học Y tế công cộng có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng tại Kế hoạch chiến lược (KHCL) phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2023 và đến năm 2020 được điều chỉnh, cập nhật tại KHCL phát triển Trường giai đoạn 2020-2025. Sứ mạng của Trường là “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, qua đó có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội” [H1.01.01.01]. Để hiện thực hóa nội dung sứ mạng, Nhà trường đã xác định tầm nhìn đến năm 2025, Trường Đại học Y tế công cộng trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Các bản KHCL giai đoạn 2018-2023 và 2020-2023 với nội dung tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đều được xây dựng theo chủ trương của tập thể lãnh đạo (Đảng ủy, Ban Giám hiệu), Hội đồng trường phê duyệt và được ban hành chính thức, công bố công khai trên website của Trường [H1.01.01.02] [H1.01.01.03] và gửi thông báo văn bản tới toàn thể nhân viên nhà trường [H1.01.01.04].

Quá trình xây dựng Kế hoạch chiến lược đều có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan gồm các viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường, đội ngũ giảng viên, chuyên viên, học viên và sinh viên [H1.01.01.05] [H1.01.01.06]. Đặc biệt KHCL giai đoạn 2020 - 2025 có sự tham gia quá trình xây dựng của đại diện Bộ Y tế, viên chức quản lý, nhà tuyển dụng, sinh viên trong Hội đồng trường [H1.01.01.07], tuy nhiên chưa huy động được tất cả 100% nhân viên nhà trường tham gia.

Nội dung sứ mạng của Trường phù hợp với Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Y tế [H1.01.01.08], phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội đến năm 2030 [H1.01.01.09]. Tầm nhìn, sứ mạng thể hiện được chức năng nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ và kèm theo kế hoạch triển khai chiến lược

cụ thể theo từng năm học thể hiện rõ Nhà trường có đủ nguồn lực (nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất...) để thực hiện sứ mạng và tầm nhìn đã đặt ra [H1.01.01.10].

KHCL được triển khai thành các kế hoạch hành động hàng năm do phòng Tổ chức Hành chính (trước tháng 10/2020 là Phòng Tổ chức cán bộ) điều phối dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ban Giám hiệu. Nhà trường có các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động năm học (BSC) sau khi ban hành các KHCL 2018 - 2023 và KHCL 2020 - 2025. Đến năm 2019, Trường có ban hành quy định hướng dẫn triển khai theo hệ thống BSC/KPI [H1.01.01.11]. Từ năm 2021, việc tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động BSC năm học đã có sự tham gia của toàn thể nhà trường, từ lãnh đạo đến các viên chức quản lý và nhân viên các đơn vị [H1.01.01.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Y tế công cộng được công bố, thông báo công khai cùng với quá trình ban hành KHCL Trường giai đoạn 2018-2023 và KHCL giai đoạn 2020-2025 [H1.01.01.03] [H1.01.01.04]. Năm 2018, giá trị cốt lõi của Trường gồm: (1) Cam kết về chất lượng và uy tín; (2) Đáp ứng nhu cầu của khách hàng; (3) Chuyên nghiệp; Minh bạch; Khuyến khích đổi mới, sáng tạo [H1.01.01.02]. Đến năm 2020, tập thể lãnh đạo Trường đã họp bàn và xác định giá trị cốt lõi theo chủ đề SMART – viết tắt từ các chữ cái đầu của các nội dung gồm: (1) Chuẩn mực (Standard): Cam kết đạt tiêu chuẩn, chuẩn mực về chất lượng, thương hiệu; (2) Chia sẻ, hợp tác (Mutuality): Chia sẻ, hợp tác: Đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan; (3) Minh bạch (Accountability): Minh bạch, trách nhiệm giải trình; (4) Tin cậy, chuyên nghiệp (Reliability): Tin cậy, chuyên nghiệp; (5) Công nghệ (Technology): Đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin. Giá trị cốt lõi được công khai tới toàn bộ viên chức, người lao động của Trường qua hệ thống thư điện tử nội bộ HUPH, truyền tải tới toàn bộ cộng đồng xã hội quan tâm qua website chính thức của Trường [H1.01.01.02]. Trường Đại học Y tế công cộng có các kế hoạch hành động hàng năm nhằm góp phần phổ biến rộng rãi về giá trị cốt lõi của Trường thông qua các mục tiêu về gắn kết, hợp tác phát triển các năm học 2018-2019 [H1.01.02.01], 2019 – 2020

[H1.01.02.02], 2020 – 2021 [H1.01.02.03]; 2021 - 2022 [H1.01.02.04] và mục tiêu truyền thông, định vị thương hiệu năm học 2020-2021 [H1.01.02.03], 2021-2022 [H1.01.02.04].

Nội dung các giá trị cốt lõi của Trường được xác định trên cơ sở đúc kết các giá trị lịch sử, truyền thống của Nhà trường sau hơn chặng đường 70 năm phát triển, với tiền thân từ năm 1948, đến 2016 tổng kết chặng đường phát triển 68 năm với nhiều giá trị truyền thống quý báu về sự gắn kết, hợp tác và phát triển [H1.01.02.05]. Năm 2018, Nhà trường xây dựng KHCL các giai đoạn 2018-2023 và sau đến năm 2020 là KHCL giai đoạn 2020-2025 đã thể hiện rõ các giá trị cốt lõi tiếp tục được duy trì, phát huy nhằm đạt mục tiêu chiến lược, đồng thời phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường.

Đảng ủy, lãnh đạo Trường coi trọng việc giữ gìn, phát triển các giá trị cốt lõi và văn hóa của tổ chức. Đảng ủy có nghị quyết chỉ đạo, quán triệt các chi bộ trực thuộc phổ biến về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H1.01.02.06] [H1.01.02.07]. Ban Giám hiệu đã triển khai các hoạt động nhằm duy trì, phát triển các giá trị văn hóa thông qua cập nhật Quy chế văn hóa công sở (2018) đối với viên chức, người lao động [H1.01.02.08], ban hành Quy tắc ứng xử của người học Trường Đại học Y tế công cộng nhằm định hình và hướng dẫn sinh viên tuân thủ các quy định phù hợp chuẩn mực đạo đức, các giá trị cốt lõi của Trường [H1.01.02.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Trường Đại học Y tế công cộng có các hoạt động truyền thông, phổ biến về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi thông qua công bố các bản Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 – 2023 [H1.01.03.01] và giai đoạn KHCL 2020 – 2025 [H1.01.01.01]. Tài liệu truyền thông, phổ biến gồm nội dung thông báo qua email [H1.01.01.04], bảng nội dung sứ mạng, tầm nhìn trong khuôn viên Trường và công khai trên website chính thức của Trường vào năm 2018 [H1.01.01.02], năm 2020 [H1.01.01.03] và phổ biến trên trang mạng xã hội (fanpage) của Trường tại đường link: <https://www.facebook.com/truongdaihocytecongconghuph/posts/1531139920417907/>.

Các kênh truyền thông mang tính chất rộng rãi, giúp viên chức, người lao động, người học và cộng đồng xã hội quan tâm đều được tiếp cận [H1.01.01.03].

Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Trường được quán triệt, giải thích rõ thông qua cuộc họp với cán bộ chủ chốt sau khi ban hành để xây dựng kế hoạch hành động thực hiện. Nhà trường đã tổ chức hội nghị quán triệt tầm nhìn, sứ mạng sau khi ban hành KHCL 2018 – 2023 [H1.01.03.02] và hội nghị quán triệt tầm nhìn, sứ mạng sau khi ban hành KHCL 2020 – 2025 [H1.01.03.03]. Tại hội nghị các nội dung của tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi được trình bày, giải thích cụ thể, đồng thời trao đổi, làm rõ với viên chức, người lao động của Trường. Tuy nhiên, do chưa triển khai nội dung truyền thông theo chủ đề nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi mà vẫn lồng ghép trong chương trình truyền thông chung về KHCL tới các bên liên quan nên một số VC-NLĐ mới chưa nắm rõ nội hàm tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tầm nhìn, sứ mạng của Trường luôn được rà soát cùng với quá trình cập nhật, điều chỉnh KHCL phát triển của Trường, nhiệm vụ do Phòng Tổ chức hành chính là đầu mối theo quy định chức năng nhiệm vụ của phòng về việc điều phối xây dựng, cập nhật KHCL [H1.01.04.01]. Theo đó, Phòng Tổ chức hành chính đề xuất lãnh đạo Trường thành lập Tổ rà soát, cập nhật tầm nhìn, sứ mạng (gồm thành viên Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn, đại diện lãnh đạo một số khoa, phòng và tương đương). Tầm nhìn, sứ mạng của Trường được rà soát gắn với quá trình xây dựng, điều chỉnh KHCL của Trường để đáp ứng nhu cầu phát triển, cụ thể năm 2018 triển khai rà soát cập nhật tầm nhìn, sứ mạng được tuyên bố trước đó từ năm 2013 [H1.01.04.02] [H1.01.04.03] [H1.01.04.04], đến năm 2020 thực hiện rà soát cập nhật tầm nhìn, sứ mạng được tuyên bố năm 2018 [H1.01.04.05]. Quá trình rà soát, cập nhật có tổng kết, báo cáo triển khai tầm nhìn, sứ mạng của giai đoạn trước. tuy nhiên Nhà trường chưa có văn bản giao đơn vị rà soát cụ thể về nội dung tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Trường.

Trong chu kỳ đánh giá 2018 - 2022, Trường có tổ chức lấy ý kiến các đơn vị trong Trường về nội dung điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng của Trường năm 2020 khi cập nhật KHCL giai đoạn 2020-2025 [H1.01.04.06] [H1.01.04.07].

Trên cơ sở kết quả thảo luận về việc rà soát, triển khai tầm nhìn, sứ mạng [H1.01.02.05], tổ rà soát, cập nhật đã có báo cáo kết quả rà soát tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường [H1.01.04.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tầm nhìn, sứ mạng của Trường bên cạnh việc cập nhật, điều chỉnh nội dung cho phù hợp xu hướng phát triển thì quy trình rà soát, cải tiến cũng được thực hiện nhằm để đáp ứng yêu cầu phát triển. Trường có văn bản phân công nhiệm vụ cho Phòng Tổ chức hành chính chịu trách nhiệm đầu mối điều phối hoạt động xây dựng, theo dõi, đánh giá thực hiện KHCL, bao gồm cả tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá [H1.01.03.03].

Trường đã có các lần điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng trong giai đoạn 2018-2022, cụ thể năm 2018, tập thể lãnh đạo Trường đã chỉ đạo tiến hành rà soát cập nhật tầm nhìn, sứ mạng được tuyên bố từ 2013 [H1.01.04.03] [H1.01.04.04] và năm 2020 cải tiến chất lượng rà soát cập nhật tầm nhìn, sứ mạng được tuyên bố từ 2018 [H1.01.04.06] [H1.01.04.05]. Các lần điều chỉnh được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, sự tham gia của lãnh đạo đơn vị liên quan thông qua hình thức các cuộc họp.

Trường có điều chỉnh quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa năm 2020 [H1.01.03.02] trên cơ sở cập nhật quy trình đã ban hành năm 2018 [H1.01.05.01]. Việc điều chỉnh, cập nhật trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan phù hợp xu thế, tình hình phát triển.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có các kế hoạch phát triển hàng năm nhằm thực hiện tầm nhìn, sứ mạng. Trường luôn chủ động trong rà soát, cập nhật tầm nhìn sứ mạng, trong giai đoạn 5 năm được cập nhật 2 lần và được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan.

Nội dung giá trị cốt lõi phù hợp truyền thống, các mục tiêu chiến lược của Trường. Đặc biệt, từ năm 2021 kế hoạch hoạt động năm học được xây dựng trên cơ sở KHCL với sự tham gia của toàn thể nhà trường, từ lãnh đạo đến các cán bộ quản lý và nhân viên khi triển khai KHCL giai đoạn 2020 - 2025.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chưa triển khai nội dung truyền thông theo chủ đề nâng cao nhận thức của mọi người về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi vẫn lồng ghép trong chương trình truyền thông chung về KHCL để phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan. Do vậy một số VC-NLD mới chưa nắm rõ nội hàm tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường.

Việc tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng KHCL tổng thể còn hạn chế, chưa huy động được tất cả các cá nhân tích cực, chủ động tham gia.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các kế hoạch phát triển hàng năm nhằm thực hiện tầm nhìn, sứ mạng. Chủ động trong rà soát, cập nhật tầm nhìn sứ mạng	BGH, các đơn vị liên quan	Từ năm 2022	
2	Khắc phục tồn tại	Giao đơn vị thực hiện chức năng truyền thông xây dựng	Phòng QLKH & HTPT chủ	Từ 9/2023	KH theo năm học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		kế hoạch và theo dõi triển khai nhằm tăng cường nhận thức của VC-NLĐ mới về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, văn hoá của Trường (trong đó có nhân sự mới)	trì, Các Khoa, Phòng & đơn vị thuộc Trường phối hợp thực hiện		kể từ năm học 2023-2024
3		Giao các đơn vị tổ chức thảo luận về dự thảo KHCL vào kỳ cập nhật nhằm nâng tỉ lệ tham gia của cá nhân thuộc Trường tham gia quá trình xây dựng KHCL	Phòng TCHC; Các Khoa, Phòng	10/2025- 12/2025	Có biên bản thảo luận, đóng góp ý kiến

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	4,6
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	4

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD.

Hệ thống quản trị Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2017 - 2022 gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội đồng Khoa học Đào tạo và Công nghệ. Các tổ chức quản trị thuộc trường đều được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hệ thống quản trị định hướng chiến lược phù hợp bối cảnh từng giai đoạn phát triển. Trong giai đoạn 2017-2019, Nhà trường có trình Bộ Y tế hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng trường nhưng chưa có văn bản phê duyệt. Năm 2020, thực hiện Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế về việc thành lập Hội đồng trường của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, Trường Đại học Y tế công cộng đã thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường và được Bộ Y tế công nhận tại Quyết định số 3535/QĐ-BYT ngày 12/8/2020, Chủ tịch Hội đồng trường được công nhận tại Quyết định 3536/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ Y tế [H2.02.01.01] [H2.02.01.02]. Đảng ủy Trường Đại học Y tế công cộng trong giai đoạn 2017 -2022 hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 [H2.02.01.03] [H2.02.01.04]. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành đoàn nhiệm kỳ 2019 - 2022 [H2.02.01.05]. Ban chấp hành công đoàn Trường Đại học Y tế công cộng nhiệm kỳ 2017 - 2022 được Công đoàn Y tế Việt Nam công nhận tháng 11 năm 2017 [H2.02.01.06]. Bên cạnh đó, hoạt động của Hội đồng Khoa học đào tạo và Công nghệ kiện toàn năm 2021 sau khi Hội đồng trường thành lập (giai đoạn trước 2021 là Hội đồng khoa học và đào tạo nhiệm kỳ 2014-2018, 2018-2023) đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị của Nhà trường trên các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của Trường [H2.02.01.07] [H2.02.01.08] [H2.02.01.09].

Nhà trường đã thiết lập hệ thống quản trị đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, phù hợp xu thế và có tính chất ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro. Các tổ chức quản trị được vận hành trên cơ sở văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối liên hệ các bên trong quá trình thực hiện, đảm bảo trách nhiệm giải trình khi cần. Đảng ủy Trường thực hiện chỉ đạo trên cơ sở Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ và phân công công tác của Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020, nhiệm kỳ 2020-2025 [H2.02.01.10] [H2.02.01.11] [H2.02.01.12] [H2.02.01.13]. Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng thực hiện chức năng quản trị theo quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 [H2.02.01.14]. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Ban chấp hành công đoàn hoạt động trên cơ sở văn bản phân công nhiệm vụ theo nhiệm kỳ trong giai đoạn 2017-2022. Hội đồng Khoa học đào tạo và công nghệ thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng được ban hành năm 2014 và năm 2021 [H2.02.01.15] [H2.02.01.16]. Quy trình phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu được thực hiện thông qua các bước thể hiện rõ nét trong mẫu Phiếu trình trong triển khai công việc của các đơn vị [H2.02.01.17]. Chức năng giám sát của Hội đồng trường được thực hiện thông qua kế hoạch hoạt động năm học, công cụ bảng kiểm, kế hoạch giám sát, các báo cáo định kỳ [H2.02.01.18] [H2.02.01.19] [H2.02.01.20] [H2.02.01.21] [H2.02.01.22].

Trường Đại học Y tế công cộng đã triển khai xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm nội bộ nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành toàn diện, hiệu quả. Trong giai đoạn 2018 – 2020, mọi hoạt động của Trường được triển khai theo Quy chế tổ chức, hoạt động Trường do Bộ Y tế phê duyệt năm 2016 [H2.02.01.23], Quy chế Dân chủ cơ sở ban hành năm 2018 [H2.02.01.24]. Từ năm 2020, sau khi Hội đồng trường được thành lập đã ban hành ba quy chế gồm Quy chế *Tổ chức và hoạt động Trường [H1.01.04.01], Quy chế Dân chủ cơ sở [H2.02.01.25], Quy chế Quản lý Tài chính [H2.02.01.26], các bản quy chế là cơ sở nền tảng cho mọi hoạt động của Nhà trường. Trên cơ sở quy định về tổ chức bộ máy tại quy chế tổ chức và hoạt động, cơ cấu tổ chức của Trường được sơ đồ hóa và công khai trên website chính thức của Trường [H2.02.01.27]. Các đơn vị thuộc Trường được hoạt động theo quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng tại phụ lục kèm theo Quy chế tổ chức

và hoạt động Trường [H1.01.04.01]. Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến quản lý nhân sự, quản lý thực hiện công việc được triển khai qua hệ thống BSC/KPI từng năm học và đánh giá hàng tháng [H1.01.01.11]. Hội đồng trường tổ chức các cuộc họp định kỳ 3 tháng/lần theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng trường, các cuộc họp đều có biên bản được các thành viên Hội đồng trường thông qua [H2.02.01.28] [H2.02.01.29] [H2.02.01.30] [H2.02.01.31] [H2.02.01.32]. Ban Giám hiệu tổ chức giao ban định kỳ hàng tuần, họp chuyên đề với từng phòng tùy theo mức độ quan trọng, tính cấp thiết của nội dung vấn đề cần giải quyết [H2.02.01.33] [H2.02.01.34]. Đảng ủy Nhà trường tổ chức họp định kỳ hàng tháng nhằm chỉ đạo kịp thời công tác chính trị tư tưởng, chuyên môn và thống nhất các chủ trương lớn thông qua tại các nghị quyết của tháng [H2.02.01.35].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Các tổ chức quản trị của Trường thực hiện công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành thông qua các kế hoạch, công tác thực hiện hàng năm/quý/tháng. Từ năm 2018 đến 2020, các đơn vị căn cứ kế hoạch chiến lược 2018 – 2023 để xây dựng và triển khai thành các BSC hàng năm theo từng lĩnh vực và từng đơn vị [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03]. Sau khi Hội đồng trường được thành lập từ năm 2020 thực hiện theo kế hoạch chiến lược 2020 - 2025, kế hoạch công tác năm học được phê duyệt theo lĩnh vực gắn với sự tham gia đóng góp của các đơn vị [H2.02.01.18] [H2.02.01.19]. Từ tháng 9/2021, kế hoạch công tác của Trường, các đơn vị được triển trên ứng dụng phần mềm chung BSC (<http://huph.invatech.com.vn/index.html>). Công tác của Đảng ủy được triển khai thông qua các nghị quyết Đảng ủy hàng tháng từ năm 2018 đến nay, nội dung nghị quyết cần triển khai liên quan đến các Chi bộ hoặc đơn vị thuộc Trường thì được phổ biến thông qua các văn bản trích Nghị quyết [H2.02.01.35]. Hoạt động của Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên cũng được triển khai trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm học (BSC công đoàn, Đoàn thanh niên) từ năm 2018 [H2.02.02.03] [H2.02.02.04]. Hội đồng Khoa học & Đào

tạo thực hiện việc thẩm định, phê duyệt tài liệu, chương trình theo kế hoạch triển khai các chương trình của Trường [H2.02.02.05].

Các kế hoạch của hệ thống quản trị trường được triển khai thông qua các kỳ họp hàng quý/tháng. Hội đồng trường thực hiện rà soát việc triển khai kế hoạch hoạt động năm học, đồng thời phê duyệt các phương án tại các kỳ họp hàng quý [H2.02.01.18] [H2.02.01.19]. Đảng ủy chỉ đạo triển khai, thông qua các chủ trương lớn tại kỳ họp định kỳ hàng tháng và được ban hành Nghị quyết, các nội dung liên quan đến triển khai của cấp ủy trực thuộc thì được trích nghị quyết gửi các chi bộ [H2.02.01.35]. Ban Giám hiệu tổ chức họp giao ban hàng tuần với toàn bộ lãnh đạo chủ chốt gồm cấp trưởng các đơn vị khoa, phòng, trung tâm và tương đương. Tại cuộc họp, lãnh đạo các đơn vị báo cáo tình hình, khó khăn trong triển khai công việc của tuần, lãnh đạo Nhà trường nắm bắt và có ý kiến chỉ đạo nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh [H2.02.01.33] [H2.02.01.34]. Về phía Công đoàn, Đoàn thanh niên cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp nhằm thảo luận về kế hoạch triển khai, tổng kết công tác theo học kỳ, năm học [H2.02.02.06] [H2.02.02.07]. Hội đồng Khoa học đào tạo và công nghệ (trước 7/2021 là Hội đồng Khoa học & Đào tạo), Hội đồng Đảm bảo chất lượng Nhà trường tổ chức các cuộc họp định kỳ nhằm thông qua tài liệu, chương trình, rà soát tiến độ hoặc tổng kết việc đạt được các chỉ tiêu của năm học [H2.02.02.05]. Tuy nhiên, một số hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng còn khó khăn trong triển khai và thu thập thông tin do chưa thống nhất tiêu chí đánh giá.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường, cũng như hệ thống văn bản quy định liên quan được rà soát thường xuyên thông qua các hoạt động giám sát, kiểm tra. Hội đồng trường ban hành kế hoạch giám sát theo năm học, theo đó nội dung giám sát gồm đầy đủ các lĩnh vực về quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học hoặc các nội dung chuyên đề theo kế hoạch trọng tâm từng năm học [H2.02.01.20] [H2.02.01.21]. Đảng ủy Trường ban hành kế hoạch kiểm tra do Ủy ban kiểm tra chịu trách nhiệm thực hiện xây dựng, triển khai hàng năm, nội dung kiểm tra bám sát các hoạt động theo chức năng chuyên môn và công tác Đảng của các cấp ủy trực

thuộc [H2.02.03.01]. Công tác quản lý, điều hành của Ban Giám hiệu Nhà trường được thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh thông qua báo cáo thực hiện công việc của các đơn vị cập nhật định kỳ hàng tuần trên link báo cáo giao ban hoặc báo cáo BSC hàng tháng [H2.02.01.33] [H2.02.01.34] [H2.02.03.02]

Hệ thống quản trị Trường có các đánh giá, báo cáo tổng kết hàng năm. Ban kiểm soát Hội đồng trường có báo cáo kết quả giám sát hàng quý, được trình bày tại mỗi kỳ họp Hội đồng trường [H2.02.01.22]. Hội đồng trường cũng thực hiện báo cáo kết quả hoạt động năm học theo kế hoạch do Chủ tịch Hội đồng trình bày tổng kết, đồng thời tiếp thu các ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho thời gian tiếp theo [H2.02.03.02]. Công tác chỉ đạo của Đảng được thể hiện thông qua các báo cáo năm học, báo cáo tổng kết 5 năm được trình bày tại kỳ họp đại hội Đảng [H2.02.03.03]. Kết quả công tác của Ban Giám hiệu Nhà trường được tổng hợp tại báo cáo tổng kết năm học hàng năm và được trình bày tại hội nghị toàn thể viên chức, người lao động [H2.02.03.04]. Bên cạnh việc tổng kết các kết quả đạt được, các báo cáo còn đưa ra phương hướng, kế hoạch thể hiện sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp cho giai đoạn triển khai tiếp theo. Đội ngũ viên chức quản lý trong hệ thống quản trị của Trường được nhận xét, đánh giá về năng lực lãnh đạo, quản lý hàng năm. Chủ tịch Hội đồng trường do Bộ trưởng Bộ Y tế thực hiện trên cơ sở ý kiến nhận xét của tập thể lãnh đạo, Hội đồng trường [H2.02.03.05]. Hiệu trưởng do Bộ trưởng Bộ Y tế thực hiện trên cơ sở ý kiến nhận xét của tập thể lãnh đạo và Chủ tịch Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm [H2.02.03.06]. Các Phó Hiệu trưởng do Hội đồng trường thực hiện trên cơ sở ý kiến nhận xét của tập thể lãnh đạo và Hiệu trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm [H2.02.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.

Trường có điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị qua từng giai đoạn cho phù hợp bối cảnh chung và tình hình thực tế của Trường. Từ năm 2016 đến 2020, Nhà trường vận hành theo cơ cấu tổ chức các đơn vị quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động Trường do Bộ Y tế phê duyệt năm 2016 [H2.02.01.23]. Đến tháng 10/2020, với sự ra

đòi của Hội đồng trường, Quy chế tổ chức và hoạt động Trường được Hội đồng trường ban hành với các nội dung điều chỉnh, cập nhật về cơ cấu tổ chức, trong đó sáp nhập, tổ chức lại một số đơn vị, bộ phận nhằm giảm đầu mỗi các đơn vị theo đúng tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII [H1.01.04.01]. Việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức được thực hiện trên cơ sở Đề án điều chỉnh, sắp xếp lại nhân sự một số đơn vị do Ban Giám hiệu rà soát đề nghị điều chỉnh tại quy chế năm 2020 [H2.02.04.01]. Đồng thời, chức năng nhiệm vụ của một số bộ phận liên quan được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với việc tổ chức, sắp xếp lại nhân sự như mảng truyền thông, công nghệ v.v. [H2.02.04.02]. Quy định về chức năng, nhiệm vụ rõ ràng góp phần xác định rõ trách nhiệm liên quan trong triển khai nhiệm vụ và thực hiện tốt hơn công tác quản lý rủi ro.

Nhân sự trong hệ thống quản trị gồm Hội đồng trường, Ban chấp hành Đảng ủy, Ban chấp hành công đoàn, Đoàn Thanh niên đều được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị/hội thảo nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý, điều hành hiệu quả hoạt động. Các nội dung tập huấn phù hợp với vị trí, chức năng của từng bộ phận như tập huấn công tác pháp chế, công tác kiểm tra Đảng, tập huấn nghiệp vụ Văn phòng cấp ủy, công tác công đoàn, đoàn thanh niên... [H2.02.04.03] [H2.02.04.04] [H2.02.04.05].

Hệ thống văn bản quản lý của tổ chức quản trị được điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế sau khi triển khai một thời gian hoặc phát sinh vấn đề bất cập. Ngay khi mới thành lập, Hội đồng trường đã ban hành Quy chế hoạt động tạm thời để có cơ sở cho việc vận hành ban đầu của tổ chức [H2.02.04.06]. Sau khi triển khai theo Quy chế tạm thời trong vòng hai tháng, Hội đồng trường đã tiến hành cập nhật điều chỉnh và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động chính thức của Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng [H2.02.01.14]. Trên cơ sở cơ cấu tổ chức mới của các đơn vị được quy định tại Quy chế tổ chức, hoạt động Trường do Hội đồng trường ban hành, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được điều chỉnh cập nhật theo hướng quản trị, phù hợp các quy định của pháp luật và bối cảnh tự chủ đại học [H1.01.04.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Hệ thống quản trị Nhà trường được thiết lập rõ ràng, theo đúng nguyên tắc Đảng lãnh đạo chỉ đạo toàn diện chủ trương, Hội đồng trường quyết định các vấn đề quản trị (KHCL, kế hoạch hoạt động, kinh phí, nhân sự...) và thực hiện giám sát triển khai kế hoạch, Ban Giám hiệu quản lý, điều hành theo các kế hoạch đã phê duyệt từ cấp chiến lược đến hàng năm.

Các tổ chức trong hệ thống quản trị có sự phối hợp với nhau nhằm giải quyết vấn đề, đặt mục tiêu tối cao là phát triển Nhà trường.

Trường có ứng dụng Công nghệ thông tin trong giám sát thực hiện công việc (BSC), giúp theo dõi định kỳ được triển khai hiệu quả, kịp thời. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được theo dõi đánh giá thường xuyên và cập nhật nhằm đáp ứng với tình hình thực tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Sự thành lập Hội đồng trường muộn do một số nguyên nhân khách quan dẫn đến việc triển khai các định hướng phát triển muộn, công tác giám sát chưa được thực hiện thường xuyên trước năm 2020.

Một số hoạt động của Hội đồng đảm bảo chất lượng còn khó khăn do chưa thống nhất tiêu chí đánh giá.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Ban Giám hiệu tiếp tục quản lý, điều hành theo các kế hoạch đã phê duyệt từ cấp chiến lược đến hàng năm.	Ban Giám hiệu	Năm học 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại	Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát HĐT theo hướng hỗ trợ, cải tiến	Ban kiểm soát HĐT	Năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		quy trình công việc			
3		Lập kế hoạch cập nhật, điều chỉnh hệ thống tiêu chí đánh giá nhằm cải tiến hoạt động của Hội đồng ĐBCL	Hội đồng ĐBCL	Năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	5
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Y tế công cộng có cơ cấu quản lý rõ ràng. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc Trường thực hiện theo quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.04.01] và của Nhà nước [H3.03.01.01]. Căn cứ số lượng nhân sự tối thiểu của một đơn vị (05 người) và chức năng, nhiệm vụ làm cơ sở sáp nhập, giải thể các đơn vị cũ, Trường đã có những điều chỉnh, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tiễn. Năm 2016, cơ cấu tổ chức của Trường gồm 29 đơn vị: 11 phòng, 08 khoa, 10 đơn vị khác [H2.02.01.23]. Đến năm 2020 chỉ còn 20 đơn vị: 07 phòng, 08 khoa, 05 đơn vị khác

[H1.01.04.01]. Cơ cấu quản lý của Trường bao gồm: Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Khoa/Phòng/, Bộ môn.

Chức năng, nhiệm vụ cũng như cơ chế phối hợp giữa các đơn vị được quy định cụ thể nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động của Trường [H3.03.01.02] [H3.03.01.03] [H1.01.04.01]. Ban Giám hiệu gồm 04 người (01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng) quản lý các mặt hoạt động của Trường. Vai trò, trách nhiệm và quan hệ công tác giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được quy định trong quyết định phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu [H3.03.01.03]. Chế độ làm việc tiêu chuẩn, nhiệm vụ quyền hạn của Ban Giám hiệu được quy định cụ thể trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.04.01].

Vai trò, trách nhiệm và thẩm quyền ra quyết định của viên chức quản lý được thể chế hóa trong bản mô tả tại đề án vị trí việc làm [H3.03.01.04] và Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường [H1.01.04.01]. Chế độ báo cáo được triển khai định kỳ vào thứ 6 hàng tuần. Trường các đơn vị phải báo cáo lãnh đạo Trường về tình hình công tác của đơn vị trong tuần và kế hoạch công tác tuần tiếp theo. Trường hợp cần thiết, trường các đơn vị phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Trường qua phiếu trình [H2.02.01.17]. Hiệu trưởng báo cáo Hội đồng trường về kết quả triển khai các mục tiêu chiến lược năm học (2 lần/năm học vào cuối học kỳ 1 và cuối năm học) và báo cáo tiến độ, các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai nhiệm vụ của các đơn vị hàng quý (tháng cuối cùng mỗi quý). Kết quả thực hiện công việc triển khai mục tiêu chiến lược được mỗi cá nhân báo cáo hàng tháng. Cá nhân bị trừ KPI (kết quả được sử dụng để làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm, chế độ thưởng) khi chất lượng/quy trình/tiến độ của nhiệm vụ không được đảm bảo hoặc bị trừ lỗi BSC theo thông báo của Trung tâm Đảm bảo chất lượng - Khảo thí khi đơn vị có vi phạm [H3.03.01.05]. Công tác bổ nhiệm viên chức quản lý được thực hiện theo đúng quy định do Trường ban hành [H3.03.01.06] [H3.03.01.07]. Các trường hợp được bổ nhiệm đều là người có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và đều thuộc danh sách quy hoạch được phê duyệt [H3.03.01.08] [H3.03.01.09] [H3.03.01.10] [H3.03.01.11] [H3.03.01.12] [H3.03.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Trường được cập nhật và ban hành theo các kế hoạch chiến lược giai đoạn 2018 – 2023 [H1.01.03.01]; 2020 – 2025 [H1.01.01.01]. Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các bên liên quan [H3.03.02.01] [H3.03.02.02].

Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi sau khi ban hành được đăng tải công khai trên website của Trường [H3.03.02.03], phổ biến đến toàn thể viên chức, người lao động, học viên, sinh viên qua văn bản [H3.03.02.04], bảng tin điện tử tại giảng đường nhà C, cuốn sổ tay sinh viên cũng như tuần sinh hoạt công dân đầu khoá... Đồng thời, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi cũng được Lãnh đạo Trường trực tiếp tuyên truyền thông qua các buổi làm việc với các đơn vị trong Trường, tới các bên liên quan, đối tác nước ngoài tại các sự kiện lớn của ngành, của địa phương, các hội nghị, hội thảo do các cấp quản lý giáo dục, địa phương tổ chức. Hàng tuần, Trường đều tiến hành họp giao ban để tổng kết hoạt động trong tuần và triển khai kế hoạch tuần tiếp theo. Trong báo cáo đều nêu rõ những nội dung đã làm được, những hạn chế và nguyên nhân [H2.02.01.33] [H2.02.01.34]. Từ đó, lãnh đạo Trường sẽ có những chỉ đạo kịp thời nhằm thực hiện tốt mục tiêu về sứ mạng, tầm nhìn của Trường.

Mặc dù Trường đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền với sự tham gia trực tiếp của Lãnh đạo Trường về tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và mục tiêu chiến lược tuy nhiên các hình thức tuyên truyền chưa phong phú cũng như việc kết nối, quảng bá còn hạn chế đối với các đơn vị bên ngoài trong phạm vi cả nước, khu vực và thế giới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Báo cáo rà soát cơ cấu nhân sự lãnh đạo, quản lý để có điều chỉnh phù hợp hàng năm được thực hiện [H3.03.03.01]. Việc rà soát được triển khai trên cơ sở các nguồn dữ liệu khác nhau: báo cáo tổng kết hoạt động giữa năm học và cuối năm học; báo cáo vi phạm

BSC (chất lượng, quy trình, tiến độ), phản hồi từ Ban kiểm soát của Hội đồng trường, từ nội bộ hoạt động của đơn vị (kết quả thực hiện kế hoạch công tác theo năm học) và các hoạt động khác (giao ban hàng tuần, họp Đảng uỷ) về những hạn chế của các vị trí quản lý. Cụ thể, năm học 2020 - 2021, không thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Xét nghiệm do kết quả đảm nhận nhiệm vụ chưa hiệu quả (tiến độ muộn, chưa đảm bảo chất lượng, ...) [H3.03.03.02].

Để cụ thể hóa các quy định của Nhà nước về tổ chức bộ máy, Trường đã xây dựng và ban hành các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện hệ thống cơ cấu lãnh đạo quản lý như quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.01.04.01], quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường [H3.03.01.02] [H3.03.01.03] [H1.01.04.01], quy trình công tác cán bộ [H3.03.01.06] [H3.03.01.07]. Đây là những văn bản quan trọng để tiến hành rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ cấu lãnh đạo quản lý cho phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; chế độ báo cáo, thông tin, phiếu trình; mối quan hệ và phân quyền quyết định liên quan giữa Đảng uỷ - Hội đồng trường - Ban Giám hiệu... được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Hội đồng trường.

Viên chức, người lao động nói chung và viên chức quản lý nói riêng được đánh giá hàng năm theo quy định của Nhà nước [H3.03.03.03] và bộ công cụ của Trường [H3.03.03.04]. Kết quả đánh giá là cơ sở quan trọng để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác [H3.03.03.05] [H3.03.03.06] [H3.03.03.07] [H3.03.03.08].

Công tác quy hoạch là một trong những nội dung quan trọng được Trường định kỳ rà soát, bổ sung hằng năm theo hướng dẫn của Bộ Y tế nhằm chuẩn bị từ xa, tạo nguồn cán bộ dồi dào làm căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ viên chức quản lý vững vàng về chính trị, trong sáng về đạo đức, có trình độ năng lực... [H3.03.01.08] [H3.03.01.09] [H3.03.01.10] [H3.03.01.11] [H3.03.01.12] [H3.03.01.13]. Tuy nhiên việc quy hoạch các vị trí quản lý không được thuận lợi khi nhiều giảng viên có trình độ cao không thiết tha đóng góp vào việc chung, chỉ mong muốn được làm các việc chuyên môn do trách nhiệm lớn, áp lực công việc...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Để cơ cấu lãnh đạo quản lý phù hợp với quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cũng như phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện tình hình thực tiễn, Trường đã tiến hành sáp nhập, đổi tên một số đơn vị. Cụ thể, sáp nhập Phòng Quản lý Đào tạo Đại học và Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học thành Phòng Quản lý Đào tạo; sáp nhập Phòng Hành chính quản trị và Phòng Công nghệ thông tin thành Phòng Quản trị - Công nghệ; đổi tên Phòng Tổ chức cán bộ thành Phòng Tổ chức - Hành chính,... Từ đó, năm 2020 chỉ còn 20 đơn vị: 07 phòng, 08 khoa, 05 đơn vị khác [H1.01.04.01] (ít hơn 09 đơn vị so với năm 2016 [H2.02.01.23]).

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc của các đơn vị, Trường đã rà soát và cải tiến chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường như bổ sung nhiệm vụ văn thư cho Phòng Tổ chức - Hành chính, bổ sung nhiệm vụ về công nghệ thông tin cho Phòng Quản trị - Công nghệ, bổ sung nhiệm vụ truyền thông, hợp tác phát triển trong và ngoài nước cho Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác phát triển [H1.01.04.01].

Để phù hợp với cơ cấu tổ chức đã được cải tiến, Trường còn kiện toàn đội ngũ viên chức quản lý thông qua việc điều động, bổ nhiệm, thay đổi chức danh lãnh đạo. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường được thực hiện theo các quy định của Nhà nước [H3.03.04.01] [H3.03.04.02] và được cụ thể hóa tại quy định của Nhà trường [H3.03.01.06] [H3.03.01.07]. Năm học 2020 - 2021, Trường đã ban hành các quyết định công tác cán bộ: bổ nhiệm 09 người [H3.03.04.03] [H3.03.04.04] [H3.03.04.05] [H3.03.04.06] [H3.03.04.07] [H3.03.04.08] [H3.03.04.09] [H3.03.04.10] [H3.03.04.11], bổ nhiệm lại 02 người [H3.03.04.12] [H3.03.04.13], điều động và bổ nhiệm 02 người [H3.03.04.14] [H3.03.04.15], thay đổi chức danh 07 người [H3.03.04.16] [H3.03.04.17] [H3.03.04.18] [H3.03.04.19] [H3.03.04.20] [H3.03.04.21] [H3.03.04.22], thôi giữ chức vụ 05 người [H3.03.04.23] [H3.03.04.24] [H3.03.04.25] [H3.03.03.02] [H3.03.04.26].

Nhận thức được công tác cán bộ là nhiệm vụ quan trọng, Đảng ủy - Ban Giám hiệu Nhà trường thường xuyên quan tâm, chỉ đạo tuy nhiên vẫn còn một số viên chức quản lý chưa sát sao, không quan tâm tiến độ thực hiện công việc của cấp dưới làm ảnh hưởng đến

tiến độ và chất lượng các hoạt động chung của Trường. Các trường hợp này đều bị ghi nhận lỗi BSC [H3.03.01.05] và là cơ sở để xem xét kết quả đánh giá thực hiện công việc cuối năm học cũng như luân chuyển, điều động, miễn nhiệm (nếu có).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Đã thiết lập được cơ cấu quản lý rõ ràng, việc phân định rõ vai trò, trách nhiệm được thể chế hóa trong các văn bản quản lý, là cơ sở quan trọng để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược đề ra.

Lãnh đạo Trường đã chỉ đạo để việc tuyên truyền được thực hiện trên nhiều kênh với nhiều bên liên quan.

Công tác quy hoạch được thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần dân chủ cơ sở, có sự tham gia của tất cả các thành phần cần thiết.

Cơ cấu lãnh đạo, quản lý được lãnh đạo Trường quan tâm, chú trọng nên được đánh giá, luân chuyển, bổ nhiệm dựa trên kết quả thực hiện công việc với các bằng chứng xác thực.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc tuyên truyền chưa được sâu rộng nhất là đối với các cơ quan, tổ chức bên ngoài.

Nhiều giảng viên có trình độ cao không thiết tha với công tác quản lý để đóng góp với việc chung, chỉ tập trung vào chuyên môn.

Năng lực quản lý điều hành của một số viên chức quản lý còn hạn chế cho nên tiến độ thực hiện công việc còn chậm.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Liên tục rà soát hệ thống văn bản quy định, duy trì cơ cấu quản lý ổn định	BGH Phòng TCHC	Năm học 2022 - 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2		Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá công việc	Đảng uỷ Phòng TCHC	Năm học 2022 - 2023	
3	Khắc phục tồn tại	Thực hiện tuyên truyền bằng các hình thức/kênh thông tin mới	Phòng QLKH & HTPT	Năm học 2022 - 2023	
4		Cập nhật chế độ thù lao quản lý, có sự khác biệt nhất định để tạo động lực cho VC-NLĐ tham gia công tác quản lý	Phòng TCHC Phòng TCKT	Năm học 2022 - 2023	
5		Cử viên chức quản lý tham gia các khoá bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng điều hành, quản lý	Phòng TCHC	Năm học 2022 - 2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	4,5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	4
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	4

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trường có văn bản giao Phòng Tổ chức - Hành chính làm đầu mối công tác xây dựng, theo dõi kế hoạch chiến lược [H1.01.04.01] [H4.04.01.01]. Trong giai đoạn đánh giá 2017 - 2022, Trường xây dựng và triển khai ba kế hoạch chiến lược: KHCL giai đoạn 2013 – 2020 [H4.04.01.02], KHCL giai đoạn 2018 – 2023 [H1.01.03.01] và KHCL giai đoạn 2020 – 2025 [H1.01.01.01]. Kế hoạch chiến lược bao gồm các nội dung: 1. Đào tạo, 2. Nghiên cứu khoa học, 3. Cung cấp dịch vụ; 4. Gắn kết, hợp tác, phát triển. Kể từ kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 - 2025 đã cập nhật thêm chiến lược thứ 5 về định vị và phát triển thương hiệu.

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể, kế hoạch chiến lược từng lĩnh vực [H4.04.01.02]. Kế hoạch chiến lược được xây dựng trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường; phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức), từ đó xây dựng các chiến lược từng lĩnh vực [H1.01.03.01] [H1.01.01.01] [H4.04.01.03]. Quy trình xây dựng có dự thảo, lấy ý kiến các bên liên quan, tổ chức họp... [H1.01.01.05] [H4.04.01.04] [H1.01.01.06] [H4.04.01.05] [H4.04.01.06].

Kế hoạch chiến lược các giai đoạn được xây dựng, ban hành trên cơ sở ý kiến đóng góp các bên liên quan (quá trình xây dựng, cập nhật lấy ý kiến phản hồi của viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên, học viên, sinh viên...) và được ghi lại thành biên bản, có hiệu lực triển khai trong thực tế [H1.01.02.01] [H4.04.01.07] [H4.04.01.08] [H4.04.01.09] [H1.01.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Nội dung kế hoạch chiến lược các lĩnh vực được xây dựng phù hợp tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi (thể hiện tập trung khía cạnh tăng cường chất lượng, tính chuyên nghiệp, nhằm mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chăm sóc sức khỏe nhân dân). Kế hoạch chiến lược các giai đoạn được triển khai thông qua các kế hoạch hoạt động từng năm học của tất cả các mục tiêu chiến lược từng lĩnh vực (đào tạo, nghiên cứu khoa học, ...) và kế hoạch công việc từng đơn vị (đăng ký chỉ tiêu theo thể điểm BSC), có văn bản hướng dẫn triển khai hệ thống đánh giá BSC-KPI đơn vị/cá nhân

trên hệ thống phần mềm BSC (trước năm 2021 là phần mềm Taskman do Trường tự xây dựng) [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Mặc dù kế hoạch chiến lược được xây dựng bài bản cùng những giải pháp cụ thể, tuy nhiên mục tiêu phục vụ cộng đồng chưa được chia tách thành một mục tiêu độc lập mà hiện đang lồng ghép trong các mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ... Cụ thể như: xây dựng các chương trình đào tạo mới, khám bệnh, tư vấn sức khỏe miễn phí...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Trường có các kế hoạch hành động từng mục tiêu chiến lược và kế hoạch công việc của các đơn vị theo năm học để cụ thể hoá kế hoạch chiến lược. Các kế hoạch chiến lược được phân theo mục tiêu chiến lược với các giải pháp liên quan đến nguồn lực để đạt được mục tiêu chiến lược. Dựa trên 05 nội dung của kế hoạch chiến lược dài hạn: 1. Đào tạo, 2. Nghiên cứu khoa học, 3. Cung cấp dịch vụ, 4. Gắn kết, hợp tác, phát triển, 5. Định vị và phát triển thương hiệu,. Trường xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động mục tiêu chiến lược cho từng năm học theo 5 nội dung trên [H1.01.02.01] [H4.04.01.07] [H4.04.01.08] [H4.04.01.09] [H1.01.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04].

Kế hoạch chiến lược ngắn hạn và dài hạn của Trường được đăng tải công khai trên subweb của Phòng Tổ chức - Hành chính (<https://tccb.huph.edu.vn>). Viên chức, người lao động đăng nhập email Trường cung cấp (@huph.edu.vn) sẽ có thể truy cập và khai thác các văn bản trên [H4.04.02.01]. Kế hoạch công việc hằng năm của các đơn vị được gửi công khai qua hệ thống email của Trường [H4.04.02.02].

Nhằm hoàn thành các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, hằng năm, các đơn vị thuộc Trường xây dựng và được phê duyệt kế hoạch công việc: 2018 [H4.04.01.10], 2018 – 2019 [H2.02.02.01], 2019 – 2020 [H2.02.02.02], 2020 – 2021 [H1.01.02.03], 2021 – 2022 [H1.01.02.04]. Định kỳ giữa và cuối năm học, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công việc đã được phê duyệt từ đầu năm; cập nhật, điều chỉnh chỉ tiêu (nếu có) để phù hợp tình hình thực tế. Dựa trên kết quả báo cáo của các đơn vị, Ban Giám hiệu tổng hợp kết quả theo các mục tiêu chiến lược được giao phụ trách để báo cáo Hội đồng trường

[H4.04.02.03]. Tuy nhiên, việc báo cáo còn gặp khó khăn do phần mềm chưa tổng hợp được kết quả BSC đơn vị cũng như mục tiêu chiến lược từ kết quả KPI hàng tháng của các cá nhân trong đơn vị. Trường đã ban hành tài liệu hướng dẫn việc xây dựng, triển khai, theo dõi việc thực hiện kế hoạch. Theo đó, trình bày cụ thể hệ thống BSC của Trường theo các cấp độ (BSC HUPH - BSC mục tiêu - BSC đơn vị); bảng chỉ số KPI bắt buộc; yêu cầu minh chứng đối với các chỉ số; hướng dẫn đánh giá, xếp loại kết quả BSC đơn vị... [H1.01.01.11]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trường xây dựng các chỉ số thực hiện chính tương ứng 05 chiến lược của kế hoạch chiến lược dài hạn. Mỗi nội dung sẽ bao gồm các nhiệm vụ cụ thể và được quy định rõ đơn vị chủ trì/phối hợp, thời gian hoàn thành, kinh phí (nếu có). Sau đó, các đơn vị thuộc Trường tiếp tục lập kế hoạch công tác bao gồm các chỉ tiêu được giao nêu trên. Từ đó, bảo đảm các chiến lược đề ra được triển khai và theo dõi thực hiện có hệ thống [H1.01.02.01] [H4.04.01.07] [H4.04.01.08] [H4.04.01.09] [H1.01.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04].

Trước mỗi năm học, tập thể viên chức quản lý sẽ họp và thống nhất kế hoạch triển khai hoạt động mục tiêu chiến lược. Các chỉ tiêu phân đầu được xem xét dựa trên kết quả đạt được của năm học trước, phù hợp với tình hình thực tế do đó có tính khả thi cao. Sản phẩm đầu ra cũng được quy định rõ ràng, có thể định lượng, không định tính [H1.01.02.01] [H4.04.01.07] [H4.04.01.08] [H4.04.01.09] [H1.01.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] [H4.04.03.01].

Kết thúc mỗi năm học (vào tháng 8 hàng năm), lãnh đạo các đơn vị tổng hợp kết quả thực hiện các hoạt động đơn vị và tự đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu/chỉ số tương ứng. Căn cứ vào kết quả thực hiện BSC, các đơn vị được đánh giá, xếp loại theo 04 mức độ: Không hoàn thành, Hoàn thành, Hoàn thành tốt và Hoàn thành xuất sắc và cung cấp đầy đủ minh chứng về kết quả theo yêu cầu [H4.04.02.03]. Kết quả thực hiện kế hoạch các mục tiêu chiến lược hàng năm (BSC mục tiêu) do Ban Giám hiệu phụ trách các mục tiêu chiến lược chỉ đạo tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chỉ số của năm học sau khi kết thúc vào cuối tháng 8 hàng năm [H4.04.03.02] [H4.04.03.03] [H4.04.03.04] [H4.04.03.05] [H4.04.03.06] [H4.04.03.07]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Việc lập kế hoạch chiến lược của Trường được thực hiện từ năm 2013, các giai đoạn tiếp theo, quá trình xây dựng được cải tiến nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược [H4.04.04.01]. Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020 - 2025 được thực hiện sau khi thành lập Hội đồng trường, có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan (nhà lãnh đạo, quản lý, giảng viên, chuyên viên, học viên và sinh viên) [H1.01.01.05]. Đặc biệt là sự tham gia của đại diện Bộ Y tế, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, sinh viên trong Hội đồng trường... đã giúp việc xây dựng kế hoạch chiến lược trở nên hệ thống và bao phủ rộng hơn, bổ sung thêm mục tiêu chiến lược 5 - định vị và phát triển thương hiệu, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu và giá trị cốt lõi.

Tập thể viên chức quản lý Trường đã có các cuộc họp thảo luận về việc rà soát mục tiêu chiến lược cũ để làm cơ sở cho việc xây dựng mục tiêu chiến lược mới [H1.01.01.06], điều chỉnh lại các chỉ số đảm bảo chất lượng, chỉ tiêu phục vụ tự chủ - chỉ tiêu tài chính và thể hiện thông qua cải tiến chế độ thu nhập tăng thêm (hưởng theo đóng góp, một người lo bằng một kho người làm) [H4.04.04.02].

Kế hoạch chiến lược được tiến hành rà soát và cập nhật giữa chu kỳ hoặc khi có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Năm 2019, Trường đã sửa đổi, bổ sung một số điểm của mục tiêu đào tạo; nghiên cứu khoa học; gắn kết, hợp tác, phát triển của KHCL giai đoạn 2018 – 2023 [H4.04.01.03] [H4.04.01.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có hệ thống kế hoạch chiến lược rõ ràng theo mảng, lĩnh vực gắn với tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và được cập nhật theo bối cảnh từng giai đoạn.

Áp dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch công việc bảo đảm thực hiện kế hoạch hoạt động năm học của đơn vị và Trường.

Các chỉ số BSC/KPI đều được thảo luận, thống nhất trước khi đưa vào kế hoạch năm học đảm bảo tính khả thi của kế hoạch hoạt động.

Kế hoạch chiến lược được xây dựng phù hợp với các điều kiện hiện trạng và dự báo sát các yếu tố chi phối tương lai bởi vậy có tính khả thi cao trong khi vẫn thể hiện được quyết tâm vươn lên của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Phần mềm chưa tổng hợp được kết quả BSC đơn vị dựa trên kết quả KPI hàng tháng của các cá nhân trong đơn vị nên việc báo cáo chưa được thuận tiện.

3. Kế hoạch cải tiến:

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục	Nội dung hoạt động phục vụ cộng đồng được xây dựng một mục tiêu riêng để xây dựng kế hoạch, theo dõi và đánh giá cụ thể	Lãnh đạo Trường Phòng TCHC	Năm học 2025 - 2026	
2	tồn tại	Chỉnh sửa phần mềm BSC có chức năng tổng hợp được kết quả BSC đơn vị dựa trên kết quả KPI hàng tháng của các cá nhân trong đơn vị	Phòng QTCN	Năm học 2021 - 2022	Đang thực hiện

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,5
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trường đã ban hành các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng ban, trung tâm thuộc Trường [H3.03.01.02] [H1.01.04.01] trong đó quy định rõ các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Phòng Quản lý Đào tạo là đầu mối xây dựng các chính sách đào tạo về đại học và sau đại học, phát triển các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học. Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phát triển là đơn vị đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức quản lý các hoạt động về NCKH, phát triển, chuyển giao các công nghệ mới và hợp tác quốc tế. Chính sách phục vụ cộng đồng được thực hiện bởi: Phòng Công tác Học viên sinh viên, Phòng khám đa khoa, Trung tâm xét nghiệm; Công đoàn và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh...

Trường đã thực hiện xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn về việc xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Để đảm bảo thực hiện đúng quy định về công tác văn thư và ban hành văn bản, năm 2021 Trường đã ban hành quy định về soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm nội bộ trong đó đưa ra các quy định, quy trình nhằm hướng dẫn thống nhất tới các đơn vị thuộc Trường về việc soạn thảo, giám sát, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm nội bộ [H5.05.01.01]. Trong hoạt động xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều thực hiện theo các quy định và hướng dẫn này. Quy định này gồm: Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; trách nhiệm và trình tự soạn thảo văn bản; trách nhiệm tham gia ý kiến; giám sát, thẩm định dự thảo văn bản; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ văn bản; ban hành, công bố và lưu trữ văn bản. Trường đã tổ chức tập huấn về xây dựng chính sách cho VC-NLĐ đảm bảo mỗi cá nhân đều có năng lực dự thảo, xây dựng chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H5.05.01.02], tuy nhiên hoạt động tập huấn này chưa được triển khai một cách thường xuyên.

Các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng có nội dung phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của nhà nước, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường ĐHYTCC. Nhà trường đã ban hành các văn bản về chính sách đào tạo như quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy chế đào tạo văn bằng 2, liên thông vừa học vừa làm, quy định cố vấn học tập, quy định xây dựng chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học [H14.14.01.10] [H14.14.03.02] [H14.14.03.03] [H13.13.01.06] [H13.13.01.07] [H13.13.02.04] [H13.13.02.05] Các chính sách Nghiên cứu khoa học như: [H18.18.01.08] [H18.18.01.07] [H23.23.01.06], quy định nghiên cứu khoa học của sinh viên [H17.17.01.09] [H17.17.01.10], quy định quản lý tài sản trí tuệ [H19.19.01.05] [H18.18.01.18] [H18.18.01.19], ... và các chính sách về phục vụ cộng đồng như: hoạt động tình nguyện, tổ chức hiến máu nhân đạo, uống nước nhớ nguồn ...

Trong quá trình xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều được lấy ý kiến các bên liên quan [H5.05.01.03] như: người sử dụng lao động, người học, sinh viên đã tốt nghiệp, viên chức, người lao động đảm bảo dân chủ, khách quan và đúng quy trình. Từ năm 2020 khi Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng được thành lập và được Bộ Y tế công nhận, các văn bản về chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng khi được xây dựng mới, cập nhật, chỉnh sửa đều được thông qua và có Nghị quyết của Hội đồng trường trước khi ban hành [H5.05.01.04].

Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường, phù hợp với Luật Giáo dục và các văn bản pháp luật hiện hành khác. Chính sách được xây dựng thực hiện dưới sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Đảng ủy [H5.05.01.05] và Hội đồng trường [H5.05.01.06]. Trong xây dựng, triển khai chính sách luôn được thảo luận, báo cáo quá trình tại cuộc họp giao ban hàng tuần [H2.02.01.33] [H2.02.01.30]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Trường có thực hiện phân công đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được quy định tại văn bản

quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, đơn vị thuộc Trường năm 2016 [H3.03.01.02] và năm 2018 [H9.09.1.24]. Năm 2020, tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y tế công cộng do Hội đồng trường ban hành đã có 01 phụ lục riêng về quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, qua đó phân công đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát thực hiện các chính sách này [H1.01.04.01].

Nhà trường đã xây dựng văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tại quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, đơn vị thuộc Trường năm 2016 [H3.03.01.02] và năm 2018 [H3.03.01.03] và phụ lục về phân công đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát thực hiện các chính sách của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường năm 2020 do Hội đồng trường ban hành [H1.01.04.01] cho thấy, việc giám sát trước hết do các đơn vị chức năng thực hiện chính sách này thực hiện thông qua theo dõi thực hiện các kế hoạch, báo cáo định kỳ (tháng/quý/học kỳ/năm học). Đồng thời, Nhà trường còn ban hành quy trình giám sát, tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H5.05.02.01], đảm bảo các hoạt động được thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

Các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường phổ biến đến tất cả các đơn vị, đến viên chức và người lao động khác để thực hiện và giám sát công việc thông qua nhiều hình thức phổ biến, công khai như: gửi thư điện tử (all@huph.edu.vn), công khai tại subweb đơn vị, thông báo tại các cuộc họp giao ban, Hội nghị VC-NLĐ [H5.05.02.02].

Định kỳ hàng năm, các báo cáo triển khai thực hiện việc giám sát chính sách được thực hiện tại báo cáo tổng kết năm học của của Trường tại Hội nghị VC-NLĐ, báo cáo của Hội đồng trường thông qua chức năng giám sát của Hội đồng trường. Ngoài ra còn báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu năm học của đơn vị phụ trách thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H2.02.03.04].

Các quy trình tuân thủ chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều được thực hiện dưới sự chỉ đạo, giám sát sát sao của Đảng ủy và Hội đồng trường thể hiện thông qua nội dung các bản Nghị quyết của Đảng ủy trường [H5.05.01.05], tại báo cáo tổng kết 5 năm nhiệm kỳ Đảng (2015-2020) [H2.02.03.03] và kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2020 -

2025 của Đảng ủy Trường [H5.05.02.03] và Nghị quyết của Hội đồng trường [H5.05.01.06]. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban Trường cũng được báo cáo, kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Nhà trường có quy định về việc định kỳ rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong kế hoạch chiến lược của Trường có nội dung đảm bảo chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường tại các giai đoạn đều xác định đặt ra mục tiêu đạt 100% các văn bản về đảm bảo chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của nội bộ Trường được rà soát và cải tiến [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]..

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được rà soát theo định kỳ hàng năm, theo kết luận tại các cuộc họp giao ban của Nhà trường, họp Đảng ủy hàng tháng và kết luận tại các cuộc họp của Hội đồng trường. Các đơn vị theo quy định về chức năng nhiệm vụ tiến hành rà soát, cụ thể: phòng Quản lý Đào tạo có trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định liên quan đến đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học, đại học liên thông, văn bằng hai [H5.05.03.01]; như cụ thể hóa các nội dung trong quy chế đào tạo, định kỳ sau mỗi khóa học có sự điều chỉnh, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo, bổ sung quy định chuẩn đầu ra; rà soát các quy định liên quan đến chính sách về đào tạo trình độ thạc sĩ. Phòng QLKH & HTPT chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động về khoa học và công nghệ [H5.05.03.02]; Công đoàn, Đoàn thanh niên và các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ phụ trách chịu trách nhiệm rà soát việc thực hiện các chính sách về PVCD [H5.05.03.03]

Nhà trường ban hành quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV [H23.23.02.01]. Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát tài sản trí tuệ. Các nội quy, quy chế, quy định của từng hoạt động PVCD được Công đoàn, Đoàn thanh niên rà soát hàng năm. Những hoạt động phục vụ cộng đồng như: Đội Sinh viên tình nguyện, Đội Thanh niên vận động hiến máu nhân đạo, Câu lạc bộ Không khói thuốc, Câu lạc bộ Cộng đồng xanh một sức khỏe... Các hoạt động thường quy như hỗ trợ bệnh nhân nghèo, ủng hộ cho xã nghèo Chiến Thắng,

huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn [H21.21.02.36] [H21.21.02.37] [H21.21.02.38], Ủng hộ các gia đình chính sách, người có công trên địa bàn phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội nơi Trường đóng địa điểm, các hoạt động trồng cây xanh, vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ [H5.05.03.04] [H5.05.03.05] [H2.02.03.04] ... đều được rà soát kế hoạch hoạt động, lấy ý kiến người thụ hưởng và được Đoàn thanh niên/Công đoàn tổng kết.

Trong kế hoạch BSC của Trường về chiến lược đảm bảo chất lượng của đều đưa ra mục tiêu (thể hiện bằng tỷ lệ %) về đảm bảo chất lượng bên trong, về rà soát các văn bản về chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ và cuối mỗi kỳ học, năm học, Trường đều rà soát, tính tỷ lệ đạt được để đánh giá mức độ hiệu quả [H1.01.02.04] [H2.02.02.02]. Tuy nhiên, một số mục tiêu đề ra trong kế hoạch về phục vụ cộng đồng còn thấp so với yêu cầu. Cụ thể, số lượng công trình thanh niên được xây dựng chưa nhiều do kinh phí của Đoàn không nhiều, các hoạt động thăm, khám bệnh cho gia đình chính sách, người có công, các hoạt động tình nguyện chưa nhiều do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường đã có nhiều đổi mới, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trường tập trung đào tạo đại học và sau đại học, mở thêm các mã ngành trình độ đại học và sau đại học. Trong chu kỳ đánh giá, Trường đã mở thêm mã 03 mã ngành trình độ đại học, 01 mã ngành trình độ sau đại học: mã ngành Cử nhân Công nghệ Kỹ thuật môi trường [H21.21.02.02], Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng [H21.21.02.03], năm 2022 Nhà trường hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận mã ngành Cử nhân Khoa học dữ liệu [H5.05.04.01] và thạc sĩ Xét nghiệm y học [H5.05.04.10] [H5.05.04.11]. Hàng năm Nhà trường điều chỉnh chính sách, cách thức tuyển sinh kịp thời để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H13.13.01.02] [H13.13.01.03] [H13.13.01.04] [H13.13.01.05]. Về lĩnh vực NCKH, đã có nhiều văn bản mới về quản lý NCKH được biên soạn, cập nhật, chỉnh sửa. Trong đó có thể kể đến như: Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của giảng viên [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]

[H23.23.01.06], quy định nghiên cứu khoa học của sinh viên [H17.17.01.09] [H17.17.01.10], quy định quản lý tài sản trí tuệ [H19.19.01.05] [H18.18.01.18] [H18.18.01.19],... Về các chính sách phục vụ cộng đồng, một số chính sách mới cho sinh viên, thứ nhất học bổng khuyến khích học tập được xét theo kết quả học và rèn luyện được xét theo mỗi kỳ học vào cuối kỳ, học bổng thứ hai là học bổng tài trợ từ các nguồn trong và ngoài Trường như: Học bổng đồng hành cùng sinh viên, học bổng của Quỹ khuyến học Việt Nam, học bổng Tiêu Vĩnh Ngọc, học bổng ngân hàng Vietcombank, học bổng của tổng hội Y học Việt Nam... học bổng tài trợ cho sinh viên nghèo vượt khó, sinh viên mồ côi... [H17.17.01.14] [H17.17.01.15]. Hàng năm, Nhà trường khen thưởng sinh viên đạt danh hiệu thủ khoa [H5.05.04.02], sinh viên đạt thành tích trong học tập, rèn luyện và công tác phong trào... Đoàn Thanh niên Trường có kế hoạch hàng năm về hoạt động tình nguyện [H21.21.02.36] [H21.21.02.37] [H21.21.02.38], hiến máu nhân đạo [H5.05.04.03] ...

Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan về các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để ngày càng cải tiến, hoàn thiện, đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường [H5.05.04.04] [H5.05.04.05] [H5.05.04.06]. Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan hài lòng với chính sách và sự cải tiến trong các lĩnh vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường [H5.05.04.07] [H5.05.04.08] [H5.05.04.09]. Tuy nhiên, hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan chưa được thực hiện định kỳ, lấy ý kiến đầy đủ các đối tượng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có sự phân công rõ ràng các đơn vị trong xây dựng chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các văn bản về quy trình giám sát được xây dựng đảm bảo sự tuân thủ thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các quy trình giám sát được công bố công khai đa dạng dưới nhiều hình thức, phổ biến rộng rãi tới đông đảo VC-NLĐ và các cá nhân, đơn vị có liên quan, đảm bảo chặt chẽ, khách quan và hiệu quả.

Nhà trường có quy định về việc định kỳ rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhà trường đã có nhiều đổi mới, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đáp ứng sự thay đổi quy định của pháp luật và yêu cầu của sự phát triển của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn trong việc xây dựng chính sách nhưng công tác tập huấn về xây dựng chính sách chưa được triển khai thường xuyên.

Một số mục tiêu đề ra trong kế hoạch về phục vụ cộng đồng còn thấp so với tiềm năng có thể cung cấp, chưa phát huy hết được năng lực phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

Công tác lấy ý kiến các bên liên quan về thực hiện chính sách phục vụ cộng đồng chưa được thực hiện định kỳ, lấy ý kiến đầy đủ các đối tượng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phân công rõ ràng các đơn vị trong xây dựng chính sách	Nhà trường	Hàng năm	
2		Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các văn bản về quy trình giám sát	Các đơn vị được giao phụ trách	Hàng năm	
3		Thực hiện công bố, công khai minh bạch chính sách, kế hoạch giám sát để đạt hiệu quả	Các đơn vị được giao phụ trách	Hàng năm	
4		Tiếp tục rà soát, đổi mới, cải tiến các chính sách để phù hợp với sự phát triển và quy định của pháp luật	Các đơn vị được giao phụ trách	Hàng năm	
5	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục triển khai công tác tập huấn về xây dựng chính sách	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
6		Xây dựng mục tiêu, kế hoạch thực hiện phù hợp với tiềm năng đang có	Đơn vị được phân công nhiệm vụ Phục vụ cộng đồng	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7		Triển khai đa dạng công tác khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan	Trung tâm ĐBCL và Khảo thí và đơn vị phụ trách	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	4,5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	4

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Nguồn nhân lực được Trường quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Trường luôn chú trọng triển khai thực hiện và bám sát theo hướng dẫn công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý trong các đơn vị thuộc Bộ Y tế [H6.06.01.01] [H6.06.01.02] [H6.06.01.03]. Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04] [H6.06.01.05] [H6.06.01.06] [H6.06.01.07]. Thông qua việc nguồn nhân lực được quy hoạch, đặc biệt là đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý đã góp phần đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nguồn nhân lực của các đơn vị trong Trường được báo cáo đánh giá nhu cầu đối với từng vị trí tại Đề án Vị trí việc làm của Trường [H6.06.01.08] [H6.06.01.09]. Năm 2021, Hội đồng trường đã ban hành bảng chỉ tiêu vị trí việc làm các đơn vị giai đoạn 2020 - 2025

[H6.06.01.10]. Trên cơ sở báo cáo đánh giá nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của các đơn vị làm cơ sở để thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ viên chức, người lao động. Tuy nhiên, đối với một ngành, lĩnh vực chuyên môn đặc thù như y học, công nghệ thông tin do chế độ thu nhập còn chưa hấp dẫn nên chưa thu hút được nhiều nhân lực có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực này.

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân sự đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tại Đề án vị trí việc làm của Trường theo từng giai đoạn đã xác định cụ thể về số lượng, khung năng lực về tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và mô tả công việc đối với từng vị trí [H6.06.01.08] [H6.06.01.09]. Bên cạnh đó, hàng năm, Trường còn tiến hành xác định định biên nhân sự các đơn vị phòng ban chức năng, qua đó đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.11] [H6.06.01.12].

Đội ngũ nhân lực của Trường có tuổi đời tương đối trẻ, trình độ chuyên môn đáp ứng cho nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.13]. Thông qua các kết quả về đào tạo và NCKH và kết quả phục vụ cộng đồng đã cho thấy Trường đã đảm bảo việc đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực đạt hiệu quả, chất lượng, qua đó đáp ứng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao [H6.06.01.14] [H6.06.01.15] [H6.06.01.16] [H6.06.01.17] [H2.02.03.04] [H6.06.01.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự) được xác định và được phổ biến.

Trường đã xây dựng văn bản quy định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đối với tuyển dụng Hợp đồng lao động và tuyển dụng viên chức đáp ứng các quy định hiện hành. Đối với công tác tuyển dụng Hợp đồng lao động, năm 2016, Trường đã xây dựng và ban hành kèm theo bộ quy trình, quy định và biểu mẫu của Phòng Tổ chức cán bộ (nay là Phòng Tổ chức - Hành chính) [H6.06.02.01] và được cập nhật, chỉnh sửa ban hành theo Quyết định độc lập vào năm 2018 [H6.06.02.02].

Năm 2021, Trường tiếp tục cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung thêm các nội dung để phù hợp với Quy định pháp luật hiện hành và áp dụng công nghệ thông tin trong quy trình tuyển dụng [H6.06.02.03]. Đối với quy định về tuyển dụng viên chức, năm 2016 trường đã xây dựng và ban hành tại Bộ Quy trình phòng Tổ chức cán bộ [H6.06.02.01], năm 2018 được cập nhật, chỉnh sửa ban hành theo Quyết định độc lập [H6.06.02.04]. Các tiêu chí về bổ nhiệm, đề bạt nhân sự được Trường quy định công khai, rõ ràng, các tiêu chí này luôn được cập nhật khi có sự điều chỉnh của pháp luật và thực tiễn: [H6.06.02.01] [H3.03.01.06] [H1.01.04.01] [H3.03.01.07].

Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được Trường phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau, cụ thể như: Phòng Tổ chức - Hành chính gửi thư điện tử nội bộ (email) tới toàn trường, toàn thể VC-NLĐ qua địa chỉ all@huph.edu.vn [H6.06.02.05], Đăng tải lên subweb của Phòng Tổ chức - Hành chính [H6.06.02.06] và Đăng tải lên mục Tài liệu dùng chung của Hệ thống Voffice [H6.06.02.07], ... đảm bảo mọi VC-NLĐ đều được biết, có thể tiếp cận, nghiên cứu và thực hiện.

Đội ngũ nhân lực của Trường được tuyển dụng đều có Quyết định tuyển dụng đối với viên chức [H6.06.02.08] và có hợp đồng lao động đối với nhân sự tuyển dụng theo hình thức hợp đồng [H6.06.02.09]. Hồ sơ nhân sự đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện đối với vị trí việc làm, đầy đủ văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm [H6.06.02.10] [H6.06.02.11].

Bên cạnh đó, công tác đánh giá cán bộ, GV và nhân viên được Trường triển khai và thực hiện đa dạng, khách quan và chặt chẽ, tất cả đều được quy định cụ thể tại văn bản. Trường ban hành quy định đánh giá KPI và chuyên nghiệp hàng tháng [H101.01.11] để đánh giá năng lực công việc được đối với mỗi cá nhân trong tháng và quy chế đánh giá cuối năm [H3.03.03.04] để làm căn cứ xếp loại chất lượng, thi đua, khen thưởng. Hàng năm, Trường đều có các báo cáo về đội ngũ viên chức, người lao động gửi lên Bộ Y tế [H6.06.02.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, GV, nhân viên khác nhau.

Các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, GV và nhân viên khác nhau của Trường được thể hiện tại bản đề án vị trí việc làm đã được Bộ Y tế phê duyệt năm 2016 [H6.06.01.08]. Năm 2019, trên cơ sở thực tiễn sự phát triển của Trường, Nhà trường đã cập nhật, điều chỉnh đề án vị trí việc làm và được Bộ Y tế phê duyệt, trong đó các quy định về tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cũng được cập nhật, bổ sung [H6.06.01.09]. Tại đề án vị trí việc làm vị trí, khối lượng công việc của cán bộ, giảng viên và nhân viên được mô tả chi tiết, cụ thể, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi vị trí được đảm nhận. Ngoài ra, đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên khối hành chính còn có định biên nhân sự hàng năm, trong đó thể hiện chi tiết khối lượng công việc của từng cá nhân [H6.06.01.11] [H6.06.01.12].

Nhà trường có các văn bản quy định về các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên tại bản đề án vị trí việc làm đã được Bộ Y tế phê duyệt năm 2016 [H6.06.01.08] và bản năm 2019 [H6.06.01.09]. Căn cứ các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn năng lực đối với các chức danh nghề nghiệp khác nhau; Trường đã xây dựng quy định về tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ CB, GV, NV gồm các yêu cầu về phẩm chất, bằng cấp, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm trong đó đặc biệt chú ý đến phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý. Cụ thể đối với vị trí quản lý được quy định: Am hiểu về chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giữ vai trò trung tâm đoàn kết, có khả năng tập hợp, động viên tập thể và cá nhân trong đơn vị đoàn kết, xây dựng tập thể vững mạnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao; có năng lực tham mưu, tổ chức, lãnh đạo, quản lý thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành được phân công đảm nhiệm; có khả năng xây dựng kế hoạch, đề xuất các giải pháp phục vụ cho hoạt động của Nhà trường; có phong cách làm việc khoa học, linh hoạt, dân chủ, có chính kiến rõ ràng, phương pháp công tác tốt... Đối với giảng viên cũng được cụ thể hóa: Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, đúng chuyên ngành; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có lí lịch rõ ràng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tư cách tốt; nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách của ngành

và các kiến thức về chuyên môn; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu; có phương pháp nghiên cứu, tổng kết và đề xuất, cải tiến nghiệp vụ quản lý, có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, có năng lực triển khai công việc đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Tuy nhiên, đối với vị trí việc làm của chuyên viên có sự đa dạng, tính chất công việc đặc thù khác nhau của mỗi vị trí nên có một số khó khăn trong xác định năng lực cụ thể và lượng hóa để đánh giá cũng như thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cụ thể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng và Quy trình xét duyệt đi đào tạo bồi dưỡng, trong đó có các quy trình xác định nhu cầu của cán bộ, GV và nhân viên. Theo quy trình xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên được Phòng Tổ chức - Hành chính triển khai, thông báo và tổng hợp để làm căn cứ lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.01] [H6.06.04.02] [H6.06.04.03]. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên [H6.06.04.02] [H6.06.04.03] [H6.06.04.04] [H6.06.04.05]. Đồng thời, tại kế hoạch công tác năm học của các đơn vị đều được xác định nhu cầu và đăng ký chỉ số về đào tạo bồi dưỡng [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Trên cơ sở đó, các đơn vị cần triển khai thực hiện, đảm bảo sự phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của mỗi cá nhân đáp ứng yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của VC-NLĐ được triển khai chưa thật sự đa dạng để đánh giá đầy đủ nhu cầu.

Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được xây dựng dựa trên yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH, nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Trường. Để có cơ sở xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, Nhà trường tiến hành khảo sát để xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân sự [H6.06.04.06] [H6.06.04.07]. Đồng thời, việc xem xét cử tham gia đào tạo bồi dưỡng còn

dựa trên thực tiễn nhân lực, yêu cầu về nhân sự cho sự phát triển ngành, lĩnh vực cần ưu tiên của Trường.

Việc triển khai thực hiện các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên được trường triển khai thông qua việc gửi thư điện tử email thông báo các khóa học để các đơn vị, cá nhân có nhu cầu, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký tham gia [H6.06.04.08]. Phòng Tổ chức - Hành chính hướng dẫn, tiếp nhận đề nghị thực hiện quy trình cử nhân sự đi đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.09].

Trong 5 năm qua, đội ngũ cán bộ, GV, mỗi nhân viên của Trường được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn trung bình ít nhất 1 lượt/cá nhân [H6.06.04.10]. Thông qua kết quả khảo sát sự hài lòng của VC-NLĐ về công tác đào tạo bồi dưỡng trong kết quả đánh giá 360 độ phòng Tổ chức - Hành chính trong 5 năm qua [H6.06.04.11] cho thấy VC-NLĐ hài lòng về các chính sách đào tạo, bồi dưỡng của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trường đã xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc một cách đa dạng, khách quan đảm đánh giá đúng năng lực, đóng góp, cống hiến của mỗi cá nhân. Để đánh giá năng lực thực hiện công việc, Nhà trường sử dụng công cụ đánh giá KPI để đánh giá chất lượng, tiến độ và quy trình của các công việc của mỗi cán bộ, giảng viên và nhân viên thực hiện hàng tháng. Đồng thời, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn triển khai BSC/KPI và chuyên nghiệp để áp dụng thực hiện [H1.01.01.11], điểm KPI và chuyên nghiệp là cơ sở để phân phối tính thu nhập tăng thêm hàng tháng của mỗi cá nhân. Sau mỗi năm học, Nhà trường ban hành kế hoạch Đánh giá 360 độ [H6.06.05.01] để đánh giá giữa các cá nhân, đơn vị với nhau (đồng nghiệp đánh giá đồng nghiệp, cấp trên đánh giá cấp dưới, cấp dưới đánh giá cấp trên, đơn vị này đánh giá đơn vị khác). Để đánh giá toàn bộ, tổng thể trong năm học, năm 2015, Nhà trường đã xây dựng quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động [H3.03.03.04]. Đến năm 2022, quy chế này được cập nhật, chỉnh sửa để phù hợp với những thay đổi theo quy định của pháp luật và thực tiễn

công tác quản lý của Trường [H6.06.05.02]. Từ kết quả đánh giá là căn cứ để xếp loại chất lượng và xét thi đua, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đánh giá kết quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc được Nhà Trường tổ chức lấy ý kiến rộng rãi toàn Trường để đảm bảo sự tham gia, góp ý của cán bộ, GV và nhân viên trước khi triển khai áp dụng thực hiện [H6.06.05.03]. Các kết quả đánh giá cuối năm của Hội đồng Thi đua khen thưởng đều được gửi rộng rãi toàn trường để lấy ý kiến phản hồi trước khi ban hành quyết định [H6.06.05.04].

Các dữ liệu và báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV, nhân viên được Trường tiến hành quản lý và lưu trữ đầy đủ thông qua điểm KPI và chuyên nghiệp [H6.06.05.05] hàng tháng Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp kết quả của các đơn vị để tính dữ liệu phân phối thu nhập tăng thê theo quy định. Đối với khối giảng dạy, các dữ liệu về giờ giảng, giờ NCKH cũng được tổng hợp để làm căn cứ đánh giá VC-NLĐ các năm và tính vượt giờ [H6.06.01.14] [H6.06.01.15] [H6.06.01.16] [H6.06.01.17]

Các kết quả đánh giá được Trường sử dụng là căn cứ để xét khen thưởng và đề xuất khen thưởng các cấp cao hơn. Các nội dung này được quy định tại quy chế đánh giá, phân loại viên chức và người lao động [H3.03.03.04]. Đến năm 2022, quy chế này được cập nhật, chỉnh sửa để phù hợp với những thay đổi theo quy định của pháp luật và thực tiễn công tác quản lý của Trường [H6.06.05.02] và Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H6.06.05.06] [H6.06.05.07]. Bên cạnh đó, tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường cũng quy định về cách phân phối thu nhập tăng thêm từ điểm đánh giá KPI và chuyên nghiệp hàng tháng [H6.06.05.05] [H7.07.01.15] [H7.07.01.16] [H7.07.01.17] [H7.07.01.18] [H7.07.01.19]. Trường tiến hành quản lý và lưu trữ đầy đủ các kết quả thi đua, khen thưởng [H6.06.05.08] [H6.06.05.09] [H6.06.05.10] [H6.06.05.11].

Kết quả đánh giá của VC-NLĐ được Trường sử dụng làm căn cứ để xác định đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng để hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, dựa trên kết quả đánh giá là cơ sở để Trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, hàng năm [H6.06.04.04] [H6.06.04.05]. Căn cứ vào kế hoạch, Trường tiến hành cử VC-NLĐ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và có các chính sách hỗ trợ

VC-NLĐ khi tham gia khóa học [H6.06.05.12]. Tuy nhiên việc triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở xác định trên cơ sở kết quả đánh giá được triển khai chưa thật sự hiệu quả.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện rà soát các chế độ, chính sách tại báo cáo tổng kết năm học [H2.02.03.04]. Để đảm bảo chế độ, chính sách cho VC-NLĐ được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, các đơn vị trong trường phối hợp với Công đoàn trường rà soát chế độ, chính sách trong quá trình cập nhật, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Trong công tác quy hoạch, hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch của Trường triển khai thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04] [H6.06.01.05] [H6.06.01.06] [H6.06.01.07]. Thông qua việc nguồn nhân lực được quy hoạch, đặc biệt là đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý đã góp phần đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trong quá trình Nhà trường tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực luôn được lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan, đặc biệt có sự tham gia của cán bộ, GV và nhân viên. Hàng năm, Phòng Tài chính kế toán xây dựng, cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi toàn trường [H6.06.06.01] [H6.06.06.02]. Bản quy chế chi tiêu nội bộ còn được thông qua để lấy ý kiến góp ý rộng rãi tại Hội nghị VC-NLĐ. Trong quá trình cập nhật quy chế Thi đua, khen thưởng, Phòng Tổ chức - Hành chính tiến hành lấy ý kiến góp ý rộng rãi vào bản dự thảo [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Công khai và tiếp nhận ý kiến góp ý vào Biên bản của Hội đồng Thi đua, khen thưởng bình xét kết quả các năm học [H6.06.06.05]. Tại quy định xây dựng và ban hành văn bản quy phạm nội bộ của Trường có quy định bước tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi toàn Trường [H5.05.01.01]. Đối với công tác bổ nhiệm, trong thực hiện quy trình về bổ nhiệm viên chức quản lý năm 2021, Trường thực hiện xin ý kiến các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các kết quả rà soát, đánh giá được sử dụng làm căn cứ thực hiện việc cải thiện các chế độ, chính sách để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tại Quy chế Thi đua, khen thưởng của Trường có quy định về việc khen thưởng đối với VC-NLĐ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua... [H6.06.05.06] [H6.06.05.07]. Hàng năm, Nhà trường còn có bình xét viên chức tiêu biểu (gồm giảng viên tiêu biểu, nghiên cứu viên tiêu biểu, viên chức quản lý khoa/phòng tiêu biểu, chuyên viên tiêu biểu và sáng kiến tiêu biểu) và khen thưởng hình thức là được cử đi tham quan, học tập tại nước ngoài [H6.06.07.01]. Tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường cũng quy định việc tính thu nhập tăng thêm, các khoản thưởng và các chế độ phúc lợi theo năng lực, kết quả thực hiện công việc (KPI/BSC) [H7.07.01.15] [H7.07.01.16] [H7.07.01.17] [H7.07.01.18] [H7.07.01.19]. Các chế độ, chính sách của Trường luôn được quan tâm, rà soát đã tạo động lực cho đội ngũ nhân lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hàng năm, Trường tiến hành rà soát các quy trình để tiến hành cải tiến, chỉnh sửa, bổ sung nhằm đáp ứng sự thay đổi quy định của pháp luật, sự phát triển của Trường và nguồn nhân lực. Trong công tác quy hoạch, Nhà trường thực hiện việc quy hoạch nhân lực làm căn cứ cho phát triển nguồn nhân lực theo các quy trình, quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế [H6.06.01.01] [H6.06.01.02] [H6.06.01.03]. Qua đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04] [H6.06.01.05] [H6.06.01.06] [H6.06.01.07] đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Thông qua việc nguồn nhân lực được quy hoạch, đặc biệt là đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý đã góp phần đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác cải thiện, cải tiến quy trình và quy hoạch của Trường luôn đảm bảo thực hiện bám sát theo kế hoạch chiến lược của Trường [H1.01.03.01] [H1.01.01.01] [H4.04.01.02], luôn chú trọng về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực mà trọng tâm là giải pháp phát triển đội ngũ GV và chuyên viên, cụ thể theo chuẩn năng lực và mô tả vị trí công việc tại đề án vị trí việc làm [H6.06.01.08] [H6.06.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng và xác định cụ thể, rõ ràng mô tả, khung năng lực của từng vị trí việc làm đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các tiêu chí tuyển dụng được Trường xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai minh bạch trên các phương tiện truyền thông. Công tác tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

Trường có kế hoạch chiến lược trong đó xác định cụ thể giải pháp phát triển đội ngũ nhân lực là trọng tâm. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nhân lực, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của nhân viên được đáp ứng và hỗ trợ.

Trường đã thực hiện việc quản trị, thi đua, khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá. Đảm bảo công bằng, khách quan và khích lệ kịp thời, tạo động lực làm việc cho VC-NLĐ.

Các chế độ, chính sách và quy trình, quy hoạch của Trường được rà soát thường xuyên, việc rà soát được căn cứ trên cơ sở các ý kiến đánh giá của cán bộ, GV, nhân viên.

Các chế độ chính sách của Trường được cải tiến dựa trên kết quả đánh giá; nguồn nhân lực được quy hoạch đảm bảo cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc xác định năng lực vị trí chuyên viên khó khăn trong xây dựng cụ thể, có thể lượng hóa để đánh giá, thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng.

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đã được triển khai thực hiện, tuy nhiên chưa được triển khai đa dạng.

Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được xác định và triển khai trên kết quả đánh giá chưa được thực sự hiệu quả.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng và xác định cụ thể, rõ ràng mô tả, khung năng lực của từng vị trí việc làm	Nhà trường	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2		Các tiêu chí tuyển dụng được Trường xác định và công khai minh bạch	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
3		Phát huy công tác đáp ứng, hỗ trợ nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của nhân viên	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
4		Tiếp tục thực hiện việc quản trị, thi đua, khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá.	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
5		Tiếp tục rà soát các chế độ, chính sách và quy trình, quy hoạch của Trường	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
6		Tiếp tục chú trọng quy hoạch nguồn nhân lực đảm bảo cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
7		Khắc phục tồn tại	Cần tăng cường giải pháp thu hút, tuyển dụng được nhiều nhân lực có trình độ chuyên môn cao	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm
8	Phân tích công việc, yêu cầu về năng lực, chuyên môn từng vị trí để xác định năng lực ở vị trí chuyên viên		Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
9	Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cần được triển khai đa dạng		Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	
10	Chú trọng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được xác định và triển khai trên kết quả đánh giá		Phòng Tổ chức - Hành chính	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	5
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trường Đại học Y tế công cộng là trường Đại học công lập và bắt đầu thực hiện tự chủ chi thường xuyên từ 1/2022. Nhà trường đã thiết lập và vận hành hệ thống lập kế hoạch, kiểm soát, tăng cường các nguồn lực tài chính đảm bảo cho việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH.

Ban giám hiệu có Phó hiệu trưởng phụ trách kinh tế và Phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch về tài chính, theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng [H18.18.01.01] [H18.18.01.02] [H3.03.01.03]. Nhiệm vụ cụ thể của từng nhân viên kế toán được thể hiện rõ bản phân công nhiệm vụ và định biên nhân sự của P. TCKT; và phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu [H7.07.01.01] [H7.07.01.02] [H3.03.01.02].

Để đảm bảo nguồn tài chính cho thực hiện các hoạt động và phát triển bền vững của nhà trường, nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2018-2023 và giai đoạn 2020-2025, trong đó có các chỉ tiêu về tài chính và có giải pháp nhằm tăng cường các nguồn lực tài chính để hỗ trợ hướng tới việc đạt được tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể, chiến lược nhà trường đã chỉ rõ các chỉ tiêu tài chính về đào tạo; NCKH và cung cấp dịch vụ là “*Duy trì và tăng nguồn thu hợp pháp để đảm bảo tự chủ tài chính; nguồn thu tăng từ 5% đến 10%/năm*” có chi tiết tại các phụ lục trong kế hoạch chiến lược [H1.01.03.01] [H1.01.01.01] [H4.04.01.02].

Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý tài chính, quy định những hướng dẫn và thủ tục trong việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện, lập báo cáo, kiểm tra và đánh giá công tác quản lý tài chính tại trường [H7.07.01.03]. Nhà trường xây dựng kế hoạch kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về công tác tài chính được thể hiện ở Phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn từ 2016 đến 2018 [H7.07.01.04] và Đề án tự chủ tài chính đoạn 2022-2026

(trong đó có KH thu chi 5 năm) để tạo nguồn tài chính hợp pháp hướng tới tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu [H7.07.01.05].

Trước khi có Hội đồng trường thì việc lập kế hoạch tài chính được thực hiện theo quy trình của P. TCKT và lập dự toán hàng năm gửi BYT [H7.07.01.06] [H7.07.01.07] [H7.07.01.08]. Sau khi có Hội đồng trường việc lập kế hoạch tài chính được căn cứ vào quy chế quản lý tài chính và quy trình lập kế hoạch [H7.07.01.03]. Căn cứ vào kế hoạch trung hạn và hàng năm, Phòng TCKT xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn cho từng năm học dựa trên dự toán các đơn vị/bộ phận lập lên và trình Hội đồng trường phê duyệt. Trong kế hoạch tài chính đều thể hiện rõ các chỉ tiêu về nguồn thu, các khoản chi cho tất cả các lĩnh vực đào tạo; NCKH và cung cấp dịch vụ. Sau khi được HĐT phê duyệt KHTC [H7.07.01.09] [H7.07.01.10], BGH ra quyết định phê duyệt dự toán hàng năm của các đơn vị [H7.07.01.11] [H7.07.01.12] [H7.07.01.13] [H7.07.01.14]. Để quản lý tài chính của nhà trường có hiệu quả, nhà trường căn cứ vào quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính và tình hình thực tế của nhà trường để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.15] [H7.07.01.16] [H7.07.01.17] [H7.07.01.18] [H7.07.01.19]. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng công khai dân chủ và nhận được góp ý từ từng tổ công đoàn; là cơ sở pháp lý chi tiêu ngân sách đảm bảo tiết kiệm, đáp ứng có hiệu quả các hoạt động và tăng thu nhập cho viên chức người lao động. Nhà trường cũng ban hành quy trình, quy định về thanh toán để hướng dẫn viên chức người lao động có cơ sở thực hiện [H7.07.01.20] [H7.07.01.21]

Việc xây dựng kế hoạch tài chính để theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng được thể hiện trong Báo cáo tài chính hàng năm [H7.07.01.22] [H7.07.01.23] [H7.07.01.24] [H7.07.01.25] [H7.07.01.26], báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính theo quý/ năm từ năm học 2020-2021 [H7.07.01.27] ; trong đó có phân tích rõ thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh, luồng tiền để hiểu rõ những những điểm mạnh cũng như hạn chế/tồn tại về nguồn lực tài chính; qua đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao/tăng cường nguồn lực tài chính của nhà trường. Báo cáo tài chính hàng năm được Vụ KHTC-Bộ Y tế thẩm tra quyết toán; và định kỳ được Kiểm toán Nhà nước; Kiểm toán độc lập kiểm toán và đã đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các dữ liệu trên báo cáo tài chính [H7.07.01.28] [H7.07.01.29] [H7.07.01.30]

Từ khi có Hội đồng trường, kế hoạch tài chính được đánh giá, cập nhật hàng quý/năm qua các Báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính, trong đó nêu rõ các khoản thu chi; mức độ hoàn thành so với kế hoạch đề ra [H7.07.01.27]. Ngoài ra, các Báo cáo đánh giá BSC [H7.07.01.31]; Báo cáo giám sát hội đồng trường [H7.07.01.32]; Báo cáo hội nghị viên chức hàng năm [H7.07.01.33]; Báo cáo thanh tra nhân dân [H7.07.01.34]; Công khai dự toán hàng năm [H7.07.01.35] cũng được thực hiện. Công tác rà soát, đánh giá, cập nhật nguồn thu chi luôn được nhà trường chú trọng thông qua các góp ý của các báo cáo trên, từ đó nhà trường luôn có những điều chỉnh kịp thời, cập nhật cho phù hợp với tính hình thực tế. Kết quả tài chính thực hiện trong 5 năm học vừa qua được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7.1.1. Thống kê các chỉ số tài chính từ năm học 2017-2018 đến kỳ I năm học 2021-2022 (1)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ số tài chính	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	T9/21-T1/22
1	Tổng thu	102,670	110,781	140,424	128,692	53,040
2	Tổng chi	63,107	73,028	105,370	109,217	51,132
3	Chênh lệch thu chi	39,564	37,753	35,054	19,475	1,908
4	Thu nhập trung bình của viên chức, NLĐ	15	18	19	22	18
5	Học phí trung bình trên 1 SV	9,8	10,8	11,9	13,1	13,1

Bảng 7.1.2. Tổng thu thường xuyên và cơ cấu thu theo năm học (2)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021		T9/21-T1/22	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
I	Tổng thu	102,67	100	110,78	100	140,42	100	128,69	100	53,04	100
		0	%	1	%	4	%	2	%	0	%
1	Thu từ ngân sách	17,885	17%	16,886	15%	9,976	7%	5,069	4%	1,772	3%
2	Thu học phí	44,642	43%	50,543	46%	53,114	38%	63,806	50%	26,71	50%
										1	
3	Thu từ dịch vụ	15,297	15%	23,124	21%	56,586	40%	43,116	34%	19,50	37%
										3	
4	Thu khác	24,846	24%	20,228	18%	20,748	15%	16,701	13%	5,054	10%

Bảng 7.1.3 Tổng chi thường xuyên và cơ cấu chi theo năm học (3)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021		T9/21-T1/22	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	Tổng chi	63,10		73,02		105,37		109,21		51,13	
		7	100%	8	100%	0	100%	7	100%	2	100%
1	Chi cho con người	27,23	43.2	32,41	44.4		34.3		45.9	19,99	39.1
		4	%	9	%	36,099	%	50,101	%	1	%
2	Chi hoạt động đào tạo	16,25	25.8	20,50	28.1		38.3		24.1	17,69	34.6
		5	%	9	%	40,334	%	26,327	%	3	%
3	Chi cho NCKH	1,165	1.8%	780	1.1%	1,666	1.6%	2,264	2.1%	279	0.5%
4	Chi học bổng sinh viên										
		585	0.9%	374	0.5%	506	0.5%	607	0.6%	0	0.0%

TT	Nội dung	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021		T9/21-T1/22	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
5	Chi cho đào tạo bồi dưỡng	15	0.0%	113	0.2%	60	0.1%	222	0.2%	73	0.1%
5	Chi đầu tư CSVC, mua sắm TTB phục vụ giảng dạy, thực hành; CNTT, mạng; phần mềm	1,166	1.8%	2,444	3.3%	2,628	2.5%	4,771	4.4%	939	1.8%
6	Chi cho thư viện (giáo trình; tài liệu...)	13	0.0%	78	0.1%	62	0.1%	49	0.0%	1	0.0%
7	Chi vận hành cơ sở vật chất và chi khác	16,644	26.4%	16,276	22.3%	23,980	22.8%	23,975	22.0%	11,690	22.9%
8	Chi cho hoạt động phục vụ cộng đồng	31	0.0%	35	0.0%	35	0.0%	901	0.8%	466	0.9%

Tổng thu của nhà trường có xu hướng tăng lên khoảng 10% qua các năm. Tuy nhiên trong từng giai đoạn lại có sự biến động. Cụ thể: tổng thu tăng lên từ NH 2017- 2018 đến 2018- 2019 là 8%; từ 2018-2019 đến 2019-2020 là 27%, nhưng lại giảm trong năm NH 2020- 2021 là 9%. Lý do là do sự khó khăn chung về tình hình dịch bệnh khiến doanh thu

sụt giảm.

Xét về cơ cấu thì nguồn thu chủ yếu được hình thành từ thu học phí (chiếm khoảng gần 50%); tiếp đến là thu dịch vụ; tiếp đến là thu khác; và tỷ lệ thấp nhất là thu từ NSNN.

Riêng thu từ NSNN, mặc dù tỷ lệ đã thấp nhưng lại có xu hướng giảm đáng kể qua các năm, từ 17% năm 2018 xuống còn 4% năm 2021 và sang năm 2022 thì Nhà nước sẽ không cấp khoản kinh phí này và nhà trường sẽ bước vào giai đoạn tự chủ toàn bộ chi thường xuyên.

Tổng chi của nhà trường có xu hướng tăng lên khoảng 22% qua các năm và tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nguồn thu của nhà trường. Lý do là do nhà trường đã tăng chi thu nhập cho viên chức người lao động, tăng các định mức chi giảng dạy, chi hoạt động, và chi cho công tác phòng chống dịch Covid-19. Điều này dẫn đến chênh lệch thu chi giảm dần qua các năm.

Xét về cơ cấu chi thì chi cho con người chiếm tỷ trọng lớn nhất; tiếp đến là chi cho hoạt động đào tạo; tiếp đến là chi vận hành CSVC; tiếp đến là chi cho đầu tư CSVC, mua sắm TTB phục vụ giảng dạy, thực hành, CNTT, mạng, phần mềm; chi cho các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi của nhà trường. Riêng chi cho NCKH ngoài kinh phí thường xuyên của nhà trường thì nhà trường còn thực hiện chi nhiều đề tài các cấp (cấp nhà nước; cấp bộ; cấp tỉnh/thành phố; chi đề tài từ các dự án quốc tế). Điều này chứng minh cho kế hoạch hành động của nhà trường đang đi đúng hướng.

Thu nhập bình quân của người lao động, về cơ bản có sự tăng lên qua các năm. Cụ thể, năm học 2017- 2018 là 15 triệu/người/tháng; đến năm học 2020- 2021 là 22 triệu/người/tháng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Công tác cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng luôn được trường Đại học Y tế công cộng quan tâm, coi trọng. Nhà trường giao cho phòng Quản trị công nghệ là đầu mối chính phối

hợp với phòng Tài chính kế toán và các đơn vị trong toàn trường chịu trách nhiệm quản lý, mua sắm, bảo trì, sửa chữa và sử dụng cơ sở vật chất; giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá và nâng cấp cơ sở vật chất về hạ tầng các trang thiết bị dạy học để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H3.03.01.02] [H1.01.04.01]. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả được thực hiện chặt chẽ và đã được phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu [H18.18.01.01] [H18.18.01.02] [H3.03.01.03].

Để nâng cao cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác lập kế hoạch luôn được chú trọng. Kế hoạch được xây dựng và được phê duyệt thực hiện để đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH [H7.07.02.01] [H7.07.02.02] [H7.07.02.03]. Ví dụ, thực hiện kế hoạch ngắn hạn (theo năm học) như trang bị máy tính, tivi năm 2018; trang bị màn hình led, điều hòa năm 2019; lắp đặt hệ thống wifi năm 2020, mua mô hình phục vụ giảng dạy năm 2021. Gói thầu thẩm âm giai đoạn 1 và 2 năm 2018-2019, Gói thầu cải tạo phòng dinh dưỡng. [H7.07.02.01] [H7.07.02.04] [H7.07.02.05]. Kế hoạch trung hạn là đầu tư xây dựng khu ký túc xá tại khu đô thị mới [H7.07.02.06]. Kế hoạch dài hạn thể hiện qua các Kế hoạch chiến lược [H1.01.03.01] [H1.01.01.01] [H4.04.01.02]. và

Nhà trường đã sử dụng nhiều nguồn kinh phí khác nhau để tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất một cách đồng bộ và tiện nghi, phục vụ tốt công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ và các sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, giảng viên và người học. Ví dụ mua máy tính, tivi tại các giảng đường từ nguồn kinh phí không thường xuyên từ Bộ y tế [H7.07.02.07], trang bị màn hình Led cỡ lớn từ nguồn viện trợ của Ngân hàng thế giới [H7.07.02.08], làm hệ thống thẩm âm tại các sảnh hành lang của giảng đường [H7.07.02.09] từ nguồn Ngân hàng thế giới, trang bị máy in, thiết bị phát Wifi tại nhà trường [H7.07.02.10], cải tạo khu giảng dạy thực hành dinh dưỡng [H7.07.02.11] từ nguồn của nhà trường, trang cấp các mô hình giảng dạy [H7.07.02.12]

Việc rà soát, đánh giá sử dụng cơ sở vật chất được phòng Quản trị công nghệ phối hợp với các đơn vị trong toàn trường thực hiện qua việc giám sát, theo dõi sử dụng tại các đơn vị. Các công cụ theo dõi đánh giá bao gồm sổ quản lý vận hành các hệ thống điều hòa

[H7.07.02.13], máy bơm nước và đài phun nước [H7.07.02.14] [H7.07.02.15], PCCC [H7.07.05.20]; sổ theo dõi, đánh giá tình trạng trang thiết bị tại các đơn vị như trung tâm xét nghiệm [H7.07.02.16] và phòng khám đa khoa; tần suất sử dụng giảng đường, ký túc xá.

Các trang thiết bị định kỳ được kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên trong toàn trường [H7.07.02.17] [H7.07.02.18]. Khi hỏng được báo và sửa chữa kịp thời, đặc biệt tại các phòng học, đảm bảo việc dạy và học không bị gián đoạn [H7.07.02.19] [H7.07.02.20]. Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm kê, báo cáo đánh giá và đề xuất để đáp ứng tốt nhu cầu học tập tại giảng đường và nhu cầu sinh viên ở tại ký túc xá [H7.07.02.21] [H7.07.02.22].

Hàng năm, việc khảo sát đánh giá hài lòng của người học về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy của nhà trường; đánh giá 360⁰ của phòng QTCN được thực hiện nhằm thu thập ý kiến để có thể đưa ra phương án cải tiến nâng cao hài lòng của người học. Về cơ bản, không có ý kiến phàn nàn của giảng viên về tình trạng thiếu giảng đường [H7.07.02.23] [H7.07.02.24]. Đối với các phản ánh như tình trạng giảng đường ồn, do dùng nhiều vật liệu phản âm nên nhà trường đã tiếp thu, tiến hành cải tiến bằng việc thực hiện lắp rèm [H7.07.02.25], lắp trần nhôm đục lỗ thẩm âm [H7.07.02.09]. Dựa trên nhu cầu học thực hành, nhà trường đầu tư xây dựng phòng thực hành dinh dưỡng. [H7.07.02.11]. Tòa nhà giảng đường (nhà C) hiện vẫn ồn do thiết kế và chưa khắc phục được triệt để. Nhà trường sẽ tiếp tục có kế hoạch cải tạo trong giai đoạn tới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) trường Đại học Y tế cộng được đảm bảo và vận hành bởi ban CNTT được thành lập năm 2014 [H7.07.03.01] sau đó đổi tên thành phòng CNTT [H2.02.01.23] và năm 2020 sát nhập với phòng Hành chính Quản trị đổi tên thành phòng Quản trị - Công nghệ [H1.01.04.01]. Từ bản kế hoạch chiến lược của nhà

trường trong từng giai đoạn, đề án CNTT theo nhiệm kỳ tương ứng cũng được xây dựng và phê duyệt làm căn cứ cho bộ phận CNTT thực hiện [H7.07.03.02] [H7.07.03.03]. Dựa trên bản đề án này bộ phận CNTT xây dựng bản kế hoạch chi tiết hàng năm theo thể BSC phê duyệt và triển khai [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.04] [H1.01.02.03].

Hệ thống CNTT nhà trường gồm: Hệ thống máy chủ được kết hợp giữa thuê máy chủ ảo trên cloud [H7.07.03.04] [H7.07.03.05] [H7.07.03.06] và máy chủ trang bị riêng đặt tại phòng server [H7.07.03.07] của nhà trường để cung cấp các dịch vụ CNTT khác nhau. Hệ thống mạng máy tính được trang bị cùng với dự án xây dựng trường, được đưa vào khai thác sử dụng từ năm 2016, năm 2020 nhà trường lắp đặt bổ sung hệ thống mạng wifi quản lý tập trung phục vụ cho giảng dạy khu nhà C [H7.07.02.10] . Toàn bộ các thiết bị mạng trong phòng máy chủ được cung cấp bởi nguồn điện có hệ thống dự phòng 60 KVA đảm bảo cho hệ thống hoạt động thông suốt ngay cả khi mất điện lưới khoảng 20 phút [H7.07.03.08]. Trường có 350 máy tính để bàn trang bị tại các phòng làm việc của các phòng ban, khoa và bộ môn, 20 máy tính xách tay phục vụ tại các giảng đường, 03 phòng máy tính thực hành với số 159 máy tính để bàn [H7.07.03.09] [H7.07.03.10] . Các máy tính trong phòng máy là các máy cấu hình cao, được cài đặt phần mềm ứng dụng để phục vụ việc học và thi online: Microsoft Office 365, Unikey, Google Chrome, Testpro. Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý, theo dõi toàn diện các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân sự, quản lý tài sản, hợp tác quốc tế v.v. Trước năm 2020 là phần mềm IU (Intelligence University) của công ty cổ phần CMC [H7.07.03.11] và từ năm 2020 nhà trường chuyển sang hệ thống phần mềm quản lý do công ty cổ phần giải pháp giáo dục y tế Nam Việt cung cấp nhằm đáp ứng qui mô đào tạo và sự phát triển của Trường [H7.07.03.12]. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường ứng dụng CNTT trong giảng dạy, nhà trường còn có hệ thống Moodle, E-learning hỗ trợ các phương pháp giảng dạy kết hợp và trực tuyến [H7.07.03.13]. Từ năm 2018, Nhà trường bắt đầu áp dụng phần mềm Turnitin trong việc rà soát độ trùng lặp trong luận văn thạc sĩ và tiến sĩ của Trường góp phần tăng cường tính minh bạch trong học thuật [H7.07.03.14] [H7.07.03.15]. Hệ thống trang thông tin điện tử của Trường đã được các cán bộ CNTT đưa vào ứng dụng từ phần mềm mã

nguồn mở Drupal, trang thông tin điện tử của Trường thường xuyên được nâng cấp và cập nhật thông tin về đào tạo, nghiên cứu cũng như phục vụ cho quảng bá hình ảnh nhà trường [H7.07.03.16]. Ngoài ra nhà trường còn có các phần mềm Thi trực tuyến [H7.07.03.17], quản lý Thư Viện [H7.07.03.18], quản lý Tài chính [H7.07.03.19], phần mềm quản lý công việc KPI/BSC [H7.07.03.20].

Cuối mỗi năm học, dựa trên dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị như Sở Quản lý vận hành các TTB [H7.07.03.21] [H7.07.03.22] [H7.07.03.23] [H7.07.03.24], phòng có báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư, cải thiện thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng [H7.07.03.25] [H7.07.03.26]. Trên cơ sở đó nhà trường nâng cấp, cải tiến thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Bắt đầu từ năm 2018, hàng năm Trung tâm ĐBCL&KT lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin trong phục vụ các hoạt động đào tạo nghiên cứu khoa học của Trường [H7.07.02.23]. Kết quả đánh giá hết môn học, cuối khoá học, trang thiết bị phòng máy tính trong năm học 2018 - 2019 đạt 4.31/5 điểm; năm học 2019 -2020 đạt 4.4/5. Điểm đánh giá 360 độ đối với phòng công nghệ thông tin qua các năm: Năm 2018 đạt 3,13/4; năm 2019 đạt 3,98/5; năm 2020 đạt 4,24/5 [H7.07.03.27] [H7.07.03.28] [H7.07.03.29] [H7.07.02.24]. Trong thời gian qua, đôi khi phòng Quản trị - Công nghệ nhận được phản ánh của sinh viên và giảng viên thông báo Internet wifi bị chậm, nhóm đang tích cực tìm các giải pháp tăng cường lưu lượng đường truyền Internet để phục vụ tốt nhất cho dạy và học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trường Đại học Y tế công cộng đã thiết lập hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định rõ ràng về cơ cấu, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường, trong đó các đơn vị liên quan đến quản trị nguồn lực học tập như Thư viện, CSDL trực tuyến, thiết bị giảng dạy... là Trung tâm Thông tin Thư viện và phòng Quản trị công nghệ [H1.01.04.01].

Bên cạnh đó, các kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến cũng được xây dựng và ban hành một cách kịp thời, bám sát thực tiễn. Các hoạt động liên quan đến công tác đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được lập kế hoạch trong BSC đơn vị hàng năm và được phê duyệt, như: kế hoạch bổ sung vốn tài liệu, rà soát và mua CSDL trực tuyến, rà soát các nguồn tin trực tuyến, rà soát tài liệu theo Đề cương môn học, kiểm kê tài liệu, kế hoạch bổ sung trang thiết bị... [H2.02.02.02] [H7.07.04.01] [H7.07.04.02] [H2.02.02.01] [H7.07.04.03] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04].

Nhà trường rất chú trọng đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến nhằm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, kinh phí đều được phân bổ cho các mục mua học liệu, mua Cơ sở dữ liệu trực tuyến cho Thư viện, mua mới, bảo trì thiết bị hỗ trợ giảng dạy... [H7.07.04.02] [H7.07.04.04] [H7.07.04.05] [H7.07.04.06] [H7.07.04.07]. Đây là sự quan tâm cũng như nỗ lực rất lớn của nhà trường nhằm hỗ trợ tốt nhất các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh việc đầu tư và bảo trì các nguồn lực học liệu, như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và cộng đồng, hàng năm, các đơn vị chức năng đều có hoạt động rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư cho các nguồn lực kể trên thông qua các bảng kiểm đánh giá tần suất sách/ tài liệu được xếp trở lại giá (do đặc thù mô hình kho mở nên việc tính lượt mượn không chính xác) hoặc yêu cầu sao chụp theo đúng quy định về bản quyền tài liệu (đặc biệt trong giai đoạn dịch COVID 19 đang bùng phát, việc giảng dạy chuyển sang hình thức online, các nhu cầu thông tin cũng được phục vụ trực tuyến nhiều), tần suất các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy được sử dụng [H7.07.04.08] [H7.07.04.09] [H7.07.04.10].

Trung tâm Thông tin Thư viện cũng như bộ phận Quản trị công nghệ có các dữ liệu

theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Dữ liệu này được chính Trung tâm Thông tin Thư viện và Phòng Quản trị công nghệ thu thập, tổng hợp qua các kỳ rà soát, đánh giá định kỳ, bao gồm Biên bản kiểm kê; Danh mục đề xuất tu bổ tài liệu sau kiểm kê; kết quả Khảo sát mức độ hài lòng người học về hoạt động thư viện các năm học trong chu kỳ đánh giá (trong đó có phần đánh giá hiệu quả tài nguyên thông tin) [H7.07.04.11] [H7.07.04.12] [H7.07.04.13]; hoặc thực hiện thông qua một đơn vị khách quan là Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, gồm Thống kê phản hồi của người học về thư viện, về cơ sở vật chất, kết quả 360 độ đánh giá của khách hàng về Thư viện, về cơ sở vật chất [H7.07.04.14].... Các dữ liệu này được dùng để đánh giá hiệu quả đầu tư của nhà trường, đồng thời là căn cứ cho phê duyệt các đề xuất mua/ bảo trì tài nguyên học liệu, trang thiết bị...

Một yếu tố cũng rất được nhà trường quan tâm, chú trọng là tính cập nhật của các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các nguồn lực này được các đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật định kỳ, thể hiện ở Danh mục tài liệu thuộc các cơ sở dữ liệu theo các năm trong chu kỳ đánh giá, gồm: Cơ sở dữ liệu Đề cương môn học; Cơ sở dữ liệu Bài trích; Cơ sở dữ liệu Luận án, luận văn; Cơ sở dữ liệu sách in; Cơ sở dữ liệu sách điện tử [H7.07.04.15]. Các nguồn tin trực tuyến được tập hợp và giới thiệu trên website Thư viện cũng được cập nhật rất thường xuyên, bám sát nội dung đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhà trường cũng như tính hiệu quả/ sẵn có của các nguồn thông tin [H7.07.04.16] [H7.07.04.17], cùng với đó là các trang thiết bị được mua mới và thanh lý đảm bảo hiệu quả, đúng thời điểm, đáp ứng nhu cầu và sự phát triển của công nghệ. Đây cũng là một trong các thế mạnh của nhà trường [H7.07.04.05] [H7.07.04.06] [H7.07.04.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Trường Đại học Y tế công cộng có phòng Quản trị Công nghệ là đơn vị chịu trách nhiệm về công tác vệ sinh, môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, sự an toàn, phòng Tổ chức

Hành chính là đơn vị quản lý nhân sự, lên kế hoạch khám sức khỏe cho cán bộ, người lao động; phòng Công tác học viên sinh viên là đơn vị hướng dẫn chế độ chính sách cho người học về lĩnh vực: bảo hiểm y tế, hồ sơ sức khỏe, trợ cấp xã hội [H1.01.04.01]. Nhà trường quan tâm tới nhu cầu sử dụng của người có nhu cầu đặc biệt: đã có hệ thống đường lên xuống cho người tàn tật, có phòng vệ sinh dành riêng cho người tàn tật được thiết kế tại các tòa nhà [H7.07.05.01].

Nhà trường lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể theo năm học như phương án vệ sinh môi trường, cắt tỉa cây cảnh, và tưới cây đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp [H7.07.05.02], phương án bảo vệ Trường Đại học Y tế công cộng đảm bảo an ninh trật tự [H7.07.05.03]. Kế hoạch phòng cháy chữa cháy đảm bảo luôn sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp [H7.07.05.04]; kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, học viên nhà trường luôn chăm lo tới cán bộ công nhân viên, học sinh, sinh viên và người học [H7.07.05.05].

Hàng năm, nhà trường đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn ...bằng việc ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt [H7.07.05.06], hợp đồng vận chuyển và thu gom xử lý rác thải y tế [H7.07.05.07]; hợp đồng phun thuốc diệt muỗi, diệt chuột [H7.07.05.08]; ngoài ra nhà trường được Bộ Y tế phê duyệt có các hạng mục bảo vệ môi trường: hợp đồng sửa chữa trạm xử lý nước thải [H7.07.05.09]; hợp đồng nâng cấp hệ thống camera an ninh toàn trường [H7.07.05.10]. Bên cạnh đó, nhà trường có phòng khám đa khoa Trường Đại học Y tế công cộng là cơ sở y tế thực hiện khám chữa bệnh cho cán bộ, nhân viên và cho người học [H7.07.05.11];

Nhà trường có các báo cáo hàng năm về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt như: biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt [H7.07.05.12], biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng thu gom rác thải y tế [H7.07.05.13], biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng phun thuốc muỗi, diệt chuột [H7.07.05.14]; Nhà trường có các báo cáo về sự an toàn về môi trường làm việc như: báo cáo công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ định kỳ [H7.07.05.15]; báo cáo về môi trường làm việc định kỳ [H7.07.05.16]; Theo dõi lưu mẫu thực phẩm [H7.07.05.17]. Bảng tổng hợp kết quả thực hiện khám chữa bệnh cho cán bộ,

nhân viên và người học [H7.07.05.18].

Nhà trường có báo cáo về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt như: sổ theo dõi khối lượng thu gom rác thải sinh hoạt, y tế [H7.07.05.19]; sổ quản lý vận hành phương tiện phòng cháy chữa cháy [H7.07.05.20]; hồ sơ nguồn gốc thực phẩm [H7.07.05.17]; sổ khám sức khỏe của cán bộ, nhân viên và người học [H7.07.05.11]. Ngoài ra nhà trường chú trọng đầu tư tới môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được cải tiến sau đánh giá, rà soát hợp đồng sửa chữa trạm xử lý nước thải [H7.07.05.09]; hợp đồng nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy từ zone sang IP [H7.07.05.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 7

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường được đầu tư xây mới từ năm 2016 cùng với cơ sở hạ tầng khang trang, sạch đẹp.

Có chiến lược và kế hoạch tài chính, có nguồn thu hợp pháp đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

Từ khi có Hội đồng trường việc lập Kế hoạch tài chính và Báo cáo định kỳ hàng quý đã giúp điều chỉnh kế hoạch tài chính sát với thực tiễn và có tính khả thi, để có giải pháp phù hợp tăng cường nguồn lực.

Trang thiết bị đồng bộ hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân sự, quản lý tài sản, hợp tác quốc tế... nhằm đảm bảo kết nối thông tin phục vụ cho công tác quản lý và phát triển nhà trường. Các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được định kỳ rà soát và tương đối cập nhật.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có đôi lúc việc truy cập Internet wifi bị chậm.

Tòa nhà giảng đường (nhà C) hiện vẫn ồn do thiết kế và chưa khắc phục được triệt để.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mời các đơn vị cung cấp dịch vụ wifi marketing miễn phí đến lắp đặt trong các khu công cộng của nhà trường để giảm tải cho đường Internet của nhà trường	Phòng QTCN	Năm 2022 - 2025	Phòng QTCN làm đầu mối chính, ngoài ra còn có sự tham gia của các đơn vị khác bao gồm P.TCKT
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch sửa chữa cải tạo, nâng mái nhà C nhằm thông gió, thoáng khí	Phòng QTCN	Năm 2023 - 2024	Phòng QTCN làm đầu mối chính, ngoài ra còn có sự tham gia của các đơn vị khác bao gồm P.TCKT

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	5
Tiêu chí 7.1	4
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	6

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Hoạt động đối ngoại là một trong những nhiệm vụ chiến lược và là thế mạnh của Trường Đại học Y tế công cộng (ĐHYTCC). *Nhà trường có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại theo đúng quy định.* Trường đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng và đơn vị chức năng thuộc Trường ĐHYTCC trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng Hợp tác Quốc tế, nay là phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển (QLKH&HTPT) có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng và trực tiếp triển khai hoạt động truyền thông - nâng cao vị thế của nhà trường, thiết lập và duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác (trong và ngoài nước) nhằm đẩy mạnh phát triển nhà trường trong mọi hoạt động chiến lược. Từ tháng 10/2020, Hội đồng trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHYTCC, có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng QLKH&HTPT [H1.01.04.01], tham mưu cho Hiệu trưởng về chiến lược tổng thể hoạt động hợp tác phát triển để nâng cao vị thế của Nhà trường. Tất cả các hoạt động hợp tác phát triển được thực hiện dưới sự chỉ đạo và giám sát của Hiệu trưởng, Hội đồng đảm bảo chất lượng và Hội đồng Trường.

Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quản lý các hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế rất cụ thể, bao gồm: Quy định tổ chức quản lý đoàn vào của Trường ĐHYTCC năm 2018 [H8.08.01.01]; Quy định tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài của Trường ĐHYTCC năm 2018 [H8.08.01.02]; Quy định hỗ trợ các hoạt động hợp tác, phát triển của Trường ĐHYTCC năm 2018 [H8.08.01.03]; Quy định công tác lễ tân ngoại giao và hoạt động Hợp tác phát triển của Trường ĐHYTCC 2021 [H8.08.01.04]; Quy định tổ chức quản lý đoàn vào, đoàn ra của Trường ĐHYTCC năm 2021 [H8.08.01.05]. Chính vì có các quy định chặt chẽ, cụ thể và các hướng dẫn triển khai rõ ràng nên đa số viên chức, người lao động đều tuân thủ tốt việc báo cáo đoàn vào, đoàn ra. Tuy nhiên, với một vài trường hợp đối với các đoàn vào làm việc không chính thức (đơn vị mời là khoa/ phòng khác, có lịch làm việc với trường đột xuất) thì việc quản lý danh

sách các đoàn này còn gặp chút khó khăn do các đơn vị làm việc trực tiếp báo cáo muộn tới phòng QLKH&HTPT. Trong giai đoạn vừa qua, các quy định quản lý hoạt động hợp tác, đối ngoại của nhà trường được rà soát, cập nhật bổ sung và ban hành định kỳ hai năm một lần trong chu kỳ đánh giá. Trong quá trình cập nhật bổ sung, Phòng QLKH&HTPT đều gửi email xin ý kiến rộng rãi của viên chức, người lao động [H8.08.01.06]. Khi được phê duyệt, các quy định, quy trình được thông báo rộng rãi trên email và subweb của phòng QLKH&HTPT để viên chức, người lao động biết thông tin, dễ dàng tiếp cận và thực hiện theo quy định [H8.08.01.07].

Bên cạnh đó, *Nhà trường có Kế hoạch, chủ trương, chính sách để phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại* được thể hiện trong Kế hoạch công tác theo chỉ tiêu BSC của phòng QLKH&HTPT qua các năm học được xây dựng với các chỉ số cần đạt được trong năm [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] và được phổ biến đến toàn trường thông qua hệ thống email tới các đơn vị và cá nhân trong trường [H4.04.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Trong thời gian qua, *Nhà trường đã triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch giai đoạn 2017-2022* theo chỉ tiêu BSC hàng năm thông qua Kế hoạch công việc của các đơn vị thuộc Trường [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Ví dụ chỉ số về số lượng đối tác mới ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) trong năm học 2021-2022 cần đạt 3 đối tác mới. Kết quả trong học kỳ I, Trường ĐHYTCC đã ký kết biên bản ghi nhớ được với 5 đối tác mới, vượt kế hoạch đề ra trong năm học 2021-2022. Trong 5 năm qua, *có rất nhiều đối tác mới được nhà trường ký kết và thực hiện các thỏa thuận đã ký kết* theo yêu cầu. Có 17 hợp đồng nguyên tắc đối với các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục được ký kết [H8.08.02.01], gần 40 biên bản ghi nhớ hợp tác được ký kết với các đối tác trong nước, quốc tế là các trường đại học, viện nghiên cứu, các công ty và các tổ chức với nội dung hợp tác đa dạng về đào tạo, NCKH, dịch vụ và trao đổi GV, SV [H8.08.02.02][H8.08.02.03].

Các biên bản ghi nhớ hợp tác được ký kết giữa Trường ĐHYTCC với các đối tác đã được triển khai hiệu quả và mang lại lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên và sinh viên, trao đổi học thuật, tổ chức hội thảo khoa học, thực hiện các dự án, đề tài. Cụ thể các kết quả đạt được về hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ với các đối tác trong nước và quốc tế trong 5 năm qua như sau:

Về hợp tác đào tạo: trong giai đoạn 2017-2022, có gần 30 cán bộ của các đơn vị đối tác trong nước được bổ nhiệm các vị trí quản lý tại trường theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP [H8.08.02.04]. Ngoài ra, 3 chương trình học được chứng nhận kiểm định AUN trong giai đoạn 2017-2022: chương trình Thạc sĩ YTCC, chương trình Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện, chương trình cử nhân YTCC [H8.08.02.05]. Bên cạnh đó, nhờ mạng lưới quan hệ Hợp tác quốc tế của nhà trường và các MOU đã ký kết với các đối tác, Nhà trường nhận được gần 100 sinh viên quốc tế theo học các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ trong 5 năm qua theo diện học bổng hiệp định, học tự túc, học bổng Fulbright Việt Nam [H8.08.02.06] tại các nước: Lào, Campuchia, Mông Cổ, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Singapore,... Bên cạnh đó, từ năm 2020, Trường ĐHYTCC bắt đầu triển khai định hướng đào tạo Thạc sĩ chuyên sâu về Đánh giá Công nghệ Y tế trong khuôn khổ chương trình đào tạo Thạc sĩ YTCC (Excellence in Health Technology Assessment – Chương trình eHTA). Trong năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022, Trường ĐHYTCC đã được đối tác dành tặng 10 suất học bổng mỗi khóa cho học viên Thạc sĩ YTCC Khóa 24, 25 theo học định hướng này.

Về trao đổi giảng viên, sinh viên và các chương trình học trao đổi trong nước, quốc tế: thông qua các MOU ký với các đối tác trong nước, trong giai đoạn 2017-2022, Trường ĐHYTCC có 295 lượt giảng viên, chuyên viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập ngắn hạn và trao đổi chuyên môn tại các trường đại học, bệnh viện trong nước nhằm nâng cao năng lực và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng tiên tiến để áp dụng tại trường sau khi hoàn thành khóa học [H8.08.02.07]. Bên cạnh đó, từ năm 2017 đến nay, Trường đón hơn 60 lượt giảng viên được tham dự hội nghị, hội thảo, được cấp học bổng toàn phần hoặc bán phần tại nước ngoài các chương trình sau đại học, tiến sĩ tại các trường đại học đối tác ở các nước như Anh, Úc, Bỉ, Hà Lan, Mỹ... [H8.08.02.08].

Trong giai đoạn 2017-2022, trường đón khoảng 150 giảng viên, chuyên gia nước ngoài tại các nước như: Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... cũng đã đến làm việc tại trường, tham dự hội thảo trao đổi chuyên môn, phối hợp triển khai dự án, hoặc giảng dạy [H8.08.02.09]. Tuy nhiên, một số chuyên gia có kế hoạch đến tham quan và làm việc tại trường đột xuất nên đơn vị tiếp nhận báo cáo muộn tới phòng QLKH&HTPT đã đến việc quản lý chuyên gia quốc tế gặp khó khăn. Ví dụ, một số chuyên gia theo Kế hoạch sẽ đến làm việc tại các vụ, cục của Bộ Y tế. Tuy nhiên, khi muốn kiểm tra cụ thể tiến độ dự án triển khai, các chuyên gia đề xuất muốn đến trường kiểm tra tiến độ nên việc báo cáo đoàn vào và quản lý khách quốc tế gặp vướng mắc, khó khăn. Bên cạnh đó, thông qua nhiều chương trình hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, trong giai đoạn 2017-2022, Trường ĐHYTCC có 249 sinh viên Thụy Điển đã được tham quan, thực tập ngắn hạn trong vòng 2 tuần qua khóa học “Sức khỏe toàn cầu” do Đại học Uppsala - Thụy Điển và trường ĐHYTCC đồng tổ chức [H8.08.02.10]. Ngoài ra, Trường cung cấp 3 môn học, giảng dạy bằng tiếng Anh, đạt chuẩn kiểm định của mạng lưới Thạc sĩ Sức khỏe quốc tế (TropEd), tiếp nhận 1-2 sinh viên từ các trường đại học châu Âu đến học tập tại trường hàng năm. Trường ĐHYTCC cũng đã xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các chương trình đào tạo như liên kết đào tạo với Trường Đại học Khoa học Sức khỏe Lào (chương trình Thạc sĩ YTCC). Trong 5 năm qua, đã có 27 học viên Lào theo học chương trình này, trong đó, có 20 học viên đã tốt nghiệp khóa học, 7 học viên đang theo học trong năm học 2021-2022.

Trong giai đoạn 2017-2022, chiến lược phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường có ghi nhận sự phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong nước, ngoài nước. Điều này đã được Nhà trường triển khai dưới nhiều hoạt động liên kết đào tạo, Nghiên cứu Khoa học, tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật, các dự án trong nước cũng như quốc tế. Cụ thể:

Về hợp tác thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước: đây được xem là một thế mạnh của Nhà trường. Trong 5 năm qua, Trường ĐHYTCC đã xây dựng và triển khai khoảng 190 đề tài, dự án hợp tác trong nước và quốc tế [H8.08.02.11]. Những dự án, đề tài nghiên cứu này đã mang lại nhiều lợi

ích cho nhà trường, mở rộng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác, nâng cao năng lực cho GV, HV, SV nhà trường, cung cấp bằng chứng hoạch định nhiều chính sách quan trọng của ngành Y tế cũng như góp phần chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Về hoạt động tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật, các dự án trong nước, nước ngoài: là một hoạt động thường xuyên trong quan hệ đối ngoại, trường ĐHYTCC đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế với sự tham gia của các đối tác quốc tế cũng như trong nước [H8.08.02.12] [H8.08.02.13]. Mỗi năm học, Trường tổ chức 02-03 hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về phương pháp Nghiên cứu Khoa học với các đơn vị đối tác trong mạng lưới. Trong giai đoạn 2017-2022, nhà trường cũng đã tổ chức hàng chục hội thảo khoa học về các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực YTCC, Khoa học sức khỏe, thu hút sự quan tâm đông đảo của các đại biểu, các nhà khoa học, qua đó tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa Nhà trường với các đơn vị đối tác trong nước và quốc tế. Các hội thảo, hội nghị, sinh hoạt khoa học ngày càng được sự quan tâm, thu hút của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Hàng năm, Nhà trường tổng kết công tác hợp tác trong nước, quốc tế và các vấn đề phát sinh, những kiến nghị liên quan đến công tác đối ngoại được rà soát và cập nhật trong báo cáo tổng kết hoạt động năm học [H2.02.03.04] và báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác hàng năm với kế hoạch hợp tác năm tới [H8.08.03.01]. Việc rà soát, đánh giá chỉ số BSC được thực hiện theo quý (3 tháng 1 lần) để Hiệu trưởng/ PHT phụ trách báo cáo với Hội đồng Trường theo Quy chế hoạt động của Hội đồng trường. Bên cạnh đó, các MOU hợp tác trong nước và nước ngoài với các đối tác và hoạt động hợp tác đối ngoại [H8.08.02.02] [H8.08.02.03], các hợp đồng nguyên tắc với các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục [H8.08.02.01] cũng được rà soát định kỳ hàng năm nhằm đưa ra những giải pháp thúc đẩy các hoạt động từ các ký kết hợp tác này.

Việc rà soát, đánh giá kết quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước và quốc tế được thể hiện qua các báo cáo đánh giá việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, đánh giá những kết quả đạt được trong hoạt động hợp tác đối ngoại của Nhà trường

và đề xuất phương hướng cho các hoạt động tiếp theo, giúp cho hoạt động quản lý đối ngoại dễ dàng đánh giá được các chỉ tiêu nào có thể hoàn thành theo kế hoạch, chỉ tiêu hoạt động nào cần đẩy nhanh tiến độ hay cần đặc biệt chú trọng triển khai, từ đó nhà trường có những rà soát, điều chỉnh phù hợp để đạt được chỉ tiêu chung vào cuối năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Qua các báo cáo tổng kết hoạt động năm học hàng năm về lĩnh vực gắn kết, hợp tác và phát triển [H2.02.03.04], báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác và kế hoạch hợp tác năm tới [H8.08.03.01], thống kê các biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế [H8.08.02.02] [H8.08.02.03] và các hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng đào tạo với đối tác cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục [H8.08.02.01] trong giai đoạn 2017-2022 cho thấy: ***mạng lưới quan hệ đối tác của nhà trường trong thời gian qua đã có những cải thiện nhất định, số lượng các đối tác được tăng thêm, phạm vi mạng lưới quan hệ đối ngoại không ngừng mở rộng.*** Cụ thể: đến năm 2017, Trường ĐHYTCC có 12 đối tác trong nước, 10 đối tác nước ngoài được ký kết. Đến năm 2021, Trường ĐHYTCC đã có 22 đối tác trong nước, 24 đối tác quốc tế được ký kết hợp tác [H8.08.02.02] [H8.08.02.03]. Trong năm 2017, Trường ĐHYTCC có khoảng 50 đề tài, dự án hợp tác trong nước và quốc tế. Tính đến hết học kỳ I năm học 2021-2022, Trường ĐHYTCC đã triển khai được 27 đề tài, dự án các cấp [H8.08.02.11]. Về hoạt động trao đổi sinh viên, khóa học Sức khỏe toàn cầu cho sinh viên Đại học Uppsala - Thụy Điển được tổ chức bởi Trường ĐHYTCC cũng được cải thiện rõ rệt, cụ thể: năm 2017, có 20 sinh viên tham gia khóa học này vào tháng 10/2021, đến tháng 10/ 2021, số lượng sinh viên tăng lên 47 sinh viên tham gia khóa học và khóa học tháng 3/2022 có 65 sinh viên tham gia [H8.08.02.10]. Điều này cho thấy, chất lượng khóa học đã được cải thiện và nhà trường đặc biệt tập trung chú trọng tới đảm bảo chất lượng để không ngừng tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế.

Các báo cáo kết quả hàng năm của Trường cho thấy, kết quả của các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường đã có nhiều cải thiện để đạt được Tầm nhìn, Sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Để cải tiến công

tác quản lý, nhà trường thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình quản lý hoạt động đối ngoại để cập nhật với các quy định của nhà nước và thực tiễn triển khai các hoạt động đối ngoại tại Trường. Mỗi lần cập nhật, bổ sung quy định quy trình đều được Phòng QLKH&HTPT xin ý kiến rộng rãi của toàn thể viên chức, người lao động trong trường [H8.08.01.06]. Nhà trường cũng tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý bằng cách áp dụng phần mềm CMC năm 2017 và nâng cấp, cập nhật, thay đổi sang phần mềm Nam Việt năm 2021 để quản lý, cập nhật và theo dõi đoàn vào, đoàn ra, các biên bản ghi nhớ hợp tác [H8.08.04.01]. Chính vì công tác quản lý đối ngoại thường xuyên được cải tiến nên phòng luôn nhận được đánh giá tốt của khách hàng sử dụng dịch vụ qua kết quả khảo sát sự hài lòng của khách hàng và đánh giá tốt của các đơn vị trong trường qua đánh giá 360° [H8.08.04.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8

1. Tóm tắt điểm mạnh:

Giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã ký kết được thêm nhiều MOU với các đối tác mới cả trong nước lẫn quốc tế, đồng thời chiến lược phát triển hợp tác đối ngoại được cập nhật và bổ sung trong quá trình thực hiện, duy trì mối quan hệ chặt chẽ với nhiều trường đại học uy tín và các tổ chức trên thế giới.

2. Tóm tắt điểm tồn tại:

Một số chuyên gia, khách quốc tế đến làm việc tại trường nhưng đơn vị tiếp nhận báo cáo muộn tới phòng QLKH&HTPT nên công tác quản lý đôi lúc còn gặp khó khăn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Một số chuyên gia, khách quốc tế đến làm việc tại trường nhưng	Phòng QLKH&HTPT định kỳ hàng quý rà soát nhắc nhở Phòng/ Khoa trong trường	Từ học kỳ 2 năm học 2021-	

		đơn vị tiếp nhận báo cáo muộn.	cần thực hiện đúng Quy trình tổ chức quản lý đoàn vào và đoàn ra của Trường ĐHYTCC. Các đơn vị cần có kế hoạch đón tiếp khách quốc tế và cần làm thủ tục báo cáo đoàn vào với Phòng QLKH&HTPT.	2022 trở đi	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Nhiều đối tác mới được ký kết, duy trì mối quan hệ chặt chẽ với nhiều trường đại học uy tín, các tổ chức trên thế giới.	Phòng QLKH&HTPT và các đơn vị trong trường	Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022 trở đi	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4.5
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	4

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

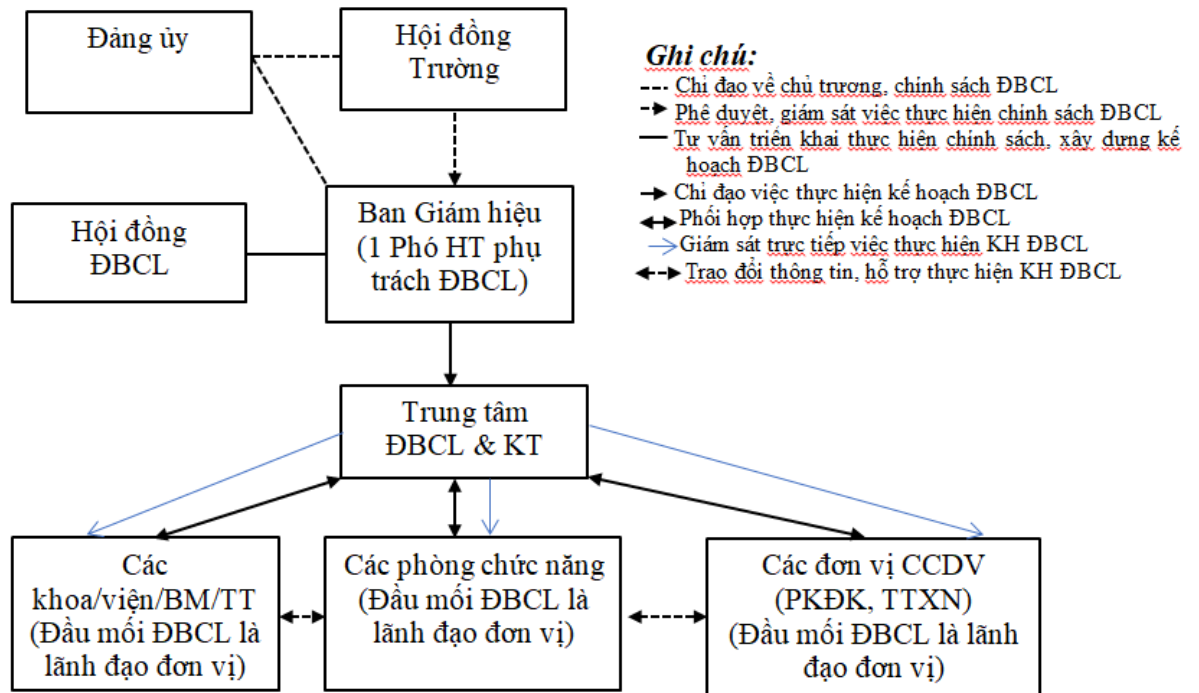
Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Y tế công cộng *có hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) bên trong*, trong đó Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí (ĐBCL&KT) là đơn vị chuyên trách

về công tác đảm bảo chất lượng của Trường. Trung tâm ĐBCL&KT được thành lập từ năm 2012 với tên gọi ban đầu là Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng theo Quyết định số 958/QĐ-YTCC ngày 5/10/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng [H9.09.01.01]. Trung tâm ĐBCL&KT có 7 nhân sự, trong đó có 1 thạc sĩ được đào tạo về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp và đã được cấp chứng chỉ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục [H9.09.01.02], ngoài ra Trung tâm còn 4 nhân sự cũng đã được đào tạo và cấp chứng chỉ về tự đánh giá chương trình đào tạo [H9.09.01.03], mặc dầu vậy, số lượng nhân sự có chứng chỉ về kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm ĐBCL&KT còn khá khiêm tốn (chỉ 01 người). Hệ thống ĐBCL của Trường còn có Hội đồng Đảm bảo chất lượng được thành lập theo Quyết định (QĐ) số 45/QĐ-ĐYTCC ngày 09/01/2019 với chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng về các vấn đề liên quan tới công tác ĐBCL giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và 6 nhiệm vụ cụ thể về ĐBCL của Hội đồng [H9.09.01.04].

Trường có mạng lưới đảm bảo chất lượng được phủ khắp tới tất cả các đơn vị trực thuộc trong trường (khoa/viện/trung tâm/bộ môn/phòng chức năng/khối dịch vụ/đoàn thể) với 27 thành viên, trong đó đầu mối về ĐBCL tại từng đơn vị là lãnh đạo của các đơn vị đó (Hình 9.1), được ghi rõ tại Quyết định thành lập Hội đồng ĐBCL [H9.09.01.04]. Trường cũng đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng ĐBCL. Thư ký của Hội đồng ĐBCL là trưởng đơn vị của Trung tâm ĐBCL&KT. Quy chế cũng nêu rõ nhiệm vụ của từng vị trí trong Hội đồng ĐBCL như Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên của Hội đồng cũng như cơ chế phối hợp hoạt động của Hội đồng ĐBCL được quy định tại Điều 13 của Quy chế này [H9.09.01.05]. Đơn vị đầu mối để triển khai các hoạt động ĐBCL của Trường là Trung tâm ĐBCL&KT. Chức năng, nhiệm vụ về ĐBCL của Trung tâm ĐBCL&KT được quy định rõ ràng trong các văn bản của Nhà trường về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường và được quy định rõ ràng trong các văn bản về quy chế tổ chức, hoạt động của Trường qua các giai đoạn. Về lĩnh vực ĐBCL, Trung tâm có chức năng tham mưu cho Ban Giám Hiệu về công tác quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Nhiệm vụ ĐBCL mà Trung tâm triển khai gồm các hoạt động như thực hiện các hoạt động đảm bảo chất

lượng nội bộ; triển khai hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài (đánh giá cấp chương trình, đánh giá cấp Trường), áp dụng các chuẩn kiểm định; triển khai công tác đánh giá/khảo sát nội bộ nhằm thu thập các thông tin về các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của Trường [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.04] [H3.03.01.02].



Hình 9.1. Sơ đồ tổ chức hệ thống ĐBCL bên trong của Trường ĐH YTCC

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định rõ ràng về các hoạt động đảm bảo chất lượng, cụ thể là quy định về ĐBCL tại Trường Đại học Y tế công cộng [H9.09.01.06]. Quy định nêu rõ nội dung triển khai ĐBCL, hệ thống tổ chức ĐBCL cũng như trách nhiệm thực hiện ĐBCL của các lĩnh vực đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH) và cung cấp dịch vụ (CCDV) chăm sóc sức khỏe (CSSK) (bao gồm khám chữa bệnh và xét nghiệm) tại Trường. Ngoài ra, quy định này cũng làm rõ thêm cơ chế phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong của nhà trường. Để có thể tiếp tục triển khai các hoạt động ĐBCL bên trong, Trường cũng đã ban hành bộ chỉ số ĐBCL bên trong (IQA) về các lĩnh vực ĐT, NCKH và CCDV CSSK

theo quyết định số 1084/QĐ-ĐHYTCC ngày 6/9/2019 [H9.09.01.07], và việc áp dụng triển khai các hoạt động ĐBCL bên trong từ năm học 2019-2020 trở đi được áp dụng theo quyết định này. Dựa trên bộ chỉ số này, hàng năm, nhà trường ban hành kế hoạch ĐBCL của từng năm học về các lĩnh vực ĐT, NCKH, CCDV CSSK của các năm học 2019-2020 [H9.09.01.08], 2020-2021 [H9.09.01.09] và 2021-2022 [H9.09.01.10] để áp dụng triển khai trong toàn trường. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch, Nhà trường ban hành Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số ĐBCL và được làm rõ theo từng lĩnh vực, trong đó lĩnh vực đào tạo còn làm rõ chi tiết đến các chỉ số đầu vào, chỉ số quá trình, chỉ số đầu ra để các đơn vị trong trường dễ theo dõi và triển khai. Bản hướng dẫn cũng nêu rõ, riêng đối với lĩnh vực đặc thù của Trường là CCDV CSSK thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Y tế đối với cơ sở cung cấp dịch vụ CSSK (đối với Phòng khám đa khoa), đối với Trung tâm Xét nghiệm thực hiện theo ISO 17025 với xét nghiệm môi trường nước và thực phẩm, tự đánh giá theo bộ tiêu chí đánh giá chất lượng phòng xét nghiệm đối với xét nghiệm y học (ban hành kèm theo QĐ 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017) [H9.09.01.11] [H9.09.01.12] [H9.09.01.13] [H9.09.01.14] [H9.09.01.15]. Từ năm học 2021-2022, Nhà trường có thêm một bộ công cụ nữa để đảm bảo triển khai các hoạt động ĐBCL tại Trường, đó là bộ chỉ số SMART để đánh giá tuân thủ quy chế dân chủ cơ sở của các đơn vị trực thuộc Trường (theo định kỳ hàng quý) do Hội đồng Trường (HĐT) ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐT ngày 29/12/2021 [H9.09.01.16]. Theo đó các đơn vị trong trường được yêu cầu báo cáo các hoạt động ĐBCL đã triển khai trong từng quý và cung cấp các minh chứng thể hiện việc hoàn thành các hoạt động đó. Cuối mỗi quý, thành viên của Ban Kiểm soát của HĐT sẽ làm việc với các đơn vị và chấm điểm thực hiện các hoạt động của đơn vị theo bảng kiểm SMART, nếu đơn vị nào đạt từ 75% số điểm trở lên thì được coi là đạt yêu cầu về việc thực hiện các hoạt động ĐBCL tại đơn vị đó.

Tại Trường Đại học Y tế công cộng, đơn vị chuyên trách về ĐBCL là Trung tâm ĐBCL&KT. Trung tâm có 7 nhân sự làm việc toàn thời gian. Tất cả các nhân sự này được phân công nhiệm vụ rõ ràng theo bảng phân công nhiệm vụ do Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, nay là Giám đốc Trung tâm ĐBCL&KT phân công [H9.09.01.17]. Trong số nhân sự của TT ĐBCL&KT, ***có 1 nhân sự đã tham gia khóa tập huấn kiểm định***

viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp và đã được cấp chứng chỉ KĐV [H9.09.01.02], *4 nhân sự khác của TT cũng đã được tham gia khóa đào tạo về “Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và AUN-QA”* do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức tập huấn và cũng đã được Trung tâm này cấp chứng chỉ [H9.09.01.03]. Ngoài ra, tính trong phạm vi toàn trường, còn có 5 nhân sự khác cũng đã có chứng chỉ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, 4 trong số đó là thành viên của Hội đồng Đảm bảo chất lượng [H9.09.01.18], [H9.09.01.19], [H9.09.01.20], [H9.09.01.21], [H9.09.01.22]. Trong số những nhân sự của Trường đã được tham gia khóa tập huấn kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, có 1 giáo sư, 1 phó giáo sư, 1 tiến sĩ và 3 thạc sĩ [H9.09.01.23]. Mặc dù vậy, số lượng cán bộ, giảng viên của Trung tâm và của Trường được tham gia các khóa học về ĐBCL còn khá khiêm tốn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trường ĐHYTCC quy định việc xây dựng kế hoạch, chương trình ĐBCL được xác định thông qua xác định các vấn đề ưu tiên và được lồng ghép vào kế hoạch hoạt động hàng năm và 5 năm và phù hợp với nguồn lực của Trường tại Điều 7, Quy định ĐBCL của Trường Đại học YTCC [H9.09.01.06]. Nhà trường *có kế hoạch chiến lược về ĐBCL* theo từng lĩnh vực ĐT, NCKH, cung cấp dịch vụ được thể hiện lồng ghép trong Kế hoạch chiến lược (KHCL) phát triển của Trường qua các giai đoạn 2013-2020 [H4.04.01.02], 2018-2023 [H1.01.03.01] và 2020-2025 [H1.01.01.01]. Trong giai đoạn 2013-2020, các giải pháp ĐBCL của Trường trong lĩnh vực ĐT, NCKH gồm củng cố và phát triển các chương trình đào tạo (CTĐT) nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội và quần thể như đa dạng hóa các loại hình đào tạo (chính quy, ngắn hạn, từ xa), đảm bảo trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và NCKH, cải thiện năng lực quản lý và nghiên cứu để tăng cường chất lượng

nghiên cứu, đảm bảo giải pháp về nhân lực có trình độ để tăng cường chất lượng ĐT và NCKH tại Trường. Về lĩnh vực cung cấp dịch vụ, Nhà trường hướng tới các hoạt động cải thiện điều kiện về truyền thông, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để tăng cường chất lượng công tác cung cấp dịch vụ [H4.04.01.02]. Giai đoạn 2018-2023, kế hoạch chiến lược của Trường được xây dựng theo từng nhóm chiến lược gồm chiến lược về đào tạo, về NCKH, cung cấp dịch vụ, gắn kết, hợp tác, phát triển [H1.01.03.01]. Giai đoạn 2020-2025 ngoài những nội dung chiến lược tương tự như giai đoạn 2018-2023, Nhà trường bổ sung thêm một chiến lược nữa về định vị và phát triển thương hiệu [H1.01.01.01]. Từng lĩnh vực chiến lược lại ***có giải pháp đảm bảo chất lượng*** để đáp ứng mục tiêu của từng lĩnh vực. Trong lĩnh vực đào tạo, Nhà trường hướng tới kiểm định chất lượng CTĐT (theo chuẩn AUN-QA hoặc theo chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo), kiểm định một số môn học theo chương trình kiểm định quốc tế (tropEd), dự giảng, xây dựng cơ sở dữ liệu nội bộ. Với lĩnh vực NCKH, chiến lược ĐBCL của Trường hướng tới đào tạo, phát triển năng lực cho giảng viên, nhân viên của Trường như đào tạo, mở lớp tập huấn cho cán bộ, cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về phương pháp, kỹ thuật NCKH, phân tích số liệu nâng cao v.v. hay xây dựng, triển khai các gói đào tạo về phương pháp NCKH, viết báo khoa học quốc tế. Đồng thời, Nhà trường có chính sách động viên, khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân đưa được đề tài, dự án NCKH về trường, khen thưởng cho các cá nhân có xuất bản quốc tế được đăng tải trên các tạp chí ISI, Scopus v.v. Đặc biệt, Nhà trường áp dụng các biện pháp tăng cường chất lượng đề tài như áp dụng các quy trình thông qua ý tưởng nghiên cứu, cử chuyên gia hỗ trợ, áp dụng bảng kiểm chuẩn quốc tế trong xét duyệt và đánh giá đề tài, xây dựng và áp dụng nguyên tắc và chuẩn mực nghiên cứu quốc tế về PPNCKH cho các đề tài của Trường. Về lĩnh vực CCDV CSSK, Trường chú trọng vào xây dựng quy định, quy trình nội bộ để tuân thủ các quy định, hướng dẫn về an toàn, chăm sóc người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý chất lượng xét nghiệm, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng xét nghiệm y học theo quy định. Về lĩnh vực gắn kết, giải pháp ĐBCL mà Nhà trường chú trọng thực hiện là tăng cường truyền thông nội bộ, kết nối với cá nhân, đơn vị trong và ngoài nước để thực hiện NCKH, các CTĐT, cung cấp dịch vụ, tăng cường hoạt động gắn kết, kết nối với cựu người học, giao lưu, học hỏi các cơ sở trong và ngoài nước [H4.04.01.02][H1.01.03.01].

Riêng chiến lược định vị và phát triển thương hiệu là mục tiêu chiến lược chỉ có từ KHCL giai đoạn 2020-2025, Nhà trường chú trọng giải pháp ĐBCL cho lĩnh vực này là giữ vững giá trị cốt lõi, đảm bảo chất lượng ĐT, NCKH và CCDV để giúp định vị và phát triển thương hiệu, marketing thương hiệu với ý tưởng truyền thông thương hiệu xuyên suốt để giúp định vị và củng cố thương hiệu của Trường trong các lĩnh vực ĐT, NCKH và CCDV v.v. [H1.01.01.01]. Ngoài ra, hàng năm, nhà trường có kế hoạch ĐBCL của từng năm học (bắt đầu thực hiện bài bản từ năm học 2019-2020 trở lại đây) nhằm thực hiện KH ĐBCL dài hạn như đã đề cập trong KHCL phát triển của Trường. Trong 3 năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, Nhà trường đã ban hành KH ĐBCL của từng năm học theo các lĩnh vực ĐT, NCKH, CCDV CSSK; trong đó còn bao gồm cả kế hoạch tổ chức các khóa tập huấn về ĐBCL, bao gồm tổ chức tại Trường hoặc cử các giảng viên, chuyên viên tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL dựa trên nhu cầu của các đơn vị [H9.09.01.08], [H9.09.01.09], [H9.09.01.10].

Nhà trường có các **chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược**: thành lập HĐ ĐBCL [H9.09.01.04], ban hành quy chế tổ chức hoạt động của HĐ ĐBCL [H9.09.01.05], ban hành quy định về ĐBCL [H9.09.01.06]. Đồng thời, nhà trường đã ban hành bộ chỉ số ĐBCL nội bộ [H9.09.01.07] và hướng dẫn sử dụng bộ chỉ số ĐBCL nội bộ [H9.09.01.11] để thực hiện theo từng năm học kể từ năm học 2019-2020 đến nay.

Trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL, Nhà trường đã huy động **sự tham gia của các bên liên quan** (lãnh đạo các khoa, phòng, bộ môn, một số đại diện chuyên viên, giảng viên) để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường [H1.01.01.05], [H1.01.01.06]. Việc họp thẩm định mục tiêu kế hoạch chiến lược giai đoạn 2018-2023 cũng được tiến hành với sự tham gia của đại diện các lãnh đạo đơn vị, đại diện chuyên viên của một số phòng, ban liên quan trong trường để rà soát việc thực hiện mục tiêu chiến lược của Trường, trong đó có chiến lược về ĐBCL [H9.09.02.01][H9.09.02.02]. Ngoài ra, ngay sau khi kết thúc đợt đánh giá ngoài đối với kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2021, ngay trong tháng 01/2018, Nhà trường đã tiến hành họp với đại diện các đơn vị, khoa, phòng trong trường để tiến hành rà soát một số điểm tồn tại, tiến hành phân công lại đầu mối triển khai các hoạt động trong quá trình

cải tiến chất lượng, thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với các chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục của những lần sau để có thể đảm bảo chất lượng các hoạt động đang triển khai tại trường [H9.09.02.03]. Từ năm học 2019-2020 đến nay, định kỳ hàng năm Nhà trường tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ của các lĩnh vực ĐT, NCKH, CCDV (giữa năm học, cuối năm học) nhằm đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ số ĐBCL của năm học và đánh giá mức độ hoàn thành của các chỉ tiêu chiến lược với *sự tham gia của các bên liên quan* như người học, cựu người học, khách hàng sử dụng dịch vụ, giảng viên, nhân viên, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc trường và các chủ tịch – phó chủ tịch phụ trách các lĩnh vực của HĐ ĐBCL [H9.09.02.04], [H9.09.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Nhà trường có các *kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về ĐBCL* được chuyển tải từ kế hoạch chiến lược về ĐBCL của Trường. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL của Trường được xây dựng, phát triển và hoàn thiện và được thể hiện trong Kế hoạch Phát triển chiến lược của Trường Đại học Y tế công cộng qua các giai đoạn 2013-2020 [H4.04.01.02], 2018-2023 [H1.01.03.01] và 2020-2025 [H1.01.01.01], trong đó, các giải pháp ĐBCL được thể hiện theo từng lĩnh vực tương ứng là đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ trong từng giai đoạn phát triển tương ứng. Để có thể triển khai các hoạt động này, từ năm học 2019-2020, nhà trường ban hành bộ chỉ số ĐBCL nội bộ [H9.09.01.07] để có thể triển khai các hoạt động ĐBCL nội bộ của Trường nhằm đáp ứng các giải pháp về ĐBCL đã đặt ra, cũng như ban hành hướng dẫn sử dụng bộ chỉ số này [H9.09.01.11]. Từ năm học 2019-2020, hàng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học nhằm cải thiện và duy trì các chỉ số ĐBCL nội bộ và các hoạt động ĐBCL đã ban hành [H9.09.01.08], [H9.09.01.09], [H9.09.01.10].

Hàng năm, kế hoạch hoạt động của các đơn vị (BSC đơn vị) được phê duyệt và ***được phổ biến cho tất cả các đơn vị trong trường*** để triển khai; trong đó lĩnh vực ĐBCL thuộc về kế hoạch BSC hàng năm của Trung tâm ĐBCL&KT (Trước đây là Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng) [H9.09.03.01]. Kế hoạch được ký ban hành và được phổ biến qua

email, qua văn bản trực tiếp gửi tới từng đơn vị và được thể hiện trên sub-web của Phòng Tổ chức Hành chính (trước đây là Phòng Tổ chức cán bộ) tại địa chỉ website: <https://drive.google.com/drive/u/0/folders/15eY6KQPsvR58JAHuLzbJbpXDDXs9ywgD>. Việc triển khai các hoạt động ĐBCL được thực hiện theo kế hoạch và được báo cáo định kỳ 2 lần/năm (cuối HK1 và cuối mỗi năm học), đồng thời được báo cáo định kỳ 6 tháng/lần (cuối kỳ 1 và cuối kỳ 2 của năm học) tại các phiên họp của HĐ ĐBCL từ năm 2019 trở đi [H9.09.02.04]. Từ năm học 2020-2021, theo hoạt động của Hội đồng Trường (HĐT), kế hoạch ĐBCL và việc triển khai kế hoạch của Ban Kiểm soát của HĐT để đảm bảo chất lượng được thực hiện định kỳ theo quý và độc lập với hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng của Trường, đóng góp quan trọng vào việc cải thiện HĐ ĐBCL của Trường [H9.09.01.16]. Hoạt động tập huấn về ĐBCL được triển khai theo KH: khóa tập huấn về viết báo cáo kiểm định chất lượng CTĐT do Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục (KĐCLGD), Trường Đại học Vinh tiến hành [H9.09.03.02], Khóa tập huấn về viết báo cáo tự đánh giá AUN do Đại học Quốc gia HCM tập huấn [H9.09.03.03], Khóa tập huấn về viết báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Trung tâm KĐCLGD (Hiệp hội các Trường ĐH, CĐ Việt Nam) tập huấn [H9.09.03.04].

Trường tổ chức thực hiện **triển khai các hoạt động ĐBCL theo KH hàng năm, quán triệt các đơn vị trong trường** tham gia theo đúng phân công: Thu thập, báo cáo các chỉ số ĐBCL nội bộ theo từng lĩnh vực (ĐT, NCKH, cung cấp dịch vụ) theo năm học, từ năm học 2019-2020 đến nay [H9.09.03.05]; Thu thập và phân tích kết quả lấy ý kiến của khách hàng về hoạt động đào tạo và các dịch vụ của trường (PKĐK, TTXN) (định kỳ mỗi quý một lần), từ 2019 đến nay [H9.09.03.06]; Thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT (tự đánh giá/đánh giá ngoài chương trình CNKTXNYH) [H9.09.03.07], [H9.09.03.08], [H9.09.03.09]; Tự đánh giá hai chương trình Thạc sĩ YTCC và QLBV (năm học 2020-2021 và 2021-2022), hiện quá trình TĐG hai chương trình này đang được triển khai và đã có bản thảo báo cáo TĐG [H9.09.03.10], [H9.09.03.11]; Thu thập ý kiến các bên liên quan về điều chỉnh CTĐT (2018, 2020, 2022) [H9.09.02.05]; Thu thập ý kiến các bên liên quan về hai CTĐT cử nhân DD và cử nhân CTXH khi có SV tốt nghiệp (năm học 2020-2021) [H9.09.03.12], [H9.09.03.13], Thu thập ý kiến của người học, người học cuối khóa (hàng

năm), họp với đại diện ban cán sự các lớp (hàng tháng), họp của khoa điều phối CTĐT với người học [H9.09.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai

Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục về ĐBCL của Trường ĐH YTCC được **lưu trữ một cách có hệ thống** và thuộc chức năng lưu trữ của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02], và thực hiện theo đúng quy định về công tác văn thư, lưu trữ của Trường Đại học Y tế công cộng (QĐ số 683/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2021) [H9.09.04.01]. Các văn bản liên quan tới chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục về ĐBCL của Trường ĐHYTCC được lưu trữ gồm: Quyết định thành lập Hội đồng ĐBCL [H9.09.01.04], Quy chế hoạt động của HĐ ĐBCL [H9.09.01.05], Quy định ĐBCL của Trường ĐHYTCC [H9.09.01.06], Quyết định ban hành bộ chỉ số ĐBCL nội bộ [H9.09.01.07] và Hướng dẫn sử dụng bộ chỉ số ĐBCL nội bộ [H9.09.01.11], Quy định tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục của Trường ĐHYTCC [H9.09.04.02], Quy định tự đánh giá chương trình đào tạo của Trường ĐHYTCC [H9.09.04.03], Báo cáo tự đánh giá chương trình cử nhân YTCC theo chuẩn AUN-QA [H9.09.04.04], báo cáo tự đánh giá chương trình thạc sĩ YTCC, thạc sĩ Quản lý bệnh viện [H9.09.03.11], các biểu mẫu thu thập ý kiến của các bên liên quan [H9.09.04.05], báo cáo ba công khai [H9.09.04.06], cơ sở dữ liệu về giảng viên, người học, phản hồi của người học đối với học phần và đội ngũ giảng viên được lưu trữ trên hệ thống phần mềm Nam Việt [H9.09.04.07].

Văn bản về ĐBCL của Trường được lưu trữ có hệ thống tại Trung tâm ĐBCL&KT (bản cứng) theo đúng quy định về công tác văn thư, lưu trữ của Trường Đại học Y tế công cộng (QĐ số 683/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2021) [H9.09.04.01] và được định kỳ cập nhật và đảm bảo dễ tiếp cận: lưu trữ trên sub-web của Trung tâm ĐBCL&KT tại địa chỉ: dbcl.huph.edu.vn (mục Đảm bảo chất lượng và mục Ba công khai) [H9.09.04.06] và được lưu một cách hệ thống trên cơ sở dữ liệu phần mềm Nam Việt [H9.09.04.07].

Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL tại Trường ĐHYTCC **được định kỳ rà soát** (hàng năm, khi có yêu cầu, hoặc ít nhất 2 năm một lần tùy theo từng loại hình.

Trường tổ chức định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống và thủ tục về ĐBCL hàng năm thông qua các cuộc họp với các bên trong trường, có góp ý của các bên liên quan [H9.09.04.08]. Dựa trên kết quả rà soát và ý kiến góp ý của các bên liên quan, Trường đã có cập nhật, chỉnh sửa một số văn bản đã có và ban hành một số văn bản mới thay thế cho các văn bản đã ban hành trước đó; chẳng hạn cập nhật Quy định Thiết kế và Phát triển chương trình dạy học (năm 2018) từ quy định được ban hành năm 2015 [H9.09.04.09], cập nhật Quy định Dự giảng năm 2021 [H9.09.04.10] dựa trên quy định ban hành năm 2018 [H9.09.04.11], hay Quy định khảo sát các bên liên quan của chương trình đào tạo được cập nhật 3 lần trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay (ban hành vào các năm 2018, 2020 và 2021), trong đó các quy định sau được chỉnh sửa mang tính tổng thể, toàn diện hơn so với các quy định được ban hành trước đó, có các hướng dẫn cụ thể về các bước thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị, và tổng hợp các đối tượng lấy ý kiến vào cùng một quy định [H9.09.04.12], [H9.09.04.13], [H9.09.04.14]. Ngoài ra, Hội đồng Trường cũng đã ban hành bảng kiểm SMART dùng cho hoạt động giảng dạy của các khoa chuyên môn và tương đương theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐT của Chủ tịch Hội đồng Trường Trường ĐHYTCC ngày 29/12/2021 [H9.09.01.16].

Sau khi được ban hành, các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL đã nêu *được phổ biến cho người học, cho cán bộ, giảng viên nhà trường* thông qua hệ thống email và trang sub-web của Trung tâm ĐBCL&KT [H9.09.04.15], [H9.09.04.16], hệ thống văn bản dùng chung của Nhà trường trên hệ thống V-Office [H9.09.04.16], trong đó hệ thống V-Office là hệ thống đảm bảo mọi cán bộ, giảng viên trong Trường đều có thể truy cập, tải văn bản về để sử dụng. Ngoài ra, các văn bản này còn được đăng tải trên website của Nhà trường để đảm bảo tất cả các đối tượng có thể truy cập và tham khảo, sử dụng nếu có nhu cầu [H9.09.04.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Y tế công cộng *có bộ KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đo lường và đánh giá kết quả* công tác ĐBCL. Từ năm 2018 trở đi, theo kế hoạch chiến lược

phát triển của Trường và kế hoạch chiến lược về ĐBCL, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển theo từng lĩnh vực, trong đó, giai đoạn 2018-2023 chia ra thành các mục tiêu chiến lược gồm mục tiêu chiến lược về đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ, gắn kết [H1.01.03.01]. Giai đoạn 2020-2025, ngoài 4 mục tiêu chiến lược nêu trên, Trường bổ sung thêm mục tiêu chiến lược thứ năm là định vị và phát triển thương hiệu [H1.01.01.01]. Đối với mỗi mục tiêu chiến lược, Nhà trường Xây dựng Bộ KPIs của từng lĩnh vực (đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ, gắn kết, định vị và phát triển thương hiệu), chia thành 4 nhóm thể (tài chính, khách hàng, quy trình, đào tạo và phát triển). Mỗi nhóm thể lại có một hoặc một số KPIs tương ứng và có chỉ tiêu phân đầu theo từng năm trong suốt giai đoạn 5 năm của Kế hoạch chiến lược, trong đó chỉ rõ đơn vị chịu trách nhiệm và các đơn vị phối hợp [H1.01.03.01], [H1.01.01.01]. Trong đó các chỉ số được đặt ra thể hiện khá rõ việc đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL, với các chỉ tiêu rõ ràng, dễ đo lường, được thể hiện tăng dần hoặc duy trì theo thời gian (những chỉ tiêu âm tính được thể hiện là giảm dần theo thời gian). Ví dụ về một số chỉ tiêu phân đầu để có thể đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL được thể hiện trong các mục tiêu chiến lược như: tỉ lệ hài lòng của sinh viên/học viên với cơ sở thực hành đạt 90% trở lên, tỉ lệ hài lòng của nhà tuyển dụng (hài lòng về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, tính chuyên nghiệp) đạt 90% trở lên, số lượt phản nản, thắc mắc của sinh viên, học viên, người học giảm dần (các KPIs của mục tiêu chiến lược đào tạo), hay đối với mục tiêu chiến lược về NCKH có thể ví dụ một số chỉ số như sự hài lòng của đối tác NCKH trong nước, quốc tế tăng dần. Đối với lĩnh vực CCDV, một vài ví dụ điển hình có thể nêu là KPIs về chỉ số hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ do Trường cung cấp; hay ví dụ về chỉ số tỉ lệ nhân viên được đào tạo, hội nhập (tại cấp đơn vị, cấp trường) [H1.01.03.01], [H1.01.01.01]. Với lĩnh vực định vị và phát triển thương hiệu (là lĩnh vực mới xuất hiện ở Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường ĐH YTCC giai đoạn 2020-2025), có thể lấy một số ví dụ về các chỉ số có thể đo lường, đánh giá công tác ĐBCL tại Trường là “Thực hiện nghiên cứu đánh giá nhanh để trả lời các câu hỏi: Khách hàng biết đến HUPH chưa? Biết từ những kênh nào? Thế mạnh của HUPH theo quan điểm của khách hàng là gì?” [H1.01.01.01].

Tại cấp đơn vị của Trường, các đơn vị có phân công công việc theo từng vị trí và theo dõi, đánh giá việc hoàn thành công việc theo bộ KPI định kỳ hàng tháng (đối với cán bộ phòng ban) và định kỳ hàng quý (đối với khối giảng dạy) từ năm học 2019-2020 [H9.09.05.01]. Từ năm học 2019-2020, trong kế hoạch hoạt động hàng năm theo từng đơn vị, bộ chỉ số KPIs được thể hiện rõ và được đánh giá định kỳ hàng quý để đo lường, đánh giá kết quả thực hiện và định hướng để hoàn thành kế hoạch năm học sau mỗi quý, thông qua đó có thể đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL tại cấp đơn vị [H9.09.05.02]. Từ năm học 2021-2022, bộ KPIs và BSC và KPI của từng đơn vị được hệ thống hóa trên phần mềm BSC, việc đánh giá được thực hiện theo các KPIs được thực hiện hàng tháng, tổng kết theo từng quý và thể hiện rõ tỉ lệ % hoàn thành đầu việc so với kế hoạch năm học [H9.09.05.03].

Toàn bộ các thông tin, hoạt động ĐBCL được quản lý trên phần mềm CMC từ năm học 2016-2017 và đến năm học 2019-2020 chuyển sang phần mềm Nam Việt. Tuy nhiên, do chưa được đồng bộ hóa toàn diện nên công tác thu thập một số dữ liệu ĐBCL để đo lường và đánh giá kết quả còn phải thực hiện thủ công.

Trường đã ban hành ***bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ và dùng bộ chỉ số này để đánh giá kết quả công tác ĐBCL tại trường*** bắt đầu từ năm học 2019-2020 [H9.09.01.07], trong đó chia ra thành các lĩnh vực ĐBCL về đào tạo, về NCKH và về cung cấp dịch vụ. Hàng năm, bộ chỉ số này được tổng kết, đánh giá để xem xét mức độ đạt được của các chỉ số, tìm hiểu các lý do của một số chỉ số chưa đạt chỉ tiêu để có kế hoạch khắc phục cho năm học tiếp theo [H9.09.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Trong năm 2018, Trường ĐHYTCC đã tiến hành ***rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động*** của Trường, trong đó có hoạt động ĐBCL. Từ năm 2018 trở về trước, các hoạt động của Trường được lập kế hoạch để thực hiện theo năm tài chính (từ 01/01 đến hết 31/12 trong năm. Tuy nhiên, dựa trên kết quả rà soát và thống nhất tại cuộc họp rà soát với các bên liên quan trong Trường, quy trình lập kế hoạch được cải tiến, theo đó công tác

lập kế hoạch được thực hiện theo năm học thay cho năm tài chính. Lý do là Trường là cơ sở giáo dục, các hoạt động dạy và học và các hoạt động hỗ trợ đều được triển khai theo năm học, chính vì vậy Nhà trường quyết định điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Trường, trong đó có các hoạt động ĐBCL theo năm học (bắt đầu từ 1/9 của năm trước đến hết 31/8 của năm sau) để thuận lợi hơn trong quá trình triển khai kế hoạch và hoàn thành các báo cáo theo năm học (trong đó có báo cáo về ĐBCL) để báo cáo Ban Giám hiệu, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo năm học [H9.09.06.01] [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Từ đầu năm 2019, sau khi có quyết định thành lập Hội đồng ĐBCL [H9.09.01.04], ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng ĐBCL [H9.09.01.05] cũng như quy định ĐBCL tại Trường [H9.09.01.06], Chủ tịch Hội đồng ĐBCL đã giao nhiệm vụ cho các Phó chủ tịch (PCT) phụ trách lĩnh vực thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động ĐBCL được thực hiện trong lĩnh vực mình phụ trách. Các PCT phân công cho trưởng các bộ phận/đơn vị thuộc lĩnh vực mình phụ trách đề xuất các chỉ tiêu hoạt động và kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu đó theo từng năm học theo bộ chỉ số IQA về các lĩnh vực. Nhà trường cũng xây dựng hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số, và mỗi năm họp rút kinh nghiệm 2 lần (cuối HK1 và kết thúc năm học) để đảm bảo các chỉ tiêu đạt kế hoạch đặt ra (Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số IQA các lĩnh vực). Cũng theo kế hoạch, kết thúc mỗi năm học, các lĩnh vực so sánh kết quả đạt được so với kế hoạch năm học, so với năm trước, tìm hiểu nguyên nhân không đạt kế hoạch và đề xuất giải pháp cải thiện trong năm học mới, thể hiện trong các biên bản họp của Hội đồng ĐBCL [H9.09.02.04].

Nhà trường tổ chức họp với các đơn vị để thực hiện ***rà soát và cải tiến các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu vào năm 2018 để đáp ứng MTCL về ĐBCL***. Phó hiệu trưởng phụ trách các lĩnh vực giao trưởng các đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách của mình chịu trách nhiệm rà soát các KPIs, các hoạt động của đơn vị theo kế hoạch từng năm để có thể đảm bảo các mục tiêu chiến lược về các lĩnh vực (ĐT-NCKH-CCDV-Gắn kết) và từ năm học 2021-2022 trở đi, ngoài 4 mục tiêu chiến lược nêu trên còn có thêm mục tiêu chiến lược về định vị và phát triển thương hiệu và có các KPIs tương ứng với mục tiêu chiến lược này,

thể hiện ở các phụ lục tương ứng của từng mục tiêu chiến lược của từng lĩnh vực [H1.01.03.01] [H1.01.01.01].

Dựa trên các kỳ họp định kỳ của HĐ ĐBCL, nhà trường yêu cầu các PCT HĐ ĐBCL phụ trách các lĩnh vực chịu trách nhiệm rà soát các chỉ tiêu KPI/BSC của các đơn vị thuộc lĩnh vực mình phụ trách định kỳ 2 lần/năm (trước kì họp của HĐ ĐBCL) để rà soát các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch IQA của lĩnh vực mình phụ trách. Trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL, nhà trường định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường trong các năm 2018, 2020, 2022 với sự tham gia của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường, và đại diện của người học, cựu người học, chuyên gia, nhà sử dụng lao động, tuy nhiên ý kiến từ nhà sử dụng lao động và cựu người học chưa nhiều và chưa phong phú, đa dạng [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được tổ chức và hoạt động với các văn bản hướng dẫn rõ ràng, mạng lưới ĐBCL được phủ khắp các đơn vị trong Trường. Từ sau khi có khuyến nghị của đoàn ĐGN về KĐ CLCSGD năm 2017, hoạt động ĐBCL của Trường được ưu tiên phát triển trong giai đoạn 2017-2022. Hệ thống KPI được xây dựng và hoạt động từ khá sớm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng nhân sự của TT ĐBCL&KT tham gia các khóa học về kiểm định viên chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp còn hạn chế do một số nhân sự chưa đủ tiêu chuẩn để tham gia khóa học (điều kiện về thời gian, trình độ).

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy	Tiếp tục duy trì và kiện	BGH	Từ học kỳ 2 năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	điểm mạnh	toàn hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong để đảm bảo thực hiện hiệu quả các yêu cầu về ĐBCL của Trường ĐH YTCC	Hội đồng ĐBCL Trung tâm ĐBCL&KT Các đơn vị trong trường	học 2021-2022	
2	Khắc phục tồn tại (1)	Cử người đủ tiêu chuẩn trong TT ĐBCL&KT và các đầu mối về ĐBCL tại các đơn vị tham gia khóa học KĐV KĐCLGD và các khóa tập huấn về viết báo cáo tự đánh giá CTĐT và tự đánh giá CSGD	TT ĐBCL&KT Phòng Tổ chức Hành chính	Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022 trở đi	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	4.83
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	4

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Trường Đại học Y tế công cộng đã xây dựng kế hoạch phát triển chiến lược của Trường qua các giai đoạn, trong đó *có kế hoạch ĐBCL*, xác định rõ *lộ trình và kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài* CSGD và các CTĐT. Sau khi thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục vào tháng 9/2017, dựa trên các khuyến nghị của Đoàn Đánh giá ngoài, Trường đã xây dựng kế hoạch ĐBCL lồng ghép trong KH phát triển chiến lược của Trường giai đoạn 2018-2023, trong đó ghi rõ cụ thể lộ trình tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài (ĐGN) đối với các CTĐT (từ năm 2020, mỗi năm kiểm định thêm 1 chương trình so với năm 2018); từ năm 2019, mỗi năm kiểm định thêm 1 môn học của chương trình đào tạo Thạc sĩ YTCC theo chuẩn quốc tế tropEd [H1.01.03.01]. Trong giai đoạn 2020-2025, Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ghi rõ lộ trình kiểm định các chương trình đào tạo thông qua các tổ chức kiểm định quốc tế (AUN) và các tổ chức kiểm định trong nước được cấp phép theo quy định hiện hành: giai đoạn 2020-2025 kiểm định mới 3 CTĐT là cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (2021), cử nhân dinh dưỡng và cử nhân công tác xã hội (2023), kiểm định lại 3 CTĐT là thạc sĩ YTCC, thạc sĩ QLBV và cử nhân YTCC (dự kiến 2024). Giai đoạn 2020-2025 dự kiến kiểm định thêm 3 môn học mới bởi hệ thống kiểm định quốc tế tropEd [H1.01.01.01]. Ngoài ra, Trường đã được kiểm định cơ sở giáo dục năm 2017 và theo lộ trình, sau 5 năm, tức là đến 2022 sẽ phải thực hiện kiểm định CSGD.

Trong năm học 2020-2021, để chuẩn bị cho việc ĐGN các CTĐT của Trường, Trường đã ban hành kế hoạch TĐG chương trình cử nhân KTXNYH (được lồng ghép trong Quyết định thành lập Hội đồng TĐG chương trình cử nhân KTXNYH) [H10.10.01.01], kế hoạch TĐG chương trình thạc sĩ YTCC và thạc sĩ QLBV [H9.09.03.10], đồng thời cũng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng TĐG của hai chương trình là thạc sĩ YTCC [H10.10.01.02] và thạc sĩ QLBV [H10.10.01.03]. Cũng trong năm học này, Trường đã ban hành Quyết

định thành lập Hội đồng TĐG CSGD và kế hoạch TĐG CSGD để chuẩn bị cho ĐGN vào năm 2022 [H10.10.01.04]

Trường có các hướng dẫn thực hiện TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN để sẵn sàng triển khai hoạt động TĐG và ĐGN của các CTĐT và CSGD, bao gồm cả hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và hướng dẫn do Trường tự ban hành dựa trên các văn bản của Bộ GD&ĐT. Đối với kiểm định CSGD đại học, dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường có văn bản hướng dẫn thực hiện TĐG CSGD [H9.09.04.02], đồng thời sử dụng các văn bản hướng dẫn TĐG CSGD của Bộ GD&ĐT như Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT về ban hành Quy định về Kiểm định chất lượng CSGD đại học [H10.10.01.05], Hướng dẫn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về Tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học [H10.10.01.06], Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD về việc thay thế bản hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo CV số 768/QLCL-KĐCLGD [H10.10.01.07]. Đối với kiểm định chất lượng CTĐT, Trường sử dụng các công văn và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học ban hành năm 2016 [H10.10.01.08], Công văn hướng dẫn TĐG CTĐT ban hành năm 2016 và 2020 [H10.10.01.09] [H10.10.01.10], Công văn thay thế tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD [H10.10.01.11]. Đồng thời, dựa trên các hướng dẫn này, Trường cũng đã xây dựng 1 quy định về TĐG CTĐT vào năm 2018 để triển khai TĐG các CTĐT của trường [H9.09.04.03].

Các hướng dẫn thực hiện TĐG và ĐGN của Trường được phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan trong Trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như đăng tải trên sub-web của Trung tâm ĐBCL&KT tại đường link <https://dbcl.huph.edu.vn>, gửi email cho các đơn vị có liên quan thông báo kế hoạch hoặc tổ chức các lớp tập huấn để hướng dẫn cách viết báo cáo TĐG và quá trình triển khai TĐG CTĐT và CSGD cho các đơn vị liên quan trong trường [H10.10.01.12].

Nhà trường đã phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân liên quan trong trường trong quá trình triển khai thực hiện TĐG các CTĐT và TĐG CSGD. Trong giai đoạn 5 năm từ năm học 2017-2018 đến hết Học kỳ 1 của năm học 2021-2022, Nhà

trường đã tổ chức thực hiện TĐG đối với 3 CTĐT: chương trình cử nhân KTXNYH, chương trình thạc sĩ YTCC và chương trình thạc sĩ QLBV. Trường đã ban hành QĐ thành lập HĐ tự đánh giá chương trình cử nhân KTXNYH (Kế hoạch TĐG chương trình cử nhân KTXNYH được ban hành kèm theo QĐ thành lập Hội đồng TĐG) [H10.10.01.01], QĐ thành lập HĐ TĐG các chương trình thạc sĩ Y tế công cộng [H10.10.01.02] và thạc sĩ QLBV [H10.10.01.03], kế hoạch TĐG chương trình thạc sĩ YTCC và thạc sĩ QLBV [H9.09.03.10]. Trong các quyết định và kế hoạch này, các cá nhân và các nhóm công tác chuyên trách được phân công nhiệm vụ rõ ràng, chịu trách nhiệm viết phần cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công trong chương trình cử nhân KTXNYH [H10.10.01.01], chương trình thạc sĩ YTCC [H10.10.01.02], [H9.09.03.10] và chương trình thạc sĩ QLBV [H10.10.01.03], [H9.09.03.10]. Đối với hoạt động TĐG CSGD, nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG CSGD trong đó đã thành lập các nhóm chuyên trách (có trưởng và phó nhóm) được phân công nhiệm vụ rõ ràng, chịu trách nhiệm viết các tiêu chuẩn và nhóm tiêu chuẩn được phân công (nhóm Đảm bảo chất lượng về chiến lược chịu trách nhiệm từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 8, nhóm đảm bảo chất lượng về hệ thống chịu trách nhiệm từ tiêu chuẩn 9 đến tiêu chuẩn 12, nhóm đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng chịu trách nhiệm từ tiêu chuẩn 13 đến tiêu chuẩn 21 và nhóm về kết quả hoạt động chịu trách nhiệm từ tiêu chuẩn 22 đến tiêu chuẩn 25, mỗi nhóm đều có trưởng nhóm và phó nhóm cùng các thành viên từ các phòng, ban có liên quan trong trường) [H10.10.01.04].

Đối với hoạt động TĐG và ĐGN, Nhà trường đã thực hiện các bước chuẩn bị để có thể đảm bảo thuận lợi trong quá trình triển khai hoạt động TĐG và ĐGN đối với các CTĐT và CSGD trong giai đoạn 5 năm, từ năm học 2017-2018 đến hết học kỳ 1 của năm học 2021-2022. Trong học kỳ 1 của năm học 2020-2021, đối với TĐG CTĐT, Nhà trường đã tổ chức tập huấn hướng dẫn viết báo cáo TĐG theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các yêu cầu đối với ĐGN của CTĐT cho tất cả các nhóm chuyên trách và các thành viên tham gia viết báo cáo đối với chương trình cử nhân KTXNYH. Cán bộ tham gia tập huấn là giảng viên có kinh nghiệm về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đến từ Trường Đại học Vinh [H10.10.01.13], [H10.10.01.14], [H10.10.01.15], [H10.10.01.16].

Riêng đối với quá trình TĐG hai chương trình thạc sĩ YTCC và thạc sĩ QLBV theo chuẩn AUN-QA, trường cũng đã tổ chức lớp tập huấn viết báo cáo tự đánh giá theo tiêu chuẩn AUN-QA và góp ý cho báo cáo TĐG của hai chương trình này [H9.09.03.03]. Với hoạt động TĐG kiểm định cơ sở giáo dục đại học, Trường đã tổ chức lớp tập huấn viết báo cáo TĐG và hướng dẫn các hoạt động chuẩn bị cho TĐG và ĐGN của cơ sở giáo dục đại học cho toàn bộ Hội đồng Tự đánh giá CSGD và các thành viên của các nhóm chuyên trách. Lớp tập huấn do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội các Trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam giảng dạy [H9.09.03.04]. Trong giai đoạn 2017-2022, Trường đã triển khai ĐGN đối với CTĐT cử nhân KTXNYH từ ngày 20-23/10/2021. Để có thể triển khai hoạt động ĐGN này, Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát chính thức của CTĐT này với các mốc thời gian cụ thể, phân công rõ ràng đối với các đơn vị và cá nhân liên quan. Dự kiến đợt khảo sát chính thức diễn ra từ 16-19/7/2021, tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, đợt khảo sát chính thức bị hoãn lại và được triển khai vào 20-23/10/2021. Đơn vị được lựa chọn là Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (Trường Đại học Vinh) và Trường đã có công văn phối hợp, thông tin qua lại chặt chẽ để quá trình ĐGN được triển khai thuận lợi [H10.10.01.17], [H10.10.01.18], [H10.10.01.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Trong giai đoạn năm học 2017-2018 đến hết học kỳ 1 năm học 2021-2022, Trường đã tổ chức thực hiện tự đánh giá đối với 3 chương trình đào tạo đã có người học tốt nghiệp gồm cử nhân KTXNYH, thạc sĩ YTCC và thạc sĩ QLBV, góp phần nâng tỉ lệ các chương trình đào tạo có người học tốt nghiệp ở bậc đại học được tự đánh giá lên 50% và tỉ lệ các chương trình có người học tốt nghiệp ở bậc thạc sĩ được tự đánh giá lên 100%, cụ thể là các chương trình sau:

- Cử nhân KTXNYH theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT. Trường đã hoàn thành BC tự đánh giá, nộp lên Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) để đăng ký đánh giá ngoài theo Công văn số 278/CV-ĐHYTCC ngày 28/4/2021 [H10.10.02.01]. Trường cũng đã hoàn tất việc nộp báo cáo TĐG CTĐT cử

nhân KTXNYH cho Cục Quản lý chất lượng [H9.09.03.07], đồng thời đăng tải toàn văn báo cáo TĐG này tại đường link: <https://dbcl.huph.edu.vn/vi/node/1671>

- Báo cáo TĐG chương trình thạc sĩ YTCC và thạc sĩ QL BV theo chuẩn AUN-QA [H9.09.03.10], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03], [H9.09.03.11]

Đối với ĐGN, trong năm học 2017-2018, Trường đã thực hiện ĐGN đối với chương trình đào tạo bậc đại học lâu đời nhất của Trường là chương trình cử nhân YTCC theo chuẩn AUN-QA và chương trình này đã được cấp chứng chỉ đạt chuẩn chất lượng CTĐT theo chuẩn AUN-QA vào đầu năm 2018 [H10.10.02.02].

Trong năm học 2020-2021, Trường đã ký hợp đồng với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (Trường Đại học Vinh) để thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành KTXNYH [H10.10.02.03]. Trung tâm KĐCLGD (Trường ĐH Vinh) đã thành lập đoàn chuyên gia đánh giá ngoài [H10.10.02.04], thông báo thời gian khảo sát sơ bộ và thực hiện khảo sát sơ bộ diễn ra trong ngày 25/6/2021 [H10.10.02.05], ký biên bản ghi nhớ về việc khảo sát sơ bộ, tóm tắt các góp ý để nhà trường chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá phục vụ cho đợt khảo sát chính thức [H10.10.02.06], [H10.10.02.07]. Do ảnh hưởng dịch bệnh, đợt khảo sát chính thức dự kiến từ 16-19/7/2021 bị hoãn đến khi tình hình dịch được kiểm soát tốt hơn [H10.10.01.18]. Kế hoạch khảo sát chính thức diễn ra từ 20-23/10/2021 [H10.10.02.07], [H10.10.01.19]. Đoàn ĐGN và Nhà trường đã ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức [H10.10.02.08] và đã tóm tắt các góp ý về điểm mạnh, điểm tồn tại của chương trình và các gợi ý về các lĩnh vực cần cải tiến đối với CTĐT từ phía đoàn ĐGN [H10.10.02.09]. Đoàn ĐGN đã hoàn thành báo cáo ĐGN đối với CTĐT ngành KTXNYH [H9.09.03.08], và phiên họp thẩm định diễn ra vào ngày 15/12/2022 [H10.10.02.10], [H10.10.02.11]. Chương trình đã được thẩm định và công nhận đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo với tỉ lệ 84% số tiêu chí đạt yêu cầu [H9.09.03.09].

Đối với ĐGN CSGD đại học, Trường đã thực hiện ĐGN đối với CSGD vào học kỳ 1 của năm học 2017-2018 (tháng 9/2017) và đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành vào ngày 27/11/2017 với tỉ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu là 86,88% [H10.10.02.12].

Trường có **6 cán bộ đã được tập huấn và được cấp chứng nhận đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục** [H9.09.01.02], [H9.09.01.18], [H9.09.01.19], [H9.09.01.20], [H9.09.01.21], [H9.09.01.22], 4 trong số này có tên trong Hội đồng Tự đánh giá Cơ sở giáo dục năm 2021 theo Quyết định số 592/QĐ-ĐHYTCC ngày 14/9/2021 và tất cả 6 thành viên này đều nằm trong các nhóm chuyên trách ban hành kèm theo Quyết định này [H10.10.01.04]. Tuy nhiên, chưa có ai trong số 6 thành viên trên có thể kiểm định viên KĐCLGD do từ năm 2017 đến nay Bộ Giáo dục và Đào tạo không tổ chức thi cấp thẻ kiểm định viên KĐCLGD. Mặc dù vậy, một trong số những cán bộ này (GS. TS. Bùi Thị Thu Hà) đã tham gia Đoàn Đánh giá ngoài Cơ sở giáo dục của Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội với tư cách thành viên đoàn đánh giá ngoài [H10.10.02.13]. Đối với hoạt động TĐG CSGD, toàn bộ các **thành viên trong Hội đồng TĐG Cơ sở giáo dục được tham dự khóa tập huấn** về viết báo cáo tự đánh giá do giảng viên thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam) tập huấn [H9.09.03.04]. Đối với hoạt động TĐG CTĐT, các thành viên trong Hội đồng TĐG của CTĐT cử nhân KTXNYH và CTĐT thạc sĩ YTCC, thạc sĩ QLBV cũng được tham gia tập huấn về hướng dẫn viết báo cáo TĐG [H10.10.01.13], [H10.10.01.14], [H10.10.01.15], [H10.10.01.16], [H9.09.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Trong giai đoạn từ năm học 2017-2018 đến hết học kỳ 1 của năm học 2021-2022, Trường ĐH YTCC đã hoàn tất triển khai quá trình TĐG của 02 CTĐT là cử nhân YTCC (hoàn thành tháng 9/2017) và cử nhân KTXNYH (hoàn thành tháng 5/2021).

Nhà trường đã **tự xác định, phân tích được một số điểm mạnh** điển hình sau quá trình TĐG của hai CTĐT này như sau:

- Đối với CTĐT cử nhân YTCC, một số điểm mạnh điển hình là: chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát định kỳ, phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT; CTĐT có tính đặc thù, được cập nhật định kỳ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, Phương pháp dạy-học lấy người học làm trung tâm; phương pháp đánh giá đáp ứng được CĐR; Tỷ lệ

giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT có học vị tiến sĩ chiếm tỉ lệ khá cao (35%); Cơ sở vật chất, hạ tầng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin phù hợp cho giảng dạy. Tuy nhiên, chương trình cũng có một số điểm tồn tại là: ít có trao đổi sinh viên Việt Nam với các trường nước ngoài; số giảng viên trẻ tham gia giảng dạy chương trình có ít kinh nghiệm thực tế; khu giảng đường còn ồn; khu ký túc xá không có nhà vệ sinh khép kín trong phòng; thông tin về cơ hội nghề nghiệp được sinh viên tiếp nhận một cách thụ động; số lượng sinh viên ngành YTCC tham gia NC khoa học còn hạn chế [H9.09.04.04]

- Đối với CTĐT cử nhân KTXNYH, quá trình TĐG của Nhà trường đã xác định một số điểm mạnh điển hình là: Bản mô tả CTĐT có cấu trúc rõ ràng, được công bố công khai bằng nhiều hình thức; các học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của cả CTĐT; Quy định về đánh giá kết quả học tập và quy định về việc phản hồi kết quả kiểm tra/đánh giá tới người học rõ ràng, được công khai tới người học; Các phương pháp kiểm tra đánh giá tin cậy, đảm bảo công bằng, khách quan; Các hoạt động NCKH của giảng viên được quản lý, giám sát chặt chẽ; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố rộng rãi, công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển; Cơ sở hạ tầng, thiết bị được đầu tư một cách đồng bộ và tiện nghi, phục vụ tốt công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ và các sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, giảng viên và người học; Đa số người học tốt nghiệp ngành KTXNYH đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường đáp ứng được yêu cầu nhà tuyển dụng. **Một số điểm tồn tại** trong quá trình TĐG CTĐT cử nhân KTXNYH như: Trong quá trình xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo chưa lấy được ý kiến từ các cựu sinh viên ngành KTXNYH của các Trường Đại học khác; Trường chưa tổ chức lấy ý kiến cựu người học về nội dung của đề cương các học phần, chưa đánh giá được việc tiếp cận với bản mô tả CTĐT của nhà sử dụng lao động và cựu người học; Chưa đa dạng các hình thức thu hút nhân lực trình độ cao cho chương trình xét nghiệm y học; Khu giảng đường chưa khắc phục triệt để được việc giảm âm nên vẫn còn ồn khi có tiết học; Quy định dự giảng chưa bao phủ được việc dự giảng cho toàn bộ giảng viên trong

trường; Số lượng đề tài NCKH của người học ngành KTXNYH còn ít so với các ngành học khác trong trường [H9.09.03.07].

Sau khi xác định được các điểm tồn tại nêu trên trong quá trình TĐG của hai CTĐT là cử nhân YTCC và cử nhân KTXNYH, Nhà trường đã **xây dựng kế hoạch hành động khả thi** để khắc phục các điểm tồn tại phát hiện qua quá trình TĐG, chú trọng vào việc khắc phục từng điểm tồn tại nhằm cải thiện CTĐT và được thể hiện rõ ràng trong báo cáo TĐG.

- Báo cáo TĐG của chương trình đào tạo cử nhân YTCC có phần kế hoạch hành động, trong đó thể hiện việc sẽ tăng cường giao lưu, trao đổi sinh viên Việt Nam với các trường đại học nước ngoài, tăng cường kinh nghiệm giảng dạy thực tế cho giảng viên trẻ; thay đổi cách tiếp cận, tương tác với sinh viên trong các buổi giới thiệu cơ hội nghề nghiệp; tăng số lượng và chất lượng NCKH trong sinh viên ngành y tế công cộng [H9.09.04.04].
- Báo cáo TĐG của CTĐT cử nhân KTXNYH, các kế hoạch hành động đều được thể hiện là sẽ triển khai từ năm học 2021-2022 trở đi, tức là ngay sau khi kết thúc quá trình TĐG, chẳng hạn như lấy ý kiến các bên liên quan một cách toàn diện, bao gồm các thành phần đáp ứng theo đúng yêu cầu như người học, cựu người học, nhà sử dụng lao động, chuyên gia, giảng viên trong việc rà soát mục tiêu và CDR của CTĐT, CTDH; hay Xây dựng cơ chế rà soát thường quy về mức độ phù hợp của phương pháp đánh giá của từng bài học và học phần; Phát triển đa dạng các hình thức thu hút nhân lực trình độ cao cho chương trình xét nghiệm y học; Rà soát các chỉ số đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên; lắp rèm giảm độ ồn trong các lớp học tại khu vực giảng đường; mở rộng đối tượng dự giảng đối với toàn bộ giảng viên trong trường; Tăng cường số lượng đề tài tài NCKH của SV KTXNYH: phân bổ để mỗi năm ít nhất 02 đề tài được thực hiện [H9.09.03.07].

Trong giai đoạn từ năm học 2017-2018 đến hết học kỳ 1 của năm học 2021-2022, Nhà trường đã công bố **báo cáo kết quả cải tiến chất lượng** sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau quá trình TĐG đối với CTĐT cử nhân YTCC (ban hành vào tháng 10/2017) và CTĐT cử nhân KTXNYH (ban hành vào tháng 10/2021). Đối với

CTĐT cử nhân YTCC, báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau quá trình TĐG chỉ rõ: Nhà trường đã định kỳ đánh giá tính phù hợp của các CĐR của CTĐT để hướng tới phù hợp và tương thích với năng lực của cán bộ YTCC, liên hệ, mở rộng mạng lưới đối tác trong và ngoài nước để có thể đưa sinh viên trong nước đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các trường đại học nước ngoài, tăng cường kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ giảng viên trẻ để trau dồi khả năng giảng dạy của giảng viên, khuyến khích thu hút nhân viên có trình độ, chất lượng cao, tăng cường trao đổi hai chiều giữa cán bộ mời giảng từ các cơ sở sử dụng lao động ngành YTCC và sinh viên trong các buổi giới thiệu cơ hội việc làm cho sinh viên, tăng cường khả năng thực hiện NCKH cho sinh viên ngành YTCC thông qua tăng số lượng đề tài cấp cơ sở được phê duyệt cho sinh viên, yêu cầu giảng viên có kinh nghiệm hỗ trợ các nhóm SV thực hiện các đề tài cấp cơ sở [H10.10.03.01]. Do mới hoàn thành việc TĐG chương trình cử nhân KTXNYH vào tháng 5/2021, nên báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai KHHĐ khắc phục tồn tại sau TĐG mới chỉ thể hiện được một số hoạt động đã triển khai trong thời gian gần đây, cụ thể là hoạt động lắp rèm để giảm tiếng ồn ở các lớp học ở khu vực giảng đường [H10.10.03.02], bổ sung kinh phí đối với NCKH do sinh viên làm chủ nhiệm đề tài và giao cho giảng viên thuộc Trung tâm Xét nghiệm chịu trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ để sinh viên của ngành học có thể hoàn thành đề tài [H10.10.03.03], [H10.10.03.04].

Đối với ĐGN, Trong giai đoạn từ năm học 2017-2018 đến hết học kỳ 1 của năm học 2021-2022, Nhà trường đã hoàn thành một lần ĐGN đối với CSGD (được cấp giấy chứng nhận vào tháng 11/2017) và hai lần ĐGN đối với 2 CTĐT (CTĐT cử nhân YTCC theo chuẩn AUN-QA, được cấp giấy chứng nhận vào tháng 01/2018; CTĐT cử nhân KTXNYH theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT, được cấp giấy chứng nhận vào tháng 01/2022). **Các điểm mạnh, điểm tồn tại của các lĩnh vực hoạt động** của Nhà trường trong ĐGN CSGD và của 2 CTĐT cử nhân YTCC và cử nhân KTXNYH đã được chỉ rõ trong các báo cáo ĐGN.

Hoạt động ĐGN đối với chất lượng cơ sở giáo dục được thực hiện lần đầu tiên tại Trường vào tháng 9 năm 2017. Các **điểm mạnh, điểm tồn tại** của từng lĩnh vực hoạt động

đều **được xác định, phân tích qua quá trình ĐGN** và được thể hiện rõ trong BC ĐGN. Một vài điểm mạnh của Nhà trường được tóm tắt như sau: Sứ mạng của Nhà trường đã được tuyên bố trong Kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các định hướng phát triển của Trường; Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đã quy định rõ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng/ban chức năng và các đơn vị trực thuộc trường; Tất cả các CTĐT của Trường được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; Các CTĐT và hình thức đào tạo đa dạng; Có kế hoạch, tổ chức tuyển dụng nhân sự hàng năm theo đúng quy định; Tỷ lệ người học tốt nghiệp sau 1 năm có việc làm đúng ngành đào tạo đạt trung bình 67,5%; Có nhiều đề tài có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế xã hội của đất nước, được gắn kết chặt chẽ với công tác đào tạo; Hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường trong khoa học công nghệ đã góp phần cung cấp các trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH của Nhà trường và nguồn thu cho Trường với giá trị lớn (tương đương 135,7 tỷ VNĐ); Nhà trường có nhiều máy móc, thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập, NCKH; Nguồn thu của Nhà trường trong cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của các đơn vị về tài chính, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. Tuy nhiên, Đoàn ĐGN cũng đã giúp nhà trường phân tích và xác định một số điểm tồn tại, có thể tóm tắt một vài điểm tồn tại điển hình như sau: Chưa tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển tổng thể giai đoạn 2013-2020 nên chưa có bổ sung, điều chỉnh mục tiêu; Chưa thành lập Hội đồng Trường; Chưa tham khảo rộng rãi và đầy đủ ý kiến các bên liên quan (nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp) trong xây dựng và cải tiến CTĐT; Chưa ban hành văn bản chính thống nhiệm vụ thu thập thông tin về tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp cho Phòng Công tác sinh viên; Chưa thực hiện việc đánh giá nhu cầu đào tạo của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên; Tỷ lệ người học xin được việc làm nhờ các thông tin do Nhà trường cung cấp chưa cao; Chưa có đăng ký bản quyền đối với các công trình nghiên cứu, các ấn phẩm của Nhà trường; Số lượng các đề tài KHCN hợp tác với các đối tác nước ngoài có ứng dụng thực tiễn chỉ chiếm 41,67% tổng số đề tài/dự án HTQT về KHCN; Giải pháp tự chủ tài chính của Nhà trường trong chiến lược phát triển đến năm 2020 chưa rõ ràng và chỉ số thực hiện chưa cụ thể, chưa phản ánh đúng yêu cầu của kế hoạch [H10.10.03.05].

Báo cáo ĐGN của chương trình cử nhân YTCC theo chuẩn AUN-QA cũng đã chỉ rõ một số **điểm mạnh và điểm tồn tại** của CTĐT này. Một số điểm mạnh nổi bật của CTĐT cử nhân YTCC được chỉ ra bởi đoàn ĐGN như: CĐR của CTĐT đáp ứng được các yêu cầu của Bộ GD&ĐT cũng như yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động, CTĐT đặc thù cho đối tượng cử nhân YTCC, đã có mẫu đề cương học phần áp dụng chung cho toàn trường từ năm học 2016-2017, các học phần đã được rà soát và thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào các CĐR của CTĐT, một số kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp ngành YTCC của Nhà trường được cả cựu người học và nhà sử dụng lao động đánh giá cao. Mặc dù vậy, đoàn ĐGN cũng chỉ ra một số điểm tồn tại cần khắc phục của CTĐT cử nhân YTCC của Nhà trường. Có thể nêu một vài ví dụ như sau: một số học phần chưa thực sự đóng góp cho CĐR của CTĐT, đặc biệt là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở đại cương, hay một số CĐR đang sử dụng động từ khó có thể đánh giá được, chẳng hạn “kiến thức về y học cơ sở”, một số sinh viên năm thứ nhất ngành YTCC vẫn chưa rõ về lĩnh vực y tế công cộng mà các em đang theo học, số lượng NCKH được thực hiện bởi sinh viên còn thấp, cơ chế lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan còn chưa linh hoạt và đa dạng v.v. [H10.10.03.06].

Riêng CTĐT cử nhân KTXNYH, ngoài các điểm mạnh, điểm tồn tại được trình bày cụ thể trong báo cáo ĐGN, đoàn ĐGN đã hoàn thành 01 bảng phụ lục tóm tắt toàn bộ các điểm mạnh, điểm tồn tại cần khắc phục của CTĐT cử nhân KTXNYH. Có thể nêu tóm tắt một số điểm mạnh và điểm tồn tại điển hình như sau: các phiên bản của CTĐT có CĐR tương đối rõ ràng; bản mô tả CTĐT đủ các nội dung theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT; CTDH gồm ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT; có các văn bản rõ ràng về quy trình và kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học; có các văn bản rõ ràng để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ giảng viên, có hệ thống KPIs đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên; chính sách tuyển sinh rõ ràng; công bố công khai; hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp, đủ đáp ứng cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu; đã có hệ cơ sở dữ liệu về người học của ngành KTXNYH. Tuy nhiên, một số điểm tồn tại cũng đã được chỉ ra ở một vài ví dụ sau đây: CĐR chưa nêu rõ được chuẩn về kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác theo Khung trình độ quốc gia được ban hành tại QĐ số 1982/QĐ-TTg

ngày 18/10/2016; Nhà trường đang tích hợp bản mô tả CTĐT và đề cương môn học; Bản mô tả CTDH chưa thể hiện rõ những quy định/hướng dẫn chung về thực hiện CTĐT; Hình thức học tập trải nghiệm và trao đổi sinh viên giữa các trường đại học, các cơ sở thực tập thực tế nghề nghiệp trong giai đoạn đánh giá còn chưa nhiều; Hoạt động tự học của người học chưa được đề cập đầy đủ trong các đề cương học phần; KHCL chưa thể hiện chỉ tiêu phát triển đội ngũ giảng viên cho từng nhóm ngành đào tạo; chưa thực hiện thường xuyên khảo sát sự hài lòng về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; công tác khảo sát, phân tích, đánh giá dự báo nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ xây dựng chỉ tiêu và chính sách tuyển sinh chưa được thực hiện thường xuyên; phòng học còn tiếng vang (ồn); các quy định về khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan ban hành trước 2019 chủ yếu quy định đối với người học; tỷ lệ sinh viên ngành KTXNYH tham gia NCKH còn ít, có xu hướng giảm trong 4 năm cuối của giai đoạn đánh giá [H9.09.03.08], [H10.10.02.09].

Sau khi nhận được góp ý và khuyến nghị từ các đoàn ĐGN, Nhà trường đã ***xây dựng kế hoạch hành động khả thi*** để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả ĐGN đối với từng loại hình được ĐGN.

- Dựa trên khuyến nghị của Đoàn ĐGN đối với CSGD, Nhà trường đã ban hành kế hoạch hành động để thực hiện các khuyến nghị của đoàn ĐGN, chẳng hạn như rà soát tình hình triển khai kế hoạch chiến lược giai đoạn 2013-2020, xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển tổng thể Trường ĐHYTCC giai đoạn 2018-2023 (đề ra mục tiêu của 4 lĩnh vực gồm đào tạo, NCKH, dịch vụ và gắn kết, phát triển với kế hoạch thực hiện cụ thể; đặt ra kế hoạch thành lập Hội đồng Trường theo văn bản hướng dẫn của BYT, thành lập Hội đồng ĐBCL; khảo sát nhu cầu thị trường lao động (đặc biệt đối với một số ngành mới dự kiến sẽ mở); các văn bản trong trường khi xây dựng phải gửi xin ý kiến góp ý của viên chức, người lao động trong toàn trường; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh trong sinh viên, học viên; tiếp tục đầu tư cho các nhóm nghiên cứu mạnh theo các lĩnh vực ưu tiên để phát huy thế mạnh của giảng viên, nghiên cứu viên của Trường [H10.10.03.07].
- Với các khuyến nghị của Đoàn ĐGN với chương trình cử nhân YTCC, Nhà trường đã xây dựng bản Kế hoạch điều chỉnh, cải thiện chương trình cử nhân YTCC theo khuyến

ng nghị của Đoàn Đánh giá AUN-QA vào tháng 12/2017, trong đó chú trọng vào việc chỉnh sửa CDR của CTĐT, rà soát lại một số CDR để đảm bảo chúng có thể được đo lường, tăng cường số lượng và chất lượng đề tài cơ sở do sinh viên ngành cử nhân YTCC chủ trì v.v. [H10.10.03.08].

- Riêng với CTĐT cử nhân KTXNYH, do quá trình ĐGN mới hoàn tất toàn bộ các thủ tục vào ngày 17/01/2022, nên Nhà trường mới chỉ tổ chức họp rà soát các điểm cần khắc phục và cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN đối với chương trình cử nhân KTXNYH để từ đó xây dựng kế hoạch hành động cải tiến chất lượng, tuy nhiên mới đang dự thảo mà chưa ban hành kế hoạch hành động khả thi để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả ĐGN [H10.10.03.09].

Nhà trường có các ***báo cáo kết quả cải tiến chất lượng*** sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn ĐGN. Trong chu kỳ đánh giá từ năm học 2017-2018 đến hết học kỳ 1 năm học 2021-2022, Nhà trường đã triển khai kế hoạch hành động để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả ĐGN của 3 CTĐT được thực hiện ĐGN theo chuẩn AUN-QA gồm: Chương trình thạc sĩ YTCC (được đánh giá ngoài và công nhận vào tháng 01/2016), chương trình thạc sĩ QL BV (được công nhận tháng 01/2017) và chương trình cử nhân YTCC (được công nhận tháng 12/2017). Ngoài ra, Nhà trường cũng đã hoàn thành báo cáo rà soát giữa chu kỳ kiểm định chất lượng (giai đoạn 5 năm 2017-2022).

- Đối với chương trình thạc sĩ YTCC, Nhà trường đã có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN, tập trung vào 15 khuyến nghị của Đoàn ĐGN liên quan tới CDR, CTĐT, cấu trúc và nội dung chương trình, chiến lược dạy và học, đánh giá người học, chất lượng giảng viên, nâng cao chất lượng nhân viên, chất lượng người học, hỗ trợ tư vấn cho người học, đảm bảo chất lượng dạy và học, hoạt động phát triển nhân sự, phản hồi của các bên liên quan, đầu ra, sự hài lòng của các bên liên quan [H10.10.03.10].
- Đối với chương trình thạc sĩ QL BV, Nhà trường đã hoàn tất báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn ĐGN, tập trung vào 51 khuyến nghị của Đoàn dành cho Nhà trường và cũng chú trọng vào

các mục về CDR, CTĐT, cấu trúc và nội dung chương trình, chiến lược dạy và học, đánh giá người học, chất lượng giảng viên, nâng cao chất lượng nhân viên, chất lượng người học, hỗ trợ tư vấn cho người học, đảm bảo chất lượng dạy và học, hoạt động phát triển nhân sự, phản hồi của các bên liên quan, đầu ra, sự hài lòng của các bên liên quan [H10.10.03.11].

- Đối với chương trình cử nhân YTCC, Nhà trường cũng đã hoàn tất báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn ĐGN, tập trung vào 36 khuyến nghị của Đoàn, và cũng chú trọng vào các mục là CDR, CTĐT, cấu trúc và nội dung chương trình, chiến lược dạy và học, đánh giá người học, chất lượng giảng viên, nâng cao chất lượng nhân viên, chất lượng người học, hỗ trợ tư vấn cho người học, đảm bảo chất lượng dạy và học, hoạt động phát triển nhân sự, phản hồi của các bên liên quan, đầu ra, sự hài lòng của các bên liên quan [H10.10.03.12].
- Đối với báo cáo rà soát giữa chu kỳ kiểm định CSGD (tháng 5/2020), Nhà trường đã tiến hành báo cáo từng kết quả thực hiện theo khuyến nghị của đoàn ĐGN, khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, mô tả các hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị và phân tích nguyên nhân tồn tại chưa khắc phục được và thực hiện theo 25 tiêu chuẩn theo hướng dẫn tại Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học [H10.10.03.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trước năm học 2017-2018, nhà trường chưa có quy trình tự đánh giá rõ ràng. Mặc dù Hội đồng TĐG được thành lập, có kế hoạch triển khai, tuy nhiên việc viết báo cáo tự đánh giá CTĐT được giao cho các phòng đào tạo và Trung tâm ĐBCL&KT là đầu mối, sự tham gia của các khoa/bộ môn khá mờ nhạt. Quá trình TĐG CSGD được giao cho một số phòng chức năng có liên quan tham gia thông qua đầu mối triển khai là Trung tâm ĐBCL&KT. Ngay khi thực hiện ĐGN CSGD vào tháng 9/2017, Nhà trường đã nhận thấy vấn đề này và đã thực hiện *rà soát, đánh giá quy trình thực hiện tự đánh giá* (bao gồm kế hoạch tự

đánh giá, phân công trách nhiệm trong hội đồng tự đánh giá, các bước thực hiện, cách thức thực hiện, xử lý kết quả,...) để có thể triển khai tốt hơn đối với những hoạt động TĐG trong những giai đoạn sau này. Trường đã tổ chức họp với các đơn vị trong trường để rút kinh nghiệm của những lần tự đánh giá đã thực hiện trong giai đoạn trước năm 2017, rà soát lại những công việc cần thực hiện và yêu cầu tất cả các cá nhân, đơn vị có liên quan đều cùng phải tham gia, từ khâu lập kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm trong HĐ tự đánh giá đến quá trình thực hiện, xử lý kết quả, lập kế hoạch hành động và thực hiện kế hoạch hành động nhằm triển khai các phát hiện trong quá trình tự đánh giá. Biên bản họp đã nêu rõ, với quá trình TĐG các CTĐT, các khoa chuyên môn phải là đơn vị đầu mối tham gia vào tất cả các khâu của quá trình TĐG, phối hợp chặt chẽ với Trung tâm ĐBCL&KT. Trưởng khoa phải có tên trong Hội đồng tự đánh giá và các thành viên của Khoa phải tham gia vào ban thư ký và các nhóm chuyên trách trong quá trình thực hiện và triển khai TĐG. Sau khi có kết quả tự đánh giá và phát hiện ra các điểm tồn tại cần khắc phục, các khoa chuyên môn sẽ phải làm đầu mối để xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến các điểm tồn tại và phối hợp chặt chẽ với Trung tâm ĐBCL&KT để triển khai kế hoạch hành động này cùng với các phòng ban liên quan trong trường và là đầu mối để viết báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động này. Với quá trình TĐG CSGD, biên bản cuộc họp cũng thể hiện việc Nhà trường giao Trung tâm ĐBCL&KT làm đầu mối của tất cả các bước trong quá trình TĐG [H9.09.02.03].

Dựa trên nội dung thảo luận tại cuộc họp này, ***quy trình TĐG của Nhà trường đã được ban hành*** cho cả CTĐT và cấp CSGD. Do trước giai đoạn này, Nhà trường chủ yếu dựa vào các hướng dẫn TĐG cấp CTĐT và cấp CSGD để thực hiện TĐG đối với cả CSGD và CTĐT, đến năm 2018 mới chính thức ban hành quy định TĐG cấp CSGD [H9.09.04.02] và quy định TĐG CTĐT [H9.09.04.03], các văn bản này đều dựa vào các hướng dẫn mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện nên Nhà trường chưa có điều chỉnh mới. Quy định TĐG cấp CSGD của Nhà trường đã bao gồm các hướng dẫn cụ thể với các bước trong quy trình TĐG và nêu rõ 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí và phù hợp với văn bản hướng dẫn hiện vẫn còn hiệu lực của Bộ GD&ĐT về quy định TĐG CSGD [H9.09.04.02], [H10.10.01.06]. Tương tự như vậy, quy định TĐG CTĐT của Nhà trường cũng được ban

hành năm 2018 với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí và cũng phù hợp với văn bản hướng dẫn còn hiệu lực của Bộ GD&ĐT [H9.09.04.03], [H10.10.01.09]. Hiện tại, Nhà trường đã sẵn sàng để sửa đổi, cải tiến quy trình TĐG nếu như Bộ GD&ĐT có những điều chỉnh, thay đổi đối với các văn bản hướng dẫn TĐG cấp CSGD và cấp CTĐT.

Sau khi hoàn thành việc ĐGN cấp CSGD vào tháng 9/2017, để có thể triển khai hoạt động ĐGN cho các lần ĐGN sau thuận lợi hơn, Nhà trường cũng đã thực hiện ***rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho ĐGN*** (bao gồm việc lên kế hoạch, phân công trách nhiệm, các bước thực hiện, cách thức chuẩn bị, lập KH cải tiến v.v). Đối với quá trình ĐGN, đầu mỗi thực hiện công việc được giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, nay là Trung tâm ĐBCL&KT làm đầu mỗi triển khai toàn bộ các hoạt động liên quan tới ĐGN. Trung tâm là đơn vị dự thảo kế hoạch ĐGN, trong kế hoạch cần thể hiện rõ phân công trách nhiệm cho các đơn vị liên quan, thời gian hoàn thành, đơn vị đầu mối-đơn vị phối hợp và các yêu cầu cụ thể về đầu ra. Ngoài ra, Nhà trường cũng giao nhiệm vụ cho Phòng Hành chính Quản trị (nay là Phòng Quản trị - Công nghệ) chịu trách nhiệm triển khai việc đấu thầu (nếu có yêu cầu) trong quá trình lựa chọn đơn vị ĐGN phù hợp, tuy nhiên Trung tâm ĐBCL&KT cần tham gia vào việc đóng góp các yêu cầu về năng lực chuyên môn của đơn vị tham gia thầu để Phòng QTCN có thể thuận lợi triển khai việc đấu thầu lựa chọn đơn vị ĐGN. Đối với ĐGN cấp CTĐT, Nhà trường vẫn phân công các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm lập kế hoạch hành động để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả ĐGN cũng như chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan trong Trường để thực hiện kế hoạch hành động này và có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn ĐGN (giữa chu kỳ và cuối chu kỳ). Đối với ĐGN cấp CSGD, Nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL&KT chịu trách nhiệm lập kế hoạch hành động để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả ĐGN cũng như chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan trong Trường để thực hiện kế hoạch hành động này và có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động theo khuyến nghị của đoàn ĐGN (giữa chu kỳ và cuối chu kỳ), các đơn vị khác có trách nhiệm tham gia phối hợp, cung cấp thông tin và viết nội dung báo cáo các phần mình phụ trách theo yêu cầu của Trung tâm ĐBCL&KT [H9.09.02.03].

Dựa trên kết quả từ cuộc họp với các đơn vị liên quan trong trường, **quy trình chuẩn bị cho ĐGN được cải tiến** và cũng đã được thể hiện ở phần cuối của các quy định TĐG CTĐT [H9.09.04.03] và TĐG CSGD [H9.09.04.02]. Trên thực tế, quy trình cải tiến này đã được áp dụng triển khai trong lần ĐGN của chương trình cử nhân KTXNYH thực hiện từ ngày 20-23/10/2021: xây dựng kế hoạch cụ thể về việc đón đoàn ĐGN, phân công các đơn vị có liên quan thực hiện, mốc thời gian cụ thể và đầu ra cần đạt được [H10.10.01.17], đồng thời trước đợt khảo sát chính thức, Trung tâm ĐBCL&KT đã nhắc lại danh sách phân công cán bộ đầu mối chịu trách nhiệm làm việc với Đoàn ĐGN trong thời gian triển khai hoạt động ĐGN tại Trường [H10.10.04.01].

Kết thúc đợt ĐGN của CTĐT cử nhân KTXNYH, Nhà trường đã tổ chức **họp rút kinh nghiệm chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCL CTĐT** với các khoa, viện, bộ môn, trung tâm trong toàn Trường. Dựa trên báo cáo của đoàn ĐGN và tóm tắt những điểm mạnh, điểm tồn tại cần cải thiện và khuyến nghị của đoàn ĐGN, Nhà trường đã tổ chức một cuộc họp giữa Lãnh đạo Nhà trường với đại diện Trung tâm Xét nghiệm, Khoa Y học lâm sàng, Trung tâm ĐBCL&KT, Phòng QLĐT và một số chuyên gia trong trường để rút kinh nghiệm về các khuyến nghị của Đoàn ĐGN và đề ra các biện pháp cải thiện CTĐT cử nhân KTXNYH nói riêng và các CTĐT khác trong toàn trường [H10.10.03.09]. Ngay sau đó, Chủ tịch Hội đồng Trường đã giao cho Ban Kiểm soát của HĐT phối hợp với Trung tâm ĐBCL&KT, Phòng QLĐT để xây dựng bảng kiểm SMART về công tác quản lý hoạt động đào tạo tại các khoa/viện/trung tâm/bộ môn nhằm đáp ứng các yêu cầu, các khuyến nghị về ĐBCL CTĐT do đoàn ĐGN khuyến nghị. Bảng kiểm này đã được áp dụng thử nghiệm tại hai đơn vị là Trung tâm Xét nghiệm và Khoa Y học lâm sàng, sau đó chỉnh sửa và được HĐT thông qua vào ngày 29/12/2021 [H9.09.01.16]. Trên cơ sở này, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển đã tổ chức một buổi sinh hoạt khoa học với sự tham gia của toàn thể các lãnh đạo và giảng viên của các khoa/viện/bộ môn/trung tâm trực thuộc trường và các chuyên viên của phòng QLĐT, Trung tâm ĐBCL&KT để chia sẻ thực hành tốt về công tác ĐBCL CTĐT tại buổi sinh hoạt khoa học ngày 07/01/2022 [H10.10.04.02]. Tại cuộc họp, nội dung và hướng dẫn sử dụng bảng kiểm đã được trình bày, trao đổi, giải đáp tại cuộc họp, đồng thời kết quả thử nghiệm bảng kiểm

tại hai đơn vị là Khoa Y học lâm sàng và Trung tâm Xét nghiệm cũng đã được chia sẻ, đồng thời các yêu cầu cũng như các mốc thời gian để cải thiện chất lượng quản lý chương trình đào tạo tại các khoa, viện, bộ môn, trung tâm thuộc Trường đã được nêu ra bởi Chủ tịch Hội đồng Trường [H10.10.04.03].

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược, kế hoạch về ĐBCLGD rõ ràng và được cập nhật, thay đổi phù hợp với bối cảnh thực tế, chủ động xây dựng kế hoạch TĐG và ĐGN CSGD và CTĐT của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, Trường đã có 02 đợt ĐGN được tổ chức trong chu kỳ đánh giá: kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (năm 2017) và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cử nhân KTXNYH (năm 2021).

Việc xây dựng KHHĐ được diễn ra nhanh chóng sau khi phân tích được các điểm mạnh, điểm tồn tại và được thực hiện, được giám sát và có kết quả.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Chưa có cán bộ nào được cấp thẻ kiểm định viên KĐCLGD do từ 2017 tới nay Bộ GD&ĐT không tổ chức thi cấp thẻ KĐV.

Trước năm học 2021-2022, Nhà trường chưa tổ chức họp rút kinh nghiệm và chia sẻ thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD trong Trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cử các cán bộ đã có chứng chỉ KĐV KĐCLGD tham gia các đoàn ĐGN với tư cách quan sát viên để đủ điều kiện thi cấp thẻ KĐV KĐCLGD và tham gia kỳ	Phòng Tổ chức Hành chính Các cán bộ đã có chứng chỉ KĐV KĐCLGD	Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022 trở đi	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		thi ngay khi Bộ GD&ĐT tổ chức	tham gia đoàn ĐGN và thi KĐV		
2	Khắc phục tồn tại	Từ kết quả thực hành tốt trong công tác ĐBCL, KĐCLGD trong Trường, tiến hành rà soát công tác ĐBCL để chuẩn bị cho các đợt KĐCLGD tại tất cả các đơn vị trong trường	TT ĐBCL&KT Các đơn vị khác trong trường	Bắt đầu triển khai từ học kỳ 2 năm học 2021-2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>4.75</i>
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	4
Tiêu chí 10.4	5

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Nhà trường đã **phê duyệt Kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong theo năm học** bao gồm các nội dung thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin cũng như phân công trách nhiệm các đơn vị về lưu trữ, xử lý, bảo quản, chuyển giao và sử dụng thông tin ĐBCL bên trong từ các bên liên quan hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ [H11.11.01.01] [H9.09.01.08] [H9.09.01.09] [H9.09.01.10].

Ngoài ra, Nhà trường triển khai xây dựng, thu thập và sử dụng bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng đào tạo (IQA) nhằm cung cấp thông tin từ các nguồn, các bên liên quan hỗ trợ cho công tác đào tạo của Nhà trường [H9.09.01.07].

Nhà trường đã ban hành quy định Đảm bảo chất lượng Trường Đại học Y tế công cộng [H9.09.01.06], theo quy định, Hội đồng đảm bảo chất lượng có chức năng tư vấn cho Hiệu trưởng về các vấn đề liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (hiện tại là Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí) là đơn vị ***đầu mối triển khai*** và tham mưu cho Hiệu trưởng và Hội đồng đảm bảo chất lượng về công tác đảm bảo chất lượng, xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD. Mặt khác trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng Trường Đại học Y tế công cộng [H9.09.01.05], Nhà trường có giao nhiệm vụ cho Hội đồng đảm bảo chất lượng tham mưu xây dựng các chỉ số đảm bảo chất lượng, kế hoạch triển khai, kế hoạch theo dõi đánh giá, báo cáo; Tham gia tổ chức thực hiện áp dụng bộ tiêu chuẩn chất lượng, đánh giá nội bộ chất lượng và thông qua báo cáo chất lượng; Hỗ trợ kỹ thuật cho các khoa, phòng, bộ môn để triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng hàng năm theo kế hoạch. Nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí được xác định rõ ràng trong Quy định chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Trung tâm của Trường Đại học Y tế công cộng là xây dựng và triển khai các kế hoạch cụ thể của hoạt động đảm bảo chất lượng toàn trường; triển

khai công tác lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo; theo dõi, giám sát đảm bảo chất các hoạt động bên trong của nhà trường [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02].

Nhà trường đã ban hành Quy định về Khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo của Trường Đại học Y tế công cộng [H9.09.04.12], trong đó có quy định rõ về các mốc thời gian, đầu công việc, người phụ trách thực hiện, các bước phản hồi thông tin của mỗi nhóm các bên liên quan.

Để nhằm triển khai thu thập xử lý các thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, Nhà trường đã triển khai đề án ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực đảm bảo chất bên trong và đã phân cho Bộ phận Công nghệ thông tin trực thuộc Phòng Quản trị Công nghệ phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí xây dựng Phương án ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cơ sở giáo dục [H11.11.01.02]. Trong khuôn khổ đề án, Nhà trường chú trọng vào nâng cao chất lượng hệ thống phần mềm quản lý thông tin thuộc các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ và đặc biệt là xây dựng phần mềm Tổng hợp báo cáo (HUPH HUB) giúp Ban giám hiệu, nhóm quản lý luôn nắm được thông tin cập nhật về lĩnh vực mà mình quản lý.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Hiện nay Nhà trường có 02 máy chủ Blade đang hoạt động dưới dạng máy chủ ảo hóa [H7.07.03.21], có 350 máy tính để bàn trang bị tại các phòng làm việc của các phòng ban, khoa và bộ môn, 20 máy tính xách tay để phục vụ tại các giảng đường [H7.07.03.10] [H7.07.03.07]. Trường có 03 phòng máy tính với số 159 máy tính để bàn và có 16 máy đặt tại Trung tâm học liệu - thư viện [H11.11.02.01] [H11.11.02.02]; hệ thống internet với 6 đường truyền Fiber to the Home (FTTH) và 1 đường mạng thuê riêng (Internet Leased line); các trạm phát wifi [H7.07.02.16]; cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên sử dụng mạng thông qua việc đăng ký địa chỉ MAC của thiết bị vào hệ thống. Hệ thống phần mềm phục vụ

công tác ĐBCL gồm: Phần mềm quản lý học vụ Nam Việt, phần mềm quản lý Học liệu – Thư viện, phần mềm tài chính ANA, phần mềm quản lý tài sản, cổng thông tin sinh viên, Website của Trường (huph.edu.vn), hệ thống thư điện tử Email (với tên miền @huph.edu.vn) [H7.07.03.19] [H7.07.03.12] [H7.07.03.13] [H11.11.02.03]. Bộ phận phụ trách công nghệ thông tin trực thuộc Phòng Quản trị - Công nghệ Trường ĐH Y tế công cộng [H1.01.04.01].

Cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đã được Nhà trường xử lý, phân tích đầy đủ theo từng lĩnh vực hoạt động, ở mức độ có thể sử dụng trực tiếp cho công tác ra quyết định của các cấp quản lý. Hầu hết cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đều được xây dựng từ các phân hệ phần mềm liên quan như về quản lý các chương trình đào tạo, quản lý tín chỉ, quản lý thi, quản lý sinh viên/học viên, quản lý thư viện, quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất... Hệ thống đánh giá học phần/hoạt động giảng dạy của giảng viên được tích hợp trên cổng thông tin sinh viên giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và thực hiện đánh giá, đồng thời kết quả đánh giá được tổng hợp, phân tích và tự động trả kết quả theo học phần, theo giảng viên [H11.11.02.04] [H11.11.02.05].

Thông tin ĐBCLGD của Nhà trường về các hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đã được tổ chức thu thập và phân tích trên các phần mềm phù hợp theo từng loại khảo sát, từng đối tượng, từng mục tiêu. Ví dụ như đối với khảo sát đánh giá cuối khóa, khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên, Nhà trường thu thập thông tin bằng Google Forms và phân tích, xử lý số liệu trên phần mềm Stata/Excel [H11.11.02.06] [H11.11.02.07] [H11.11.02.08] [H11.11.02.09] [H11.11.02.10] [H11.11.02.11] [H11.11.02.12] [H11.11.02.13] [H11.11.02.14].

Các thông tin ĐBCL về đào tạo, nhân sự, CSVC, người học v.v. là cơ sở để Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh hằng năm, báo cáo 3 công khai [H11.11.02.15] được công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường theo địa chỉ <https://dbcl.huph.edu.vn/vi/node/454>;

Nhà trường đã có hệ thống thông tin ĐBCL bên trong được lưu trữ có hệ thống, sẵn sàng trích xuất khi cần. Để đạt được điều này, Nhà trường đã ban hành Quy định khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo của Trường Đại học Y tế công cộng, trong đó có hướng dẫn rõ ràng về việc xử lý, lưu trữ và cơ chế sử dụng kết quả khảo sát các bên liên

quan [H9.09.04.12]. Phòng CTHVSV tiến hành lấy ý kiến của người học và cựu người học, các Khoa/viện điều phối chương trình tiến hành lấy ý kiến nhà sử dụng, chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp. Sau khi kết thúc thời gian khảo sát, Trung tâm ĐBCL&KT tiến hành tập hợp xử lý thông tin dữ liệu khảo sát với các phiếu định lượng theo yêu cầu, các Khoa/viện điều phối chương trình tổng hợp ý kiến định tính do Khoa/viện thu thập. Sau đó, Trung tâm ĐBCL&KT công bố kết quả khảo sát và gửi về các đơn vị có liên quan. Dựa trên kết quả khảo sát, Khoa điều phối CTĐT chủ trì phối hợp với các Khoa tham gia giảng dạy chương trình rà soát, chỉnh sửa chương trình (nếu có). Các khoa điều phối CTĐT gửi lại cho Trung tâm ĐBCL&KT biên bản họp với các Khoa liên quan, CTĐT đã được điều chỉnh (nếu có) đã thông qua HĐKH trước khi vào năm học mới. Sau cùng, Trung tâm ĐBCL&KT lưu trữ kết quả khảo sát [H9.09.04.12].

Nhà trường có biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong. Cơ sở dữ liệu của các phần mềm thuộc hệ thống thông tin ĐBCL bên trong theo các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường đều được hỗ trợ lưu trữ đầy đủ thông tin trên hệ thống máy chủ của Trường và có cơ chế sao lưu dữ liệu dự phòng, dữ liệu được lưu trữ tại nơi an toàn để sẵn sàng phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường khi cần. Việc sao lưu dữ liệu dự phòng được thực hiện định kỳ hàng tuần và đảm bảo không bị lưu đề thông tin, sao lưu dự phòng các thông tin thay đổi, thường xuyên kiểm tra thông tin, dữ liệu sao lưu để đảm bảo tính sẵn sàng và toàn vẹn của thông tin. Có biện pháp phòng ngừa hư hỏng, sự cố máy tính, hệ thống thông tin qua các sự cố bất khả kháng như: hư hỏng thiết bị đột ngột, chập điện, cháy nổ, lũ lụt, sét đánh, khủng bố, trộm cắp... [H11.11.02.16].

Ngoài ra, phòng QTCN cũng thường xuyên đưa ra các hướng dẫn đối với những tình huống, cách bảo mật thông tin hữu hiệu cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường thông qua hệ thống email của Nhà trường [H11.11.02.17] [H11.11.02.18] [H11.11.02.19] [H11.11.02.20].

Nhà trường đã ban hành Quy định đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin trường Đại học Y tế công cộng [H11.11.02.16] và đã có văn bản Phân công chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản trị Công nghệ đối với chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn thông tin đối với các dữ liệu thông tin về ĐBCL bên trong [H1.01.04.01].

Văn bản quy định về đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật cho hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường đã được gửi đến toàn thể các cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Trường biết và thực hiện thông qua email và đồng thời Nhà trường cũng công khai văn bản này trên website của Nhà trường [H11.11.02.21] [H11.11.02.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Nhà trường định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong thông qua kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H11.11.03.01].

Thực hiện theo hướng dẫn, phân công nhiệm vụ có trong Kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng trong Nhà trường, các đơn vị tiến hành rà soát hệ thống thông tin về ĐBCL trong phạm vi lĩnh vực mình phụ trách: Phòng QLĐT rà soát các dữ liệu về đào tạo, kết quả tuyển sinh, CTĐT...; Trung tâm ĐBCL&KT rà soát các dữ liệu về khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan; hệ thống văn bản ĐBCL; hồ sơ kiểm định chất lượng CSGD... [H11.11.03.01]. Việc phân công và hướng dẫn cụ thể sẽ giúp Nhà trường thu thập được đầy đủ và chính xác các thông tin cần thiết cũng như đảm bảo tính an toàn và bảo mật cho các thông tin ĐBCL bên trong đã thu thập được.

Nhà trường đã gửi phiếu ghi ý kiến của các đơn vị về rà soát, đánh giá, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL vào các năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022 về thiết bị CNTT, hệ thống dự phòng, bảo mật, quyền truy cập .v.v phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H11.11.03.02].

Bên cạnh đó Nhà trường tiến hành rà soát bổ sung thêm trang thiết bị, máy tính phục vụ công tác đào tạo [H7.07.03.07] [H7.07.03.10]; thêm tính năng, nâng cấp các phần mềm như phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm thi trực tuyến... [H7.07.03.12] [H7.07.03.11] [H7.07.03.18] [H7.07.03.17]; Nhà trường đang tiến hành triển khai xây dựng trung tâm dữ liệu được liên kết và kế thừa từ các phần mềm nhỏ lẻ riêng biệt để có thể sử dụng dữ liệu một cách hiệu quả [H7.07.03.03]. Năm 2021, Nhà trường cũng đã điều chỉnh phương pháp thu thập kết quả đánh giá bộ chỉ số IQA bằng cách

số hóa trên hệ thống google.sheet giúp các đơn vị thuận tiện trong quá trình cung cấp và sử dụng các thông tin ĐBCL [H11.11.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Sự cải tiến Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được thể hiện rõ nét qua việc cập nhật Quy định về Khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo của Trường Đại học Y tế công cộng. Quy định được xây dựng lần đầu năm 2016 với cách thức thu thập và quản lý phiếu lấy ý kiến các bên liên quan (người học, người học cuối khóa) bằng phiếu khảo sát giấy, phân tích dữ liệu bằng phần mềm STATA, đến năm 2018, 2020 quy định được chỉnh sửa lấy ý kiến các bên liên quan thông qua hệ thống google form và đến năm 2021 được cập nhật một lần nữa, sử dụng phần mềm Nam Việt khảo sát các bên liên quan và lưu giữ liệu online trên hệ thống [H9.09.04.12] [H9.09.04.13] [H9.09.04.14]. Đồng thời việc quản lý các thông tin ĐBCL trong Bộ chỉ số IQA cũng được cập nhật qua từng năm.

Quy định và quy trình thu thập, xử lý, sử dụng thông tin từ Khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo đã được chỉnh sửa một cách khoa học hơn, đầy đủ hơn và theo hệ thống nhằm cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin ĐBCL bên trong cho quá trình rà soát, chỉnh sửa CTĐT của Nhà trường [H9.09.04.12]. Trong bộ quy định, quy trình Khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo, Nhà trường đã bổ sung thêm các nhóm đối tượng được khảo sát như chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, đại diện của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp... Nhà trường cũng quy định rõ về thời gian, cách thức triển khai cụ thể đối với từng nhóm đối tượng để phù hợp với kế hoạch chung của Nhà trường.

Các phần mềm quản lý được nâng cấp từng bước đáp ứng các yêu cầu về công tác quản lý của Trường: Phần mềm Quản trị đại học Nam Việt đã thay thế cho các phần mềm nhỏ lẻ như quản lý nhân sự, quản lý đào tạo, thống kê giờ giảng, khảo sát đánh giá, tuyển sinh, nghiên cứu khoa học..., điều này giúp công việc quản lý, ĐBCL của Nhà trường được

nhất quán và tiện lợi hơn [H11.11.04.01]; Website của trường cũng được đầu tư nâng cấp thành cổng thông tin với công cụ thuận tiện hơn, chủ động hơn cho các đơn vị trong việc cập nhật thông tin, thông báo, các quy định, quy trình quản lý mới.... Tất cả các thay đổi, cải tiến đều nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H11.11.02.03].

Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường đã được sử dụng để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống đã giúp cho việc lập các báo cáo về tình hình, kết quả tuyển sinh nhanh chóng; cung cấp thông tin về đánh giá học phần theo từng học phần, theo từng giảng viên; cung cấp thông tin về lịch giảng, kế hoạch giảng dạy cho giảng viên; cung cấp thông tin 3 công khai v.v. để các đối tượng liên quan tham khảo, lựa chọn trường/ngành học trong tuyển sinh; các đối tác có thêm thông tin để quyết định sự hợp tác với Nhà trường...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường ban hành và sử dụng hiệu quả Bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ của Trường Đại học Y tế công cộng và Quy định bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin Trường Đại học Y tế công cộng.

Nhà trường thực hiện tốt công tác rà soát và cải thiện hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như việc cải thiện, bổ sung cơ sở, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhà trường chưa hoàn thành được trung tâm dữ liệu được liên kết và kế thừa từ các phần mềm nhỏ lẻ riêng biệt.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thúc đẩy quá trình triển khai Đề án ứng dụng Công nghệ Thông tin	Phòng Quản trị - Công nghệ	Đến năm 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2021-2025			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát và cải thiện hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thường niên	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	4.75
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nâng cao chất lượng là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi CB, GV, NV và NH của Nhà trường. Để nâng cao chất lượng một cách liên tục, nhà trường triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng thể hiện rõ trong Kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2018 – 2023 với các chiến lược về đào tạo, NCKH và CCDV CSSK [H1.01.03.01] trong đó có các mục tiêu và giải pháp, thực hiện kế hoạch và các KPIs chiến lược nhằm thực hiện sứ mạng ”đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành và nghiên

cứu khoa học, cung cấp dịch vụ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đóng góp vào sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân”. Do đó kế hoạch nâng cao chất lượng được chú trọng và có các chính sách, hệ thống, quy trình thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện theo hệ thống từ đầu vào, quá trình cho đến đầu ra của tất cả các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Đối với lĩnh vực đào tạo, việc đảm bảo chất lượng đầu vào được thể hiện bao gồm:

- Đảm bảo cơ sở vật chất cho người học: đầu tư trang bị cơ sở vật chất, phòng máy tính, phòng thí nghiệm, trang thiết bị giảng dạy. Trong 5 năm đánh giá, Nhà trường đã trang bị hơn 200 máy tính, tivi năm 2018; Mua 01 màn hình led, 17 điều hòa cho giảng đường năm 2019, lắp đặt hệ thống wifi năm 2020, mua mô hình phục vụ giảng dạy năm 2021, cải tạo phòng dinh dưỡng [H7.07.02.01] [H7.07.02.04] [H7.07.02.05].
- Đảm bảo tài liệu học tập đầy đủ tại Thư viện: Hàng năm, thư viện thực hiện rà soát các tài liệu giảng dạy theo đề cương học phần và xây dựng kế hoạch bổ sung kế hoạch bổ sung vốn tài liệu, rà soát và mua CSDL trực tuyến,..[H7.07.04.01] [H7.07.04.02] [H7.07.04.03].
- Nhân lực đảm bảo đủ tiêu chuẩn về trình độ, chuyên môn và số lượng theo đề án vị trí việc làm [H6.06.01.13] [H3.03.01.04], được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hàng năm [H6.06.04.02] [H6.06.04.03] [H6.06.04.04] [H6.06.04.05]. Nhà trường cũng bố trí kinh phí để nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, nhân viên thông qua các khóa tập huấn ngắn hạn, khóa học dài hạn,.. [H12.12.01.01]
- Chương trình đào tạo, môn học được rà soát chỉnh sửa thường kỳ theo Quy định cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo (theo Quyết định số 1810/QĐ-ĐHYTCC ngày 29/5/2018 [H14.14.01.06])
- Phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá được cập nhật thường xuyên. Nhà trường sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại như SBL (Scenario Based Learning – giảng dạy dựa trên tình huống), Blended Learning (phương pháp giảng dạy kết hợp); các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được xây dựng phù hợp với CDR

của chương trình với nhiều hình thức như thi trên giấy, thi online, thi chỉ tiêu tay nghề, OSCE, OSPE,... [H15.15.03.14].

Việc đảm bảo chất lượng quá trình được thể hiện thông qua việc lấy ý kiến hài lòng của người học về CTĐT, đội ngũ giảng viên, nhân viên, cơ sở vật chất của Nhà trường, sự hỗ trợ của Nhà trường đối với người học và được thực hiện theo quy định Khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo của Trường Đại học Y tế công cộng [H9.09.04.12].

Đảm bảo chất lượng đầu ra được đánh giá thông qua các thông tin về tỷ lệ thi học, học lại, thi lại, thời gian tốt nghiệp TB, hài lòng của cựu người học, nhà tuyển dụng lao động và thăng tiến của cựu người học và thường xuyên được rà soát thông qua bộ chỉ số ĐBCL IQA [H9.09.01.07] [H9.09.01.11].

Đối với lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đảm bảo chất lượng thể hiện thông qua các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu rất rõ ràng, cụ thể về cơ cấu tổ chức, tài chính phục vụ NCKH, đào tạo phát triển cán bộ nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nội bộ về quản lý NCKH thông qua KHCL phát triển Trường ĐHYTCC qua các giai đoạn [H1.01.03.01] [H1.01.01.01] [H4.04.01.02]; kế hoạch mục tiêu chiến lược các năm học giai đoạn 2018-2022 [H18.18.01.04] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04] và Kế hoạch công tác theo chỉ tiêu BSC của phòng QLKH&HTPT và các Khoa, đơn vị, theo đó các chỉ số được xác lập cụ thể bao gồm: thu chi cho hoạt động NCKH, số lượng đề tài các cấp, số lượng xuất bản trong nước và quốc tế, hội nghị, hội thảo, các tập huấn về phương pháp NCKH, học tập nâng cao năng lực.

Đối với lĩnh vực phục vụ cộng đồng, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định đảm bảo chất lượng trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng bao gồm Quy trình chuyên môn kỹ thuật của phòng khám đa khoa, TTXN của Nhà trường cung cấp các dịch vụ Xét nghiệm nước (bao gồm nước ăn uống, nước sinh hoạt, nước uống đóng chai) và thực phẩm theo các Quy chuẩn hiện hành (ISO 17025 trong lĩnh vực Hóa, Sinh với số VILAS 1008),..

Nhà trường cũng đã ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng trong đó có quy định về hệ thống, quy trình ĐBCL trong các lĩnh vực bên trong thuộc các lĩnh vực đào tạo, NCKH, CCDV CSSK và bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA [H9.09.01.06] [H9.09.01.12] [H9.09.01.13] [H9.09.01.14] [H9.09.01.15] [H9.09.01.07] [H9.09.01.11].

Quá trình thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng của Nhà trường thực hiện liên tục để đảm bảo tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kế hoạch đảm bảo chất lượng nội bộ được xây dựng theo nguyên tắc PDCA bao gồm lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra và hành động (Plan, do, check and act) và có các mốc thời gian cụ thể đối với từng hoạt động được rà soát và xây dựng mới hàng năm bắt đầu từ năm học 2019-2020 trở đi [H9.09.01.08] [H9.09.01.09] [H9.09.01.10]. Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA) với các chỉ tiêu cụ thể được rà soát theo từng học kỳ, đánh giá thực hiện theo từng năm thông qua các cuộc họp Hội đồng đảm bảo chất lượng nhằm kịp thời cải thiện chất lượng đào tạo, NCKH và CCDV CSSK (để phục vụ cộng đồng) và là nguồn thông tin tham khảo khi xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng nội bộ [H9.09.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Việc triển khai hoạt động so chuẩn, đối sánh được Nhà trường thực hiện nghiêm túc từ công tác lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh theo một quy trình đảm bảo phải tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Nhà nước, các Bộ, ngành hữu quan và có đầy đủ các tiêu chí lựa chọn theo đúng quy trình, mục đích, nội dung và đảm bảo hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động. Nhà trường đã ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh của Trường Đại học Y tế công cộng ban hành năm 2018 và năm 2020 [H12.12.02.01] [H12.12.02.02] trong đó xác định tiêu chí cụ thể để lựa chọn đối tác để thực hiện so chuẩn, đối sánh cụ thể:

- Cơ sở giáo dục trong nước: Là cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, có các trường có đặc điểm sau:

+ Thuộc loại hình trường đại học công lập đã được kiểm định thành công theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có sự tương đồng về: địa lý, quy mô giảng viên, người học, trình độ, ngành đào tạo và sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

- Cơ sở giáo dục ngoài nước: Là cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau:

+ Là cơ sở giáo dục đại học thuộc khu vực ASEAN; ưu tiên trường tham gia Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á - AUN hoặc các trường nằm trong bảng xếp hạng thế giới top 1000, top 500 trong bảng xếp hạng Châu Á.

+ Có sự tương đồng về: quy mô giảng viên, người học, trình độ, ngành đào tạo và sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Từ các tiêu chí lựa chọn đối tác so chuẩn, đối sánh Nhà trường đã thiết lập được danh sách các đối tác đối sánh năm 2018 và năm 2020 [H12.12.02.03] bao gồm các Trường đại học trong Khối ngành Khoa học sức khỏe trong và ngoài nước.

Trong Quy định so chuẩn, đối sánh của Trường Đại học Y tế công cộng ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHYTCC ngày 21/7/2018 và Quy định so chuẩn, đối sánh của Trường Đại học Y tế công cộng ban hành kèm theo Quyết định số 1442/QĐ-ĐHYTCC ngày 01/8/2020 nêu rõ các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh bao gồm: về CTĐT, về đội ngũ giảng viên - nhân viên, chất lượng người học, NCKH của GV và SV, cơ sở vật chất...[H12.12.02.01] [H12.12.02.02]. Tuy nhiên Nhà trường chưa xây dựng các tiêu chí đối sánh trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng.

Nhà trường xây dựng và cung cấp các hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng để nâng cao chất lượng của các hoạt động trong trường như mô tả trong bảng 12.2.1. Ngoài ra trường cũng sử dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn để đối sánh từ hướng dẫn đánh giá CTĐT, hướng dẫn đánh giá CSGD của Bộ GD&ĐT, hướng dẫn đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3.0, 4.0 và hướng dẫn đánh giá CSGD đại học theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 2.0

Bảng 12.2.1 Các tiêu chí đối sánh (4)

ST T	Tiêu chí so chuẩn/đối sánh	Hướng dẫn đối sánh
1	Đào tạo	Số lượng các CTĐT
		Quy mô đào tạo
		Chuẩn đầu ra của CTĐT
		Cấu trúc chương trình

ST T	Tiêu chí so chuẩn/đối sánh	Hướng dẫn đối sánh
2	Đội ngũ giảng viên, nhân viên	Số lượng GV Số lượng NV Tỉ lệ SV/Gv quy đổi Số lượng GS, PGS, TS, Ths
3	Chất lượng người học	Đầu vào: Điểm chuẩn tuyển sinh Tỉ lệ SV nhập học/chỉ tiêu Quá trình: Tỉ lệ SV thôi học Đầu ra: Tỉ lệ tốt nghiệp (xuất sắc, giỏi, khá) Tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV có việc làm sau 1 năm
4	NCKH	Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ/CB cơ hữu Số lượng sách được xuất bản Số lượng bài báo đăng tạp chí KH quốc tế và trong nước Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi)/CB cơ hữu
5	CSVC, môi trường học tập	Diện tích Số lượng giảng đường, phòng học, thư viện Diện tích sàn/SV Số lượng phòng thực hành Số lượng phòng học đa phương tiện Số lượng đầu sách, tạp chí, E-book, cơ sở dữ liệu điện tử Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Năm học 2020-2021, Nhà trường thực hiện triển khai đối sánh, so chuẩn chất lượng với Trường ĐH Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng về quy mô đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, cơ sở vật chất, tỉ lệ giảng viên có trình độ Ths, TS trở lên, tỷ lệ tốt nghiệp, tình hình việc làm sau tốt nghiệp và số lượng CTĐT đạt chuẩn kiểm định [H12.12.03.01] theo Báo cáo số 560/BC-ĐHYTCC ngày 15/1/2021. So với Trường ĐH Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, Trường Đại học Y tế công cộng tuy có số quy mô đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh ít hơn nhưng tỉ lệ CTĐT có sinh viên tốt nghiệp được kiểm định và đạt chuẩn cao hơn ĐH Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

Năm học 2020-2021, Trường thực hiện tự đối sánh nội bộ trong giai đoạn từ 2017 đến 2022 về quy mô đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, Tỷ lệ giảng viên trình độ Ths trở lên, tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp, NCKH, kết nối và PVCĐ [H22.22.02.02] [H22.22.02.03] [H22.22.02.03] [H22.22.03.01] [H22.22.01.03] [H22.22.01.04] [H22.22.01.10] .

**Bảng 12.4. Bảng tự đối sánh về đào tạo
từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 (5)**

Năm học	Quy mô đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh chính quy (bao gồm tất cả các ngành đào tạo)	Tỉ lệ giảng viên trình độ ThS trở lên	Tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp
2017-2018	1769	630	83,15%	100%
2018-2019	2858	804	88,4%	89,94%
2019-2020	2954	820	86,8%	94,2%
2020-2021	3067	1256	87,5%	92%
2021-2022	3668	1353	82,4%	

Trường thực hiện đối sánh với một số trường trong khối ngành sức khỏe về NCKH và chuyên giao công nghệ như Trường ĐH Y Hải Phòng, ĐH Y Thái Bình, ĐH Y Dược – ĐH Thái Nguyên [H12.12.03.02]. Trường cũng đã tự thực hiện so chuẩn CTĐT CN Kỹ thuật xét nghiệm y học với Bộ tiêu chuẩn của Bộ GDĐT thông qua hoạt động Tự đánh giá

CTĐT vào tháng 12/2020-6/2021 [H9.09.03.07], kết quả 84% tiêu chí đạt chuẩn. CTĐT Ths YTCC và Ths QLBV cũng được so chuẩn với Bộ tiêu chuẩn AUN-QA version 4.0 thông qua hoạt động Tự đánh giá CTĐT vào tháng 3-4/2021 [H9.09.03.11]. Trường cũng đã thực hiện đối sánh CTĐT Cử nhân Công nghệ kỹ thuật môi trường, Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng và CTĐT Thạc sỹ Kỹ thuật xét nghiệm y học với một số trường cùng đào tạo mã ngành này về CDR của chương trình, cấu trúc CTĐT.

Từ kết quả so chuẩn, đối sánh nội bộ và bên ngoài, Nhà trường đã có các cải tiến trong các lĩnh vực như đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào kết quả đối sánh, Trường đã ban hành mới 02 CTĐT bậc ĐH là Cử nhân Công nghệ kỹ thuật môi trường, Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng [H14.14.01.15] [H21.21.02.02] [H21.21.02.03] và 01 CTĐT bậc SDH là Thạc sỹ Kỹ thuật xét nghiệm Y học. Ngoài ra, việc áp dụng CNTT trong đào tạo cũng được đẩy mạnh phương pháp giảng dạy blender Learning [H15.15.05.01], tổ chức thi trực tuyến và chấm thi trên máy [H7.07.03.17] [H13.13.05.05]. Quy định về giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập cũng được ban hành nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hỗ trợ người học trong quá trình học tập tại trường [H17.17.01.17]. Nhà trường cũng đã cải tiến các chính sách khen thưởng giảng viên có bài báo khoa học xuất bản quốc tế theo từng năm học để khuyến khích GV tăng số lượng bài báo khoa học xuất bản quốc tế [H18.18.02.11] [H18.18.02.12] [H18.18.02.13] [H18.18.02.14] [H18.18.02.15]. Đối với hoạt động PCVĐ, sau khi đối sánh giữa các năm và rút kinh nghiệm sau các đợt hoạt động, Đoàn Thanh niên Nhà trường đã tổ chức đa dạng các hoạt động PVCĐ tạo thuận lợi cho SV, giúp tăng số lượng SV tham gia.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh với các cơ sở đào tạo trong nước, nhưng chưa thực hiện đối sánh với cơ sở đào tạo nước ngoài, chưa đối sánh với đối tác nước ngoài mà Trường đã lựa chọn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được thực hiện theo Quy định so chuẩn, đối sánh của Trường Đại học Y tế công cộng theo Quyết

định số 1241/QĐ-ĐHYTCC ngày 21/7/2018 [H12.12.02.01]. Quy định nêu rõ, quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát tối thiểu 02 năm/1 lần hoặc theo đề nghị của BGH Trường và được thực hiện theo kế hoạch do Trung tâm ĐBCL&KT xây dựng.

Năm 2018, Trường đã thực hiện xây dựng Quy định so chuẩn, đối sánh của Trường Đại học Y tế công cộng theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHYTCC ngày 21/7/2018 [H12.12.02.01] và đã tiến hành rà soát chỉnh sửa bổ sung quy định năm 2020 [H12.12.04.01] [H12.12.02.02] trong đó bổ sung hình thức đối sánh (nội bộ, bên ngoài), bổ sung quy định về việc so chuẩn (với Bộ tiêu chuẩn của Bộ GDĐT và Bộ tiêu chuẩn AUN-QA), chỉnh sửa lại các tiêu chí lựa chọn đối tác trong nước và nước ngoài, bổ sung tiêu chí xác định nội dung đối sánh (bổ sung nội dung về cơ sở vật chất, môi trường học tập), đưa ra quy trình đối sánh nội bộ và bên ngoài, quy trình rà soát, cải tiến. Nhà trường cũng đã ban hành các hướng dẫn tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng 2 lần vào năm 2018 và 2020 khi ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh.

Trong quá trình rà soát, chỉnh sửa quy định và hướng dẫn, Nhà trường đã tham chiếu các tiêu chí của Trường ĐH Hùng Vương để làm cơ sở điều chỉnh. Nhà trường đã thực hiện đối sánh các tiêu chí lựa chọn đối tác, tiêu chí xác định nội dung đối sánh, tiêu chí đối sánh từ đó rút ra các điểm cần học tập và cải thiện quy định và hướng dẫn của Trường [H12.12.04.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn từ năm 2017-2022, Nhà trường đã thực hiện rà soát, cải tiến quy định so chuẩn, đối sánh hai lần vào năm 2018 và 2020. Năm 2020, sau khi đã thực hiện đối sánh CTĐT với các cơ sở đào tạo trong nước, Trường đã cải tiến quy trình về việc lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh, bổ sung hình thức đối sánh (nội bộ, bên ngoài) [H12.12.04.01] như sau:

1. Đối sánh nội bộ

+ Bước 1: Căn cứ nội dung đối sánh và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường, các đơn vị phối hợp lựa chọn đối tác phù hợp với đơn vị mình để tổ chức đối sánh. Ngoài các nội dung đối sánh theo quy định, các đơn vị có thể bổ sung các nội dung khác nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của đơn vị mình.

+ Bước 2: Các đơn vị tổ chức đối sánh, gửi số liệu đối sánh và báo cáo tổng hợp về Trung tâm Đảm bảo chất lượng Khảo thí Trước ngày 15/9 hàng năm.

+ Bước 3: Trung tâm Đảm bảo chất lượng Khảo thí tổng hợp số liệu đối sánh, đề xuất các nội dung cải tiến chung toàn trường báo cáo Ban Giám hiệu.

+ Bước 4: Trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

+ Bước 5: Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến được phê duyệt.

2. Đối sánh ngoài (thời gian thực hiện theo kế hoạch của Nhà trường)

+ Bước 1: Các đơn vị được phân công xác định các đối tác và cách thức thu thập số liệu về nội dung đối sánh trình Ban Giám hiệu.

+ Bước 2: Ban Giám hiệu xem xét quyết định chọn đối tác.

+ Bước 3: Các đơn vị được giao nhiệm vụ dự thảo văn bản liên hệ với đối tác về việc thực hiện đối sánh ngoài.

+ Bước 4: Sau khi thống nhất với đối tác, các đơn vị được giao nhiệm vụ tiến hành thu thập số liệu theo các nội dung đối sánh (Ngoài các nội dung đối sánh theo quy định, các đơn vị có thể đề xuất thêm các nội dung đối sánh khác nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của Nhà trường).

+ Bước 5: Ban Giám hiệu phê duyệt các số liệu trước khi đối sánh.

+ Bước 6: Ban Giám hiệu, các đơn vị, cá nhân tham gia làm việc với đối tác thực hiện đối sánh các nội dung.

+ Bước 7: Xây dựng kế hoạch cải tiến: Trung tâm ĐBCL&KT phối hợp cùng các đơn vị tổng hợp số liệu đối sánh, có kế hoạch phát huy điểm mạnh và cải tiến chất lượng các nội dung còn yếu so với đối tác trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi thực hiện.

+ Bước 8: Ban Giám hiệu phê duyệt các kế hoạch cải tiến theo từng đơn vị để triển khai thực hiện.

Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng mới nhất của Nhà trường xác định “Đối sánh nội bộ: là hình thức đối sánh số liệu giữa các CTĐT trong trường ĐH YTCC theo định kỳ hằng năm”, nguồn dữ liệu sử dụng để đối sánh nội bộ giữa các CTĐT trong trường được lấy từ bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng trong đó có quy định về hệ thống, quy trình ĐBCL trong các lĩnh vực bên trong thuộc các lĩnh vực đào tạo, NCKH, CCDV CSSK và bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA) được rà soát và đánh giá liên tục hàng năm.

Công tác đối sánh và so chuẩn được thực hiện theo quy định và thường kỳ nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng. Xây dựng được hệ thống dữ liệu để đối sánh nội bộ các CTĐT từ bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA).

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhà trường chưa xây dựng các tiêu chí đối sánh trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng.

Chưa thực hiện đối sánh với cơ sở đào tạo nước ngoài, chưa đối sánh với đối tác nước ngoài mà Trường đã lựa chọn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác đối sánh và so chuẩn nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng	Trung tâm ĐBCL&KT Các Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn Các đơn vị và cá nhân có liên qua	Từ năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng các tiêu chí đối sánh trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng	Phòng QLKH&HTPT	Tháng 8/2022	Phòng QLKH&HTPT T làm đầu mối chính, ngoài ra còn có sự tham gia của các đơn vị khác bao gồm CD, ĐTN, PKĐK, TTXN
3		Thực hiện đối sánh với cơ sở đào tạo nước ngoài	Khoa điều phối chương trình	Tháng 6/2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	4.4
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	5

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Để đảm bảo công tác tuyển sinh đạt được hiệu quả cao, Trường Đại học Y tế công cộng đã xây dựng các đề án và kế hoạch tuyển sinh hàng năm riêng cho từng chương trình đào tạo đại học và sau đại học. Đối với hệ đào tạo đại học, Nhà trường có đề án tuyển sinh cụ thể, thể hiện rõ phương thức xét tuyển cho mỗi ngành học, phương thức xét tuyển bao gồm: (i) xét tuyển thẳng các thí sinh đủ điều kiện do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định; (ii) xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia; (iii) xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT. Từ năm 2017 - 2021, Nhà trường xét tuyển đại học chính qui với các mã ngành như sau: y tế công cộng, kỹ thuật xét nghiệm y học, dinh dưỡng học, công tác xã hội, kỹ thuật phục hồi chức năng, công nghệ kỹ thuật môi trường [H13.13.01.01] [H13.13.01.02] [H13.13.01.03] [H13.13.01.04] [H13.13.01.05] [H13.13.01.06] [H13.13.01.07]. Song song với phương xét tuyển cho hệ đại học chính qui, ngoài các thông báo tuyển sinh, đề án cũng đề cập đến phương thức tổ chức thi tuyển hệ đại học vừa làm vừa học cho 4 mã ngành: y tế công cộng, kỹ thuật xét nghiệm y học, dinh dưỡng và công tác xã hội [H13.13.01.08] [H13.13.01.09] [H13.13.01.10] [H13.13.01.11] [H13.13.01.12]. Đối với hệ sau đại học, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh với các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh cho từng đối tượng sau đại học và xin phê duyệt chủ chương từ hội đồng khoa học và hội đồng trường. Từ năm 2017-2019, Nhà trường tuyển sinh 6 mã ngành cho hệ sau đại học như sau: (i) Tiến sĩ Y tế công cộng, (ii) Tiến sĩ Quản lý bệnh viện; (iii) Chuyên khoa cấp II Tổ chức quản lý y tế; (iv) Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng; (v) Thạc sĩ Y tế công cộng; (vi) Thạc sĩ Quản lý bệnh viện [H13.13.01.13] [H13.13.01.14] [H13.13.01.15]. Và từ năm 2020, Nhà trường tuyển sinh thêm 01 mã ngành Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học [H13.13.01.16]. Trong quá trình tuyển sinh, ngoài việc thực hiện các chính sách ưu tiên tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường cũng có những chính sách học bổng khuyến khích tuyển sinh cho một số mã ngành như cử nhân công tác xã hội, cử nhân công nghệ kỹ thuật môi trường, thạc sĩ y tế công cộng định hướng phòng chống tai nạn thương tích, thạc sĩ y tế công cộng định hướng đánh giá công nghệ y tế. Các chính sách học bổng được điều chỉnh cho phù hợp từng năm và được

thông tin đến các thí sinh thông qua các thông báo tuyển sinh thông qua trang thông tin điện tử Nhà trường. Tuy nhiên, chính sách học bổng của Nhà trường cũng chưa thu hút được những thí sinh có điểm thi đầu vào cao trong kỳ thi THPT quốc gia hay những thí sinh có kết quả cao trong các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia. Tuy có chương trình học bổng cho ngành cử nhân Kỹ thuật môi trường nhưng việc tuyển sinh ngành này còn khó khăn, phải tuyển sinh nhiều đợt mới đủ chỉ tiêu do đây là một ngành mới của Trường.

Hàng năm, dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch, tầm nhìn và chiến lược theo giai đoạn 2015-2020 cũng như dựa vào biên bản họp tổng kết tuyển sinh của các năm trước [H13.13.01.17], Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh chung cho các hệ đào tạo đại học và sau đại học. Trong kế hoạch tuyển sinh có nêu nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị liên quan như: hội đồng tuyển sinh, khoa điều phối chương trình, phòng Quản lý đào tạo, phòng Công tác học viên sinh viên, trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí [H13.13.01.18]. Để chuẩn bị cho công tác tổ chức thi tuyển sinh, Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh, trong đó Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng tuyển sinh, có đại diện các khoa, viện, trung tâm và các phòng ban chức năng tham gia làm ủy viên [H13.13.01.19] [H13.13.01.20] [H13.13.01.21]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành Quyết định thành lập bộ máy giúp việc cho hội đồng tuyển sinh để phân công công việc cụ thể cho các ban giúp việc như ban thư ký, ban đề thi, ban cơ sở vật chất, ban giám sát và coi thi [H13.13.01.22] [H13.13.01.23]. Tùy vào chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cũng như tình hình tuyển sinh thực tế, mỗi năm nhà trường có tổ chức một hoặc nhiều đợt thi tuyển sinh, có thể tổ chức thi trực tiếp hoặc trực tuyến theo Quy định và Hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Để nâng cao chất lượng đầu vào của thí sinh, Nhà trường chú trọng đến công tác truyền thông quảng bá tuyển sinh cho các chương trình đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông quảng bá tuyển sinh hàng năm với đơn vị điều phối chính là trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội, các đơn vị phối hợp gồm: phòng Quản lý khoa học và hợp tác phát triển; phòng Quản lý đào tạo; phòng Công tác học viên sinh viên, các khoa, viện, trung tâm. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng phối hợp với các đơn vị khác ngoài trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh như: Facebook, VOV giao thông, báo điện tử dân trí, VN

Express, Zalo, Tiktok, Google. Nhà trường tổ chức hoạt động quảng bá tuyển sinh trên các kênh khác nhau, theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm hướng đến các đối tượng đích gồm: (i) các học sinh và phụ huynh học sinh trung học phổ thông các tỉnh khu vực Miền Bắc và Bắc Trung Bộ; (ii) Các bộ làm việc trong ngành y tế;...Để đảm bảo thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh hiệu quả, trung tâm đào tạo theo nhu cầu rà soát sản phẩm đầu ra hàng tháng theo kế hoạch [H13.13.01.24] [H13.13.01.25] [H13.13.01.26]. Để có thể tiếp cận tối đa và hiệu quả nhất đến các em học sinh trường trung học phổ thông, Nhà trường đã tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại một số trường trung học phổ thông tiềm năng, có lượng học sinh nhập học cao, hoặc tổ chức các ngày hội tư vấn tuyển sinh tại Trường Đại học Bách Khoa [H13.13.01.27] [H13.13.01.28]. Bên cạnh đó, thông qua các chương trình phóng sự ngắn, lãnh đạo Nhà trường cũng có đề cập đến các chương trình đào tạo như một cách quảng bá tuyển sinh trên VTV [H13.13.01.29]. Ngoài ra, hoạt động tổ chức livestream giới thiệu các mã ngành đào tạo trên fanpage của nhà trường cũng được các khoa, phòng phụ trách rất quan tâm, chú trọng, đầu tư kỹ lưỡng cho hình ảnh cũng như nội dung livestream. Đối với các chương trình đào tạo sau đại học, Nhà trường có các tờ rơi quảng bá gửi đến các đơn vị y tế, cựu học viên, sinh viên [H13.13.01.30] [H13.13.01.31]. Hiện tại các thông tin liên quan đến tuyển sinh được đăng tải trên website của Nhà trường tại: <https://tuyensinh.huph.edu.vn/> và điện thoại hỗ trợ tư vấn tuyển sinh do phòng Quản lý đào tạo đầu mối (hệ đào tạo đại học: 02462662243, hệ đào tạo sau đại học: 02462662335) [H13.13.01.32].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Hàng năm căn cứ theo qui định của Bộ GD và ĐT về các tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào của đối tượng tuyển sinh cũng như dựa trên nhu cầu thực tế, kết quả tuyển sinh những năm trước, Nhà trường xây dựng các tiêu chí xét tuyển, thi tuyển, phân bổ chỉ tiêu cho từng hệ đào tạo, theo từng mã ngành và được thể hiện rõ trong các đề án tuyển sinh đào tạo đại học và các thông báo tuyển sinh đào tạo sau đại học. Tất cả các chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành đào tạo được đưa ra thống nhất trong cuộc họp tổng kết tuyển

sinh hàng năm với sự tham gia của ban giám hiệu và đại diện các khoa,viện, trung tâm cũng như đại diện toàn bộ các phòng chức năng liên quan [H13.13.02.01] [H13.13.02.02] [H13.13.02.03]. Ví dụ:

Bảng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến năm 2022 (6)

T	Tên CTĐT	Chỉ tiêu	TT	Tên CTĐT	Chỉ tiêu
1	CNCQ YTCC	158	9	CN VLVH DD	20
2	CNCQ CTXH	40	10	CN VLVH KTXNYH	180
3	CNCQ KTXNYH	132	11	ThS YTCC	115
4	CNCQ DD	98	12	ThS QLBV	115
5	CNCQ CNKTMT	30	13	ThS KTXNYH	60
6	CNCQ KTPHCN	60	14	CKI YTCC	100
7	CNCQ CNTT	50	15	CKII TCQLYT	100
8	CN VLVH YTCC	200	16	TS YTCC + QLBV	10
Tổng chỉ tiêu năm 2022 dự kiến: 1498					

Đồng thời Nhà trường xây dựng tiêu chí rõ ràng cho các đối tượng tuyển sinh. Đối với hệ đào tạo đại học chính qui có 6 chương trình đào tạo, tuyển sinh theo hình thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia hoặc dựa vào kết quả học tập tại trường THPT cụ thể như sau:

Bảng chỉ tiêu xét tuyển đại học chính qui 2017-2021 (7)

T	Tên ngành	Tổ hợp	Chỉ tiêu tuyển sinh 2017-2021				
			2017	2018	2019	2020	2021
1	Y tế công cộng	B00; A00; D01; D08	170	170	140	120	132
2	Xét nghiệm Y học dự phòng	B00; A00; B08	30				
3	Dinh dưỡng học	B00; D01; D08	50	60	80	80	88

4	Công tác xã hội	B00; D01; C03; C04	80	50	40	40	40
5	Kỹ thuật XNYH	B00; A00; A02		80	100	100	110
6	Kỹ thuật PHCN	A00; A01; B00; D01				50	55
7	Công nghệ KTMT	A00; A01; B00; D07				30	30
	Tổng số		330	360	360	420	455

Đối với hệ đào tạo vừa làm vừa học có 04 chương trình tuyển sinh theo hình thức thi tuyển: (i) CN. YTCC VLVH: Thi tuyển tổ hợp B00 (Toán – Hóa – Sinh); (ii) CN. KTXNYH VLVH: Thi tuyển tổ hợp B00 (Toán – Hóa – Sinh); (iii) CN. Dinh dưỡng VLVH: Thi tuyển tổ hợp B00 (Toán – Hóa – Sinh); (iv) CN. Công tác xã hội VLVH: Thi tuyển tổ hợp B03 (Toán – Sinh – Ngữ văn). Đối với hệ đào tạo sau đại học, Nhà trường tuyển sinh dựa theo qui định tại Thông tư 15/2014/TTBGDDT ngày 15 tháng 5 năm 2014, cũng như các qui chế đào tạo sau đại học riêng của Trường Đại học Y tế công cộng [H13.13.02.04] [H13.13.02.05]. Với mỗi mã ngành có những tiêu chí liên quan đến văn bằng, thâm niên công tác và vắng bằng/chứng chỉ ngoại ngữ được nêu rõ trong các thông báo tuyển sinh và đăng tải trên các kênh thông tin của Nhà trường. Một số tiêu chí tuyển sinh các mã ngành hệ đào tạo sau đại học như sau: (i) Thạc sĩ Y tế công cộng: thí sinh tốt nghiệp ngành đúng, có bằng khá trở lên được dự thi ngay, thí sinh ngành gần, ngành khác phải học bổ sung kiến thức chuyên ngành y tế công cộng và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế từ 1-2 năm; (ii) Thạc sĩ Quản lý bệnh viện: thí sinh tốt nghiệp ngành đúng, có bằng khá trở lên được dự thi ngay, thí sinh ngành gần, ngành khác phải học bổ sung kiến thức chuyên ngành quản lý y tế và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế từ 1-2 năm; (iii) Thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học: thí sinh tốt nghiệp ngành đúng, có bằng khá trở lên được dự thi ngay, thí sinh ngành gần, phải học bổ sung kiến thức chuyên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế ít nhất 1 năm; (iv) Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng: thí sinh tốt nghiệp ngành đúng, thí sinh ngành gần, ngành khác phải học bổ sung kiến thức chuyên ngành y tế công cộng và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế 1 năm.; (v) Chuyên khoa cấp II Tổ chức quản lý y tế: thí sinh có bằng chuyên

khoa cấp I tương ứng với ngành thi tuyển, có bằng thạc sĩ tương ứng với ngành thi tuyển ít nhất 36 tháng, có bằng bác sĩ nội trú bệnh viện ngành tương ứng với ngành dự tuyển,...; (vi) Tiến sĩ Y tế công cộng: thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi hoặc thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp phải có chứng chỉ bổ sung kiến thức chuyên ngành, có bài báo khoa học, có đề cương nghiên cứu; (vii) Tiến sĩ Quản lý bệnh viện: thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi hoặc thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp phải có chứng chỉ bổ sung kiến thức chuyên ngành, có bài báo khoa học, có đề cương nghiên cứu,.. Ngoài các tiêu chí riêng cho từng ngành, các thí sinh đáp ứng các tiêu chí chung theo qui định như đủ sức khỏe học tập, là công dân Việt Nam, nếu là người nước ngoài có nhu cầu học tập cần đáp ứng chuẩn năng lực tiếng Việt theo khung năng lực cho người Việt [H13.13.01.13] [H13.13.01.14] [H13.13.01.15] [H13.13.01.16]. Đối với hệ đào tạo sau đại học cũng áp dụng hai hình thức xét tuyển (đối với Tiến sĩ) và thi tuyển (đối với Thạc sĩ và Chuyên khoa).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Đối với công tác tuyển sinh và nhập học, Nhà trường có phân công công tác giám sát tuyển sinh, nhập học cho các đơn vị liên quan và trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí làm đầu mối. Trước mỗi kỳ thi tuyển sinh Nhà trường thành lập hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh, trong đó có Ban thanh tra thực hiện một số nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động của công tác tuyển sinh các hệ đào tạo đại học và sau đại học như thanh tra trước thi tuyển (thanh tra đề thi), thanh tra trong quá trình tổ chức thi tuyển, thanh tra sau thi tuyển (thanh tra tổ chức chấm thi, thanh tra quá trình nhập học) [H13.13.03.01] [H13.13.03.02] [H13.13.03.03] [H13.13.03.04] [H13.13.03.05] [H13.13.03.06]. Trong quá trình tổ chức thi tuyển, Nhà trường có kế hoạch tổ chức thi chi tiết, thực hiện nghiêm ngặt và giám sát chặt chẽ của hội đồng tuyển sinh và đoàn thanh tra của Nhà trường: (i) Đối với quá trình in sao đề thi, tổ chức thi đều có cán bộ giám sát của ban thanh tra và PA83 và được thể hiện rõ trong các biên bản bàn giao đề thi, biên bản thanh tra; (ii) Đối với công tác chấm thi, đơn vị đầu mối cũng có kế hoạch chấm thi chi tiết gửi các đơn vị liên quan thực hiện công việc đọc phách, đánh phách, chấm

bài và niêm phong bài this sau khi hoàn thành quá trình chấm thi. Tất cả được thể hiện trong các biên bản chấm thi với sự giám sát chặt chẽ của ban thanh tra.

Sau khi hoàn thiện việc chấm thi, hội đồng tuyển sinh ra Quyết định trúng tuyển và gửi thông báo nhập học tới các học viên. Hàng năm, Nhà trường đều có qui trình nhập học, và phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận liên quan trong ngày học viên/ sinh viên đến nhập học như phòng Công tác học viên sinh viên, phòng Quản lý đào tạo, phòng Tài chính kế toán [H13.13.03.07]. Việc giám sát công tác nhập học cũng được thực hiện chặt chẽ, nghiêm ngặt do trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí làm đầu mối. Cán bộ thanh tra giám sát sẽ đối chiếu hồ sơ trúng tuyển và hồ sơ nhập học, đối chiếu giấy tờ thí sinh nộp với hồ sơ gốc, giám sát đối với trường hợp thí sinh nhập học muộn. Tất cả các công việc thanh tra được lưu trong Kết luận thanh tra và báo cáo Ban giám hiệu và Bộ GD&ĐT [H13.13.03.08] [H13.13.03.09] [H13.13.03.10] [H13.13.03.11] [H13.13.03.12]. Ngoài ra, công tác tuyển sinh, xét tuyển, nhập học của Nhà trường được giám sát chặt chẽ bởi Bộ GD và ĐT, thông qua việc khai báo thông tin tuyển sinh trên phần mềm tuyển sinh của Bộ GD và ĐT theo đúng qui định của Bộ. Bên cạnh đó, công tác thi tuyển sinh Chuyên khoa I Y tế công cộng và Chuyên khoa II Tổ chức Quản lý y tế được giám sát chặt chẽ bởi đoàn giám sát của Bộ Y tế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí. 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Nhà trường thực hiện các biện pháp giám sát khác nhau nhằm đảm bảo công tác tuyển sinh theo đúng qui trình và qui định được Bộ GD và ĐT ban hành. Đối với hệ đào tạo đại học chính qui và VLVH: Việc giám sát chất lượng tuyển sinh dựa trên điểm trúng tuyển hàng năm. Sau khi Bộ GD và ĐT công bố điểm sàn đảm bảo ngưỡng chất lượng đại học, hội đồng tuyển sinh của Nhà trường họp và đưa ra điểm sàn riêng cho từng mã ngành tuyển sinh. Tiêu chí để đưa ra điểm chuẩn của Nhà trường dựa vào: (i) Điểm sàn của Bộ GD và ĐT; (ii) Số lượng thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển; (iii) Kết quả điểm thi THPT quốc gia. Hàng năm, Nhà trường đều đạt được các chỉ tiêu đề ra với điểm chuẩn từ 16-22 điểm tùy theo từng ngành. Nhà trường thực hiện việc giám sát thông qua các biểu mẫu báo cáo của Bộ GD và ĐT và PA83. Bên cạnh đó Nhà trường cũng thực hiện giám sát nội bộ qua

việc thành lập đoàn thanh tra của Nhà trường thực hiện nhiệm vụ thanh tra quá trình ra đề thi, quá trình tổ chức thi, quá trình chấm thi và công bố kết quả thi. Ví dụ quy trình in sao đề thi: Nhà trường có cán bộ giảng viên chuyên môn cao duyệt đề thi trong phòng đề trước khi in sao, qui định thời gian in sao đề thi, số lượng đề thi cần in sao, chuyển lại đề thi gốc cho ban đề thi, số lượng đề thi in sao xong được đóng túi niêm phong và phân bổ cho các phòng thi; Khu vực in sao đề thi được đặt ở địa điểm an toàn, kín đáo, biệt lập với khu vực thi, được giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình tổ chức thi bởi cán bộ của PA83. Tất cả các hoạt động giám sát được thể hiện trong biên bản tổng hợp kết quả thanh tra tuyển sinh. Tương tự như hệ đào tạo đại học, đối với hệ sau đại học Nhà trường thực hiện việc giám sát tuyển sinh thông qua các báo cáo gửi Bộ Y tế, Bộ GD và ĐT và thành lập đoàn thanh tra nội bộ của Nhà trường thực hiện theo đúng qui định hiện hành. Việc nhập học của các thí sinh được theo dõi và giám sát thông qua ban thanh tra của Nhà trường. Ban thanh tra phối hợp với phòng Công tác học viên sinh viên, phòng Quản lý đào tạo, phòng Tài chính kế toán giám sát việc thực hiện đúng qui trình nhập học của các cán bộ trực tiếp làm thủ tục nhập học, kiểm tra, đối chiếu đúng giấy tờ của sinh viên/học viên trúng tuyển. Bên cạnh đó, Nhà trường có sử dụng một số phần mềm để quản lý dữ liệu về nhập học và đào tạo như phần mềm CMC (từ năm 2017-2019) và phần mềm Nam Việt (từ năm 2020- nay). Việc lưu trữ dữ liệu trên phần mềm nhằm quản lý hồ sơ học viên đồng bộ và có thể trích xuất dữ liệu khi cần thiết. Trong phần mềm, các dữ liệu của học viên, sinh viên được lưu trữ rõ ràng, cụ thể như: Họ tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại, địa chỉ, điểm trúng tuyển, mã ngành, phần mềm lưu trữ các thông tin từ lúc nhập học đến lúc ra trường.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh và nhập học được Nhà trường sử dụng đánh giá và phân tích một số chỉ số như: điểm trúng tuyển, xu hướng chọn ngành, địa phương thí sinh trúng tuyển, số trúng tuyển so với số đăng ký dự tuyển. Những chỉ số này làm cơ sở để phân tích điểm mạnh, điểm tồn tại còn hạn chế để Nhà trường tìm cách khắc phục cho kỳ tuyển sinh tiếp theo và được thể hiện trong biên bản họp và báo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm [H13.13.04.01] [H13.13.04.02] [H13.13.04.03] [H13.13.04.04]. Dựa trên kết quả phân tích, một số ngành được nhiều thí sinh lựa chọn như cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, thạc sĩ kỹ thuật xét nghiệm y học nên

tỷ lệ cạnh tranh đầu vào còn cao hơn so với các ngành khác như cử nhân y tế công cộng hay cử nhân kỹ thuật công nghệ môi trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Để công tác tuyển sinh đảm bảo đúng qui định và đạt được chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng phù hợp với ngành đào tạo, Nhà trường luôn luôn cải tiến qui trình, phương thức tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh đặc biệt chú trọng đến việc phân tích kết quả công tác tuyển sinh và nhập học. Dựa vào báo cáo kết quả tuyển sinh và nhập học hàng năm, và thu thập ý kiến các bên liên quan, Nhà trường phân tích và đánh giá kết quả để rút ra bài học kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch tuyển sinh mới phù hợp hơn cho năm tiếp theo bằng việc cải tiến chiến lược tuyển sinh, cách thức tuyển sinh [H13.13.05.01] [H13.13.05.02] [H13.13.05.03]. Đối với hệ đào tạo cử nhân chính qui, dựa trên kết quả tỷ lệ nhập học theo phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, Nhà trường rà soát và điều chỉnh tổ hợp xét tuyển ở một số mã ngành như công tác xã hội, kỹ thuật xét nghiệm y học. Đối với hệ đào tạo cử nhân vừa học vừa làm, Nhà trường cũng điều chỉnh phương thức thi tuyển sang xét tuyển cho phù hợp với tình hình thực tế cũng như theo hướng dẫn của qui chế tuyển sinh. Ngoài hình thức xét tuyển trực tiếp thì Nhà trường cũng áp dụng hình thức xét tuyển online để thuận tiện cho các thí sinh và ngày càng áp dụng kỹ thuật công nghệ vào tuyển sinh. Đối với hệ sau đại học, Nhà trường áp dụng hình thức thi tuyển online để phù hợp với tình hình thực tế. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường các hoạt động truyền thông quảng bá tuyển sinh trên nhiều kênh thông tin khác nhau [H13.13.01.26]. Trước năm 2019, Nhà trường chủ yếu truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp thông qua các buổi tư vấn tại các trường THPT, tư vấn trực tiếp ngày hội tuyển sinh tại Trường Đại học Bách Khoa, hoặc hoạt động “Một ngày trải nghiệm tại HUPH”. Và những năm gần đây, ngoài việc tăng cường tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT, Nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông trên Ti vi và Internet như các kênh Zalo, Facebook, livestream, làm video đăng lên kênh Youtube, VTV3, VTV1...đây là những kênh thông tin thu hút nhiều lượng tương tác từ các học sinh, sinh viên.

Nhà trường cũng có cải tiến cập nhật liên quan đến qui trình tuyển sinh và nhập học. Trước đây, công tác nhập học được tiến hành thủ công, lưu trữ hồ sơ giấy và bây giờ công tác nhập học được tiến hành và lưu trữ trên phần mềm chung của Nhà trường để đồng bộ dữ liệu [H13.13.05.04]. Dựa vào tình hình thực tế, hai năm gần đây do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, Nhà trường cũng có thay đổi phương thức tuyển sinh và nhập học từ trực tiếp sang nhập học và thi tuyển online và vẫn đảm bảo theo qui định của Bộ GD và ĐT [H13.13.05.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt điểm mạnh:

Công tác truyền thông quảng bá tuyển sinh được ban lãnh đạo Nhà trường chú trọng và phát triển mạnh trong những năm gần đây. Nhà trường áp dụng song song hai phương thức truyền thông trực tiếp và gián tiếp trên các kênh thông tin khác nhau. Nhà trường tăng cường đi đến các địa phương như các trường THPT, các đơn vị y tế địa phương để tư vấn quảng bá tuyển sinh đại học và sau đại học. Nhà trường cũng phối hợp chặt chẽ hơn với các đơn vị ngoài ngành như báo điện tử, báo Dân trí, các kênh VTV để quảng bá thông tin tuyển sinh của trường trên Facebook, Zalo, VTV1, VTV3.

2. Tóm tắt điểm tồn tại

Nhà trường chưa có chính sách thu hút được các học sinh có kết quả thi đầu vào cao trong các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia. Chính sách học bổng dành cho các thí sinh điểm thi đầu vào cao còn hạn chế, mới chỉ có ở một số ngành.

Ngoài ra, hiện nay một số ngành tuyển sinh nhiều đợt mới đủ chỉ tiêu như ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường và có nhiều ngành lại có tỷ lệ cạnh tranh cao như cử nhân và thạc sĩ Kỹ thuật xét nghiệm y học

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian	Ghi chú

				thực hiện	
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng qui định học bổng tuyển sinh đầu vào cho hệ đào tạo đại học và sau đại học	Phòng Công tác học viên sinh viên làm đầu mối; Đơn vị phối hợp là phòng QLĐT, Phòng TCKT	Năm 2022-2023	
2		Tăng tần suất và đa dạng hóa hình thức tư vấn, quảng bá tuyển sinh riêng cho mã ngành mới, chỉ tiêu ít	TTĐT theo nhu cầu xã hội làm đầu mối; Đơn vị phối hợp Khoa Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường; Phòng QLĐT	Năm 2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>4.4</i>
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	4
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	4

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Trường có hệ thống quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình dạy học (CTDH). Trường ban hành Quy định thiết kế và phát triển chương trình dạy học năm 2015 (theo Quyết định số 930/QĐ-ĐHYTCC ngày 20/8/2015 [H14.14.01.01] và bản cập nhật năm 2018 theo Quyết định số 1233/QĐ-ĐHYTCC ngày 22/6/2018 [H14.14.01.02], trong đó nêu rõ các nguyên tắc, quy trình phát triển và thẩm định và ban hành CTDH, hướng dẫn thực hiện các bước đánh giá nhu cầu đào tạo, xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình, xây dựng đề cương chi tiết học phần và tài liệu học tập và trách nhiệm của các bên liên quan khi thực hiện các hoạt động này cũng như quy trình và trách nhiệm của các bên liên quan trong ban hành CTDH. Quy định thiết kế và phát triển CTDH của Trường được ban hành lần đầu năm 2015, được cập nhật thêm một số hướng dẫn cụ thể hơn về xây dựng chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo vào năm 2018. Việc phân công trách nhiệm trong xây dựng, thiết kế chương trình dạy học thực hiện theo các quyết định thành lập ban soạn thảo chương trình đào tạo [H14.14.01.03]. Theo đó, các khoa điều phối CTĐT sẽ chịu trách nhiệm lập kế hoạch tổng thể việc xây dựng, thiết kế chương trình đào tạo, lập kế hoạch và triển khai đánh giá nhu cầu đào tạo, lấy ý kiến các bên liên quan, xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra và thiết kế chương trình dạy học. Các khoa, viện, Trung tâm, bộ môn trong Trường thực hiện thiết kế nội dung xây dựng đề cương chi tiết các học phần dựa trên Khung chương trình do khoa điều phối chương trình xây dựng và phát triển giáo trình, tài liệu dạy-học của học phần mình phụ trách. Phòng QLĐT có trách nhiệm rà soát các tài liệu của CTDH đảm bảo tuân thủ các quy định về xây dựng tài liệu dạy-học và quy trình phát triển CTĐT của Trường, soạn thảo Quy định ban hành CTĐT trình Hiệu trưởng phê duyệt. Các CTDH được thẩm định bởi các chuyên gia trong, ngoài Trường và các thành viên Hội đồng Khoa học, đào tạo, công nghệ Trường, theo Quy chế tổ chức và hoạt động và quy trình thông qua tài liệu phục vụ

đào tạo của Hội đồng này [H2.02.01.15] [H2.02.01.16] [H14.14.01.04] [H14.14.01.05]. Bên cạnh các văn bản hướng dẫn xây dựng, thiết kế CTDH, Trường cũng ban hành Quy định cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo (theo Quyết định số 1810/QĐ-ĐHYTCC ngày 29/5/2018 [H14.14.01.06]) trong đó cụ thể hoá các bước thực hiện, các hướng dẫn triển khai và phân công trách nhiệm cho các bên liên quan trong quá trình rà soát, cập nhật CTDH. Trường ban hành các quyết định phân công đơn vị điều phối chương trình đào tạo trong đó các khoa/viện/trung tâm/bộ môn được phân công sẽ chịu trách nhiệm chính trong quá trình phát triển, rà soát, cập nhật và điều phối triển khai các hoạt động chuyên môn liên quan quan đến triển khai CTDH. Các đơn vị thực hiện các hoạt động điều phối CTDH thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn trong Quy định nhiệm vụ điều phối viên các CTĐT Trường ĐHYTCC (ban hành theo quyết định số Quyết định số 947/QĐ-ĐHYTCC ngày 16/5/2018 [H14.14.01.07] và Quyết định số 694/QĐ-ĐHYTCC ngày 28/8/2020 [H14.14.01.08]).

Trường có các quy định hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành đề cương học phần. Các quy định hướng dẫn về các bước xây dựng, thẩm định, phê duyệt và ban hành đề cương chi tiết học phần, biểu mẫu và yêu cầu về những nội dung cần có của đề cương học phần cũng như nhiệm vụ của các đơn vị liên quan được cập nhật theo từng giai đoạn, cụ thể là Bộ quy trình quản lý đào tạo năm 2013 (ban hành theo Quyết định số 788/QĐ-ĐHYTCC ngày 04/10/2013 [H14.14.01.09]), Quy định quản lý đào tạo đại học năm 2018 (ban hành theo Quyết định số 1782/QĐ-ĐHYTCC ngày 14/8/2018 [H14.14.01.10]), Quy định xây dựng tài liệu dạy-học năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 2171/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2020) và Quy định xây dựng tài liệu dạy-học năm 2021 (ban hành theo Quyết định số 678/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2021). Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, cập nhật môn học (theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHYTCC ngày 29/5/2020 [H14.14.01.11]) trong đó cụ thể hoá các bước thực hiện, các hướng dẫn triển khai và phân công trách nhiệm cho các bên liên quan trong quá trình rà soát, cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần. Các đề cương chi tiết học phần trước khi ban hành sau khi được xây dựng, rà soát đều cần phải được thẩm định và phê

duyet bởi Hội đồng Khoa học đào tạo và công nghệ của Trường theo chức năng nhiệm vụ mô tả trong Quy chế tổ chức và hoạt động và theo quy trình thông qua tài liệu phục vụ đào tạo của Hội đồng này [H2.02.01.15] [H2.02.01.16] [H14.14.01.04] [H14.14.01.05]. Với mỗi học phần, Trường có quyết định phân công đơn vị điều phối học phần cụ thể [H14.14.01.12]. Đơn vị này chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát, cập nhật đề cương học phần và tổ chức triển khai các hoạt động giảng dạy đối với học phần được phân công.

Trường có kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTDH và đề cương chi tiết học phần. Như đã trình bày ở trên, Trường ban hành Quy định thiết kế và phát triển chương trình dạy học năm 2015 và cập nhật năm 2018, trong đó có các quy định về lấy ý kiến các bên liên quan trong thiết kế và xây dựng CTDH cũng như đề cương học phần [H14.14.01.01] [H14.14.01.02]. Để cải thiện CTDH, Trường ban hành Quy định về việc lấy ý kiến người học về môi trường học tập và hoạt động giảng dạy theo Quyết định số 516/QĐ-ĐHYTCC ngày 1/6/2015 [H14.14.01.13] và Quy định về công tác thu thập và phản hồi thông tin cho người học theo Quyết định số 1811/QĐ-ĐHYTCC ngày 14/8/2018, trong đó mô tả quy trình, phương pháp, công cụ thu thập ý kiến phản hồi của người học về nội dung, phương pháp dạy-học, phương pháp đánh giá, cách thức tổ chức giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo [H9.09.04.14]. Đến năm 2020, Trường ban hành quy định riêng, tổng thể về khảo sát các bên liên quan (Quy định khảo sát các bên liên quan ban hành theo theo Quyết định số 366/QĐ-ĐHYTCC ngày 27/5/2020 [H9.09.04.13] và bản cập nhật theo Quyết định số 691/QĐ-ĐHYTCC ngày 01/10/2021 [H9.09.04.12]) trong đó nêu rõ các hướng dẫn toàn diện, tổng thể về mục đích, hình thức, quy trình, phương pháp, công cụ thu thập số liệu, chu kì khảo sát, nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị trong Trường trong thực hiện khảo sát các bên liên quan nhằm xây dựng và cải thiện chương trình đào tạo. Ở giai đoạn mở ngành đào tạo, khi xây dựng, thiết kế chương trình dạy học và phát triển đề cương chi tiết học phần trong chương trình, Trường có kế hoạch thể hiện nhiệm vụ, đơn vị chịu trách nhiệm, thời gian hoàn thành các đầu việc trong xây dựng chương trình đào tạo trong đó có hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá nhu cầu đào tạo, xây dựng phát triển chương trình dạy học và đề cương học phần, phê duyệt,

thẩm định CTDH cùng đề cương học phần, thể hiện qua các kế hoạch chuẩn bị đề án mở ngành đào tạo mới [H14.14.01.14]. Khi thực hiện đánh giá nhu cầu đào tạo để lấy ý kiến các bên liên quan nhằm phục vụ việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung CTĐT, Trường cũng phát triển đề cương các nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo, cụ thể hoá phương pháp, công cụ và hướng dẫn thực hiện các hoạt động cụ thể [H14.14.01.15]. Theo chu kỳ 2 năm, các CTĐT sẽ thực hiện việc rà soát để cải thiện chương trình. Trước khi triển khai rà soát, các khoa điều phối chương trình xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTDH trong đó có kế hoạch khảo sát các bên liên quan [H14.14.01.16] [H14.14.01.17] [H14.14.01.18] [H14.14.01.19] [H14.14.01.20] [H14.14.01.21] [H14.14.01.22] [H14.14.01.23] [H14.14.01.24] [H14.14.01.25] [H14.14.01.26] [H14.14.01.27] [H14.14.01.28] [H14.14.01.29] [H14.14.01.30] [H14.14.01.31] [H14.14.01.32] [H14.14.01.33]. CTDH và đề cương học phần của mỗi CTĐT được rà soát, thẩm định bởi các chuyên gia trong, ngoài Trường và các thành viên Hội đồng Khoa học, đào tạo, công nghệ Trường trước khi ban hành, tuân thủ theo Quy chế tổ chức và hoạt động và quy trình thông qua tài liệu phục vụ đào tạo của Hội đồng này [H2.02.01.15] [H2.02.01.16] [H14.14.01.04] [H14.14.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Trường có các quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chuẩn đầu ra (CDR). Các hướng dẫn, phân công trách nhiệm trong xây dựng, thẩm định, phê duyệt và ban hành CDR được cụ thể trong Quy định thiết kế và phát triển chương trình dạy học (ban hành theo Quyết định số 930/QĐ-ĐHYTCC ngày 20/8/2015 [H14.14.01.01] và cập nhật theo quyết định số 1233/QĐ-ĐHYTCC ngày 22/6/2018 [H14.14.01.02]). Quy định này bao gồm các hướng dẫn về quy trình từ bước xây dựng kế hoạch, lấy ý kiến các bên liên quan về năng lực cần đạt được của người học, xây dựng dự thảo, lấy ý kiến các bên liên quan về dự thảo CDR, và phê duyệt, ban hành CDR, hướng dẫn về cách viết CDR, các tiêu chí mà CDR cần đáp ứng theo các quy định hiện hành của

Chính phủ và Bộ Giáo dục và đào tạo cũng như trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trong xây dựng, thẩm định CDR. Ở giai đoạn thiết kế, phát triển chương trình đào tạo, Trường ban hành Quyết định thành lập ban soạn thảo CTĐT, quy định trách nhiệm của cá nhân cụ thể trong xây dựng, thiết kế CTDH, trong đó bao gồm cả xây dựng CDR của CTĐT [H14.14.01.03]. Đối với xây dựng CDR của các học phần, nhà trường cụ thể hoá các hướng dẫn về yêu cầu đối với CDR học phần và phân công trách nhiệm của các đơn vị/cá nhân trong Trường tại Quy định xây dựng tài liệu dạy-học năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 2171/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2020) và Quy định xây dựng tài liệu dạy-học năm 2021 (ban hành theo quyết định số 678/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2021). Quy trình và phân công trách nhiệm rà soát CDR của CTĐT được thể hiện trong Quy định cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo (theo Quyết định số 1810/QĐ-ĐHYTCC ngày 29/5/2018 [H14.14.01.06]). Hướng dẫn và phân công trách nhiệm rà soát CDR của học phần được thể hiện trong Quy định rà soát, điều chỉnh, cập nhật môn học (theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHYTCC ngày 29/5/2020 [H14.14.01.11]). Các CTDH bao gồm cả CDR của CTĐT và đề cương học phần (trong đó bao gồm cả CDR học phần) được thẩm định bởi các chuyên gia trong, ngoài Trường và các thành viên Hội đồng Khoa học, đào tạo, công nghệ Trường, theo Quy chế tổ chức và hoạt động và quy trình thông qua tài liệu phục vụ đào tạo của Hội đồng này [H2.02.01.15] [H2.02.01.16] [H14.14.01.04] [H14.14.01.05]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành các quyết định phân công đơn vị điều phối chương trình đào tạo trong đó các khoa/viện/trung tâm/bộ môn được phân công sẽ chịu trách nhiệm chính trong quá trình phát triển, rà soát, cập nhật và điều phối triển khai các hoạt động chuyên môn liên quan đến triển khai CTĐT, bao gồm cả việc xây dựng và rà soát CDR của CTĐT. Các đơn vị thực hiện các hoạt động điều phối CTDH thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn trong Quy định nhiệm vụ điều phối viên các CTĐT Trường ĐHYTCC (ban hành theo quyết định số Quyết định số 947/QĐ-ĐHYTCC ngày 16/5/2018 [H14.14.01.07] và Quyết định số 694/QĐ-ĐHYTCC ngày 28/8/2020 [H14.14.01.08]). Đối với các học phần, Trường có quyết định phân công đơn vị điều phối học phần cụ thể. Đơn vị này chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát, cập nhật đề cương học phần trong đó bao gồm cả CDR học phần và tổ chức

triển khai các hoạt động giảng dạy đối với học phần được phân công phụ trách [H14.14.01.12].

Các CDR của CTĐT và học phần khi xây dựng hay rà soát, điều chỉnh đều được tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Để thực hiện việc này, Trường có các kế hoạch xây dựng và rà soát CDR của CTĐT và học phần. Ở giai đoạn mở ngành đào tạo, khi xây dựng, thiết kế chương trình dạy học và phát triển đề cương chi tiết học phần trong chương trình bao gồm cả CDR của CTDH và học phần), Trường xây dựng kế hoạch, đề cương đánh giá nhu cầu đào tạo, thể hiện rõ phương pháp, công cụ và hướng dẫn việc lấy ý kiến các bên liên quan (bao gồm người học, cựu người học, giảng viên, người sử dụng lao động, chuyên gia) và có báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo để làm cơ sở xây dựng mục tiêu, CDR, nội dung CTDH và các đề cương học phần [H14.14.01.14] [H14.14.01.15]. CTDH sau khi được xây dựng cũng được thẩm định bởi các chuyên gia ngoài Trường và Hội đồng KHĐTCN Trường [H14.14.02.01], [H14.14.02.02]. Mỗi CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần và quá trình rà soát được lấy ý kiến các bên liên quan gồm người học, cựu người học, giảng viên, người sử dụng lao động và các chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo, được thể hiện qua các kế hoạch, biên bản họp hay báo cáo khảo sát các bên liên quan [H14.14.01.16] [H14.14.01.17] [H14.14.01.18] [H14.14.01.19] [H14.14.01.20] [H14.14.01.21] [H14.14.01.22] [H14.14.01.23] [H14.14.01.24] [H14.14.01.25] [H14.14.01.26] [H14.14.01.27] [H14.14.01.28] [H14.14.01.29] [H14.14.01.30] [H14.14.01.31] [H14.14.01.32] [H14.14.01.33]. Ngoài việc lấy ý kiến các bên liên quan để rà soát tổng thể CTDH (bao gồm cả CDR của CTĐT và CDR của học phần), theo Quy định nhiệm vụ điều phối viên các CTĐT Trường ĐHYTCC (ban hành theo quyết định số Quyết định số 947/QĐ-ĐHYTCC ngày 16/5/2018 [H14.14.01.07] và bản cập nhật theo Quyết định số 694/QĐ-ĐHYTCC ngày 28/8/2020 [H14.14.01.08]), ngay sau khi kết thúc mỗi học kỳ, các khoa điều phối chương trình có nhiệm vụ lấy ý kiến phản hồi của người học về nội dung và CDR, cách thức triển khai hoạt động giảng dạy của các học phần học trong kỳ để làm căn cứ cải thiện chương trình.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR.

Trường thực hiện việc ban hành và công bố chính thức đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy dựa trên chuẩn đầu ra (CĐR). Hàng năm, Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được uỷ quyền ký quyết định bộ đề cương học phần của từng CTĐT [H14.14.03.01]. Theo các Quy định về đào tạo các trình độ hàng năm vào đầu mỗi kỳ học, Phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo tổng thể cho 13 CTĐT cho học kỳ đó [H14.14.03.02] [H14.14.03.03] [H13.13.02.05] [H14.14.03.04] [H13.13.01.06]. Kế hoạch giảng dạy của các CTĐT, thể hiện qua thời khoá biểu của từng học kỳ, đều được bố trí theo đúng kế hoạch lộ trình đào tạo giúp người học đạt được CĐR của CTĐT như được mô tả trong Bản mô tả chương trình đào tạo [H14.14.03.04] [H14.14.03.05]. Căn cứ trên kế hoạch đào tạo tổng thể của từng học kỳ, các khoa chuyên môn xây dựng đề cương, lịch giảng của các học phần do khoa phụ trách giảng dạy trong học kỳ, có chữ kí xác nhận của bộ môn và khoa điều phối học phần, được lưu giữ tại phòng Quản lý đào tạo và tại khoa phụ trách giảng dạy học phần [H14.14.03.06].

Đề cương các học phần và kế hoạch giảng dạy được giới thiệu, phổ biến tới người học và giảng viên bằng nhiều hình thức khác nhau. Đề cương học phần được công bố trên website của Trường để các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận [H14.14.03.07]. Bên cạnh đó, trong quá trình dạy học, giảng viên giảng dạy các học phần thông báo đề cương học phần, lịch giảng và các tài liệu dạy-học khác tại buổi học đầu tiên, qua hệ thống email [H14.14.03.08] hoặc vị trí đăng tải các tài liệu trên hệ thống học tập trực tuyến (e-learning) [H14.14.03.09]. Hàng tuần, Trung tâm Đảm bảo chất lượng và khảo thí thông báo lịch giảng đường trong đó ghi rõ thời gian và địa điểm của từng buổi học của từng lớp trong tuần kế tiếp cho người học và giảng viên qua email [H14.14.03.10]. Kế hoạch học tập tổng thể của từng CTĐT và nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo được các khoa điều phối chương trình giới thiệu cho người học ở đầu khoá học [H14.14.03.11] và được mô tả trong cuốn Sổ tay sinh viên phát cho người học vào đầu mỗi khoá học [H14.14.03.12].

Các hoạt động dạy, học trong đề cương môn học/học phần được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được CĐR. Các học phần lý thuyết và thực hành được xây dựng và

triển khai theo năm học, theo đúng cấu trúc và lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng của người học được đặt ra trong bản mô tả CTĐT. Các hoạt động dạy-học gồm lý thuyết và thực hành trong đề cương học phần được triển khai theo đúng kế hoạch, thể hiện qua hệ thống sổ theo dõi học tập hàng năm của các học phần [H14.14.03.13], các hợp đồng với cơ sở đào tạo thực hành [H14.14.03.14]. Đối với các CTĐT sau đại học, các bài tập chuyên đề, các bước thực hiện luận văn, luận án của học viên cũng được thực hiện theo đúng lộ trình học tập [H14.14.03.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện

Trong chu kỳ đánh giá Trường đã tiến hành rà soát và cập nhật quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học. Trước tháng 6 năm 2018, việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học tại Trường ĐHYTCC được thực hiện theo Quy định về thiết kế và phát triển CTDH tại Trường ĐHYTCC, ban hành theo Quyết định số 930/QĐ-ĐHYTCC ngày 20/8/2015 [H14.14.01.01]. Nhận thấy Quy định này cần cập nhật thêm một số nội dung về quy trình thiết kế, xây dựng CTDH cũng như hướng dẫn về xây dựng CDR, Trường đã tiến hành họp với các đơn vị liên quan để rà soát Quy định này [H14.14.04.01]. Sau quá trình rà soát, Quy định thiết kế và phát triển CTDH tại Trường ĐHYTCC đã được điều chỉnh và bản Quy định cập nhật đã được ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-ĐHYTCC, ngày 22/6/2018 [H14.14.01.02]. Quy định này có điểm cải thiện hơn so với Quyết định 930/QĐ-ĐHYTC là đã hướng dẫn cụ thể các đơn vị thực hiện đánh giá nhu cầu đào tạo (gồm đánh giá nhu cầu nhân lực của thị trường, khoảng trống về năng lực, xác định nhu cầu và loại hình đào tạo đối với từng năng lực và đề xuất năng lực cần có trong CTĐT. Một điểm cải tiến nữa là Trường đã tách riêng bước xây dựng mục tiêu và CDR của CTĐT và xây dựng khung CTĐT thành hai bước riêng biệt, việc xây dựng đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần cũng được tách thành hai bước riêng biệt để các đơn vị dễ thực hiện. Quy định cũng được bổ sung thêm hướng dẫn về cách viết cũng như tiêu chí của CDR của chương trình đào tạo. Trách nhiệm của các đơn vị, quy định về thanh tra, xử lý vi phạm cũng đã được thể hiện rõ trong quy định này. Trường cũng đã ban

hành và cập nhật quy định về rà soát đánh giá CTDH. Năm 2013, để rà soát, đánh giá các học phần, Trường ban hành Bộ quy trình quản lý đào tạo, quy định hàng năm các khoa/bộ môn phải tự rà soát các học phần, thể hiện ở mục B3 của Quy trình biên soạn, sửa đổi chương trình, giáo trình, tài liệu [H14.14.01.09]. Năm 2020, Trường đã ban hành riêng quy định rà soát, cập nhật, điều chỉnh môn học [H14.14.01.11] trong đó cũng nêu rõ việc rà soát phải được các khoa chuyên môn thực hiện định kỳ hàng năm, có bổ sung thêm nội dung so với bộ quy trình năm 2013 là với những học phần có tỉ lệ chỉnh sửa dưới 30% thì sẽ triển khai phê duyệt và thông qua tại Hội đồng Khoa học và Đào tạo của khoa, những học phần nào có tỉ lệ chỉnh sửa từ 30% trở lên thì mới thông qua tại Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường. Để có hướng dẫn tổng thể về rà soát, cập nhật CTDH, năm 2018 Trường ban hành Quy định cập nhật, điều chỉnh CTĐT trong đó quy định việc lấy ý kiến các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, cựu người học, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, giảng viên, người học) để đánh giá và điều chỉnh CTDH [H14.14.01.06]. Bên cạnh đó, năm 2021 Trường cũng thực hiện việc rà soát quy trình lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT phục vụ cho việc đánh giá CTĐT, cập nhật thêm các hướng dẫn cụ thể về yêu cầu đối với khảo sát, hình thức, thời điểm khảo sát và các bước thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTDH trong Quy định khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo của Trường ĐHYTCC [H9.09.04.13] [H9.09.04.12] [H14.14.04.02].

Trường cũng tiến hành rà soát CTDH hai năm một lần, trong đó có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước/quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Khi thực hiện rà soát các CTĐT, với mỗi CTĐT đều thực hiện xây dựng kế hoạch rà soát, thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm người học, cựu người học, giảng viên, chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo và nhà tuyển dụng về CTDH, thực hiện đối sánh CTDH của Trường với các cơ sở đào tạo khác trong nước hoặc trên thế giới, hoàn thiện báo cáo rà soát CTDH và ban hành CTDH nếu có cập nhật, điều chỉnh. Cụ thể, trong giai đoạn đánh giá, các CTDH của Trường đã được rà soát và cập nhật cụ thể như sau:

- Chương trình Cử nhân Y tế công cộng: rà soát 2018 (không có yêu cầu điều chỉnh) [H14.14.01.21] [H14.14.04.03] [H14.14.04.04], rà soát và điều chỉnh năm 2020 [H14.14.01.26] [H14.14.04.05] [H14.14.04.06]

- Chương trình Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học: rà soát và điều chỉnh năm 2018, rà soát năm 2019 (không có yêu cầu điều chỉnh) [H14.14.01.26] [H14.14.04.07] [H14.14.04.08]
- Chương trình Cử nhân Công tác xã hội: rà soát và điều chỉnh năm 2020 [H14.14.01.26] [H14.14.04.09] [H14.14.04.10] [H14.14.04.11], rà soát năm 2021 (không có yêu cầu điều chỉnh) [H14.14.01.22] [H14.14.04.12] [H14.14.04.13]
- Chương trình Cử nhân Dinh dưỡng: rà soát và điều chỉnh năm 2020 [H14.14.01.26] [H14.14.04.14] [H14.14.04.15] [H14.14.04.16], rà soát năm 2021 (không có yêu cầu điều chỉnh) [H14.14.01.23] [H14.14.04.18] [H9.09.03.13].
- Chương trình Thạc sĩ Y tế công cộng rà soát và điều chỉnh năm 2018 [H14.14.01.16] [H14.14.04.20] [H14.14.04.21] [H14.14.04.23] và rà soát và điều chỉnh năm 2020 [H14.14.01.17] [H14.14.04.24] [H14.14.04.25] [H14.14.04.26] [H14.14.04.27].
- Chương trình Thạc sĩ Quản lý bệnh viện rà soát và điều chỉnh năm 2018 [H14.14.04.28] [H14.14.04.29] [H14.14.04.30] và rà soát và điều chỉnh năm 2020 [H14.14.01.28] [H14.14.04.31] [H14.14.04.32].
- Chương trình Tiến sĩ Y tế công cộng rà soát năm 2018 (không có yêu cầu điều chỉnh) [H14.14.01.18] [H14.14.04.34] [H14.14.04.35] [H14.14.04.36], rà soát (không có yêu cầu điều chỉnh) năm 2020 [H14.14.01.19] [H14.14.04.26] [H14.14.04.37], rà soát và điều chỉnh năm 2021 [H14.14.01.20] [H14.14.04.39] [H14.14.04.40] [H14.14.04.42]
- Chương trình Tiến sĩ Quản lý bệnh viện rà soát năm 2018 (không có yêu cầu điều chỉnh) [H14.14.01.29] [H14.14.04.43] [H14.14.04.30] [H14.14.04.44], rà soát (không có yêu cầu điều chỉnh) 2020 [H14.14.01.30] [H14.14.04.45] [H14.14.04.46], rà soát, điều chỉnh năm 2021 [H14.14.01.31] [H14.14.04.47] [H14.14.04.48] [H14.14.04.49]
- Chương trình Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng rà soát các năm 2018 [H14.14.01.24] [H14.14.04.50] [H14.14.04.51], 2020 [H14.14.01.25] [H14.14.04.53] [H14.14.04.54] (cả hai lần rà soát không có yêu cầu điều chỉnh)
- Chương trình Chuyên khoa cấp II Tổ chức quản lý y tế rà soát năm 2018 (không có yêu cầu chỉnh sửa) [H14.14.01.32] [H14.14.04.56] [H14.14.04.57] và rà soát, chỉnh sửa năm 2020 [H14.14.01.33] [H14.14.04.58] [H14.14.04.59]

Mặc dù trong quá trình rà soát CTDH của các CTĐT đều có lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan, tuy vậy sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà tuyển dụng còn hạn chế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Trường có ban hành quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học.

Năm 2015, Trường đã ban hành Quy định thiết kế và phát triển chương trình đào tạo theo Quyết định số 930/QĐ-ĐHYTCC ngày 20/8/2015 [H14.14.01.01]. Đến năm 2018, Quy định này được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với thực tế của Trường và bản Quy định cập nhật được ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-ĐHYTCC ngày 22/6/2018 [H14.14.01.02]. Trường cũng đã ban hành và cập nhật quy định về rà soát đánh giá CTDH. Năm 2013, để rà soát, đánh giá các học phần, Trường ban hành Bộ quy trình quản lý đào tạo, quy định hàng năm các khoa/bộ môn phải tự rà soát các học phần, thể hiện ở mục B3 của Quy trình biên soạn, sửa đổi chương trình, giáo trình, tài liệu, ban hành theo Quyết định số 788/QĐ-ĐHYTCC ngày 04/10/2013 [H14.14.01.09]. Năm 2020, Trường đã ban hành riêng Quy định rà soát, cập nhật, điều chỉnh môn học theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHYTCC ngày 29/5/2020 [H14.14.01.11]. Để có hướng dẫn tổng thể về rà soát, cập nhật CTDH, năm Trường ban hành Quy định cập nhật, điều chỉnh CTĐT theo Quyết định số 1810/QĐ-ĐHYTCC ngày 14/8/2018 trong đó quy định việc lấy ý kiến các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, cựu người học, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, giảng viên, người học) để đánh giá và điều chỉnh CTDH [H14.14.01.06]. Bên cạnh đó, quy trình và hướng dẫn lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT cũng được Trường xây dựng, thể hiện cụ thể trong Quy định khảo sát các bên liên quan về CTĐT năm 2020, ban hành theo Quyết định số 366/QĐ-ĐHYTCC ngày 27/5/2020 [H9.09.04.13]. Năm 2021 Trường cũng thực hiện việc rà soát quy trình lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT phục vụ cho việc đánh giá CTĐT, cập nhật thêm các hướng dẫn cụ thể về yêu cầu đối với khảo sát, hình thức, thời điểm khảo sát và các bước thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTDH trong

Quy định khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo của Trường ĐHYTCC theo Quyết định số 691/QĐ-ĐHYTCC ngày 01/10/2021 [H9.09.04.12].

Các CTDH của các CTĐT tại Trường được cải tiến và ban hành đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá, rà soát và cải thiện CTDH của toàn bộ 13 CTĐT của Trường. Ý kiến của các bên liên quan đã được sử dụng để: 1) Khẳng định mục tiêu và CDR của CTĐT phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, 2) Điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT, Bổ sung thêm các môn học hoặc nội dung môn học để bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học, 3) Điều chỉnh phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá người học để hướng tới đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Khi xây dựng mới hoặc có điều chỉnh CTDH, Trường ban hành các Quyết định Ban hành chương trình đào tạo. Các điều chỉnh về CTDH trong giai đoạn đánh giá được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 14.1. Điều chỉnh CTDH dựa trên ý kiến của các bên liên quan trong giai đoạn đánh giá (8)

Chương trình đào tạo	Năm điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh
Cử nhân dinh dưỡng	2020	- Điều chỉnh thứ tự một số môn học trong chương trình để đảm bảo lộ trình xây dựng năng lực của người học đáp ứng CDR như Quản lý ô nhiễm và ngộ độc thực phẩm, xét nghiệm an toàn thực phẩm, lập kế hoạch y tế, Kinh tế dinh dưỡng, Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng [H14.14.01.26] [H14.14.04.14] [H14.14.04.15] [H14.14.04.16]
Cử nhân y tế công cộng	2020	- Điều chỉnh thứ tự một số môn học trong chương trình để đảm bảo lộ trình xây dựng năng lực của người học đáp ứng CDR (13 môn) - Cập nhật nội dung và phương pháp đánh giá của chương trình thực tập cộng đồng (4 tuần) và thực tập cuối khoá cho đối tượng cử nhân vừa làm vừa học [H14.14.01.26] [H14.14.04.05] [H14.14.04.06]
Cử nhân công tác xã hội	2020	- Tăng thời lượng một số môn liên quan đến tâm lý, xã hội, công tác xã hội để sinh viên thực hành kỹ năng, đặc biệt bổ sung chuẩn đầu ra về kỹ năng ở một số môn học liên quan đến tâm lý, xã hội, công tác xã hội hiện tại chưa có [H14.14.01.26]

		[H14.14.04.09] [H14.14.04.10] [H14.14.04.11] [H14.14.05.02]
Thạc sĩ y tế công cộng	2018	- Bổ Bài tập thực địa, đưa nội dung thực địa vào luận văn - Bổ sung thêm định hướng Sức khỏe môi trường - Bổ sung môn học tự chọn One Health Approach to Emerging and Re-emerging Zoonotic diseases – giảng dạy bằng tiếng Anh và được công nhận tín chỉ trong hệ thống tropEd [H14.14.01.16] [H14.14.04.20][H14.14.04.21][H14.14.04.23]
	2020	- Bổ sung thêm định hướng Đánh giá công nghệ y tế [H14.14.01.17] [H14.14.04.24] [H14.14.04.25][H14.14.04.26]
Thạc sĩ Quản lý bệnh viện	2018	- Bổ sung học phần tự chọn “Phương pháp đo lường gánh nặng bệnh tật” và “Phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện” để ứng dụng trong quản lý bệnh viện [H14.14.01.27] [H14.14.04.28] [H14.14.04.29] [H14.14.04.30]
	2020	- Điều chỉnh về thời gian thực hành trực tiếp của bài tập kiến tập bệnh viện
Chuyên khoa cấp II Tổ chức quản lý y tế	2020	- Điều chỉnh số tín chỉ của học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học và học phần Bài tập chuyên đề quản lý
Tiến sĩ Y tế công cộng	2022	- Điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT - Điều chỉnh nội dung các chuyên đề nghiên cứu [H14.14.01.20][H14.14.04.39] [H14.14.04.40] [H14.14.04.42]
Tiến sĩ Quản lý bệnh viện	2022	- Điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và Điều chỉnh chuyên đề nghiên cứu [H14.14.01.31] [H14.14.04.47] [H14.14.04.48] [H14.14.04.49]
Toàn bộ các chương trình đào tạo của trường	2020	- Áp dụng phương thức giảng dạy kết hợp (blended-learning) cho một số học phần phù hợp để thích ứng với Dịch COVID-19 [H14.14.03.06]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường ĐHYTCC có hệ thống quy định, hướng dẫn về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH và đề cương học phần rõ ràng, chặt chẽ, có phân công trách nhiệm cụ thể cho các

bên liên quan và các quy định này được rà soát, điều chỉnh để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan trong quá trình triển khai đào tạo. Trường đã thu nhận được và sử dụng hiệu quả kiến đóng góp của nhiều bên liên quan trọng yếu trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTDH, trong đó bao gồm cả CDR và đề cương học phần, của các chương trình đào tạo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trong quá trình rà soát các CTDH, Trường chưa thu nhận được nhiều ý kiến đóng góp cho CTDH từ phía các nhà sử dụng lao động.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân chủ trì thực hiện	Đơn vị/ cá nhân phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật Quy trình khảo sát các bên liên quan và Quy định về nhiệm vụ của khoa điều phối CTĐT, giao nhiệm vụ lấy ý kiến nhà tuyển dụng về CTDH cho các khoa điều phối chương trình để tăng cường khả năng tiếp cận các nhà tuyển dụng lao động.	TT ĐBCL-KT và Phòng TC-HC	Các khoa điều phối các CTĐT	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ 2 năm/lần rà soát và điều chỉnh (nếu cần thiết) các quy định về thiết kế, rà soát và điều chỉnh CTDH và đề cương	Phòng QLĐT	TT ĐBCL-KT, các khoa điều phối	Từ năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân chủ trì thực hiện	Đơn vị/ cá nhân phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		học phần		CTĐT		
3		Tiếp tục triển khai việc lấy ý kiến các bên liên quan theo Quy định khảo sát các bên liên quan về CTDH của Trường để làm cơ sở cải tiến CTDH	TT ĐBCL-KT	Các khoa điều phối CTĐT	Từ năm học 2022-2023	
4		Duy trì việc định kỳ hàng năm rà soát kế hoạch học tập và đề cương các học phần, đảm bảo các học phần đóng góp hiệu quả cho việc đạt được CDR của CTĐT; tiếp tục duy trì các kênh phổ biến kế hoạch học tập và đề cương học phần cho người học.	TT ĐBCL-KT, phòng QLĐT và các khoa điều phối các CTĐT		Năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	4,8
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR

Nhà trường có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục trong kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018 – 2023 [H1.01.03.01] và giai đoạn 2020 – 2025 [H1.01.01.01] : *Hiệu quả (Efficiency)*: Trường Đại học Y tế công cộng cung cấp các chương trình đào tạo và môi trường dạy-học linh hoạt, phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực của nhà trường, tiềm năng của người học nhằm giúp cho người học trở thành người làm nghề chuyên nghiệp, có đạo đức, kỷ luật, có trách nhiệm và đóng góp tích cực cho cộng đồng; *Ứng dụng (Application)*: Nhà trường tạo ra môi trường văn hoá học tập ứng dụng, thực học, thực hành, lý luận gắn với thực tiễn, tạo nhiều cơ hội trải nghiệm thực tế, giúp người học hình thành các kỹ năng, có khả năng thích ứng với nghề nghiệp và xã hội cao; *Phát triển (Development)*: Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục không ngừng phát triển cả về qui mô và chất lượng, liên tục cập nhật các tiến bộ trong và ngoài nước giúp cho người học được trang bị nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể tự học, tự phát triển nghề nghiệp trong một xã hội không ngừng biến đổi. Triết lý giáo dục của Nhà trường phù hợp với mục tiêu, sứ mạng “*đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, qua đó có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.*” Triết lý giáo dục của Trường phù hợp với định hướng phát triển của hệ thống giáo dục quốc gia tại của Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung

ương Đảng “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã được hội nghị trung ương 8 (khóa XI) thông qua: *Nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học* [H15.15.01.01]. Triết lý giáo dục của Trường phù hợp với định hướng phát triển của ngành y tế quy định trong Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013: Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; tăng cường nhân lực y tế cho vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và một số chuyên khoa; chú trọng phát triển nhân lực có trình độ cao...[H15.15.01.02]. Triết lý giáo dục của nhà trường được xây dựng dựa trên sứ mạng của nhà trường: “*đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, qua đó có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội* [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Nhà trường có công bố công khai Triết lý giáo dục trên trang thông tin điện tử của Trường [H15.15.01.03]. Trong quá trình xây dựng Triết lý giáo dục, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan và tổ chức thông báo văn bản chính thức tới toàn thể người học, giảng viên, nhân viên để chuyển tải triết lý giáo dục vào công việc.

Nhà trường có quy định cụ thể về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục đã được công bố từ việc phát triển chương trình đào tạo tới việc lựa chọn hoạt động dạy và học. Đối với hoạt động phát triển chương trình đào tạo, Nhà trường ban hành quyết định số 1781 /QĐ-ĐHYTCC ngày 14 / 8 /2018 về việc Ban hành Quy định đăng ký mở ngành đào tạo, quy định rõ “*Ngành đăng ký đào tạo phải phù hợp với nhu cầu của xã hội và người học; phù hợp với yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, miền và cả nước; phù hợp với triết lý giáo dục, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHYTCC. Việc mở ngành đào tạo đã được xác định trong phương hướng, kế hoạch phát triển của Trường ĐHYTCC.*”. Triết lý giáo dục đã được cụ thể hóa trong toàn bộ mục tiêu và chuẩn đầu ra của các CTĐT, cụ thể 100% CTĐT

của Trường có tuyên bố người học được rèn luyện và hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sau khi tốt nghiệp [H15.15.01.04] [H15.15.01.05] [H15.15.01.06] [H14.14.04.20] [H15.15.01.07] [H14.14.04.05] [H15.15.01.08] [H14.14.04.14] [H15.15.01.09] [H14.14.04.09] [H15.15.01.10] [H14.14.04.28] [H15.15.01.11] [H14.14.04.24] [H14.14.04.43] [H14.14.04.34] [H15.15.01.12] [H15.15.01.13] [H14.14.04.49] [H14.14.04.42] [H15.15.01.14] [H15.15.01.15] [H15.15.01.16]. Đối với hoạt xây dựng và lựa chọn phương pháp dạy và học, Nhà trường ban hành Quy định xây dựng tài liệu dạy học kèm theo Quyết định số 704/QĐ-ĐHYTCC ngày 31/9/2020 và bản cập nhật tại Quyết định số 678/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2021, hướng dẫn việc lựa chọn phương pháp giảng dạy và phân công trách nhiệm cho các đơn vị tham gia CTĐT trong việc lựa chọn và phát triển hoạt động dạy học tới từng học phần trong các CTĐT [H15.15.01.17] [H15.15.01.18].

Quy định xây dựng tài liệu dạy học của Nhà trường có quy định việc xây dựng ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra của CTĐT với thời lượng, phương pháp dạy – dạy học và phương pháp đánh giá của các học phần trong chương trình đào tạo [H15.15.01.17] [H15.15.01.18]. Các bản ma trận của CTĐT thể hiện rõ sự phù hợp giữa phương pháp giảng dạy (thuyết trình, học tập dựa theo tình huống, thảo luận nhóm, thực hành tại phòng thực hành, thực tập/kiến tập tại các cơ sở thực hành, phương pháp giảng dạy kết hợp....) với từng nhóm chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, tự chủ và chịu trách nhiệm); sự phù hợp giữa phương pháp đánh giá, thang đo với từng nhóm chuẩn đầu ra. Đối với các tài liệu dạy – học như đề cương chung, đề cương chi tiết của các học phần đều quy định phải xây dựng bảng ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; bảng ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra của từng bài học với chuẩn đầu ra của học phần; bảng ma trận liên kết giữa nội dung bài học và phương pháp đánh giá. Các bản ma trận thể hiện rõ lộ trình phát triển các chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như thể hiện rõ vai trò của từng học phần, từng phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá trong việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trường Đại học Y tế công cộng đã xây dựng kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trình Bộ Y tế. Nhà trường đã tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm có nêu rõ nhu cầu, năng lực, điều kiện tuyển dụng của các vị trí cán bộ, giảng viên phục vụ kế hoạch phát triển của nhà trường...[H15.15.02.01]. Đối với các Khoa chuyên môn, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự theo giai đoạn để đảm bảo nguồn nhân lực triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của nhà trường theo kế hoạch chiến lược của từng giai đoạn [H15.15.02.02]. Từ kế hoạch chiến lược, lãnh đạo nhà trường tổ chức xây dựng và phê duyệt danh mục công việc (BSC) của các đơn vị theo từng năm bao gồm khối lượng các công việc cần hoàn thành, số lượng định biên để hoàn thành các công việc được giao (bao gồm các kế hoạch tuyển dụng nhân sự mới và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên đang công tác tại Trường) [H4.04.01.10] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H15.15.02.03] [H15.15.02.04] [H15.15.02.05] [H15.15.02.06]. Trong giai đoạn 2018 – 2021, Nhà trường đã thực hiện ký hợp đồng theo chế độ thu hút với 12 giảng viên có chuyên môn phù hợp để phục vụ phát triển các hoạt động đào tạo, nghiên cứu đối với những lĩnh vực mới, đặc thù [H15.15.02.07]. Đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên, trên cơ sở đề xuất cụ thể của các Khoa chuyên môn, Phòng Tổ chức hành chính (trước đây là phòng Tổ chức cán bộ) đối chiếu Kế hoạch chiến lược của Trường, nhân sự thực tế của đơn vị để phân tích, tham mưu và trình hồ sơ phê duyệt. Trong giai đoạn 2017 – 2021, kinh phí hàng năm của Trường dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên trung bình chiếm gần 30% tổng kinh phí dành cho đào tạo bồi dưỡng hàng năm của Trường với số lượng trung bình khoảng 60 lượt cán bộ, giảng viên [H15.15.02.08] [H15.15.02.09] .

Căn cứ kế hoạch công việc được phê duyệt, các đơn vị phân công công việc cho từng cá nhân theo KPI và thực hiện theo dõi theo tháng/theo quý. Căn cứ vào Đề án vị trí việc làm đã xây dựng, các đơn vị đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển mới, yêu cầu về trình độ, năng lực đối với từng vị trí trình Ban Giám hiệu phê duyệt [H15.15.02.10] [H15.15.02.11].

Sau khi tuyển dụng, căn cứ vào BSC và KPI, lãnh đạo đơn vị thực hiện phân công công việc cho các thành viên trong đơn vị. Nội dung phân công công việc có căn Quy định về chế độ làm việc của Giảng viên, trong đó quy định rõ định mức hoạt động, vai trò và nhiệm vụ của từng chức danh nghề nghiệp [H15.15.02.12] [H15.15.02.13]. Các giảng viên cao cấp được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch, nội dung, CTĐT của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; Tham gia giảng dạy các CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; Chủ trì hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học; Đảm bảo khối lượng giảng dạy trong năm học từ từ 330 giờ chuẩn giảng dạy. Các giảng viên chính được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch, CTĐT của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; Tham gia giảng dạy các CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (nếu đủ điều kiện); Tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận văn chuyên khoa 2, luận án tiến sĩ (nếu đủ điều kiện); Đảm bảo khối lượng giảng dạy trong năm học từ từ 290 giờ chuẩn giảng dạy. Các giảng viên khác tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung CTĐT; Tham gia giảng dạy các CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (nếu đủ điều kiện); Tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận văn chuyên khoa 2, luận án tiến sĩ (nếu đủ điều kiện); Đảm bảo khối lượng giảng dạy trong năm học từ từ 270 giờ chuẩn giảng dạy.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR.

Từ năm 2010, Nhà trường triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ cho tất cả các chương trình đào tạo giúp người học có cơ hội học tập đa dạng phù hợp với nhu cầu và điều kiện cá nhân. Các quy định đào tạo thường xuyên được cập nhật theo các văn bản của cơ quan cấp trên và thực tế công tác quản lý [H13.13.02.04] [H13.13.02.05] [H15.15.03.01] [H15.15.03.02] [H15.15.03.03] [H13.13.01.06]. Các chương trình đào tạo có các học phần, nội dung đào tạo thực hành, thực tập giúp người học hoàn thiện các kỹ năng đa dạng của CTĐT [H15.15.03.05]. Nhà trường xây dựng hệ thống các cơ sở thực tập, thực hành phù hợp với các chương trình đào tạo và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế

[H8.08.02.01]. Đối với hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, Nhà trường tham gia hệ thống Mạng lưới đào tạo sức khỏe toàn cầu (Troped), thực hiện ký kết các hợp đồng trao đổi sinh viên của CTĐT thạc sỹ Y tế công cộng định hướng chấn thương và định hướng chuyên sâu Đánh giá công nghệ y tế giúp người học có thêm cơ hội trải nghiệm các môi trường đào tạo đa dạng và có chất lượng [H15.15.03.06]. Đối với các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động tình nguyện trên địa bàn thành phố Hà Nội như vận động hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường; tình nguyện tư vấn sức khỏe tại một số địa phương gặp khó khăn như Bắc Kạn, Lạng Sơn. Đặc biệt, trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid – 19, Nhà trường đã cử hơn 500 lượt cán bộ, sinh viên tham gia công tác xét nghiệm, truy vết tại các địa phương như Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, hằng năm, Nhà trường tổ chức tuyển chọn và cấp kinh phí cho đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở cho người học của Trường. Nhà trường cũng cử đại diện các đề tài cơ sở xuất sắc của trường tham gia Hội nghị khoa học và công nghệ tuổi trẻ ngành y tế được tổ chức hai năm một lần. Nhà trường luôn nỗ lực tạo dựng môi trường học tập, nghiên cứu khoa học tốt nhất để thúc đẩy năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học hướng tới đạt chuẩn đầu ra của các CTĐT.

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý đào tạo theo tín chỉ giúp sinh viên thực hiện đăng ký học tập theo nhu cầu cá nhân [H15.15.03.04]. Nhà trường tổ chức đa dạng các hình thức đào tạo giúp người học có nhiều lựa chọn [H13.13.01.08] [H13.13.01.09] [H13.13.01.10] [H13.13.01.11] [H13.13.01.12] [H13.13.01.13] [H13.13.01.14] [H13.13.01.15] [H13.13.01.16]. Nhà trường tổ chức giảng dạy các học phần theo thiết kế chương trình với các nội dung thực hành được giảng dạy tại các phòng thực hành chuyên biệt với quy mô theo quy định của Bộ Y tế nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động dạy và học [H14.14.03.04]. Các chương trình đào tạo của Trường đều có thiết kế nội dung thực tập tại các cơ sở thực hành, đơn vị sử dụng lao động giúp người học áp dụng các kiến thức đã học vào môi trường làm việc thực tế góp tích lũy kinh nghiệm và tăng cơ hội xin việc là sau tốt nghiệp [H15.15.03.05]. Nhà trường triển khai các chương trình đào tạo liên kết với các cơ sở giáo dục nước ngoài tạo điều kiện để người học có cơ hội giao lưu và tham gia các hoạt

động học tập có chất lượng [H15.15.03.06]. Nhà trường tổ chức đa dạng các hoạt động hướng dẫn kỹ năng mềm cho sinh viên: đào tạo kỹ năng tra cứu thông tin, phần mềm endnote, phần mềm redcap, kỹ năng phỏng vấn, viết CV, Các phần mềm quản lý và phân tích số liệu (SPSS, epidata, stata,..), Phần mềm rà soát trùng lặp turnitin ... [H15.15.03.07] [H15.15.03.08] [H15.15.03.09] [H15.15.03.10] [H15.15.03.11] [H15.15.03.12] [H15.15.03.13].

Nhà trường tích cực triển khai các phương pháp dạy học hiện đại thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên như phương pháp học tập dựa theo tình huống (Scenario Based Learning – SBL) [H15.15.03.14]. Phương pháp học tập SBL được Nhà trường triển khai ở toàn bộ các CTĐT giúp người học tăng cường khả năng tra cứu thông tin, phối hợp nhóm, trình bày kết quả thảo luận, đóng vai các nhà chuyên môn, nhà quản lý để giải quyết các tình huống trong thực tế. Nhà trường đã tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm từ các trường Đại học khác như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Mỏ - Địa chất, Đại học FPT trong việc ứng dụng công nghệ trong quản lý học tập của người học... Từ năm 2020, ứng phó với tình hình dịch bệnh Nhà trường đã tổ chức phương pháp giảng dạy kết hợp và phương pháp giảng dạy kết hợp (Blended Learning - BL) ứng dụng hệ thống Moodle để tổ chức các lớp học phần. Nhà trường sử dụng hệ thống các phần mềm hiện đại phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong nhà trường như hệ thống E-learning, phần mềm so sánh so sánh văn bản trong bài luận của sinh viên với cơ sở dữ liệu nguồn (Turnitin), Phần mềm trích dẫn tài liệu tham khảo Endnote, Phần mềm phân tích số liệu SPSS, Stata, phần mềm quản lý dữ liệu Redcap... Nhà trường sử dụng các trang thiết bị dạy học, thực hành hiện đại trong giảng dạy thực hành đối với các chương trình đào tạo [H15.15.03.15] [H15.15.03.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Nhà trường thực hiện theo dõi hoạt động dạy theo quy trình Quản lý đào tạo đạo học, quy chế đào tạo các trình độ sau đại học [H13.13.02.04] [H13.13.02.05] [H14.14.03.02] [H15.15.03.01] [H15.15.03.02] [H15.15.03.03]. Tháng 6 hằng năm, Phòng QLĐT xây dựng lịch trình giảng dạy (thời khóa biểu) cho từng lớp, từng ngành [H14.14.03.04]; Các Khoa/Bộ môn phụ trách xây dựng lịch trình giảng dạy theo kế hoạch chi tiết tới từng buổi

học [H14.14.03.06]; Lịch giảng được nộp tới Phòng Quản lý đào tạo để theo dõi và nhập trên phần mềm để Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng theo dõi lập kế hoạch, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên và người học theo từng tuần [H15.15.04.01]; Phòng Quản lý đào tạo giám sát việc phân công giảng viên đủ điều kiện về dự giảng, trình độ, kinh nghiệm khi tham gia các hoạt động giảng dạy lý thuyết. Phòng Công tác Học viên sinh viên thực hiện giám sát hoạt động học của người học thông qua sổ Theo dõi học tập. Phòng Công tác Học viên sinh viên phân công các cán bộ lớp thực hiện việc theo dõi tình trạng tham gia học của người học trong từng buổi học. Kết quả giám sát có xác nhận của cán bộ lớp, giảng viên giảng dạy [H15.15.04.02]; Giảng viên thực hiện giám sát việc học tập của người học thông qua sổ theo dõi học tập và kết quả chấm điểm của từng học phần [H14.14.03.13]; Hoạt động học tập tại các cơ sở thực thành/thực địa được Phòng Công tác học viên sinh viên giám sát bằng sổ Nhật ký thực địa của từng sinh viên [H15.15.04.03]. Nhà trường có thống kê số lượng lượt sử dụng các dịch vụ của Thư viện hàng năm của người học để đánh giá khả năng tự học của người học [H15.15.04.04].

Nhà trường thực hiện thu thập thông tin từ học viên về các hoạt động giảng dạy thông qua Phiếu đánh giá các học phần; họp giữa kỳ với đại diện và toàn thể lớp; đánh giá cuối khóa học...[H15.15.04.05] Các kết quả được tổng hợp và gửi về các Khoa theo năm học. Nhà trường thực hiện **đánh giá kết quả thực hiện công việc** của giảng viên hàng năm bao gồm: nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác với hệ thống quy định rõ ràng [H15.15.04.06] [H15.15.04.07]. Phòng Quản lý Đào tạo thực hiện việc đánh giá hoàn thành khối lượng giảng dạy theo kế hoạch đăng ký của các giảng viên từ đầu năm/kỳ, từ năm học 2021 – 2022 thực hiện theo tháng dựa trên sổ Theo dõi học tập của các lớp học phần [H14.14.03.13] [H15.15.04.15]; Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phát triển xác nhận kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên dựa trên hệ thống phần mềm quản lý nghiên cứu khoa học của nhà trường [H15.15.04.07]. Nhà trường triển khai đánh giá 360 độ nhằm giúp các giảng viên ghi nhận sự đánh giá của cấp dưới (đối với giảng viên là lãnh đạo Bộ môn/Khoa) đồng nghiệp, lãnh đạo và khách hàng là đối tác của đơn vị ở các nội dung Giải quyết vấn đề, Làm việc nhóm, Giao tiếp, trách nhiệm, ra quyết định, lãnh đạo, lập kế hoạch giúp giảng viên tự điều chỉnh trong công việc [H6.06.05.01]. Nhà

trường ban hành và thực hiện giám sát chất lượng giảng dạy của giảng viên bằng Quy định dự giảng: giảng viên mới được tuyển dụng sẽ phải được dự giảng theo 2 bước tại Khoa và trên lớp, nếu có kết quả đạt mới được sắp xếp giảng chính thức [H9.09.04.10] [H9.09.04.11]. Dựa trên kết quả hoàn thành công việc, Nhà trường thực hiện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc theo quy định chung của nhà nước. Bên cạnh đó nhà trường có các danh hiệu riêng cho các giảng viên có thành tích xuất sắc trong năm học như danh hiệu Giảng viên tiêu biểu, nghiên cứu viên tiêu biểu, nghiên cứu viên trẻ tiêu biểu [H3.03.03.05] [H3.03.03.06] [H3.03.03.07] [H3.03.03.08] [H6.06.05.06] [H6.06.05.07] [H6.06.05.08] [H6.06.05.09] [H6.06.05.10] [H6.06.05.11] [H6.06.07.01]

Nhà trường **thực hiện đánh giá chất lượng từ người học của các ngành đào tạo theo** Quy định về công tác thu thập và phản hồi thông tin cho người học qua nhiều kênh khác nhau: Phiếu đánh giá học phần xin ý kiến về các nội dung: thực hiện giảng dạy theo đề cương học phần, phương pháp giảng dạy của giảng viên...; Hộp lớp hàng tháng của Phòng công tác học viên sinh viên [H15.15.04.08]; Hộp lớp theo kỳ giữa điều phối chương trình và các lớp sinh viên [H15.15.04.05]; Nhà trường tổ chức đối thoại với người học 1 lần/năm [H15.15.04.09]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá cuối khóa đối với sinh viên mới tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo, mục tiêu chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy. Hai năm một lần, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của cựu người học [H15.15.04.10].

Nhà trường triển khai cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học dựa trên kết quả thu thập thông tin từ người học về các học phần theo Quy định về “Quy định về công tác thu thập và phản hồi thông tin cho người học Trường Đại học Y tế công cộng” theo từng lớp học phần (100%) [H9.09.04.14]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí tổng hợp kết quả đánh giá và gửi cho các khoa về kết quả đánh giá các học phần tham gia giảng dạy [H15.15.04.10] [H15.15.04.11]. Các Khoa họp rà soát và thống nhất các nội dung cần thay đổi đối với học phần và đăng ký thông qua thay đổi hình thức giảng dạy/đánh giá dựa trên các kết quả khảo sát học phần. Trong giai đoạn 2017 – 2022, đã có hơn 70 lượt học phần đăng ký cập nhật, thay đổi nội dung, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá đã được Hội đồng Khoa học - Công nghệ và Đào tạo cấp Trường, cấp

Khoa thông qua [H15.15.04.12] [H15.15.04.13] [H15.15.04.14]. Trong quá trình triển khai các phương pháp, hình thức giảng dạy mới như phương pháp giảng dạy kết hợp, Nhà trường tổ chức hướng dẫn, triển khai thử nghiệm, họp tổng kết, rút kinh nghiệm và cải thiện quy trình quản lý nhằm nâng cao chất lượng của việc ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Trường Đại học Y tế công cộng có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục. Triết lý giáo dục của nhà trường được ghi rõ trong kế hoạch chiến lược của Trường ĐHYTCC theo từng giai đoạn phát triển và có điều chỉnh triết lý giáo dục theo các giai đoạn phát triển của trường. Trước năm 2018, triết lý giáo dục “Public health without wall – đào tạo y tế công cộng gắn liền với thực tiễn” là định hướng để Trường thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đóng góp vào sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Trong giai đoạn 2018-2023, cùng với sự phát triển về đào tạo, đa ngành và nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ của Trường, triết lý giáo dục: Hiệu quả – Ứng dụng – Phát triển (Efficiency - Application – Development) của Trường là định hướng xuyên suốt hoạt động dạy học của các chương trình đào tạo, thể hiện trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHYTCC giai đoạn 2018-2023 [H1.01.03.01].

Nhà trường thực hiện điều chỉnh các hoạt động dạy và học hai năm một lần phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt chuẩn đầu ra. Năm 2018, Nhà trường ban hành Danh mục chỉ tiêu tay nghề đối với các CTĐT trình độ đại học. Danh mục chỉ tiêu tay nghề là căn cứ để đánh giá mức độ thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp của người học khi tốt nghiệp. Danh mục chỉ tiêu tay nghề là căn cứ để nhà trường thay đổi phương pháp kiểm tra, đánh giá đánh giá thực hành kết hợp với vấn đáp tình huống xét nghiệm hoặc OSPE được áp dụng cả trong các kì thi hết học phần và thi tốt nghiệp của chương trình giúp hỗ trợ người học làm quen việc áp dụng các kỹ năng phân tích, áp dụng vào giải quyết vấn đề. Năm 2020, Nhà trường triển khai thêm phương pháp giảng dạy kết hợp (BL) với tất cả các CTĐT để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và phù hợp với tình hình dịch bệnh phức tạp [H15.15.05.01].

Nhà trường thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan trong phiếu khảo sát đánh giá các CTĐT có bao gồm nội dung về việc thực hiện triển khai triết lý giáo dục trong các chương trình đào tạo và các hoạt động dạy học [H9.09.04.14]. Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng lao động tham gia trả lời các phiếu khảo sát đánh giá các CTĐT còn chưa nhiều.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Các văn bản quy phạm nội bộ của nhà trường được xây dựng có hệ thống, logic, chặt chẽ, chuyên tải được triết lý giáo dục vào từng CTĐT và hoạt động dạy – học của nhà trường.

Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng. Hoạt động thu thập thông tin phục vụ công tác đảm bảo và cải tiến chất lượng được quy định rõ ràng, thực hiện quy củ với sự tham gia của nhiều bên liên quan như người học, giảng viên, các phòng chức năng và các Khoa được phân công điều phối các CTĐT. Hoạt động tổng hợp thông tin phản hồi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện đầy đủ theo các quy định trong các văn bản quy phạm nội bộ của nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Trong quá trình triển khai lấy ý kiến các bên liên quan đánh giá CTĐT, số lượng ý kiến của đại diện các nhà tuyển dụng còn chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm nội bộ về lĩnh vực đào tạo theo các cập nhật của các cơ quan quản lý nhà nước	Phòng Quản lý Đào tạo	Tháng 8 hàng năm	

2	Khắc phục tồn tại	Chỉnh sửa qui định lấy ý kiến các bên liên quan nhằm đảm bảo thu nhận được nhiều ý kiến phản hồi (giao cho Khoa điều phối chương trình là đầu mối lấy ý kiến nhà sử dụng lao động)	Trung tâm ĐBL&KT	Tháng 12/2022	
---	-------------------	--	------------------	---------------	--

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,4
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	4
Tiêu chí 15.3	4
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	4

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá NH phù hợp trong quá trình học tập.

Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng Quy định khảo thí, trong đó có quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch tuyển sinh, kiểm tra, đánh giá quá trình học và tốt nghiệp của người học và phổ biến cho các khoa, bộ môn đồng thời để bộ môn chủ động triển khai các hình thức đánh giá, kiểm tra phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [H16.16.01.01] [H16.16.01.02].

Công tác tuyển sinh đầu vào đối với trình độ đại học được thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm (bao gồm phương thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh, cách xác định điểm trúng tuyển), đối với trình độ sau đại học (thạc sĩ, chuyên khoa I, chuyên khoa II) tổ chức thi tuyển theo kế hoạch của Nhà trường, hình thức thi tuyển do Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường quyết định dựa trên đề xuất của các phòng chức năng (Trung tâm ĐBCL&KT và Phòng QLĐT).

Hiện tại, Trường ĐHYTCC đã ban hành hệ thống các văn bản quy định về đánh giá người học bao gồm các quy định, hướng dẫn về lập kế hoạch, triển khai kiểm tra đánh giá người học cả về kết quả học tập và rèn luyện bao gồm: Quy định quản lý đào tạo đại học [H13.13.01.06][H14.14.01.10], Quy chế đào tạo Thạc sĩ [H14.14.03.02] [H13.13.02.04], Quy định Công tác Khảo thí [H16.16.01.01] [H16.16.01.02] trong đó bao gồm các quy định về việc tổ chức thi tuyển sinh, tổ chức thi kết thúc học phần (bao gồm các hình thức thi trực tiếp như thi trắc nghiệm, thi tự luận, bài tập nhóm, thi vấn đáp, thi thực hành, thi tay nghề và trực tuyến), tổ chức thi tốt nghiệp và các quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, quy trình nhân bản đề thi, quy trình chấm thi và các hướng dẫn có liên quan [H16.16.01.01] [H16.16.01.02]; Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên [H16.16.01.03] [H16.16.01.04]. Trong các quy định có phân công trách nhiệm cụ thể đơn vị ra đề thi, tổ chức thi, chấm điểm...đối với từng loại đánh giá đầu vào, quá trình và tốt nghiệp chi tiết và rõ ràng. Nhà trường cũng có quy định về việc xây dựng kế hoạch khảo thí thể hiện kế hoạch thi kết thúc học phần từng học kỳ trong đó bao gồm lịch thi kết thúc học phần, hình thức đánh giá, lịch nộp đề thi, hạn nộp bảng điểm,...[H16.16.01.05].

Các CTĐT trong Nhà trường sử dụng đa dạng các các loại hình đánh giá bao gồm: sự tham gia (chuyên cần), đánh giá quá trình, đánh giá kết thúc học phần. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Mỗi học phần đều xây dựng các tiêu chí cho điểm (Rubrics) nhằm đo lường chính xác CĐR học phần, thể hiện trong đề cương học phần, trong mỗi đề cương học phần đều có đầy đủ thông tin về tiêu chí, nội dung đánh giá, trọng số điểm [H14.14.03.06]. Tuy nhiên việc đánh giá hoạt động tự học chưa được thể hiện rõ trong đề cương học phần.

Đối với học phần tốt nghiệp, Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch xét tốt nghiệp theo từng năm, trong đó thông tin chi tiết về điều kiện xét tốt nghiệp của hệ đại học, hệ sau đại học và hình thức, nội dung thi tốt nghiệp đối với từng hệ. Hệ đại học có thể chọn hình thức thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp (đối với ngành CN YTCC và ngành CN CTXH), tổ chức thi tốt nghiệp (đối với ngành CN DD, CN KTXNYH, CKI YTCC), thi tốt nghiệp kết hợp bảo vệ luận văn tốt nghiệp (đối với ngành CKII TCQLYT) và bảo vệ luận

văn đối với các ngành ThS. Việc triển khai tốt nghiệp của tất cả các hệ được thực hiện theo các quy định của Nhà trường [H16.16.01.01] [H16.16.01.02]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá NH được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.

Với Triết lý giáo dục “*Hiệu quả (Efficiency): Trường Đại học Y tế công cộng cung cấp các chương trình đào tạo và môi trường dạy-học linh hoạt, phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực của nhà trường, tiềm năng của người học nhằm giúp cho người học trở thành người làm nghề chuyên nghiệp, có đạo đức, kỷ luật, có trách nhiệm và đóng góp tích cực cho cộng đồng*” vì vậy tất cả các học phần của Nhà trường đều được thiết kế để người học có thể đạt được CĐR của CTĐT theo học. Việc xây dựng các hoạt động đánh giá người học vì vậy cũng được thiết kế để phù hợp với việc đạt được CĐR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan.

Căn cứ vào Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học, Nhà trường đã xây dựng các CTĐT, trong đó, từng thành phần trong CTĐT như mục tiêu, CĐR của CTĐT và CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích đạt được các CĐR của CTĐT và CĐR của học phần, đề cương chi tiết các học phần, các hoạt động kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR [H15.15.01.07] [H14.14.04.05] [H15.15.01.08] [H14.14.04.14] [H15.15.01.09] [H14.14.04.09] [H15.15.01.16] [H15.15.01.15] [H15.15.01.10] [H14.14.04.28] [H15.15.01.11] [H14.14.04.20] [H14.14.04.24] [H16.16.02.01] [H14.14.04.43] [H14.14.04.34] [H16.16.02.02] [H15.15.01.12] [H15.15.01.13]. Căn cứ trên CĐR của CTĐT, các Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn xây dựng CĐR ra của từng học phần, trên cơ sở đó, các giảng viên xây dựng các hoạt động kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH. Nhà trường đã thực hiện nhiều phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CĐR, chi tiết như sau:

- Đối với học phần lý thuyết, các phương pháp kiểm tra đánh giá thường được sử dụng bao gồm: thi trên giấy (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trên máy, thi trực tuyến, vấn đáp, viết tiểu luận, bài tập hết môn, v.v. hoặc kết hợp giữa các loại hình trên.

- Đối với học phần thực hành, các phương pháp kiểm tra đánh giá đang được áp dụng: vấn đáp, thi thực hành chạy trạm, viết báo cáo thu hoạch thực tế, thi tay nghề,..[H14.14.03.06]. Ví dụ: trong CTĐT KTXNYH trình độ ĐH, học phần Vi sinh, thi kết thúc học phần là thi trắc nghiệm trên máy tính, kiểm tra thực hành sử dụng phương pháp thi chạy trạm; CTĐT ngành YTCC, học phần Sinh học và di truyền, thi kết thúc học phần là thi trắc nghiệm trên máy tính, kiểm tra thường xuyên là các bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan. Đối với các học phần thực tập/ thực tế tại bệnh viện hoặc cơ sở thực hành, các phương pháp kiểm tra đánh giá vấn đáp, chuyên đề, đề cương nghiên cứu hoặc báo cáo được sử dụng tương đối hiệu quả.

- Đối với các học phần tốt nghiệp thì hình thức được sử dụng bao gồm: thi tốt nghiệp hoặc chấm khóa luận tốt nghiệp (đối với trình độ ĐH), luận văn tốt nghiệp (đối với cao học) và luận án (đối với đào tạo TS).

- Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở khối ngành, hình thức kiểm tra chủ yếu là thi trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận, Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn xây dựng Ngân hàng đề thi ở mức biết, hiểu và bắt đầu vận dụng kiến thức và sử dụng để đánh giá người học

- Đối với các học phần bắt buộc, các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn đa dạng hóa và kết hợp giữa các hình thức kiểm tra ngoài mục đích đánh giá kiến thức, nhận thức của NH còn giúp NH xây dựng phẩm chất nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, phản xạ, giao tiếp hiệu quả.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả NH để đạt được CĐR được quy định rõ trong bản mô tả CTĐT. Quy trình đánh giá kết quả NH được xây dựng nhằm đảm bảo việc đánh giá sự khách quan, công bằng và phù hợp với mục tiêu môn học, hình thức đào tạo, học tập. Các quy định, quy trình về kiểm tra, đánh giá được công bố công khai trên trang tin điện tử của Trường tại đường link <https://dbcl.huph.edu.vn/vi/node/1670> và gửi đến các đơn vị, cá nhân trong Trường thông

qua hệ thống quản lý văn bản điện tử Voffice [H16.16.02.03] Thông tin về lịch thi kết thúc học phần được gửi trong TKB (từ năm học 2017-2018 đến HKI năm học 2020-2021) [H14.14.03.04] và lịch thi theo từng học kỳ (từ HKII năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022) [H16.16.02.04] [H16.16.02.05]. Ngoài ra, hình thức nội dung đánh giá từng học phần, thời gian kiểm tra, đánh giá còn được giảng viên giảng dạy phổ biến đến người học ngay từ buổi học đầu tiên của HP.

Các CTĐT sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung và CDR của từng học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá cũng được lựa chọn đa dạng, phù hợp với các mức độ cần đo lường cả chuẩn đầu ra của học phần. Đề cương các học phần đều ghi cụ thể, rõ ràng các thành phần điểm, trọng số, phương pháp đánh giá, rubrics, ma trận giữa phương pháp kiểm tra đánh giá và các CDR học phần tương ứng. Từ năm học 2021-2022, Trung tâm ĐBCL&KT chịu trách nhiệm lấy phản hồi của người học về sự phù hợp của hình thức đánh giá học phần, ngoài ra, cuối năm học các Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn cũng tiến hành họp chuyên môn và thảo luận về sự phù hợp hình thức đánh giá mỗi học phần.

Nhà trường đã thực hiện so sánh, rà soát tổng thể mối liên hệ giữa CDR của học phần được tuyên bố với phương pháp lượng giá. Kết quả cho thấy các phương pháp kiểm tra đánh giá người học hiện đang sử dụng đạt yêu cầu đo lường được mức độ đạt CDR.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá NH được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CDR.

Hàng năm, kết thúc năm học các Khoa/BM đều thực hiện việc rà soát, đánh giá các học phần đã giảng dạy trong năm trong đó có cả phương pháp kiểm tra, đánh giá NH trên cơ sở ý kiến phản hồi của NH về học phần thông qua đánh giá học phần và ý kiến chuyên môn của các giảng viên tham gia giảng dạy theo quy định của Nhà trường nhằm cải thiện các phương pháp kiểm tra đánh giá [H9.09.04.13] [H9.09.04.12] [H14.14.01.11]

Nhà trường đã thực hiện việc tổng hợp, phân tích kết quả kiểm tra đánh giá NH các ngành trong vòng 3 năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, tính giá trị min, max, average theo xếp loại của tất cả các khóa học, tính giá trị average theo xếp loại của tất cả

các môn học, khóa học_theo Khoa [H16.16.03.01]. Nhà trường cũng đã thực hiện nghiên cứu, phân tích sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn NH nhằm đánh giá và phân loại NH trong 1 ngành có SV thi hoặc SV làm khoá luận, đánh giá học bổng và phân tích để có những cải tiến hình thức kiểm tra, đánh giá tốt hơn trong tương lai [H16.16.03.02].

Việc công bố kết quả thi và kiểm tra đã được Nhà trường quy định rõ trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, Quy định về công tác khảo thí của Trường ĐHYTCC trong đó có Quy định công tác tổ chức thi kết thúc học phần (chương III, trong đó có Quy định về tổ chức phúc khảo và điều chỉnh điểm), Quy định công tác thi tốt nghiệp (chương IV) [H16.16.01.01] [H16.16.01.02]. Theo đó, GV phải công bố cho SV biết điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần/tham dự và điểm kiểm tra giữa kỳ/thường xuyên) tối đa 5 ngày làm việc sau khi hoàn thành học phần. Điểm thi kết thúc học phần của NH được công bố muộn nhất 4 tuần sau khi kết thúc buổi học cuối cùng của HP. Kết quả học tập được Trường thông báo kịp thời trên cổng thông tin sinh viên, SV dễ dàng tra cứu kết quả học tập bằng tài khoản riêng của mình. Các quy định này được in trong cuốn Sổ tay SV và được thông báo cho SV trong các buổi sinh hoạt đầu năm khi phổ biến quy chế đào tạo [H14.14.03.12] [H19.19.02.16]. Trong giai đoạn tự đánh giá, Nhà trường không ghi nhận trường hợp khiếu nại nào về kết quả kiểm tra đánh giá. Việc phúc khảo kết quả kiểm tra đánh giá được thực hiện theo quy định phúc khảo điểm thi (chương III quy định khảo thí). Trong giai đoạn đánh giá tỉ lệ phúc khảo điểm thi tại Trường khá thấp: đạt 0,19% trong năm học 2017-2018; đạt 0,13% trong năm học 2018-2019; đạt 0,16% trong năm học 2019-2020; đạt 0,18% trong năm học 2020-2021.

Người học/cựu người học của Nhà trường định kỳ được tham gia khảo sát/lấy ý kiến về kiểm tra, đánh giá theo Quy định rà soát điều chỉnh môn học [H14.14.01.11] và Quy định rà soát điều chỉnh CTĐT [H14.14.01.06] và Quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan [H9.09.04.13]. Từ năm 2018, Nhà trường định kỳ khảo sát ý kiến cựu NH 2 năm 1 lần về CTĐT trong đó có lấy ý kiến về kiểm tra, đánh giá theo quy định rà soát, điều chỉnh CTĐT và quy định lấy ý kiến các bên liên quan. Việc lấy ý kiến của NH về kiểm tra, đánh giá được thực hiện thông qua đánh giá học phần ngay sau khi kết thúc mỗi học phần [H16.16.03.03]. Kết quả cho thấy, tỷ lệ SV hài lòng với phương pháp kiểm tra đánh giá của năm học 2020-

2019 tăng lên rõ rệt so với năm học 2019-2020 (95,8% SV đồng ý với nhận định “Phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng”; 94% SV đồng ý với nhận định “ Các loại hình, phương pháp kiểm tra – đánh giá của học phần phù hợp với CĐR của học phần”; 96,5% SV đồng ý với nhận định “Kết quả kiểm tra, đánh giá khách quan và công bằng”; 91,5% SV đồng ý với nhận định “Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho SV”).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.

Hàng năm, sau khi các Khoa/Viện/Bộ môn điều phối các học phần tổ chức họp rà soát phương pháp kiểm tra, đánh giá NH trên cơ sở góp ý của NH qua kết quả đánh giá HP sẽ tiến hành xem xét các phương pháp thích hợp cho từng HP và thực hiện thay đổi/cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá NH [H16.16.04.01]. Ngân hàng câu hỏi thi cũng được cập nhật định kỳ 10% số lượng ngân hàng gốc mỗi năm theo quy định khảo thí [H16.16.01.02] [H16.16.04.02]. Dựa trên kết luận các cuộc họp chuyên môn của Khoa/Viện/Bộ môn, Nhà trường quy định từ năm học 2020-2021, tất cả các HP có hình thức thi trắc nghiệm và tự luận phải xây dựng NHCH thi và quản lý trên phần mềm Testpro.

Trước năm học 2021-2022, Trung tâm ĐBCL&KT chịu trách nhiệm phân tích 5% HP có điểm thi thấp nhất để đánh giá độ khó và độ phân biệt của các câu hỏi trong đề thi. Kết quả phân tích được phiên giải để tìm ra các câu có vấn đề như quá khó, quá dễ, độ phân biệt kém gửi các bộ môn xem xét, rà soát và chỉnh sửa lại [H16.16.04.03]. Từ năm học 2021-2022, Nhà trường giao việc phân tích đề thi các học phần cho các Khoa/Viện/Trung tâm với lộ trình năm học 2021-2022 là 30% HP, năm học 2022-2023 là 70% HP, từ năm học 2023-2024 trở đi là 100% HP đều được phân tích đề thi để đảm bảo độ tin cậy và độ chính xác trong quá trình tổ chức thi [H16.16.04.04]. Việc phân tích đề thi được thực hiện khoa học, nghiêm túc theo đúng quy trình trong Quy định khảo thí [H16.16.04.05]. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được Khoa/Viện/Bộ môn xem xét và rà soát trước khi bắt đầu năm học để áp dụng. Tuy nhiên ngoài các môn thi trắc nghiệm, tự luận hiện tại Nhà trường chưa thực hiện đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm đánh giá khác như tiểu luận, chạy trạm, vấn đáp,...

Trong 5 năm đánh giá, Nhà trường không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập, không có khiếu nại của SV về kết quả phúc khảo điểm thi.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ văn bản quy định về đánh giá người học với các thông tin về loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp với CDR học phần và được công bố công khai rộng rãi đến các bên liên quan.

Quy trình kiểm tra đánh giá rõ ràng, công khai, minh bạch.

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH được rà soát chỉnh sửa thường xuyên để cải thiện chất lượng.

Nhà trường có tỷ lệ NH hài lòng cao với các hoạt động kiểm tra, đánh giá, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Đánh giá hoạt động tự học chưa được thể hiện rõ trong đề cương học phần.

Chưa thực hiện đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm đánh giá khác như tiểu luận, chạy trạm, vấn đáp,...

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát quy định, quy trình kiểm tra đánh giá để cải tiến liên tục đảm bảo quy định, quy trình phù hợp với thực tế triển khai	Trung tâm ĐBCL&KT	Từ năm học 2022-2023	

2		Có kế hoạch rà soát chỉnh sửa thường xuyên các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH được đề cải thiện chất lượng.	Các Khoa điều phối CTĐT	Từ năm học 2022-2023	
3	Khắc phục tồn tại	Xây dựng mẫu ĐCHP mới trong đó ghi rõ việc đánh giá hoạt động tự học	Phòng QLĐT	Tháng 1/2022	
4		Xây dựng hướng dẫn đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp thi chạy trạm	Trung tâm ĐBCL&KT	Tháng 6/2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	4
Tiêu chí 16.1	4
Tiêu chí 16.2	4
Tiêu chí 16.3	4
Tiêu chí 16.4	4
Tiêu chí 16.5	4

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH

Nhà trường đã tuân thủ các quy định trong Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên các chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ

trợ NH [H17.17.01.01] [H17.17.01.02] [H17.17.01.03] [H17.17.01.04] [H17.17.01.05] [H17.17.01.06] [H17.17.01.07] [H17.17.01.08]. Căn cứ các quy chế do cấp trên ban hành, Nhà trường đã chủ động ***xây dựng các quy định để triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH*** tại trường bao gồm các quy định về nghiên cứu khoa học cho NH [H17.17.01.09] [H17.17.01.10]; các quy định về công tác sinh viên, chế độ chính sách cho NH như: quy định công tác sinh viên, học bổng, khen thưởng, trợ cấp xã hội, miễn giảm học học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất cho NH có hoàn cảnh khó khăn,... [H17.17.01.11] [H17.17.01.12] [H17.17.01.13] [H17.17.01.14] [H17.17.01.15] [H17.17.01.16] [H16.16.01.04].

Trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, Nhà trường có ***kế hoạch thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể*** cho các đơn vị/cá nhân. Hiệu trưởng phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách chung hoạt động này. Các bộ phận chức năng, cán bộ chuyên trách cũng được phân công triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH cụ thể. Các đơn vị có liên quan bao gồm: Phòng QLĐT, Phòng CTHVSV, Trung tâm ĐBCL&KT, Phòng QLKH&HTPT, các đơn vị điều phối các chương trình đào tạo, GVCN-CVHT, Đoàn Thanh niên Trường. Nhà trường có văn bản quy định rõ chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, phân công cụ thể trong BSC hàng năm cho các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ về việc thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Phòng QLKH&HTPT hỗ trợ các hoạt động NCKH, các chương trình trao đổi sinh viên.

Nhà trường có ***hệ thống giám sát NH*** gồm các đơn vị giám sát, các quy định, quy trình và công cụ giám sát. Ngoài các quy định, quy trình quản lý, giám sát NH; các các đơn vị chức năng được phân công nhiệm vụ; Nhà trường có phần mềm quản lý; CSDL đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu của NH; đội ngũ thanh tra đào tạo,... Phòng QLĐT, Khoa/BM điều phối chương trình, GVCN-CVHT, GV điều phối học phần có danh sách SV tham dự lớp của mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của SV thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ [H17.17.01.17]. Phòng QLĐT, GVCN-CVHT có kế hoạch thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những người học không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H14.14.01.08]. Phòng QLKH-HTPT được phân công giám sát

NH trong các hoạt động liên quan đến NCKH. Phòng CTHVSV, Đoàn Thanh niên Trường được phân công giám sát hoạt động rèn luyện, hỗ trợ NH. Hệ thống phần mềm CMC, Nam Việt thực hiện việc giám sát trên các nội dung về số lượng tín chỉ đăng ký, các học phần, kết quả học tập, kết quả rèn luyện [H17.17.01.18]. Thanh tra đào tạo thực hiện chức năng thanh tra công tác đào tạo [H17.17.01.19]

Nhà trường có ***bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ***. Nhà trường đã ban hành Khung năng lực và đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ và có Quy chế đánh giá, phân loại viên chức, hợp đồng lao động của Trường Đại học Y tế công cộng [H17.17.01.20]. Hàng năm, Phòng TCHC ban hành kế hoạch đánh giá thực hiện công việc và mẫu phiếu đánh giá cũng được điều chỉnh để phù hợp với từng vị trí việc làm cụ thể [H17.17.01.21]. Chất lượng, hiệu quả làm việc của nhân viên được Trường được đánh giá thông qua hệ thống đánh giá năng lực thực hiện công việc theo KPI và điểm chuyên nghiệp hàng tháng [H1.01.01.11]. Nhà trường có quy định về đánh giá 360 (cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, cấp dưới đánh giá). Năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá thông qua đánh giá sự hài lòng của người học đối với các dịch vụ hỗ trợ bằng bộ công cụ SERVQUAL. Nhà trường có kế hoạch đánh giá thông qua bộ công cụ SERVQUAL và đánh giá cuối khóa [H17.17.01.22] [H17.17.01.23]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.2 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường có ***các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ*** cho người học. Các đơn vị bao gồm: các khoa, Trung tâm điều phối chương trình, các phòng chức năng (Phòng QLĐT, Phòng CTHVSV, Trung tâm ĐBCL&KT, Phòng QLKH&HTPT và Đoàn Thanh niên [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02] [H14.14.01.08]. Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường có đội ngũ giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập cùng tham gia hỗ trợ, tư vấn cho người học [H17.17.01.17]. Các đơn vị này được quy định rõ nhiệm vụ tại các văn bản quy định của Trường. Phòng QLĐT là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng quy định, quy trình về đăng ký học phần, hỗ trợ người học đăng ký khối lượng học tập theo

từng học kỳ, triển khai thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập. Phòng CTHVSV thực hiện các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học, đảm bảo quyền lợi về các chế độ chính sách theo quy định. Phòng CTHVSV phối hợp với phòng QLĐT giám sát kết quả học tập của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với người học không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Trung tâm ĐBCL&KT tổ chức thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp cho tất cả các đối tượng đào tạo của Trường theo đúng quy định, quy trình. Phòng QLKH&HTPT có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai đồng thời giám sát các hoạt động NCKH của người học. Khoa điều phối chương trình có nhiệm vụ theo dõi quá trình học tập, giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học theo sự phân công [H14.14.01.08].

Đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ là giảng viên của các khoa, trung tâm, điều phối chương trình chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ người học, luôn đảm bảo các tiêu chí tuyển dụng như yêu cầu về bằng cấp, kỹ năng, kinh nghiệm. Cụ thể: Giảng viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập yêu cầu phải là giảng viên toàn thời gian đang công tác tại Khoa điều phối chương trình, am hiểu toàn bộ chương trình mà đơn vị mình điều phối, có trình độ Thạc sĩ trở lên và có tối thiểu 2 năm công tác tại trường [H17.17.01.17]. Bên cạnh đó các cán bộ, chuyên viên luôn được tham gia hội thảo, tập huấn về công tác hỗ trợ người học [H17.17.02.01] [H17.17.02.02].

Nhà trường có **triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học** bao gồm:

Về hỗ trợ học tập, hàng năm Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên với CNCQ và buổi gặp mặt đầu khóa với các loại hình đào tạo khác. Trong các buổi sinh hoạt này, người học được phổ biến thông tin về các nội quy, quy chế, hướng dẫn sử dụng thư viện, được giới thiệu về chương trình đào tạo mình sẽ theo học, chuẩn đầu ra, cơ hội nghề nghiệp, các chế độ, chính sách liên quan đến học tập của người học. Trong quá trình học, Phòng QLĐT, Trung tâm ĐBCL&KT phối hợp với các khoa điều phối chương trình hướng dẫn cho người học về kế hoạch đào tạo, hỗ trợ người học thực hiện các thủ tục cơ bản như đăng ký học phần, huỷ đăng ký học phần, kiểm tra quá trình, thi hết môn, phúc tra bài thi... hướng dẫn giải đáp, tư vấn cụ thể ý kiến thắc mắc về những nội dung liên quan đến chương trình đào tạo, cảnh báo học vụ cho những sinh viên có học lực yếu sau khi có

kết quả đánh giá học phần. Đội ngũ giảng viên cố vấn học tập và kiêm giáo viên chủ nhiệm theo dõi thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra lựa chọn học phần phù hợp trong quá trình học tập [H17.17.02.03] [H17.17.02.04] [H17.17.02.05] [H17.17.02.06] [H17.17.02.07].

Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, năm 2018, Nhà trường ban hành quy định về NCKH của sinh viên và có tiêu chí lựa chọn đề tài nghiên cứu rõ ràng. Hàng năm Nhà trường đều có thông báo các đề tài NCKH để người học biết và đăng ký tham gia. Nhằm cải thiện chất lượng nghiên cứu, Nhà trường hỗ trợ cho người học tham gia các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt khoa học, hội thi sáng tạo KHCV, CLB sinh viên NCKH, các giải thưởng SV NCKH trong nước và quốc tế; viết và công bố kết quả NCKH của HV, SV trên các tạp chí trong nước và quốc tế; Người học được tham gia thực hiện các đề tài/dự án với cán bộ, GV nhà trường [H17.17.02.14][H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H18.18.01.04] [H1.01.02.04]. Trong 5 năm vừa qua, đã có hơn 30 đề tài NCKH của NH được tuyển chọn tài trợ triển khai, được theo dõi giám sát theo đúng quy trình quản lý NCKH HV, SV của nhà trường [H23.23.02.03].

Hỗ trợ người học về các chính sách, hoạt động ngoại khóa Phòng CTHSVV phối hợp với Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thi đua, rèn luyện, các câu lạc bộ hỗ trợ người học như câu CLB Cộng đồng xanh một sức khỏe, CLB Bóng rổ, CLB Tiếng Anh, CLB Nghiên cứu khoa học...; Các công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học [H17.17.02.08] [H17.17.02.09].

Để khuyến khích hỗ trợ người học, ngoài các học bổng từ ngân sách theo quy định, nhà trường còn có các học bổng khác như Học bổng Đồng hành cùng sinh viên, học bổng Tiêu Vinh Ngọc, học bổng đầu vào cho 2 mã ngành CTXH và CNKTMT... và trợ cấp khó khăn đột xuất cho người học khi gặp khó khăn về kinh tế. Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH được thực hiện đa dạng nhưng một số hoạt động chưa có chiều sâu như các hỗ trợ về tư vấn tâm lý, các chương trình trao đổi sinh viên. Nhà trường có các **hoạt động giám sát tiến trình học tập của người học** thông qua cơ chế báo cáo, phản hồi về tiến trình học tập của người học, được thực hiện thường xuyên và định kỳ, cụ thể như sau: Điều phối học phần được yêu cầu giám sát tiến trình trong học tập của SV thông qua hệ thống điểm quá

trình và điểm cuối kỳ [H17.17.02.10]; Phòng QLĐT và Phòng CTHVSV thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những người học không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Ngoài ra, Nhà trường giám sát tiến trình học tập bằng hệ thống cơ sở dữ liệu. Hệ thống cơ sở dữ liệu này bao gồm hồ sơ của người học, các thông báo từ Nhà trường, thời khóa biểu, lịch giảng đường, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, phần mềm quản lý người học (CMC từ 2009 và Nam Việt từ 2020) [H17.17.02.11].

Nhà trường định kỳ thực hiện **khảo sát người học về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát**: Kết thúc môn học, người học được tham gia đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên, lịch giảng, lịch thi, nội dung môn học, thông qua mẫu phiếu đánh giá môn học. Về việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, người học được đánh giá thông qua 4 tiêu chí như: Nội dung giảng dạy; Tác phong, thái độ; Tài liệu, phương tiện giảng dạy; Phương pháp giảng dạy. Thang điểm đánh giá từ 1 đến 5 điểm. Kết thúc khóa học người học được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường trước khi tốt nghiệp thông qua phiếu đánh giá khóa học. Nội dung đánh giá gồm: chương trình đào tạo, đánh giá về Mức độ đáp ứng của đội ngũ giảng viên, Mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo, Mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, thư viện, Mức độ đáp ứng các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhà trường. Ngoài ra, người học có thể đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học bằng nhiều hình thức khác nhau như: có thể phản ánh trực tiếp đến khoa/bộ môn/phòng ban hay lãnh đạo nhà trường; phản ánh qua email; phản ánh trong các buổi họp lớp hoặc thu thập thông của người học định kỳ và trong buổi đối thoại sinh viên với lãnh đạo nhà trường do phòng CTHVSV tổ chức hàng năm.

Nhìn chung, người học đánh giá về các hoạt động giảng dạy, phục vụ, hỗ trợ và giám sát của các đơn vị trong nhà trường tương đối tốt, với điểm trung bình sự hài lòng từng năm đều đạt trên 4,5 [H17.17.02.12] [H17.17.02.13]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.3 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.

Chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được Nhà trường *định kỳ rà soát, đánh giá và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát*. Các hoạt động dịch vụ và hỗ trợ người học được rà soát bao gồm các hoạt động hỗ trợ học tập, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển cá nhân, các hỗ trợ về chính sách, hành chính, tâm lý, sức khỏe, việc làm... được thực hiện bởi các đầu mối là các Phòng, đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ cụ thể. Các đơn vị chức năng gồm Phòng QLĐT, Phòng CTHVSV, Phòng QLKH&HTPT, Đoàn Thanh niên Trường, các đơn vị điều phối chương trình đào tạo. Vào mỗi đầu năm học, các đơn vị đầu mối họp thống nhất về việc thực hiện rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH [H17.17.03.01]. Phòng CTHVSV là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch thực hiện rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH để Ban giám hiệu phê duyệt [H17.17.03.02]. Hoạt động rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được triển khai theo kế hoạch. Cụ thể: định kỳ hàng tuần, các đơn vị tham gia họp giao ban, trong đó, báo cáo kết quả hoạt động nhiệm vụ theo đơn vị cho Ban Giám hiệu. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ cũng được Nhà trường đánh giá năng lực hàng năm để đánh giá mức độ đáp ứng với công việc và hoàn thành nhiệm vụ [H17.17.03.03]. Định kỳ hàng quý, kết thúc học kỳ, kết thúc năm học, mỗi đơn vị đầu mối đều chủ động rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động hỗ trợ sinh viên theo năm học thông qua kết quả thực hiện BSC [H4.04.02.03] [H17.17.03.04]. Để đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, hàng tháng, hàng kỳ các lớp được họp lớp, lấy ý kiến khảo sát thông qua các hình thức online, trực tiếp, đồng thời tổ chức khảo sát về mức độ hài lòng của NH hàng năm [H17.17.01.23]. Hoạt động đối thoại trực tiếp giữa sinh viên và lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các phòng, ban, khoa điều phối chương trình, giáo viên chủ nhiệm cũng được triển khai định kỳ hàng năm nhằm thu thập thông tin, tiếp nhận phản hồi và giải đáp các thắc mắc từ phía NH. Sau khi có kết quả rà soát, đánh giá theo kế hoạch rà soát đã đề ra, Nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, cụ thể là kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ đào tạo, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của GVCN-CVHT từ năm học 2021 - 2022 [H17.17.01.17]; xây dựng

và đưa vào sử dụng phần mềm một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính cho NH [H17.17.03.05]; kế hoạch, phương hướng cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ NCKH cho NH [H17.17.03.06]; cải tiến các quy định về học bổng, khen thưởng, đánh giá kết quả ngoại khóa, rèn luyện cho NH [H17.17.01.16] [H16.16.01.04] [H17.17.01.12].

Định kỳ 01 lần/năm, Nhà trường thực hiện **rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát**. Cụ thể là, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống văn bản, quy định về giám sát NH trong Trường [H17.17.03.07]; hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu giám sát NH cũng được rà soát [H17.17.03.08]; các đơn vị chức năng được phân công giám sát NH rà soát công việc, nhiệm vụ [H17.17.03.09]. Hàng năm, các đơn vị rà soát quy định, quy trình quản lý của đơn vị, rà soát các hoạt động của đơn vị và các phần mềm quản lý để đánh giá hiệu quả hoạt động giám sát NH. Sau khi rà soát hệ thống giám sát NH hàng năm, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch cập nhật, thay đổi quy định, quy trình quản lý [H17.17.03.10]; kế hoạch chỉnh sửa, cải thiện chức năng phần mềm quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu [H17.17.03.11]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 17.4 Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Các chỉ số về cải thiện chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được nhà trường cụ thể hóa trong nhóm chỉ số Đầu vào và Quá trình của Bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA). Trong đó, có các chỉ số đánh giá về sự đáp ứng của trang thiết bị, cơ sở vật chất, chính sách tuyển sinh, nguồn tài nguyên học tập... đối với nhu cầu thực tế của NH [H9.09.01.11]. Dựa trên các kết quả thu được, nhà trường đã lắng nghe ý kiến của người học và thực hiện cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của GVCN-CVHT từ năm học 2021 - 2022 [H17.17.01.17]; cải tiến các quy định về học bổng, khen thưởng, đánh giá kết quả ngoại khóa, rèn luyện cho người học [H17.17.01.16] [H16.16.01.04] [H17.17.01.12], kế hoạch, phương hướng cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ NCKH cho người học [H17.17.03.06]; xây dựng và

đưa và đưa vào sử dụng phần mềm một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính cho người học [H17.17.03.05]. Ngoài ra, nhà trường đã bố trí các giảng đường tự học, lắp đặt cây nước uống, bố trí thêm màn hình LED ở giảng đường lớn cùng với các màn hình nhỏ giới thiệu thông tin và hoạt động từng mã ngành đào tạo cử nhân chính quy ở khu vực giảng đường [H17.17.04.01]. Nhà trường cũng đưa vào sử dụng phòng sinh hoạt chung có lắp đặt trang thiết bị hiện đại phục vụ nhu cầu giải trí đa dạng, nâng cao đời sống tinh thần của sinh viên [H17.17.04.02].

Bên cạnh đó, trong Bộ chỉ số IQA, **các chỉ số đánh giá về sự cải thiện chất lượng phần mềm quản lý NH, CSDL về kết quả đánh giá NH** đã được xây dựng và đưa vào nhóm chỉ số Đầu vào. Các chỉ số này theo dõi sự vận hành ổn định và thông suốt của các phần mềm bao gồm phần mềm tuyển sinh và phần mềm quản lý đào tạo, giúp nhà trường, đảm bảo lưu trữ đầy đủ và hệ thống CSDL liên quan các hoạt động học tập, rèn luyện của NH [H9.09.01.11]. Căn cứ vào thông tin thu được, để đáp ứng nhu cầu quản lý dữ liệu với quy mô người học ngày càng lớn, nhà trường đã tiến hành chuyển đổi sang phần mềm quản lý đào tạo mới, cụ thể từ phần mềm CMC sang phần mềm Nam Việt với hệ thống dữ liệu thống nhất, được liên kết giữa các phòng chức năng và liên kết trực tiếp với cổng thông tin sinh viên [H17.17.01.18]. Hiện nay, thay vì sử dụng nhiều phần mềm hay trang điện tử để khai báo thông tin, người học chỉ cần truy cập vào Cổng thông tin sinh viên để khai báo thông tin, đăng ký tín chỉ, xem điểm học phần, đánh giá môn học, theo dõi học phí... [H17.17.04.03]. Điều này giúp đem lại sự thuận tiện cho người học khi sử dụng và sự thống nhất cho các đơn vị quản lý.

Thông qua kết quả thực hiện Bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ và các hình thức khảo sát người học đa dạng kết hợp trực tiếp và trực tuyến như họp lớp hàng tháng, hàng kỳ, sau khi kết thúc học phần, khi kết thúc khóa học, định kỳ đối thoại sinh viên hàng năm,.. **có trên 75% NH, cựu NH (được khảo sát) trở lên hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát NH** [H17.17.02.12] [H17.17.02.13]. Căn cứ vào những kết quả khảo sát này, trường ĐHYTCC thực hiện xem xét, phân tích và đưa ra các can thiệp, giải pháp kịp thời nhằm cải tiến chất lượng đáp ứng nhu cầu của NH, cựu NH.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có kế hoạch cụ thể, có triển khai, có rà soát và cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH, nhận được đa số sự hài lòng từ NH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH được thực hiện đa dạng nhưng một số hoạt động chưa có chiều sâu như các hỗ trợ về tư vấn tâm lý, các chương trình trao đổi sinh viên.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
11	Khắc phục tồn tại	Phòng CTHVSV là đầu mối để phối hợp với các bên liên quan tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho NH có chiều sâu hơn. Phòng QLĐT phối hợp với Phòng QLKH&HTPT tìm kiếm các chương trình trao đổi sinh viên phù hợp sau khi dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ.	P. CTHVSV P.QLĐT P.QLKH&HTP T	2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các kế hoạch cụ thể, triển khai, rà soát, cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	P.CTHVSV P.QLĐT	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	4
Tiêu chí 17.1	4
Tiêu chí 17.2	4
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	4

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Đối với hoạt động quản lý NCKH, Trường ĐHYTCC *có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu*. Đứng đầu là Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chung, sau đó Phó hiệu trưởng được phân công phụ trách lĩnh vực NCKH là người trực tiếp chỉ đạo, bao quát và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước nhà trường về hoạt động quản lý NCKH [H18.18.01.01] [H18.18.01.02] [H18.18.01.03] [H3.03.01.02]. Tiếp theo là các tổ chức, đơn vị trực tiếp giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động KH&CN như hội đồng KHĐT&CN, các khoa, bộ môn, trung tâm thuộc trường. Phòng QLKH&HTPT (trước đây là Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ) là đơn vị chức năng, giúp Hiệu trưởng, xây dựng kế hoạch, tổ chức, quản lý, triển khai thực hiện, đánh giá và giám sát các hoạt động KH&CN của trường [H3.03.01.02] [H9.09.01.24] [H1.01.04.01]. Tại phòng QLKH&HTPT, số lượng định biên nhân sự của Phòng được phê duyệt đầu năm học. Trong bản mô tả định biên của Phòng đã mô tả công việc rõ ràng cho từng vị trí chuyên viên phụ trách quản lý các mảng hoạt động khác nhau về NCKH [H18.18.01.03]. Tất cả các hoạt động được thực hiện dưới sự chỉ đạo và giám sát của Hội đồng Trường, Hội đồng KHĐT&CN và Hiệu trưởng theo sơ đồ tổ chức của nhà trường [H2.02.01.27].

Cùng với việc bố trí cơ cấu nhân sự quản lý NCKH, *Nhà trường có các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu rất rõ ràng, cụ thể* về cơ cấu tổ chức, tài chính phục vụ NCKH, đào tạo phát triển cán bộ nghiên cứu, hoàn

thiện quy trình nội bộ về quản lý NCKH thông qua KHCL phát triển Trường ĐHYTCC qua các giai đoạn [H1.01.03.01] [H1.01.01.01] [H4.04.01.01]; Kế hoạch mục tiêu chiến lược các năm học giai đoạn 2018-2022 [H18.18.01.04] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04] và kế hoạch công tác theo chỉ tiêu BSC của phòng QLKH&HTPT và các khoa, đơn vị, theo đó các chỉ số được xác lập cụ thể bao gồm: thu chi cho hoạt động NCKH, số lượng đề tài các cấp, số lượng xuất bản trong nước và quốc tế, hội nghị, hội thảo, các tập huấn về phương pháp NCKH, học tập nâng cao năng lực... Bên cạnh việc xây dựng cụ thể các chỉ tiêu trong kế hoạch, nhà trường còn có chính sách và cơ chế chỉ đạo bằng các văn bản quản lý về hoạt động KH&CN của nhà trường [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08], có quy định chế độ làm việc của giảng viên (GV) [H15.15.02.13] [H15.15.02.12] với những quy định cụ thể về quy trình thực hiện các hoạt động KH&CN, chế độ báo cáo và đơn vị chịu trách nhiệm, báo cáo định kỳ theo quý, theo học kỳ và cuối năm học. Trong quá trình thực hiện, nhà trường cũng có những chính sách chỉ đạo và thực hiện cụ thể về việc tăng cường hoạt động NCKH chẳng hạn như kế hoạch tăng cường xuất bản quốc tế nhằm khuyến khích, thúc đẩy GV tích cực viết và xuất bản các bài báo quốc tế trên các tạp chí khoa học uy tín [H18.18.01.09] [H18.18.01.10] [H18.18.01.11].

Để triển khai các hoạt động quản lý NCKH hiệu quả, ***nhà trường có đầy đủ các quy định/hướng dẫn cụ thể về công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH đối với cán bộ, GV.*** Trong quy định quản lý KH&CN của GV mà nhà trường đã ban hành trong giai đoạn vừa qua nêu rõ các nhiệm vụ NCKH của GV như loại hình và số lượng các hoạt động NCKH (đề tài, bài báo, tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn,...), quyền lợi và nghĩa vụ của GV trong hoạt động NCKH. Trong quy trình quản lý đề tài mô tả cụ thể các bước triển khai kèm các biểu mẫu [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]. Trong quy định chế độ làm việc của GV và quy định về tính giờ và quy đổi giờ NCKH của GV có quy định mức NCKH mà mỗi GV với các trình độ khác nhau phải hoàn thành trong năm học. Ví dụ, năm học 2020-2021, mỗi GV với các trình độ khác nhau phải hoàn thành tối thiểu 586 giờ NCKH, trong vòng hai năm mỗi GV phải có ít nhất 01 xuất bản quốc tế. Số giờ NCKH này được quy đổi từ các sản phẩm NCKH như chủ trì/tham gia đề tài các cấp, xuất bản bài báo trong nước và quốc tế,

tham gia các hội nghị hội thảo, biên soạn sách/tài liệu tham khảo, hướng dẫn sinh viên thực hiện NCKH [H15.15.02.13] [H15.15.02.12] [H18.18.01.14] [H18.18.01.15]... Ngoài ra, nhà trường còn có đầy đủ các quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, quy định về quản lý tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình triển khai các hoạt động NCKH của GV, quy định về nhóm hỗ trợ phát triển ý tưởng, đấu thầu NCKH [H18.18.01.16] [H18.18.01.17] [H18.18.01.18] [H18.18.01.19] [H18.18.01.20]... Cùng với các quy định chung xuyên suốt, Phòng QLKH&HTPT cũng xây dựng các hướng dẫn và thông báo chi tiết kèm theo kế hoạch các hoạt động cụ thể như: thông báo tuyển chọn đề tài NCKH cấp cơ sở; hướng dẫn kê khai sản phẩm và tính giờ NCKH [H18.18.01.21] [H18.18.01.22].

Việc xây dựng kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH hằng năm cũng được nhà trường thực hiện theo quy định và nằm trong dự toán kinh phí thực hiện công tác năm học của các đơn vị [H7.07.01.11] [H7.07.01.12]. Ngoài kinh phí NCKH từ các đề tài dự án trong nước và quốc tế thì nhà trường dành kinh phí chi cho các hoạt động NCKH khoảng từ 2-3 tỷ/năm được phân bổ cho các hạng mục như đề tài cấp cơ sở của GV từ 30-50 triệu đồng/đề tài và đề tài HV, SV tối đa 10 triệu đồng/đề tài; hỗ trợ XBQT từ 900 triệu – 1,2 tỉ đồng; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn khoảng 100 triệu đồng; hội đồng xét duyệt, nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở khoảng 30 triệu đồng... [H18.18.01.23] [H18.18.01.24] [H18.18.01.25] [H18.18.01.26] [H18.18.01.27]. Năm 2020, nhà trường đã ban hành “Hướng dẫn xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đề tài cơ sở sử dụng kinh phí từ Trường ĐHYTCC”. Tại đây, các định mức và mục được phép chi cho đề tài cơ sở được hướng dẫn cụ thể để nhóm nghiên cứu dự toán phù hợp quy định của các thông tư hướng dẫn của Nhà nước và phù hợp với nguồn kinh phí bố trí được từ nhà trường [H18.18.01.28]. Về kinh phí đầu tư để tăng cường chất lượng và số lượng NCKH, trong giai đoạn vừa qua nhà trường đã đặc biệt chú trọng đầu tư cho hoạt động xuất bản quốc tế và đấu thầu đề tài/dự án. Vì vậy từ năm học 2018-2019, nhà trường đã ban hành kế hoạch tăng cường xuất bản quốc tế với định mức khen thưởng cho GV có các bài báo xuất bản quốc tế từ 30-60 triệu đồng/bài nếu GV là tác giả đứng đầu (tùy theo chỉ số tác động IF) và từ 10-15 triệu đồng/bài chia đều cho các tác giả nếu GV là tác giả tham gia hay thưởng 2% tổng kinh phí cho nhóm nghiên cứu có đề tài/dự án đấu thành

công. Ngoài việc thưởng theo số lượng bài, nhà trường cũng đưa ra các định mức khen thưởng theo chỉ số tác động (IF) của tạp chí, chỉ số IF cao thì mức thưởng cao hơn. Chính vì vậy mà không chỉ số lượng mà chất lượng xuất bản quốc tế cũng không ngừng được tăng cường [H18.18.01.09] [H18.18.01.10] [H18.18.01.11].

Như đã đề cập ở trên, các hoạt động NCKH của Trường ĐHYTCC được triển khai thực hiện theo kế hoạch và **nhà trường có tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng các NCKH rất rõ ràng, khoa học và có bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng.** Nhà trường đã xây dựng và ban hành bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA) trong đó có chỉ số đảm bảo chất lượng hoạt động NCKH từ đầu năm học 2019-2020 đến nay. Bộ chỉ số nêu rõ các chỉ số cần đạt để đảm bảo chất lượng cho hoạt động NCKH ví dụ số lượng đề tài cần đạt, các quy định quy trình cần cập nhật bổ sung, tổng số chỉ số tác động (IF), tổng chỉ số trích dẫn (H index) của xuất bản quốc tế [H9.09.01.07]... Ngoài ra, chỉ tiêu BSC của hoạt động NCKH cũng được xây dựng đầu năm học với chỉ tiêu số lượng đề tài các cấp, số lượng xuất bản trong nước và quốc tế, số lượng hội thảo hội nghị... cần đạt trong năm học cũng được xây dựng [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Trong năm, các hoạt động cụ thể được theo dõi, so sánh định kỳ vào các thời điểm theo quý, giữa kỳ và vào cuối năm với chỉ tiêu BSC và chỉ số IQA đã đặt ra. Phòng QLKH&HTPT báo cáo PHT phụ trách/Hiệu trưởng, PHT phụ trách/Hiệu trưởng báo cáo tới Hội đồng Trường, Hội đồng đảm bảo chất lượng và Hội đồng KHCN-ĐT về kết quả đạt được so với các chỉ số trên và các vấn đề phát sinh nếu có trong quá trình triển khai [H18.18.01.29] [H9.09.03.05]. Cuối năm, ngoài báo cáo chỉ số IQA và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện BSC, nhà trường cũng có báo cáo đánh giá tổng kết các hoạt động trong đó có các hoạt động NCKH để báo cáo trước hội nghị công nhân viên chức toàn trường. Báo cáo tổng kết hoạt động cũng có so sánh và đánh giá việc đạt, không đạt hay vượt so với chỉ tiêu [H2.02.03.04]. Báo cáo kết quả hoạt động năm học ngoài việc được PHT phụ trách/Hiệu trưởng trình bày tại HNCNVC thì còn được công khai đến toàn thể cán bộ giảng viên nhà trường [H18.18.01.30]. Trong giai đoạn 2017-2021, các hoạt động NCKH đều đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. Chất lượng NCKH được đảm bảo vì vậy hoạt động quản lý NCKH của nhà trường luôn được đánh giá rất tốt.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Tìm kiếm kinh phí để triển khai hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động quản lý NCKH. *Nhà trường đã triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu.* Trong Kế hoạch chiến lược phát triển tổng thể Trường ĐHYTCC các giai đoạn đều thể hiện rõ chiến lược về nguồn thu kinh phí NCKH đó là duy trì và tăng dần các nguồn thu để đảm bảo tự chủ tài chính [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Trong kế hoạch thực hiện cụ thể mục tiêu chiến lược đầu mỗi năm học, nhà trường cũng xác định số kinh phí thu từ NCKH tăng dần theo các năm. Ví dụ năm học 2019-2020 chỉ tiêu thu từ NCKH là 5 tỷ VNĐ, năm 2020-2021 là 7,5 tỷ VNĐ và năm học 2021-2022 là 14 tỷ VNĐ [H18.18.01.04] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. Do đặc thù lĩnh vực YTCC nên nguồn thu NCKH của nhà trường được xác định chủ yếu từ các hợp đồng chuyên môn về triển khai đề tài/dự án can thiệp cộng đồng với các đơn vị trong nước và quốc tế chứ không có nguồn thu từ chuyển giao công nghệ hay thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. Khi xác định và phân bổ chỉ tiêu thu từ NCKH cho các khoa/đơn vị, BGH họp và phân công cụ thể cho từng đơn vị để các đơn vị đồng thuận và đưa vào kế hoạch hoạt động của đơn vị mình. Mỗi khoa/đơn vị chịu trách nhiệm về số kinh phí thu từ hợp đồng NCKH nhất định theo quy mô của khoa/đơn vị, thấp nhất là 200 triệu đồng/năm và cao nhất là 5 tỷ/năm [H18.18.02.01]. Để tăng cường nguồn thu, ngoài việc các khoa/đơn vị chủ động trong hoạt động, Phòng QLKH&HTPT với chức năng là đơn vị quản lý, giám sát cũng có trách nhiệm tìm kiếm và thông báo các mời thầu đề tài/dự án từ các tổ chức/đơn vị trong và ngoài nước để khoa/đơn vị/nhóm nghiên cứu xem xét và gửi hồ sơ thầu nếu phù hợp [H18.18.02.02]. Từ năm học 2017-2018 đến nay, Phòng QLKH&HTPT đã hỗ trợ số lượng lớn các hồ sơ thầu gửi đi của các khoa/đơn vị [H18.18.02.03]. Trong thời gian qua, đã có trên 50 đề tài/dự án của nhà trường trúng thầu và ký kết hợp đồng triển khai với các đơn vị/tổ chức trong và ngoài nước với số kinh phí hàng chục tỉ đồng, giúp cho nguồn thu NCKH không những đạt mà còn vượt

chỉ tiêu đề ra [H18.18.02.04] [H18.18.02.05] [H18.18.02.06].

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ***nhà trường đã thiết lập các nhóm nghiên cứu, đầu tư cho nghiên cứu đỉnh cao và có chính sách thu hút cán bộ, GV, người học (NH) tham gia vào các hoạt động nghiên cứu.*** Năm 2015, nhà trường đã thành lập 6 nhóm nghiên cứu theo các lĩnh vực nghiên cứu là thế mạnh của trường gồm các nghiên cứu về các bệnh không lây nhiễm (NCDs), các bệnh lây nhiễm và HIV/AIDS, thuốc lá và tác hại của thuốc lá, hệ thống y tế và chính sách y tế, kinh tế y tế, biến đổi khí hậu và sức khỏe [H18.18.02.07]... Ngoài ra nhà trường hiện có ba trung tâm nghiên cứu trực thuộc Trường gồm: Trung tâm Nghiên cứu Chính sách và Phòng chống Chấn thương (CCIPR), Trung tâm Nghiên cứu Y tế công cộng và Hệ sinh thái (CENPHER), Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Sức khỏe cộng đồng (CPHS) [H18.18.02.08]. Ba trung tâm nghiên cứu hoạt động ở ba lĩnh vực khác nhau và đều là những đơn vị đi đầu, có uy tín rất lớn trong việc triển khai các nghiên cứu/dự án cộng đồng về tai nạn thương tích, Một sức khỏe One Health- Ecohealth, can thiệp nâng cao sức khỏe cộng đồng, kinh tế y tế, hệ thống y tế... Trong kế hoạch phát triển giai đoạn 2020-2025, nhà trường cũng xác định chú trọng đầu tư phát triển cho nghiên cứu chuyên sâu về công nghệ như thành lập Trung tâm dữ liệu lớn về khoa học sức khỏe/ Trung tâm y tế số, đang được khoa KHCB xây dựng và triển khai [H1.01.01.01].

Năm 2019, nhà trường cũng đã triển khai Chương trình nghiên cứu viên trẻ giúp bồi dưỡng và nâng cao năng lực cán bộ trẻ và HV, SV có tiềm năng NCKH tốt thông qua các lớp tập huấn và triển khai các đề tài NCKH [H18.18.02.09]. Bên cạnh các chính sách đó, nhà trường đã đầu tư kinh phí từ nguồn thu của nhà trường cho hoạt động NCKH mỗi năm 2-3 tỷ VNĐ thể hiện trong dự toán kinh phí đầu năm học [H7.07.01.11] [H7.07.01.12] [H7.07.01.13] [H7.07.01.14] và trong quy chế chi tiêu nội bộ với các định mức đầu tư cho đề tài cấp cơ sở [H18.18.01.23] [H18.18.01.24] [H18.18.01.25] [H18.18.01.26] [H18.18.01.27], định mức chi cụ thể cho các hội đồng, hỗ trợ cán bộ tham dự hội nghị hội thảo từ kinh phí nhà trường [H7.07.01.15] [H7.07.01.16] [H7.07.01.17] [H7.07.01.18] [H7.07.01.19] [H18.18.02.10]. Từ năm học 2018-2019, nhà trường còn có chính sách khen thưởng xuất bản quốc tế và đấu thầu thành công đề tài/dự án dành cho GV, NVC [H18.18.01.09] [H18.18.01.10] [H18.18.01.11]. Trong hơn ba năm qua, nhà trường đã chi gần 2 tỷ đồng tiền thưởng cho GV

có XBQT và đề tài mới được phê duyệt trong năm học [H18.18.02.11] [H18.18.02.12] [H18.18.02.13] [H18.18.02.14] [H18.18.02.15]. Ngoài ra, trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường cũng nêu rõ quy định khen thưởng các danh hiệu NCV tiêu biểu và NCV trẻ tiêu biểu cho các GV và GV trẻ đạt thành tích xuất sắc về NCKH [H6.06.05.06] [H6.06.05.07] [H6.06.05.08] [H6.06.05.09] [H6.06.05.10]. Với những đầu tư cụ thể như vậy, nhà trường đã thu hút sự quan tâm và tham gia tích cực của cán bộ, GV đối với hoạt động NCKH.

Nhà trường cũng đã tích cực triển khai các hoạt động hợp tác NCKH; có hoạt động NCKH hợp tác/phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã ký 17 hợp đồng nguyên tắc đối với các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục [H8.08.02.01], gần 20 biên bản ghi nhớ với các đối tác quốc tế [H8.08.02.03] như: Chunnam Techno University, Tokyo University; Queen's University of Belfast; National Yangming University; George Washington University v.v. và 15 biên bản ghi nhớ với các đối tác trong nước [H8.08.02.02] như: Bệnh viện Tim Hà Nội; Bệnh viện Nhi TW; Bệnh viện Bạch Mai; Bệnh viện Phụ sản TW; Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội; Trường Đại học Mở Địa chất; Bệnh viện Thanh Nhàn, Bệnh viện đa khoa Phú Thọ, Viện Huyết học Truyền máu Trung ương v.v. Các hoạt động hợp tác NCKH của nhà trường với các đơn vị được thực hiện ở các hoạt động khác nhau như phối hợp triển khai đề tài, tổ chức hội thảo hội nghị, tổ chức lớp tập huấn về phương pháp nghiên cứu khoa học, viết và xuất bản bài báo... Trong thời gian qua, đã có trên 50 đề tài/dự án NCKH đã được triển khai với sự phối kết hợp của cả 2 bên [H8.08.02.11]; 19 bài báo khoa học được xuất bản trên các tạp chí quốc tế phối hợp với Bệnh viện sản Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện sản Trung ương [H18.18.02.16]... 20 hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về PPNCKH được phối hợp tổ chức với các đơn vị [H18.18.02.17] [H8.08.02.12].

Để đảm bảo chất lượng và thúc đẩy hoạt động NCKH, nhà trường ***tuân thủ việc triển khai hoạt động KHCN theo kế hoạch đề ra*** trong kế hoạch mục tiêu chiến lược năm học giai đoạn 2018-2022 [H18.18.01.04] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04] và theo kế hoạch BSC được thực hiện đầu năm học [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H1.01.02.04] [H1.01.02.03] [H4.04.01.10]. Trong năm học, từng hoạt động được triển khai cụ thể bám sát hai kế hoạch này. Với các đề tài NCKH cấp cơ sở, Phòng

QLKH&HTPT xây dựng kế hoạch tuyển chọn trình BGH phê duyệt, sau đó thông báo rộng rãi tới toàn thể cán bộ GV và HV, SV [H18.18.02.18] [H18.18.02.19] [H18.18.02.20] [H18.18.02.21] [H18.18.02.22]. Các hoạt động xét duyệt đề cương, triển khai nghiên cứu, giám sát báo cáo tiến độ và đánh giá nghiệm thu được thực hiện theo đúng quy định và quy trình, đảm bảo tiến độ và chất lượng các hoạt động. Đối với đề tài NCKH các cấp, đề tài hợp tác trong nước và quốc tế, Phòng QLKH&HTPT tích cực hỗ trợ tìm kiếm nguồn tài trợ, hoàn thiện hồ sơ đấu thầu, tổ chức triển khai nghiên cứu, giám sát tiến độ và đánh giá nghiệm thu theo quy định của đơn vị tài trợ. Trong 5 năm qua, hơn 120 đề tài NCKH các cấp đã được triển khai và đảm bảo tốt chất lượng nghiên cứu. Các hoạt động tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn cũng được thực hiện vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra là tổ chức từ 1-2 hội thảo/hội nghị quốc tế, quốc gia và liên đơn vị; 2-4 hội thảo/tập huấn về phương pháp NCKH [H18.18.02.23]; số lượng xuất bản quốc tế (0,54 – 0,65 bài/GV, NCV/năm), xuất bản trong nước (1 bài/GV/năm); số lượng GV tham gia hội thảo /hội nghị khoa học quốc tế (5 lượt), tham gia hội nghị/hội thảo quốc gia (5 lượt). Tất cả các hoạt động trên đều đã và đang thực hiện đạt và vượt nhiều lần so với kế hoạch.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Nhà trường đã tiến hành xây dựng các KPIs cụ thể về số lượng và về chất lượng nghiên cứu. Trong Chiến lược phát triển Trường ĐHYTCC giai đoạn 2018-2023, các chỉ số KPIs về phát triển hoạt động NCKH được xác định cụ thể và tăng dần theo các năm [H1.01.03.01] như; số lượng xuất bản quốc tế tăng từ 0,54 bài/GV năm 2018 đến 1 bài/GV năm 2022, tuy nhiên con số này đã được điều chỉnh là 0,65 bài/GV năm 2022 trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025; Số lượng các bài báo trên tạp chí ISI/Scopus/GV tăng dần; số lượng đề tài NCKH các cấp, hội thảo quốc tế, quốc gia liên đơn vị được duy trì. Ngoài ra, các **chỉ số cụ thể** của từng năm học **về số lượng** các loại hình NCKH được nhà trường xây dựng trong kế hoạch BSC các đơn vị giai đoạn 2018-2022 và năm sau duy trì hoặc cao hơn năm trước. Ví dụ như năm học 2020-2021, số lượng các đề tài cấp cơ sở được phê duyệt mới là 5 đề tài, số lượng các đề tài cấp bộ, tỉnh, hợp đồng dự án trong nước

là 2 đề tài, số lượng xuất bản quốc tế có chỉ tiêu là 56 bài (tương đương 0,6 bài/GV, NCV có trình độ ThS trở lên), số lượng xuất bản trong nước là 1 bài/giảng viên, số lượng hội thảo, hội nghị dự kiến được tổ chức là 2 hội thảo/hội nghị [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.04] [H1.01.02.03] [H4.04.01.10]... Việc xây dựng kế hoạch chỉ số BSC được phòng TCHC điều phối, thông báo và hướng dẫn qua email tới các đơn vị vào đầu năm học để thực hiện [H18.18.03.01]. **Các chỉ số cụ thể về chất lượng** NCKH của từng năm học được nhà trường xây dựng và ban hành trong Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA) từ năm học 2019-2020 đến nay. Bộ chỉ số nêu rõ các chỉ số cần đạt để đảm bảo chất lượng cho hoạt động NCKH ví dụ số lượng đề tài cần đạt, các quy định quy trình cần cập nhật bổ sung, số lượng XBQT/GV, số xuất bản trong nước/GV, tổng số chỉ số tác động (IF), tổng chỉ số trích dẫn của xuất bản quốc tế, số hội nghị/hội thảo quốc tế, quốc gia và liên đơn vị... [H9.09.01.07]. Trung tâm ĐBCL&KT là đơn vị hướng dẫn và thông báo các đơn vị xây dựng chỉ số IQA đảm bảo chất lượng [H18.18.03.02]. Các chỉ số đảm bảo chất lượng được các đơn vị phụ trách xây dựng và được Hội đồng đảm bảo chất lượng của nhà trường họp, thống nhất với các đơn vị phụ trách [H9.09.02.04].

Sau khi xây dựng chỉ số cụ thể, **nhà trường đã sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH, số lượng nghiên cứu để đánh giá mức độ đạt được các KPIs đã xác lập; đánh giá tác động của NCKH của nhà trường và mức độ đóng góp cho xã hội.** Việc đánh giá số lượng nghiên cứu được thực hiện trong báo cáo triển khai và kết quả BSC của Phòng QLKH&HTPT định kỳ theo quý, giữa năm học và cuối năm học. Số lượng cụ thể của từng chỉ số được so sánh với chỉ tiêu đầu năm để đánh giá mức độ đạt, không đạt hay vượt chỉ tiêu của từng hoạt động. Trong các năm học vừa qua, các chỉ tiêu BSC về NCKH đều đạt trên 90% trở lên so với kế hoạch đề ra [H18.18.01.29]. Việc đánh giá chất lượng theo các chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA cũng được thực hiện định kỳ vào giữa và cuối năm học. Từ năm học 2019-2020, khi đánh giá theo bộ chỉ số IQA, các chỉ số về hoạt động NCKH của nhà trường cũng đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. Ví dụ chỉ tiêu xuất bản quốc tế/giảng viên năm học 2020-2021 là 0,6 bài/giảng viên, thực tế đạt 1,3 bài/giảng viên, hay số lượng đề tài cấp cơ sở năm học 2020-2021 là 5 đề tài, thực tế đạt 8 đề tài, số lượng đề tài hợp tác quốc tế với các đối tác là 5 đề tài thực tế đạt 25 đề tài [H9.09.03.05]. Việc đánh

giá mức độ đạt được của các chỉ số NCKH còn được thực hiện trong báo cáo tổng kết hoạt động cuối mỗi năm học. Trong báo cáo này, các chỉ tiêu về hoạt động NCKH tổng thể của Trường cũng được đánh giá mức độ đạt, không đạt và vượt so với chỉ tiêu được đặt ra trong Nghị quyết Hội nghị công nhân viên chức của năm học trước [H2.02.03.04].

Về tác động của NCKH của nhà trường và mức độ đóng góp cho xã hội trong 5 năm qua, Nhà trường đã thực hiện được 16 đề tài NCKH theo đặt hàng của các địa phương [H18.18.02.05]. Một số kết quả nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước được áp dụng tại các địa phương như: Quy trình chẩn đoán sớm và can thiệp sớm rối loạn tự kỷ ở trẻ em ở cộng đồng [H21.21.02.13] áp dụng tại phòng can thiệp sớm cho trẻ em tự kỷ tại Bệnh viện Nhi Thái Bình và BVĐK Hòa Bình năm 2019 [H21.21.02.14]; ứng dụng kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tạo sản phẩm hàng hóa gồm nguyên liệu làm thuốc và thực phẩm chức năng từ dược liệu bản địa [H21.21.02.15]; ứng dụng một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý người lao động cũng như nâng cao năng lực nghề nghiệp và tính bền vững về đời sống kinh tế văn hóa xã hội, sức khỏe cho người lao động sau khi đi xuất khẩu lao động trở về tại tỉnh Đồng Tháp; nhiều nghiên cứu của nhà trường đã có những đóng góp đáng kể vào việc cung cấp thông tin cho công tác hoạch định chính sách y tế như các chính sách phòng chống tai nạn thương tích cấp quốc gia, phòng chống tác hại thuốc lá; chuẩn bị ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, phòng ngừa HIV/AIDS, chiến lược quốc gia về sức khỏe sinh sản,... Tác động của NCKH của nhà trường đối với xã hội còn được thể hiện thông qua bảng xếp hạng các trường đại học của Việt Nam (UPM): Trường ĐHYTCC đứng thứ 6 trong bảng xếp hạng tổng thể các chỉ số nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học và đứng thứ 2 số bài báo trung bình/ giảng viên giai đoạn 2015-2019 [H18.18.03.03] [H18.18.03.04]

Nhà trường định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện các KPIs làm căn cứ đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn. Việc rà soát, đánh giá chỉ số BSC được thực hiện theo quý (3 tháng 1 lần) để Hiệu trưởng/Phó hiệu trưởng phụ trách báo cáo với Hội đồng Trường theo quy chế hoạt động của Hội đồng Trường [H2.02.04.06] [H2.02.01.14] và Trưởng phòng QLKH&HTPT báo cáo tới Hội đồng KH&ĐT theo quy chế của HĐKH&ĐT [H2.02.01.16]. Việc thực hiện rà soát đánh giá cuối

năm học để đánh giá tổng thể hoạt động theo kế hoạch BSC theo kế hoạch và thông báo thực hiện qua email của Phòng TCHC [H18.18.03.05]. Việc thực hiện rà soát đánh giá chất lượng NCKH theo chỉ số đảm bảo chất lượng NCKH do Thư ký Hội đồng ĐBCL thông báo qua email để các đơn vị thực hiện [H18.18.03.06]. Các kết quả về hoạt động NCKH theo chỉ tiêu trong kế hoạch BSC được báo cáo và đánh giá đầy đủ trong báo cáo triển khai và kết quả BSC của phòng QLKH&HTPT [H18.18.01.29]. Các kết quả về đảm bảo chất lượng NCKH được thể hiện đầy đủ trong báo cáo chỉ số IQA giữa kỳ và cuối năm học [H9.09.03.05] cũng như báo cáo tổng kết hoạt động năm học [H2.02.03.04]. Việc báo cáo thường xuyên các chỉ số giúp cho hoạt động quản lý NCKH dễ dàng đánh giá được các chỉ tiêu nào có thể hoàn thành theo kế hoạch, chỉ tiêu hoạt động nào cần đẩy nhanh tiến độ hay cần đặc biệt chú trọng triển khai, từ đó nhà trường có những rà soát, điều chỉnh phù hợp để đạt được chỉ tiêu chung vào cuối năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Công tác quản lý nghiên cứu của nhà trường được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan vào cuối mỗi năm học. Từ cuối năm học 2020-2021, nhà trường đã lấy ý kiến khảo sát rộng rãi về sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ KHCN của Trường ĐHYTCC [H18.18.04.01]. Phiếu khảo sát được phòng QLKH&HTPT gửi tới các đối tượng qua hệ thống email [H18.18.04.02]. Đối tượng được khảo sát là cán bộ, GV nhà trường; khách hàng bên ngoài trường có tham gia triển khai đề tài các cấp, tham gia hội nghị/hội thảo, các lớp tập huấn, tham gia hợp tác viết và xuất bản bài báo do Trường ĐHYTCC chủ trì/tổ chức... Kết quả đánh giá trung bình các hoạt động KHCN nói chung đạt 4,52/5 [H18.18.04.03]. Đây là một số điểm tương đối cao thể hiện công tác quản lý NCKH của nhà trường được các khách hàng đánh giá tốt. Ngoài ra, Trung tâm KT&ĐBCL còn triển khai công tác đánh giá 360° với hoạt động quản lý của Phòng QLKH&HTPT nói chung và với từng chuyên viên của phòng nói riêng [H18.18.04.04]. Việc đánh giá và kết quả đánh giá được thông báo rộng rãi tới trưởng phòng và các chuyên viên trong phòng [H18.18.04.05]. Việc đánh giá Phòng do các đơn vị trong trường thực hiện, việc đánh giá

các chuyên viên trong phòng do trưởng phòng và các chuyên viên đánh giá chéo. Trong 5 năm qua, hoạt động NCKH nói chung và hoạt động của phòng QLKH&HTPT phát triển đều được đánh giá ở mức điểm rất cao, từ 4,5/5 điểm trở lên [H18.18.04.06]. Điều này phần nào thể hiện được chất lượng công tác quản lý NCKH của nhà trường nói chung và năng lực quản lý NCKH của bộ phận chuyên trách. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến khảo sát về hoạt động quản lý NCKH nhà trường mới chỉ thực hiện bắt đầu từ năm học 2020-2021, và mới dừng ở mức độ cá nhân là khách hàng sử dụng dịch vụ. Việc lấy ý kiến khảo sát khách hàng chưa được thực hiện trên đối tượng là các đơn vị/tổ chức hợp tác. Đây là hoạt động mà công tác quản lý NCKH của nhà trường cần lưu ý trong thời gian tới.

Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến và được đánh giá tốt. Để nâng cao chất lượng công tác quản lý cũng như hoạt động NCKH, nhà trường đã thực hiện đối sánh hoạt động NCKH với một số đơn vị trong hệ thống các trường khối ngành khoa học sức khỏe về một số chỉ số NCKH: số đề tài các cấp, số xuất bản trong nước và quốc tế, số báo cáo tại hội nghị hội thảo, số sách- giáo trình, tài liệu, NCKH sinh viên, đầu tư dành cho NCKH... Kết quả đối sánh cho thấy, trong hệ thống các đơn vị tương đồng về quy mô, hoạt động NCKH của Trường ĐHYTCC có mặt bằng chung cao hơn ở các chỉ số về đề tài hợp tác trong và ngoài nước, về số bài báo xuất bản trong nước và quốc tế, đầu tư dành cho NCKH [H12.12.03.02]. Năm 2019, nhà trường cũng thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở “Nghiên cứu thành tích xuất bản quốc tế: một số chỉ số đo lường và phân tích ban đầu tại các đơn vị đào tạo và nghiên cứu Y dược của Việt Nam và Đông Nam Á”. Nghiên cứu đã chỉ ra Trường ĐHYTCC là một trong những đơn vị có năng lực xuất bản quốc tế đi đầu tại Việt Nam và trong khu vực [H18.18.03.03]. Các kết quả này được Phòng QLKH&HTPT báo cáo tại hội nghị tổng kết đánh giá hoạt động NCKH cuối mỗi năm học. Tại hội nghị, Phòng QLKH&HTPT cũng như các cá nhân liên quan đã tiếp thu các góp ý của GV, NCV, NH, các đại biểu tham dự về công tác quản lý NCKH và được ghi trong biên bản của hội nghị tổng kết và rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo [H18.18.04.07]. Để cải tiến công tác quản lý, nhà trường thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình quản lý NCKH để cập nhật với các quy định của nhà nước và thực tiễn triển khai các hoạt động NCKH tại Trường, đặc biệt trong lần cập nhật chỉnh sửa quy định năm 2021, nhà trường đã bổ sung

cụ thể: quy định cụ thể về tổ chức và quản lý đề tài NCKH các cấp (kèm theo quy trình quản lý chi tiết các đề tài); quy trình tổ chức sinh hoạt khoa học, hội nghị, hội thảo; quy định quản lý các sản phẩm NCKH (trong đó có hướng dẫn cập nhật các sản phẩm NCKH trên phần mềm QLKHCN). Mỗi lần cập nhật, bổ sung quy định quy trình đều được Phòng QLKH&HTPT xin ý kiến rộng rãi của toàn thể cán bộ, GV nhà trường [H18.18.04.08]. Nhà trường cũng tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý bằng cách áp dụng phần mềm CMC năm 2017 và nâng cấp, cập nhật, thay đổi sang phần mềm Nam Việt năm 2021 để quản lý, cập nhật và theo dõi các sản phẩm NCKH của cán bộ, GV trong trường [H18.18.04.09]. Chính vì công tác quản lý NCKH thường xuyên được cải tiến nên luôn nhận được đánh giá tốt của khách hàng sử dụng dịch vụ qua kết quả khảo sát sự hài lòng của khách hàng và đánh giá tốt của các đơn vị trong trường qua đánh giá 360 độ như đã đề cập ở trên [H18.18.04.03] [H18.18.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường có cơ chế đầu tư phát triển NCKH về nhân lực và tài lực, có chính sách khuyến khích và hỗ trợ cán bộ giảng viên tham gia tích cực các hoạt động NCKH đặc biệt là các cán bộ, GV trẻ nên số lượng các sản phẩm NCKH của cán bộ, GV nhà trường mỗi năm học đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Hoạt động quản lý NCKH mới chỉ lấy ý kiến của các khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ mà chưa lấy ý kiến theo đơn vị các đối tác đã hợp tác.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục	Lấy ý kiến đánh giá	Phòng	Năm học	TT Khảo thí

	tồn tại	về hoạt động quản lý NCKH của nhà trường theo đơn vị từ các đối tác hợp tác	QLKH&HTP T	2021- 2022	và ĐBCL phối hợp
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục có cơ chế khuyến khích GV tham gia hoạt động NCKH, đặc biệt là GV trẻ.	Phòng QLKH&HTP T	Năm học 2021- 2022	Phòng TCKT phối hợp
3		Tiếp tục áp dụng các chỉ số đánh giá số lượng và chất lượng NCKH	Phòng QLKH&HTP T		TT Khảo thí và ĐBCL phối hợp

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	5
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	5

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Trường ĐHYTCC có đơn vị/nhân sự quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV. Cụ thể, theo phân công nhiệm vụ,

Phó hiệu trưởng phụ trách NCKH là người chịu trách nhiệm về hoạt động NCKH nói chung và công tác quản lý tài sản trí tuệ (TSTT) nói riêng trước nhà trường và Hiệu trưởng [H18.18.01.01] [H18.18.01.02]. Phòng QLKH&HTPT là đơn vị chức năng được nhà trường giao nhiệm vụ quản lý và hỗ trợ bảo hộ TSTT [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Tại phòng QLKH&HTPT, Phòng cũng đã có phân công cụ thể cho 01 chuyên viên phụ trách hoạt động quản lý và hỗ trợ đăng ký, bảo hộ các sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền [H19.19.01.01] [H19.19.01.02] [H19.19.01.03]. Chuyên viên được phân công nhiệm vụ này tại Phòng QLKH&HTPT được tham gia đào tạo, tập huấn về công tác quản lý các TSTT để đảm bảo năng lực chuyên môn quản lý [H19.19.01.04].

Cùng với việc bố trí bộ phận quản lý, ***nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về bảo vệ quyền SHTT, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu.*** Từ năm 2016, nhà trường đã lần đầu xây dựng và ban hành Quy định quản lý TSTT của Trường ĐHYTCC [H19.19.01.05]. Quy định này được chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung vào năm 2018 và 2021 [H18.18.01.18] [H18.18.01.19]. Trong quy định về quản lý TSTT của nhà trường có xác định rõ các TSTT của Trường ĐHYTCC là các sản phẩm trí tuệ của cán bộ GV, HV, SV của Trường sáng tạo hoặc là sản phẩm của các hợp đồng thuê khoán chuyên môn, được thực hiện bằng nguồn lực của Trường ĐHYTCC, gồm: đề cương, báo cáo khoa học, bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí trong và ngoài nước, báo cáo khoa học tại các hội nghị hội thảo, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, các sản phẩm của đề tài/dự án NCKH, sách/giáo trình/tài liệu/bài giảng/bài trình bày, các thông tin hình ảnh từ sự kiện do Trường ĐHYTCC thực hiện, các sáng chế, giải pháp được tạo ra từ hoạt động NCKH, đào tạo và truyền thông của cán bộ, GV nhà trường. Trong quy định cũng có nêu rõ quy trình để cán bộ, GV, HV, SV đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT) với các sáng chế/giải pháp hữu ích và đăng ký quyền tác giả. Quy định cập nhật năm 2021 bổ sung thêm đối tượng thực hiện là học viên và cập nhật các văn bản liên quan (ví dụ Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019). Bên cạnh quy định về quản lý TSTT, quy định quản lý hoạt động KHCN của cán bộ, GV được nhà trường ban hành cũng đề cập và quy định về việc công bố các kết quả nghiên cứu từ các hoạt động NCKH đề tài/dự án

của nhà trường, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các bên liên quan đối với các sản phẩm KHCN [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08].

Trường ĐHYTCC cũng có các chính sách hỗ trợ rất rõ ràng trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu. Trong Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường ĐHYTCC giai đoạn 2018-2023, nhà trường xác định một trong những mục tiêu cụ thể của hoạt động NCKH là tăng số lượng công trình NCKH được đăng ký bản quyền SHTT, giải pháp hữu ích [H1.01.03.01]. Trong KHCL giai đoạn 2020-2025 cũng đã xác định mục tiêu là thực hiện thường xuyên đăng ký SHTT, giải pháp hữu ích, với chỉ tiêu cụ thể là ít nhất đăng ký 01 SHTT/giải pháp hữu ích/năm [H1.01.01.01]. Để triển khai chính sách này, hàng năm trong kế hoạch và thông báo tuyển chọn các đề tài đầu mỗi năm học, nhà trường đều nhấn mạnh ưu tiên tuyển chọn và xét duyệt các đề tài NCKH có sản phẩm có khả năng đăng ký SHTT/giải pháp hữu ích/bản quyền [H18.18.02.18] [H18.18.02.19] [H18.18.02.20] [H18.18.02.21] [H18.18.02.22] [H18.18.01.21].

Không chỉ hỗ trợ về chính sách mà nhà trường còn hỗ trợ về kinh phí cho hoạt động này. Trong phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động hàng năm, nhà trường đều ưu tiên bố trí một khoản kinh phí nhất định cho hoạt động đăng ký SHTT [H7.07.01.11] [H7.07.01.12] [H7.07.01.13] [H7.07.01.14]. Ngoài ra, để hỗ trợ tốt hơn việc khai thác các đề tài NCKH và có nhiều hơn các sản phẩm đăng ký SHTT, nhà trường đã chủ động tìm hiểu và tham gia vào Mạng lưới các trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ (TISC/IP-HUB) trong các viện nghiên cứu, trường đại học của Cục Sở hữu Trí tuệ từ năm 2019 [H19.19.01.06]. Việc tham gia vào Mạng lưới đã giúp Trường ĐHYTCC được tiếp cận và cập nhật với các quy định, hướng dẫn về SHTT của nhà nước, được Cục Sở hữu trí tuệ và Mạng lưới tư vấn đề hoàn thiện quy định quản lý TSTT của nhà trường, được thường xuyên tham gia tiếp nhận thông tin cũng như tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về SHTT để nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách để từ đó có những hỗ trợ kỹ thuật khai thác đúng, phù hợp và kịp thời đối với các đề tài NCKH của nhà trường [H19.19.01.07]. Tuy nhiên, do đặc thù lĩnh vực YTCC, sản phẩm của các đề tài NCKH chủ yếu là các can thiệp cộng đồng nên gần như không có các sản phẩm có thể thương mại hóa.

Đối với **quy định khai thác tài sản trí tuệ**, nhà trường đã quy định rõ tại Chương V của Quy định quản lý TSTT đã được ban hành. Tại đây, có các quy định về đánh giá khả năng thương mại cũng như chuyển nhượng TSTT. Các quyền và nghĩa vụ khai thác TSTT của tác giả là cán bộ, GV, HV, SV cũng được đề cập rõ ràng. Các sản phẩm trí tuệ do GV, HV, SV của trường sáng tạo ra bằng nguồn lực của Trường ĐHYTCC sẽ thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHYTCC. Khi khai thác, công bố hay chuyển nhượng phải được sự đồng ý từ nhà trường. Các GV, HV, SV có quyền tiếp cận với các sản phẩm này khi thực hiện nhiệm vụ được nhà trường giao hoặc phục vụ mục đích học tập tại trường theo quy định; được hưởng lợi ích phù hợp từ việc khai thác TSTT của trường mà GV, HV, SV là tác giả hoặc đồng tác giả; có trách nhiệm nộp các sản phẩm TSTT của mình như luận văn, luận án, đề tài NCKH, bài báo khoa học về trường; Khi trích dẫn các sản phẩm NCKH, ĐT thuộc trường ĐHYTCC phải ghi rõ nguồn từ trường ĐHYTCC (Trường có áp dụng phần mềm Turnitin để phát hiện đạo văn đối với đề cương, luận văn của học viên sau đại học), nếu sử dụng số liệu từ các nghiên cứu do trường ĐHYTCC chủ trì thì phải có sự đồng ý của chủ nhiệm đề tài và của trường ĐHYTCC; đồng thời cần thực hiện nội quy sao chép, nhân bản không quá 10% bản gốc đối với các đề tài NCKH, luận văn, luận án theo quy định cụ thể của Thư viện trường ĐHYTCC [H19.19.01.05] [H18.18.01.18] [H18.18.01.19]. Trong Quy định quản lý TSTT từ năm 2018, nhà trường đã cập nhật thêm quy trình và biểu mẫu hướng dẫn đăng ký sáng chế và quyền tác giả để hướng dẫn cán bộ, GV, HV, SV thực thi hoạt động đăng ký bảo hộ sáng chế hay quyền tác giả [H18.18.01.18]. Ngoài ra, liên quan đến việc khai thác TSTT như tuân thủ đạo đức nghiên cứu, công bố kết quả nghiên cứu... cũng được nêu rõ trong Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ của cán bộ, GV nhà trường [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08].

Bên cạnh quy định về khai thác TSTT, **nhà trường còn có quy định về quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu**. Như đã đề cập ở trên, quy định về quy trình công bố theo dõi và lưu trữ kết quả NCKH được đề cập cụ thể tại Điều 18, 19, 21, 22, 27 trong Quy định Quản lý Khoa học công nghệ của nhà trường [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]. Các kết quả nghiên cứu từ các đề tài phải được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, báo cáo chia sẻ kết quả tại các hội thảo

hội nghị... tùy theo quy mô và chất lượng của đề tài. Các đề tài sau khi kết thúc phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo hướng dẫn về Phòng QLKH&HTPT và Trung tâm Thư viện của nhà trường để đưa vào lưu trữ và khai thác sử dụng, làm tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy và học tập của cán bộ GV, HV, SV. Quy định về quyền công bố và quy định về tác giả và thứ tự đứng tên trong các công bố cũng được nêu rõ tại Điều 6, Điều 7 của Quy định quản lý TSTT năm 2021 [H18.18.01.19]. Trong giai đoạn 2017-2021, đã có hơn 200 đề tài NCKH các cấp do Trường ĐHYTCC chủ trì đã được triển khai, hơn 500 bài báo trong nước và hơn 300 bài báo quốc tế đã được công bố, hàng chục hội thảo hội nghị chia sẻ kết quả nghiên cứu đã được tổ chức, gần 100 sách giáo trình/tài liệu đã được viết và xuất bản để phục vụ đào tạo [H19.19.01.08]... Các sản phẩm này đều được quản lý tại Phòng QLKH&HTPT bằng phần mềm theo đúng quy định, quy trình quản lý hoạt động KH&CN của GV trường ĐHYTCC (ví dụ từ 2017-2018 là phần mềm CMC, còn hiện tại là phần mềm của Công ty Cổ phần Giải pháp Giáo dục - Y tế Nam Việt) và TT Thư viện. Ngoài ra, trong những năm qua, nhà trường đã có 01 sản phẩm từ đề tài NCKH được bảo hộ giải pháp hữu ích [H19.19.01.09], 01 sản phẩm đã có Quyết định tiếp nhận đơn đăng ký giải pháp hữu ích hợp lệ, đang trong quá trình xét duyệt [H19.19.01.10] và đã được cấp bản quyền cho 01 sản phẩm về phần mềm chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học sức khỏe [H19.19.01.11]. Tuy vậy, do đặc thù lĩnh vực nên số lượng sản phẩm là các sáng chế, giải pháp hữu ích, hay sản phẩm có tính thương mại hóa của nhà trường chưa có nhiều.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Các tài sản trí tuệ của Trường ĐHYTCC được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật. Nhà trường đã ban hành quy định, hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT trong Quy định quản lý hoạt động KHCN của cán bộ, GV và quy trình quản lý đề tài các cấp [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]. Ngoài ra, việc đăng ký bảo hộ và quản lý các TSTT với trách nhiệm, quyền lợi cụ thể của các bên liên quan còn được nêu rõ tại Chương III của Quy định quản lý TSTT [H19.19.01.05] [H18.18.01.18] [H18.18.01.19]. Tại đây nêu rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của tác giả/đồng tác giả

trong việc đăng ký bảo hộ các sản phẩm trí tuệ, cũng như trách nhiệm của bộ phận chuyên trách quản lý TSTT về việc hướng dẫn và đăng ký, khai thác TSTT. Với các tài sản cụ thể mà GV, HV, SV nhà trường sử dụng, trường cũng có quy định bảo hộ rõ ràng theo quy định của pháp luật. Ví dụ trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Trường ĐHYTCC có định mức chi in ấn sách/giáo trình tài liệu của Trường, tại đó quy định về tính giá sách được xuất bản có tính đến % bản quyền cho tác giả [H19.19.02.01] [H19.19.02.02] [H19.19.02.03] [H19.19.02.04]. Điều đó cho thấy nhà trường đã tính đến và đảm bảo quyền của tác giả theo đúng quy định. Công tác quản lý TSTT của trường cũng được thực hiện theo đúng quy định khi chuyên viên phụ trách công tác bảo hộ TSTT của trường được tham gia tập huấn ở các hội nghị, hội thảo lớp học về bảo hộ SHTT để cập nhật kiến thức và thông tin về các quy định bảo hộ TSTT của nhà nước [H19.19.01.04]. Đặc biệt, từ năm 2019, nhà trường đã hợp tác với công ty Luật sở hữu trí tuệ GreenIP để công ty hỗ trợ tư vấn, xác định các sản phẩm NCKH tiềm năng thuộc đối tượng có thể đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích để làm hồ sơ đăng ký bảo hộ theo đúng quy định, quy trình [H19.19.02.05] [H19.19.02.06]. Với sự tư vấn của công ty, nhà trường đã hướng dẫn, hỗ trợ cho đăng ký thành công 01 sản phẩm là bộ công cụ hỗ trợ bệnh nhân theo dõi huyết áp được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích vào năm 2018 [H19.19.01.09]. Đã đăng ký hợp lệ 01 sản phẩm quy trình nhiễm ký sắc phổ từ đề tài NCKH cấp cơ sở của TTXN [H19.19.01.10]. Năm 2021, đã đăng ký thành công và được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với sản phẩm “Phần mềm chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học sức khỏe” [H19.19.02.07]. Trong năm học 2021-2022, đã làm hồ sơ đăng ký bản quyền tác phẩm phái sinh cho sản phẩm “Chương trình máy tính xử lý và phân tích số liệu” [H19.19.02.07]. Tuy nhiên, do đặc thù của lĩnh vực y tế công cộng nên nhà trường chưa có nhiều sản phẩm có thể đăng ký bảo hộ sáng chế hay giải pháp hữu ích. Ngoài ra, các sản phẩm NCKH của nhà trường như báo cáo khoa học, tạp chí khoa học cũng được bảo hộ, lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định tại cơ sở dữ liệu của TT Thư viện trường [H19.19.02.08].

Các Quy định về SHTT được nhà trường phổ biến, hướng dẫn hỗ trợ cho cán bộ, GV. Bên cạnh việc xác định chỉ tiêu và bố trí kinh phí, các quy định về SHTT của nhà trường cũng được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, GV, HV, SV được biết và thực

hiện. Mỗi lần cập nhật, bổ sung và ban hành quy định liên quan đều được phòng QLKH&HTPT thông báo qua email và đăng tải trên subweb cũng như hệ thống quản lý văn bản điện tử Voffice [H19.19.02.09] [H19.19.02.10].

Nhà trường có cơ sở dữ liệu về các sản phẩm là tài sản trí tuệ (TSTT), có thực hiện rà soát phát hiện hành vi vi phạm TSTT. Từ năm 2017, nhà trường đã ký hợp đồng với công ty CMC về việc xây dựng cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý các sản phẩm nghiên cứu khoa học của cán bộ GV nhà trường [H19.19.02.11]. Trong giai đoạn 2017-2021, nhà trường đã thực hiện quản lý các sản phẩm trí tuệ từ hoạt động NCKH của GV trên phần mềm này. Đến năm 2021, với nhu cầu nâng cấp hơn các tính năng cũng như để phù hợp hơn với nhu cầu thực tế sử dụng, nhà trường ký hợp đồng với công ty Nam Việt về xây dựng mới phần mềm quản lý và đưa vào sử dụng từ năm học 2021-2022 [H19.19.02.12]. Bằng việc sử dụng cơ sở dữ liệu này, các TSTT của cán bộ GV nhà trường được quản lý như số lượng bài báo trong nước và quốc tế, số đề tài NCKH chủ trì/tham gia, số sách/giáo trình/tài liệu được viết và xuất bản, số báo cáo tại hội nghị hội thảo, hướng dẫn đề tài sinh viên NCKH [H18.18.04.09]. Các sản phẩm này được yêu cầu cập nhật vào cuối mỗi năm học bởi hướng dẫn và thông báo của Phòng QLKH&HTPT. Đây cũng là cơ sở dữ liệu làm căn cứ để tính giờ NCKH cho GV, giúp đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV trong năm học [H19.19.02.13]. Các TSTT do nhà trường thuê mua sử dụng cũng đều là các tài sản được bảo hộ bản quyền theo đúng quy định, ví dụ như phần mềm kế toán được nhà trường thuê mua sử dụng [H19.19.02.14]. Hay phần mềm quản lý ngân hàng đề thi cũng được nhà trường sử dụng, cập nhật và rà soát định kỳ [H19.19.02.15]. Từ đầu năm 2018, nhà trường đã bắt đầu thử nghiệm áp dụng phần mềm Turnitin và triển khai chính thức đưa và quy định bắt buộc đối với học viên sau đại học từ năm 2019 đến nay để phát hiện ra hành vi đạo văn, vi phạm quyền tác giả trong quá trình học viên làm bài tập môn Phương pháp nghiên cứu định lượng, Phương pháp nghiên cứu định tính, viết đề cương luận văn và viết luận văn. Đối với luận văn thì kết quả báo cáo mức độ tương đồng là tiêu chí bắt buộc để học viên có được nộp quyền luận văn hay không và báo cáo tương đồng cần đạt tiêu chí tỷ lệ trùng không quá 40%, số lượng từ trùng từ 1 nguồn không quá 25 từ, tỷ lệ trùng với 1 nguồn cần $\leq 10\%$. Trong Sổ tay học viên sau đại học của nhà trường có

nêu quy định và hướng dẫn sử dụng phần mềm Turnitin chống đạo văn, được sử dụng trong việc rà soát các hành vi phạm khi học viên viết đề cương và luận văn, luận án các chương trình thạc sĩ, chuyên khoa I, II và tiến sĩ do nhà trường quản lý [H19.19.02.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Trong giai đoạn vừa qua, Nhà trường đã *triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ 2 lần*. Lần một được thực hiện vào năm 2018 và lần 2 được thực hiện vào năm 2020. Trước khi thực hiện nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát việc đăng ký bảo hộ và công tác quản lý TSTT với các chỉ số đánh giá về số lượng các sản phẩm tiềm năng, những kết quả đạt được trong công tác quản lý TSTT trong giai đoạn vừa qua, những thuận lợi khó khăn và giải pháp khắc phục trong giai đoạn tới [H19.19.03.01]. Kết quả của việc rà soát được báo cáo đầy đủ trong báo cáo tổng kết, rà soát việc đăng ký, bảo hộ và công tác quản lý TSTT của Trường ĐHYTCC [H19.19.03.02]. Báo cáo đã chỉ ra cụ thể định hướng của nhà trường nhằm thu hút hơn nữa sự quan tâm của cán bộ GV, HV, SV về việc đăng ký bản quyền cho các sản phẩm NCKH và TSTT. Nhà trường cũng hướng tới việc đầu tư hơn nữa cho các nghiên cứu kết hợp giữa y tế công cộng và cận lâm sàng với các kỹ thuật xét nghiệm và quy trình xét nghiệm mới để có các sản phẩm tiềm năng có thể đăng ký được sáng chế hay giải pháp hữu ích. Định kỳ 2 năm một lần, nhà trường cũng tiến hành rà soát, cập nhật quy định về quản lý TSTT cùng với các quy định về quản lý khoa học và công nghệ để đảm bảo các quy định được cập nhật theo các văn bản quản lý mới nhất của các cấp quản lý, phù hợp với thực tế các hoạt động triển khai tại trường và đảm bảo đúng thể thức, kết cấu của quy định soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm nội bộ của nhà trường [H18.18.04.08].

Việc rà soát công tác quản lý TSTT còn được thực hiện qua việc đối sánh kết quả thực hiện so với chỉ tiêu đặt ra đầu năm học. Đầu năm học, chỉ tiêu về đăng ký SHTT/giải pháp hữu ích/bản quyền được xác định trong kế hoạch BSC của Phòng QLKH&HTPT [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H1.01.02.04] [H1.01.02.03] [H4.04.01.10] và trong Bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA về NCKH [H9.09.01.07]. Căn cứ vào đó các bộ phận

chức năng đã triển khai hoạt động. Cuối năm học kết quả về việc hỗ trợ và quản lý, đăng ký các TSTT đã được đánh giá trong báo cáo triển khai và kết quả hoạt động theo BSC của Phòng QLKH&HTPT theo quý, giữa kỳ và cuối năm [H18.18.01.29] và báo cáo chỉ số đảm bảo chất lượng IQA về NCKH của trường vào giữa kỳ và cuối năm học [H9.09.03.05]. So với chỉ tiêu đặt ra mỗi năm có ít nhất 01 sản phẩm đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích/bản quyền thì từ năm 2019 đến nay, chỉ tiêu này của nhà trường đều đạt được so với kế hoạch.

Nhà trường có thực hiện tổng kết, đánh giá công tác quản lý TSTT. Như đã đề cập ở trên, ngoài việc thực hiện tổng kết đánh giá công tác quản lý TSTT trong các báo cáo hoạt động BSC của phòng QLKH&HTPT và trong báo cáo chỉ số đảm bảo chất lượng NCKH, thì nhà trường còn thực hiện báo cáo tổng kết, rà soát việc đăng ký, bảo hộ và công tác quản lý TSTT của Trường ĐHYTCC năm 2018, 2020 [H19.19.03.02]. Đặc biệt từ khi tham gia Mạng lưới các trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyên gia công nghệ (TISC/IP-HUB) của Cục SHTT, hàng năm nhà trường đều phải báo cáo tình hình hoạt động SHTT của nhà trường cho Mạng lưới [H19.19.03.03]. Đây cũng là cơ hội để nhà trường nhìn lại hoạt động SHTT và công tác quản lý TSTT của nhà trường trong một năm triển khai. Trong báo cáo của nhà trường về hoạt động quản lý TSTT đều khẳng định nhà trường có Quy định về quản lý TSTT được xây dựng bài bản từ sớm, các nội dung cụ thể, rõ ràng, được tư vấn chuyên môn của chuyên gia Cục Sở hữu trí tuệ và được cập nhật định kỳ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSKD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Nhà trường có kế hoạch cải tiến và thực hiện cải tiến công tác quản lý TSTT. Trường ĐHYTCC đã có kế hoạch tổng kết, rà soát công tác đăng ký, bảo hộ và công tác quản lý TSTT của Trường ĐHYTCC và đã thực hiện báo cáo tổng kết, rà soát vào năm 2018, 2020 [H19.19.03.01] [H19.19.03.02]. Nhà trường cũng báo cáo tình hình hoạt động SHTT năm 2019, 2020, 2021 gửi cho Mạng lưới các trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyên gia công nghệ (TISC/IP-HUB) của Cục SHTT [H19.19.03.03]. Từ kết quả báo cáo rà soát, các thuận lợi khó khăn và giải pháp khắc phục đã được nhà trường đưa ra để cải tiến công

tác quản lý TSTT như tăng cường các nghiên cứu kết hợp y tế công cộng với cận lâm sàng, phối hợp với các đơn vị là các bệnh viện để cùng triển khai nghiên cứu, nâng cao năng lực quản lý TSTT cho cán bộ chuyên trách bằng cách tích cực tham gia các buổi tập huấn, cập nhật bổ sung kiến thức về công tác quản lý TSTT của Mạng lưới các Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ (TISC) [H19.19.01.07].

Ít nhất 75% các bên liên quan (được khảo sát) hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của CSGD. Từ năm học 2020-2021, nhà trường đã lấy ý kiến khảo sát sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ KHCN của Trường ĐHYTCC. Đa số khách hàng đều hài lòng về dịch vụ KHCN của nhà trường với số điểm trung bình được đánh giá là 4,52/5. Tuy nhiên, việc khảo sát mới chỉ dừng lại ở công tác quản lý NCKH nói chung chứ chưa đi sâu vào lĩnh vực quản lý TSTT nói riêng. Trong kế hoạch năm học 2021-2022, nhà trường sẽ thực hiện khảo sát đánh giá về công tác quản lý TSTT của nhà trường trong cả giai đoạn 2017-2021. Hiện nay phiếu khảo sát đã được Phòng QLKH&HTPT xây dựng, phiếu đang gửi xin ý kiến nội bộ trong trường và dự kiến sẽ gửi tới các bên liên quan gồm các cán bộ, GV, HV, SV và cán bộ quản lý Mạng lưới TISC vào cuối năm học 2021-2022 [H19.19.04.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Công tác quản lý TSTT được nhà trường đặc biệt chú ý nên trong kỳ đánh giá nhà trường đã áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu bài bản, toàn diện về các sản phẩm là TSTT của cán bộ, GV, HV, SV và ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, quản lý thực hiện bản quyền, giám sát chặt chẽ các hành vi vi phạm TSTT (phần mềm CMC, phần mềm Nam Việt, phần mềm Turnitin).

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Do đặc thù của lĩnh vực YTCC, nên nhà trường có ít sản phẩm đăng ký bảo hộ TSTT, do đó việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan chưa thể thực hiện được hàng năm mà dự kiến triển khai cho cả giai đoạn và sẽ được thực hiện trong năm học 2021-2022.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tích cực tìm kiếm cơ hội tài trợ bên ngoài trường và ưu tiên tài trợ từ kinh phí nhà trường cho các nghiên cứu kết hợp YTCC với cận lâm sàng, xét nghiệm y học để có nhiều sản phẩm mang tính kỹ thuật, có khả năng đăng ký bảo hộ giải pháp hữu ích, sáng chế.	Phòng QLKH&HTPT, Các khoa, Viện, Trung tâm nghiên cứu, Trung tâm xét nghiệm	Năm học 2022-2023	
2		Thực hiện khảo sát đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về công tác quản lý TSTT của trường trong năm học 2021-2022.	Phòng QLKH&HTPT	Năm học 2021-2022	
3	Phát huy điểm mạnh	Tham gia tích cực các hoạt động của Mạng lưới TISC, nhất là tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hội thảo/hội nghị của Mạng lưới để nâng cao năng lực của cán bộ chuyên trách. Đồng thời tận dụng tối đa sự hỗ trợ của Mạng lưới để hoàn hiện các quy định về quản lý TSTT của nhà trường và tư vấn đối với các sản phẩm tiềm năng.	Phòng QLKH&HTPT	Năm học 2022-2023	
4		Tiếp tục hợp tác với Công ty Luật để được tư vấn về khả năng đăng ký bảo hộ của các sản phẩm có	Phòng QLKH&HTPT	Năm học 2022-2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		tiềm năng.			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 19	4,5
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Thiết lập mối quan hệ hợp tác và đối tác, đặc biệt trong công tác nghiên cứu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường ĐHYTCC. *Nhà trường có quy định về việc thiết lập mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu* tại Quy chế tổ chức của Trường ĐHYTCC năm 2016, 2020 [H2.02.01.23] [H1.01.04.01], theo đó quy định cụ thể chức năng của nhà trường về phát triển quan hệ hợp tác trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH). Năm 2018, Trường đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng và đơn vị chức năng thuộc Trường ĐHYTCC quy định rõ chức năng, của phòng Hợp tác quốc tế (HTQT) là thiết lập và duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh phát triển nhà trường trong mọi hoạt động chiến lược; phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ (QLKH&CN) tham mưu cho BGH phát triển hoạt động KH&CN, hợp tác KH&CN trong và ngoài nước [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Năm 2020, nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển (QLKH&HTPT, sát nhập 2 phòng HQT và QLKH&CN) là đơn vị chủ trì

triển khai các hoạt động hợp tác phát triển, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường thúc đẩy hợp tác phát triển trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và dịch vụ [H1.01.04.01].

Nhà trường có chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn phát triển hợp tác đối tác như kế hoạch phát triển chiến lược Trường ĐHYTCC giai đoạn 2018-2023, 2020-2025 trong đó nhấn mạnh việc tăng cường kết nối với các cá nhân, đơn vị trong và ngoài nước để thực hiện các đề tài, dự án NCKH [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Các kế hoạch ngắn hạn về phát triển hợp tác đối tác được xây dựng trong kế hoạch thực hiện mục tiêu chiến lược năm học giai đoạn 2018-2022 cũng quy định cụ thể tăng số lượng đối tác quốc tế từ 19 lên 24 và tăng số lượng đối tác trong nước từ 14 lên 21 đối tác; số chuyên gia hợp tác với trường tăng từ 10 lên 15 (MTCL2, MTCL4) [H18.18.01.04] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. Các chỉ số về phát triển và duy trì đối tác trong và ngoài nước được thể hiện trong kế hoạch công tác theo chỉ tiêu BSC của phòng QLKH&HTPT qua các năm học được xây dựng với các chỉ số cần đạt tương ứng như trên [H1.01.02.04] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] và được phổ biến đến toàn thể cán bộ, GV nhà trường thông qua hệ thống email nội bộ [H20.20.01.01].

Nhà trường có văn bản quy định, cơ chế quản lý, hướng dẫn, phổ biến thực hiện các hoạt động hợp tác NCKH rất bài bản, cụ thể: Quy định và quy trình quản lý khoa học và công nghệ của Trường ĐHYTCC năm 2016, 2018, 2021, trong đó quy định phòng QLKH&HTPT là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị trong trường triển khai các hoạt động hợp tác trong NCKH [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]. Năm 2018, nhà trường đã ban hành quy định hỗ trợ các hoạt động hợp tác, phát triển của trường ĐHYTCC [H20.20.01.02] và năm 2021 ban hành quy định công tác lễ tân, ngoại giao và hoạt động hợp tác phát triển của Trường ĐHYTCC [H8.08.01.04], theo đó phòng QLKH&HTPT có nhiệm vụ tìm kiếm, thúc đẩy và quản lý các hoạt động hợp tác NCKH trong nước và quốc tế; tổ chức các hoạt động ký kết hợp tác với đối tác. Tại các văn bản cũng hướng dẫn các đơn vị phối hợp triển khai nhiệm vụ hợp tác phát triển. Ngoài ra văn bản quy định cơ chế quản lý, hướng dẫn, phổ biến thực hiện các hoạt động hợp tác của nhà trường còn được thể hiện trong quy định tổ chức quản lý đoàn vào, đoàn ra của Trường ĐHYTCC năm 2018, năm 2021 [H8.08.01.01] [H8.08.01.05]. Toàn bộ các văn bản trên đã được thông báo rộng

rãi tới cán bộ, giảng viên thông qua email nội bộ của nhà trường [H20.20.01.03], hay công khai các quy định, quy trình về NCKH và Hợp tác quốc tế trên subweb của phòng QLKH&HTPT [H20.20.01.04].

Nhà trường có các chỉ số (KPIs) rõ ràng để thực hiện chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác trong NCKH, theo đó kế hoạch BSC được duyệt đầu năm học giai đoạn 2018-2022 của phòng QLKH&HTPT đều có các chỉ số về số lượng đề tài, dự án NCKH hợp tác quốc tế được phê duyệt mới (5 đề tài/năm); số lượng đề tài KH&CN trong nước (2-5 đề tài/năm); số hội nghị, hội thảo quốc tế, quốc gia, liên đơn vị (1-3 hội thảo/năm) [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] ; xúc tiến quan hệ hợp tác với các đơn vị trong và ngoài trường để mở rộng đối tác trong nước mới ký kết MOU trong năm học: tối thiểu 10 lần; thúc đẩy, giám sát, báo cáo hoạt động hợp tác (đào tạo, NCKH, cung cấp dịch vụ) với các đối tác cũ trong nước đã ký MOU 2 lần/năm [H8.08.02.02] [H8.08.02.03]. Trong kế hoạch mục tiêu chiến lược năm học giai đoạn 2020-2022 (MTCL4: Gắn kết Phát triển) có nêu rõ số lượng đối tác mới ký MOU trong năm học cần đạt 6 MOU/năm, số lượng đối tác cũ đã ký MOU và có hoạt động hợp tác đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ trong năm cần đạt 12 đối tác [H18.18.01.04] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. MTCL2 cũng có chỉ số đảm bảo sự hài lòng của các đối tác để qua đó không ngừng tăng cường hợp tác trong NCKH, cụ thể sự hài lòng của các đối tác tăng từ 4,0 vào năm 2020 lên 4,2 (trên thang điểm tối đa 5,0) vào năm 2025 [H18.18.01.04] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. Từ năm học 2019-2020, nhà trường cũng ban hành bộ chỉ số đảm bảo chất lượng quản lý KH&CN (IQA), bên cạnh các chỉ số đã đăng ký trong kế hoạch BSC ở trên còn có chỉ số về số số lượng đối tác NCKH quốc tế của nhà trường cần đạt là 21-24 đối tác và số lượng đối tác NCKH trong nước là 14-19 đối tác, số chuyên gia ngoài trường affiliate với trường là 10-15 [H9.09.01.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Trong giai đoạn 2017-2022, nhà trường đã triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu thông qua kế hoạch thực hiện MTCL năm học, kế hoạch KH&CN năm học [H20.20.01.01]. Trong 5 năm qua *nhà trường đã triển khai được rất nhiều hoạt động hợp tác NCKH quan trọng vượt kế hoạch và các chỉ tiêu đã được xây dựng*. Về xây dựng mối quan hệ với đối tác trong nghiên cứu, nhà trường đã có mối quan hệ hợp tác về NCKH với các trường đại học, viện nghiên cứu, các công ty và tổ chức trong và ngoài nước thông qua việc ký kết 17 hợp đồng nguyên tắc đối với các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục [H8.08.02.01] [H8.08.02.02], gần 20 biên bản ghi nhớ với các đối tác quốc tế uy tín [H8.08.02.03] như: Chunnam Techno University, Tokyo University; Queen’s University of Belfast; National Yangming University; George Washington University,... và 15 biên bản ghi nhớ với các đối tác trong nước như: Bệnh viện Tim Hà Nội; Bệnh viện Nhi Trung ương; Bệnh viện Bạch Mai; Bệnh viện Phụ sản Trung ương... Về thực hiện các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu: trong 5 năm qua, Trường ĐHYTCC đã phối hợp triển khai khoảng 120 đề tài, dự án hợp tác trong nước và quốc tế [H8.08.02.11], một số dự án NCKH tiêu biểu hợp tác với các đối tác quốc tế đã và đang triển khai trong 5 năm qua gồm: phối hợp với Cục phòng chống HIV/AIDS- Bộ Y tế triển khai dự án “Thúc đẩy quản lý nguồn nhân lực trong phòng, chống HIV/AIDS để đạt được mục tiêu 90-90-90”; Phối hợp với Đại học Leeds triển khai nghiên cứu “Tăng cường đáp ứng của hệ thống y tế với nhóm đối tượng dễ bị tổn thương tại Việt Nam và Ghana”; phối hợp với trường Đại học Queen’s University Belfast – Vương quốc Anh triển khai dự án “Tăng cường khả năng thích ứng Y tế công cộng tại Việt Nam: Xây dựng mô hình cảnh báo sớm ứng dụng Trí tuệ nhân tạo”; hợp tác với Hội đồng Nghiên cứu Y khoa (MRC) – Vương quốc Anh thực hiện dự án “Điều tra về công bằng đô thị”; hợp tác với Đại học Kyoto- Nhật Bản triển khai nghiên cứu sức khỏe tâm thần của điều dưỡng ở bệnh viện; phối hợp với các trường đại học trong mạng lưới Một sức khỏe triển khai dự án “Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực Một sức khỏe cho thế hệ tương lai” do tổ chức USAID tài trợ,... [H8.08.02.11]. Những dự án, đề tài nghiên cứu này đã mang lại nhiều lợi ích cho

nhà trường, mở rộng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong nước và quốc tế, nâng cao năng lực cho giảng viên, học viên, sinh viên nhà trường, cung cấp bằng chứng hoạch định nhiều chính sách quan trọng của ngành Y tế cũng như góp phần chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Nhà trường cũng đã phối hợp với các đối tác tổ chức hơn 20 hội thảo, hội nghị quan trọng, quy mô lớn và các khóa tập huấn về phương pháp nghiên cứu khoa học, và xuất bản bài báo quốc tế [H8.08.02.12] [H8.08.02.13], một số hội thảo quốc tế tiêu biểu như: hội thảo “Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong khoa học sức khỏe ngày 20-21/1/2021” phối hợp với Hội đồng Anh và Trường Đại học Queen’s Belfast-Vương quốc Anh; hội thảo “Thích ứng với Biến đổi khí hậu ngày 20-23/12/2020” với sự tham gia của đại diện Bộ Y tế, đại diện các ban ngành liên quan và các chuyên gia đến từ Anh, Mỹ, Australia, Việt Nam; hội thảo “Đánh giá giữa kỳ Chương trình Phòng chống đuối nước Việt Nam giai đoạn 2018-2023”; hội thảo “Mạng lưới nghiên cứu tai nạn thương tích (Trauma and Injury Network)”... Nhà trường cũng đã phối hợp với các chuyên gia, đơn vị đối tác hợp tác trong nước tổ chức các hội thảo quốc gia, liên đơn vị [H20.20.02.01] như: hội thảo khoa học quốc gia “Công tác xã hội trong y tế: Hướng tới hiệu quả và công bằng, ngày 29/10/2020”, các hội thảo về: Phương pháp viết và xuất bản bài báo quốc tế, Phương pháp nghiên cứu can thiệp, Phương pháp nghiên cứu định tính, Kỹ thuật chọn mẫu và cỡ mẫu... Các hội nghị/ hội thảo, tập huấn với các chủ đề quan trọng, thời sự đã thu hút sự quan tâm đông đảo của các đại biểu là các GV, HV, SV trong và ngoài trường và các đơn vị/tổ chức là đối tác hợp tác của Trường, qua đó tăng cường mối quan hệ hợp tác NCKH giữa nhà trường với các đơn vị đối tác trong nước và quốc tế. Nhà trường cũng phối hợp với các đối tác trong nước để đăng tải các công trình khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế: phối hợp với Bệnh viện Phụ sản Hà Nội xuất bản thành công số báo đặc biệt về chủ đề Women’s Health Issue trên tạp chí Health Care for Women International (năm học 2017-2018); phối hợp với Bệnh viện K xuất bản bài báo quốc tế trên tạp chí Cancer Control (năm học 2018-2019); phối hợp với Viện Tâm lý xuất bản bài báo quốc tế trên tạp chí Health Psychology Open (năm học 2019-2020, 2020-2021) [H8.08.02.11]; phối hợp với Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, CDC Hà nội...

để thực hiện các nghiên cứu, xuất bản sách, bài báo khoa học trên các tập san khoa học trong nước và quốc tế [H18.18.02.16]. Các hoạt động hợp tác với đối tác trong nghiên cứu được truyền thông rộng rãi thông qua các kênh truyền thông của nhà trường [H20.20.02.02].

Nhà trường thực hiện việc hợp tác có chọn lọc, lấy chất lượng làm yếu tố quyết định. Việc hợp tác được thực hiện dựa trên việc lựa chọn các đối tác chiến lược phù hợp với tầm nhìn sứ mạng phát triển của nhà trường. Trong giai đoạn 2017-2022, nhà trường đã tích cực mở rộng quan hệ hợp tác NCKH có chọn lọc và trọng tâm với các đối tác trong nước và ngoài nước, bao gồm các trường đại học lớn ở nước ngoài (ví dụ Đại học Queen's University Belfast và Đại học Lead- Vương quốc Anh, Đại học Kyoto Nhật Bản...), các đối tác quan trọng trong nước, ví dụ CDC các tỉnh (ví dụ CDC Hà Nội, Đồng Tháp), các bệnh viện lớn tuyến trung ương (Bệnh viện K, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Bạch Mai, Viện Huyết học và Truyền máu Trung ương...) [H8.08.01.07] [H8.08.01.06]. Ngoài việc tiếp tục phát huy hợp tác với các đối tác truyền thống, nhà trường đã ký kết 17 hợp đồng nguyên tắc đối với các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục [H8.08.02.01], 19 biên bản ghi nhớ với các đối tác quốc tế [H8.08.02.03] và 15 biên bản ghi nhớ với các đối tác trong nước [H8.08.02.02] để phát triển hợp tác toàn diện trong đó có hợp tác chiến lược về NCKH.

Để đạt được kết quả như trên, **nhà trường có nhiều hoạt động thúc đẩy quan hệ hợp tác và đa dạng các hình thức hợp tác từ đào tạo đến nghiên cứu khoa học.** Trong giai đoạn 2017-2022, nhà trường đã tích cực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế thông qua việc ký kết 17 hợp đồng nguyên tắc đối với các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục, 19 biên bản ghi nhớ, trên 50 thỏa thuận hợp tác, hợp đồng với các đối tác nước ngoài có trụ sở trong và ngoài nước được thể hiện thông qua báo cáo tình hình hợp tác phát triển hàng năm và kế hoạch hợp tác năm học giai đoạn 2017-2022 [H20.20.02.03]. Nhiều hoạt động hợp tác được triển khai như công bố chung 19 bài báo quốc tế [H18.18.02.16]; đồng tổ chức trên 20 hội nghị/hội thảo, tập huấn về phương pháp NCKH [H20.20.02.01] và các hoạt động trao đổi sinh viên.

Hàng năm, *Nhà trường có ưu tiên đầu tư đầy đủ kinh phí cho việc phát triển mở rộng hợp tác* được phê duyệt thông qua dự toán kinh phí hoạt động của phòng QLKH&HTPT, trong đó có dự toán kinh phí cho các hoạt động hợp tác phát triển [H7.07.01.11] [H7.07.01.12] [H7.07.01.13] [H7.07.01.14], cụ thể: kinh phí chi cho các hoạt động phối hợp nghiên cứu đề tài/dự án trong nước và quốc tế cũng như thưởng cho các đề tài/dự án mới được phê duyệt các năm học giai đoạn 2017-2022 là 1.116.000.000đ [H8.08.02.11]; kinh phí phối hợp tổ chức các hội nghị hội thảo trong 5 năm giai đoạn 2017-2022 [H18.18.02.23] là 348.200.000đ; kinh phí thưởng cho các giảng viên nhà trường có các bài báo quốc tế được xuất bản kết hợp với các chuyên gia ngoài trường trong 5 năm từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 [H20.20.02.04] gần 4.115.000.000 đ...

Giai đoạn 2017-2022, *nhà trường có các hoạt động hợp tác đem lại hiệu quả về NCKH*: 120 đề tài, dự án hợp tác trong nước và ngoài nước được triển khai [H8.08.02.11]; 4 special issues được xuất bản chung với 20 bài báo quốc tế được xuất bản thành công [H18.18.02.16]; phối hợp tổ chức trên 20 hội thảo, hội nghị, tập huấn NCKH [H20.20.02.01]; 295 lượt giảng viên, chuyên viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước, học tập ngắn hạn và trao đổi chuyên môn tại các trường đại học, bệnh viện nhằm nâng cao năng lực và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng tiên tiến để áp dụng tại trường sau khi hoàn thành khóa học [H8.08.02.07]. Bên cạnh đó, từ năm 2017 đến nay, có gần 70 lượt giảng viên được tham dự hội nghị, hội thảo, được cấp học bổng toàn phần hoặc bán phần tại nước ngoài các chương trình sau đại học, tiến sĩ tại các trường đại học đối tác ở các nước như Anh, Úc, Bỉ, Hà Lan, Mỹ... [H8.08.02.08]; gần 180 giảng viên, chuyên gia nước ngoài tại các nước như: Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... cũng đã đến làm việc tại trường tham dự hội thảo trao đổi chuyên môn, phối hợp triển khai dự án, hoặc tổ chức bài giảng [H8.08.02.09]; 249 sinh viên Thụy Điển đã được tham quan, thực tập ngắn hạn trong vòng 2 tuần qua khóa học Sức khỏe toàn cầu đồng tổ chức bởi Đại học Uppsala - Thụy Điển và trường ĐHYTCC [H8.08.02.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Nhà trường có bộ phận và quy trình rà soát tính hiệu quả của hợp tác NCKH, cụ thể nhà trường giao cho phòng Hợp tác quốc tế (nay là phòng QLKH&HTPT) có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hợp tác phát triển với đối tác; tích cực tìm kiếm các đối tác tiềm năng, duy trì các đối tác truyền thống và giao cho phòng QLKH&CN (nay là phòng QLKH&HTPT) xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác NCKH cũng như rà soát tình hiệu quả của các hoạt động hợp tác trong NCKH [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02].

Việc rà soát tính hiệu quả của hợp tác NCKH được quy định cụ thể trong quy định về quản lý hoạt động KH&CN của giảng viên nhà trường ban hành qua các năm 2016, 2018 và 2021 [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08], theo đó, hàng năm phòng QLKH&HTPT có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị tổ chức hội nghị tổng kết KH&CN, định hướng triển khai năm học mới. Báo cáo tổng kết hiệu quả hợp tác trong hoạt động KH&CN là một nội dung quan trọng của Hội nghị thể hiện được kết quả các hoạt động KH&CN trong năm học (trong đó có hiệu quả hoạt động hợp tác với đối tác về NCKH) và đề xuất, khuyến nghị cho các hoạt động KH&CN năm tới. Đây là một căn cứ quan trọng để điều chỉnh kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm học mới. Rà soát tính hiệu quả của hợp tác NCKH được hoạch định trong kế hoạch BSC hàng năm, trong đó có các chỉ số như: tổng kinh phí thu từ các đề tài, dự án KH&CN trong nước và quốc tế tăng từ 7,5 tỷ năm học 2020-2021 lên 14 tỷ năm học 2021-2022; số lượng đề tài /dự án HTQT mới được phê duyệt là 5 đề tài/ dự án/ năm học; số lượng đề tài NCKH trong nước được duyệt mới tăng từ 2 lên 5 đề tài / năm học; tổ chức ít nhất 1-2 hội thảo/hội nghị khoa học quốc tế, quốc gia, liên đơn vị/ năm học [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Trong kế hoạch mục tiêu chiến lược năm học giai đoạn 2020-2022 (MTCL 4: Gắn kết và Phát triển) có nêu rõ 2 chỉ tiêu về số lượng đối tác mới ký MOU trong năm học và số lượng đối tác cũ đã ký MOU có các hoạt động hợp tác [H18.18.01.05] [H1.01.02.04], cụ thể số lượng đối tác mới ký MOU trong năm học cần đạt 6 đối tác/năm và số lượng đối tác đã ký MOU và có hoạt động hợp tác (đào tạo, NCKH,

cung cấp dịch vụ) trong năm học tối thiểu là 12 đối tác/năm [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. Ngoài ra, trong bộ chỉ số quản lý KH&CN (IQA) đầu năm học giai đoạn 2020-2022 có các chỉ số cụ thể để rà soát tính hiệu quả của hợp tác NCKH như: số lượng đối tác quốc tế cần đạt là 21, đối tác trong nước là 14, số chuyên gia hợp tác với trường là 10 [H9.09.01.07].

Hàng năm, nhà trường có **tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các quan hệ hợp tác**. Đối với các hoạt động hợp tác triển khai đề tài/dự án NCKH, hàng năm có yêu cầu báo cáo tiến độ định kỳ 6 tháng/lần hoặc theo yêu cầu cụ thể của đối tác [H20.20.03.01]. Kết thúc năm học, tất cả các hoạt động hợp tác đều được báo cáo cụ thể trong báo cáo tổng kết hoạt động cuối năm học [H2.02.03.04]; Báo cáo tình hình hợp tác phát triển hàng năm và kế hoạch hợp tác năm học tới [H20.20.02.03]; Biên bản họp tổng kết, đánh giá quá trình hợp tác với các đơn vị [H20.20.03.02]. Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá hiệu quả của các quan hệ hợp tác đang được thực hiện từ phía nhà trường, chưa có lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

Nhà trường có thực hiện rà soát tính hiệu quả và nguồn lực hoạt động hợp tác mang lại thông qua báo cáo tình hình hợp tác phát triển hàng năm và kế hoạch hợp tác năm học tới từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 [H20.20.02.03] và biên bản họp tổng kết, đánh giá quá trình hợp tác với các đơn vị [H20.20.03.02]. Việc rà soát, đánh giá hiệu quả và nguồn lực hoạt động hợp tác mang lại thông qua kết quả thực hiện BSC được báo cáo theo quý (3 tháng 1 lần) để Hiệu trưởng/ Phó hiệu trưởng phụ trách báo cáo với Hội đồng Trường theo Quy chế hoạt động của Hội đồng Trường. Bên cạnh đó, các biên bản ghi nhớ hợp tác trong nước và nước ngoài với các đối tác và hoạt động hợp tác đối ngoại của Trường ĐHYTCC [H8.08.02.02] [H8.08.02.03], các hợp đồng nguyên tắc với các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục [H8.08.02.01] cũng được rà soát định kỳ hàng năm nhằm đưa ra những giải pháp thúc đẩy các hoạt động từ các ký kết hợp tác này. Ngoài ra, dựa trên hiệu quả công việc của các hoạt động trao đổi hợp tác, nhà trường xác định các đối tác trọng tâm tiềm năng để tập trung đầu tư và mở rộng mạng lưới quan hệ đối tác như: Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Phụ sản Trung ương, Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội, Đại học Queen's University Belfast – Vương quốc Anh, Đại học Tokyo – Nhật Bản. Việc rà soát, đánh giá hiệu quả và nguồn lực hoạt

động hợp tác mang lại được thể hiện qua các báo cáo đánh giá việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, đánh giá những kết quả đạt được trong hoạt động hợp tác đối ngoại của nhà trường và đề xuất phương hướng cho các hoạt động tiếp theo, giúp cho hoạt động quản lý đối ngoại dễ dàng đánh giá được các chỉ tiêu nào có thể hoàn thành theo kế hoạch, chỉ tiêu hoạt động nào cần đẩy nhanh tiến độ hay cần đặc biệt chú trọng triển khai, từ đó nhà trường có những rà soát, điều chỉnh phù hợp để đạt được chỉ tiêu chung vào cuối năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Nhà trường đã thực hiện nhiều hoạt động để cải thiện quan hệ hợp tác. Trước hết đó là việc đánh giá, so sánh với chỉ tiêu hợp tác định kỳ theo quý, giữa năm và cuối năm học để kịp thời điều chỉnh và có biện pháp cải thiện để đạt được mục tiêu đề ra thông qua báo cáo triển khai và kết quả BSC của phòng QLKH&HTPT [H18.18.01.29]. Ngoài ra, trong báo cáo kết quả thực hiện bộ chỉ số quản lý KH&CN (IQA) của phòng QLKH&HTPT các năm học giai đoạn 2019-2022, chỉ số về các đối tác hợp tác cũng được báo cáo định kỳ 6 tháng/lần để rà soát kết quả thực hiện, đồng thời đề xuất khuyến nghị cải tiến hoạt động, ví dụ số lượng đối tác quốc tế cần đạt trong năm học 2019-2020 là 19, được đề xuất tăng lên 20 vào giai đoạn 2020-2022; đối tác trong nước cần đạt năm học 2019-2020 là 14 tăng lên được đề xuất tăng lên 19 giai đoạn 2020-2022 [H9.09.03.05]. Việc cải thiện quan hệ hợp tác còn được đề xuất trong báo cáo tình hình hợp tác phát triển hàng năm và kế hoạch hợp tác theo năm học giai đoạn 2017-2022 với các giải pháp cụ thể [H20.20.02.03]. Bên cạnh đó, nhà trường đã tổ chức các cuộc họp rà soát kết quả hợp tác với các đối tác và đề xuất các hoạt động phối hợp triển khai tiếp theo để tăng cường kết nối, phối hợp giữa các bên. Các giải pháp cải thiện, tăng cường hợp tác được ghi trong biên bản tổng kết, đánh giá quá trình hợp tác với các đơn vị [H20.20.03.02].

Nhà trường có các hoạt động hợp tác đem lại hiệu quả về NCKH. Cụ thể, qua quá trình hợp tác với các đối tác trong 5 năm vừa qua đã có 120 đề tài, dự án NCKH của nhà trường nhận được tài trợ hoặc là phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước

[H8.08.02.11]; nhà trường đã phối hợp với các tổ chức/đơn vị công bố các kết quả nghiên cứu thông qua 4 tập san quốc tế với 19 bài báo quốc tế được xuất bản thành công [H18.18.02.16]; Trường đã đồng tổ chức với các đối tác trên 20 hội nghị, hội thảo, tập huấn phương pháp NCKH [H20.20.02.01]. Cùng với đó, thông qua hợp tác trong triển khai các nghiên cứu, đã có hàng trăm lượt GV đã được tham gia các hội nghị hội thảo trong và ngoài nước để chia sẻ kết quả nghiên cứu từ các dự án, nghiên cứu hợp tác với các đơn vị [H8.08.02.07] [H8.08.02.08]. Đã có gần 180 GV, chuyên gia nước ngoài tại các nước như: Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... cũng đã đến làm việc tại trường tham dự hội thảo trao đổi chuyên môn, phối hợp triển khai dự án, hoặc tổ chức bài giảng [H8.08.02.09]. Đây là kết quả của quá trình hợp tác của nhà trường với các đối tác trong và ngoài nước, đã đem hiệu quả về NCKH rất rõ ràng với nhà trường đó là số lượng đề tài/dự án hợp tác tăng lên giúp tăng nguồn thu cho nhà trường; giúp nâng cao năng lực cho giảng viên, học viên, sinh viên nhà trường; giúp cung cấp bằng chứng hoạch định nhiều chính sách quan trọng của ngành Y tế cũng như góp phần chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Kết quả các hoạt động hợp tác đáp ứng tốt các mục tiêu nghiên cứu của nhà trường như: tăng số lượng đối tác hàng năm (đến năm 2017, Trường ĐHYTCC có 12 đối tác trong nước, 10 đối tác nước ngoài được ký kết; đến năm 2021, Trường ĐHYTCC đã có 23 đối tác trong nước, 27 đối tác quốc tế được ký kết hợp tác) [H8.08.02.02] [H8.08.02.03]; tăng số lượng đề tài, dự án hợp tác NCKH trong và ngoài nước (đến năm 2017, nhà trường có khoảng 50 đề tài, dự án hợp tác trong nước và quốc tế, đến năm 2021, là 120 đề tài, dự án hợp tác trong nước, quốc tế được thực hiện); tăng số lượng các xuất bản quốc tế (năm học 2018-2019 là 76 bài báo, tăng lên 97 bài báo năm học 2019-2020, và 122 bài báo được xuất bản trong năm học 2021-2022). Các kết quả hoạt động hợp tác này đã đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu của nhà trường, góp phần tăng thương hiệu và uy tín về lĩnh vực NCKH của Nhà trường ở trong nước, khu vực và quốc tế (đứng thứ 6 trong bảng xếp hạng tổng thể các chỉ số nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học và đứng thứ 2 số bài báo trung bình/giảng viên giai đoạn 2015-2019) [H2.02.03.04] [H18.18.01.29] [H9.09.03.05] [H8.08.03.01] [H18.18.03.03] [H18.18.03.04].

Hiệu quả của các hoạt động hợp tác làm gia tăng nhân lực, tài lực của nhà trường.

Thông qua các hoạt động hợp tác, đội ngũ cán bộ, GV của nhà trường không những có cơ hội được đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở các nước tiên tiến mà còn được thực hiện, thực hành để nâng cao kỹ năng cũng như kiến thức thực tiễn qua triển khai các đề tài, dự án, các case study trong bệnh viện... Trong giai đoạn 2017-2022, đã có gần 70 lượt giảng viên được tham dự hội nghị, hội thảo, được cấp học bổng toàn phần hoặc bán phần tại nước ngoài các chương trình sau đại học, tiến sĩ tại các trường đại học đối tác ở các nước như Anh, Úc, Bỉ, Hà Lan, Mỹ... Cùng với đó là 195 lượt cán bộ giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước, học tập ngắn hạn và trao đổi chuyên môn tại các trường đại học, bệnh viện [H8.08.02.07] [H8.08.02.08]. Cũng từ kết quả hợp tác với các đối tác, trong 5 năm qua đã có gần 180 chuyên gia từ tổ chức/đơn vị trong và ngoài nước đã cùng phối hợp trao đổi chuyên môn, triển khai dự án, cùng tham gia giảng dạy với nhà trường. Họ đều là các chuyên gia đầu ngành, nhiều kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, đã góp phần đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, GV nhà trường, nhất là các cán bộ trẻ. [H8.08.02.09]. Ngoài ra, hoạt động hợp tác trong NCKH cũng góp phần tăng nguồn thu cho hoạt động NCKH nói riêng và nguồn thu ngoài ngân sách của nhà trường nói chung, cụ thể tổng thu từ các hoạt động NCKH năm 2020-2021 là 49.294.000.000đ và 26.252.000.000đ tính đến hết quý II năm học 2021-2022 [H18.18.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Trong 5 năm qua, nhà trường đã triển khai được nhiều hoạt động hợp tác trong NCKH với các đối tác uy tín trong và ngoài nước như: đồng triển khai nghiên cứu đề tài/dự án quan trọng, quy mô toàn quốc, tổ chức các hội nghị/ hội thảo/ tập huấn quy mô quốc tế, toàn quốc, liên đơn vị về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành y tế công cộng, khoa học sức khỏe, về phương pháp NCKH và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Việc hợp tác mang lại hiệu quả về NCKH, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ giảng viên, cung cấp các bằng chứng cho hoạch định nhiều chính sách y tế

quan trọng tại Việt Nam cũng như tăng cường uy tín và thương hiệu về NCKH của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của các tổ chức liên quan để đánh giá hiệu quả của các quan hệ hợp tác.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Hoàn thiện các chỉ số đánh giá hiệu quả các mối quan hệ hợp tác - Tổ chức triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan	Phòng QLKH&HTPT	Bắt đầu từ tháng 8/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức thêm nhiều hoạt động hợp tác NCKH trong lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường	Các khoa/đơn vị	Tháng 3-7/2022 và các năm học tiếp theo.	Phòng QLKH&HTPT phối hợp

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	5
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	5
Tiêu chí 20.3	5
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (PVCD) được Trường Đại học Y tế công cộng (ĐHYTCC) khẳng định trong *sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi*, theo đó Trường ĐHYTCC là cơ sở giáo dục có uy tín đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học- công nghệ, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, qua đó có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội [H21.21.01.01].

Bên cạnh đó, Trường ĐHYTCC có các chính sách và kế hoạch kết nối, PVCD được hoạch định theo từng giai đoạn thông qua KHCL phát triển tổng thể Trường ĐHYTCC giai đoạn 2013-2020 [H4.04.01.02], KHCL phát triển Trường ĐHYCC giai đoạn 2018-2023 [H1.01.03.01], giai đoạn 2020-2025 [H1.01.01.01], kế hoạch kết nối và PVCD được thể hiện thông qua mục tiêu đào tạo, NCKH, cung cấp dịch vụ và gắn kết phát triển, cụ thể: đổi mới, mở rộng các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH có tính ứng dụng cao đối với nhu cầu xã hội, cung cấp dịch vụ có uy tín đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của khách hàng tới tư vấn, khám chữa bệnh, xét nghiệm...; tăng cường gắn kết và hợp tác phát triển với các đơn vị trong và ngoài nước để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo phục vụ cộng đồng, ứng dụng chuyển giao công nghệ cho các sản phẩm NCKH và các hoạt động dịch vụ phục vụ cộng đồng.

Căn cứ vào Kế hoạch chiến lược tổng thể các giai đoạn, kế hoạch kết nối và PVCD của Trường ĐHYTCC được xây dựng cụ thể hàng năm thông qua kế hoạch mục tiêu chiến lược các năm học giai đoạn 2018-2022 [H4.04.01.07], [H4.04.01.08], [H1.01.02.01] [H1.01.02.02]; [H18.18.01.05]; [H1.01.02.04]; Kế hoạch BSC năm học từ năm 2018-2022 của các đơn vị [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04], theo đó có phân công cụ thể các đơn vị chịu trách nhiệm triển khai và các đơn vị phối hợp thực hiện nhiệm vụ, bao gồm cả kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và đầu ra.

Nhà trường đã ban hành ***Quy định về tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng*** theo quyết định số 1978/QĐ-ĐHYTCC ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng [H21.21.01.02]. Theo đó có quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, đoàn thể trực thuộc, cán bộ, viên chức, người lao động, người học của Trường ĐHYTCC và các bên liên quan đến hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường. Hàng năm các đơn vị sẽ xây dựng các hoạt động kết nối và PVCĐ lồng ghép trong kế hoạch BSC của đơn vị gắn liền với kế hoạch mục tiêu chiến lược năm học của Nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động theo lĩnh vực chuyên môn. Tuy nhiên, các kế hoạch hoạt động kết nối và PVCĐ chưa được xây dựng độc lập và giao trách nhiệm thực hiện cho đơn vị và cá nhân cụ thể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường được triển khai gồm kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn, kế hoạch mục tiêu chiến lược theo năm học và kế hoạch BSC các đơn vị hàng năm. Trong giai đoạn 2017-2022, Trường ĐHYTCC đã triển khai rất nhiều hoạt động đa dạng, ý nghĩa để kết nối và PVCĐ, cụ thể:

Về công tác đào tạo: xây dựng mới các chương trình đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội để PVCĐ luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu. Năm 2017, Nhà trường mở mã ngành mới Xét nghiệm Y học trình độ đại học [H21.21.02.01]; năm 2019, mở mã ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường [H21.21.02.02], Kỹ thuật Phục hồi Chức năng [H21.21.02.03] trình độ đại học và năm 2021, Nhà trường đã tiên phong xây dựng đề án mở mã ngành cử nhân chính quy Khoa học dữ liệu (định hướng y tế) [H21.21.02.04]. Đây là nguồn cung cấp nhân lực y tế chất lượng cao góp phần thực hiện sứ mạng của Nhà trường và sự phát triển của đất nước. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã tổ chức 43 lớp đào tạo ngắn hạn dành cho cộng đồng và các bên liên quan có nhu cầu [H21.21.02.05] như: các lớp ngắn hạn về quản lý- lãnh đạo, các khóa học liên quan đến bệnh viện, phương pháp

nghiên cứu, dinh dưỡng VSATTP, sức khỏe môi trường- nghề nghiệp,... nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức cho cán bộ trong ngành y tế [H21.21.02.06], [H21.21.02.07], [H21.21.02.08], [H21.21.02.09], [H21.21.02.10], [H21.21.02.11], [H21.21.02.12].

Về lĩnh vực Khoa học và Công nghệ PVCĐ, trong 5 năm qua, Nhà trường đã thực hiện được 16 đề tài NCKH theo đặt hàng của các địa phương [H18.18.02.05]. Một số kết quả nghiên cứu đề tài cấp Nhà nước được áp dụng tại các địa phương như: Quy trình chẩn đoán sớm và can thiệp sớm rối loạn tự kỷ ở trẻ em ở cộng đồng [H21.21.02.13], áp dụng tại Phòng can thiệp sớm cho trẻ em tự kỷ tại Bệnh viện Nhi Thái Bình và BVĐK Hòa Bình năm 2019 [H21.21.02.14]; ứng dụng kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tạo sản phẩm hàng hóa gồm nguyên liệu làm thuốc và thực phẩm chức năng từ dược liệu bản địa [H21.21.02.15]; ứng dụng một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý người lao động cũng như nâng cao năng lực nghề nghiệp và tính bền vững về đời sống kinh tế văn hóa xã hội, sức khỏe cho người lao động sau khi đi xuất khẩu lao động trở về tại tỉnh Đồng Tháp.

Trong giai đoạn 2017-2022, Trường ĐHYTCC cũng đã tổ chức được 4 hội thảo khoa học chia sẻ kết quả đề tài KH&CN với địa phương nhằm phổ biến kết quả nghiên cứu và khả năng ứng dụng nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao SKCĐ tại địa phương như: Hội thảo “Những giải pháp cơ bản và cấp bách về chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay” [H21.21.02.16]; “Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, phương pháp chẩn đoán và can thiệp sớm rối loạn tự kỷ ở trẻ em tại cộng đồng” [H21.21.02.17]; “Nghiên cứu thực trạng táo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn tỉnh Lai Châu” [H21.21.02.18]; “Nghiên cứu thực trạng đào tạo và sử dụng nhân lực y tế theo chế độ cử tuyển và theo địa chỉ tại Việt Nam” [H21.21.02.19].

Về công tác tư vấn, khám chữa bệnh PVCĐ, năm 2021, Nhà trường đã tổ chức Chương trình kết hợp cùng bệnh viện Bạch Mai khám bệnh, tư vấn miễn phí sức khỏe cho người dân phường Đức Thắng và Đông Ngạc trong độ tuổi từ 50-65 [H21.21.02.20]. Năm 2019, 2020, Nhà trường phối hợp với Bệnh viện Nhi trung ương tổ chức các Chương trình khám sức khỏe và sàng lọc bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn phường Đức Thắng và Đông Ngạc [H21.21.02.21]. Hàng năm, Trường ĐHYTCC đã tổ chức các chương

trình khám, tư vấn bệnh miễn phí cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người cao tuổi của phường Đức Thắng [H21.21.02.22], [H21.21.02.23], [H21.21.02.24]. Năm 2021, trước diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, Nhà trường đã cử nhiều đoàn công tác gồm cán bộ, sinh viên, kỹ thuật viên lấy mẫu, phân tích mẫu, phòng chống dịch tại các địa phương như tại Hải Dương [H21.21.02.25], 04 đợt tại Bắc Giang [H21.21.02.26], [H21.21.02.27], [H21.21.02.28], [H21.21.02.29]; 01 đợt tại Bắc Ninh [H21.21.02.30]; 1 đợt tại TP Hồ Chí Minh [H21.21.02.31] và Hà Nội; hỗ trợ lấy mẫu và phân tích xét nghiệm SARS-CoV-2 phục vụ đại biểu Quốc hội khóa XIV, XV, cán bộ Cục Công nghệ- Thông tin- BYT [H21.21.02.32], [H21.21.02.33], [H21.21.02.34]; tham gia hỗ trợ tiêm chủng vaccine phòng COVID-19 cho người dân trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm.

Hàng năm, BCH Công đoàn Trường đã tổ chức nhiều hoạt động gắn kết với cộng đồng như: hiến máu nhân đạo; khám, phát thuốc và tặng quà cho gia đình chính sách tại huyện Chi Lăng, Lạng Sơn (năm 2019); Tổ chức hội chợ HUPH fair (năm 2020) nhằm gây quỹ ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung; HUPH fair (năm 2021) gây quỹ cho hoạt động tình nguyện Đông ấm với tổng số tiền quyên góp được là 42 triệu đồng; hoạt động quyên góp từ thiện ủng hộ đồng bào Miền Trung lũ lụt năm 2021 với tổng số tiền quyên góp là 105.523.000đ [H21.21.02.35]. Đoàn thanh niên trong 5 năm qua cũng đã tích cực tổ chức, tham gia các hoạt động kết nối PVCĐ như: thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng; phối hợp với BV Nhi Trung ương tổ chức khám chữa bệnh, phát thuốc miễn phí và tư vấn dinh dưỡng cho 300 người dân xã Xuân La, huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn (năm 2018) [H21.21.02.36]; tại xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (năm 2019) [H21.21.02.37]; giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách; khám bệnh cấp thuốc miễn phí; tham gia chương trình hiến máu tình nguyện Khát vọng IV (2018), V (2019); tổ chức điểm hiến máu “Xuân yêu thương”; tổ chức chương trình thanh niên tình nguyện vì cộng đồng tại Chi Lăng, Lạng Sơn; Mùa hè thanh niên tình nguyện năm 2020...[H21.21.02.38], [H21.21.02.39]; lựa chọn sinh viên tham gia các đoàn công tác phòng chống dịch tại Bắc Giang [H21.21.02.27], [H21.21.02.28], [H21.21.02.29], Bắc Ninh [H21.21.02.30], TP Hồ Chí Minh [H21.21.02.31] và Hà Nội [H21.21.02.35]. Các hoạt động kết nối, PVCĐ của Nhà trường cũng được tăng cường qua các kênh truyền thông

xã hội [H21.21.02.40].

Giai đoạn 2017-2022, các hoạt động kết nối và PVCĐ tuân thủ quy định về tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ ban hành theo quyết định số số 1978/QĐ-ĐHYTCC ngày 12/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng [H21.21.01.02]. Tuy nhiên, trong quy định hiện hành chưa có đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, điều phối tổ chức các hoạt động và báo cáo đánh giá. Các hoạt động kết nối và PVCĐ đang thực hiện gắn với các hoạt động chuyên môn của các đơn vị liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các hoạt động kết nối và PVCĐ, các đơn vị luôn bám sát kế hoạch chiến lược các giai đoạn cũng như kế hoạch BSC năm học của các đơn vị, và đạt được nhiều kết quả tích cực góp phần xây dựng hình ảnh, vị thế, uy tín của Nhà trường, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, BVSX nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.3 Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Trường ĐHYTCC đã xây dựng hệ thống đo lường kết quả các hoạt động trong đó có hoạt động kết nối và PVCĐ, trong KHCL phát triển Trường ĐHYTCC giai đoạn 2018-2023 đã xây dựng cụ thể các chỉ số về đào tạo như: tăng dần số chương trình đào tạo dịch vụ/ngắn hạn mới được xây dựng đáp ứng nhu cầu xã hội; chỉ số về NCKH: tăng dần doanh thu từ các lớp đào tạo về phương pháp NCKH và viết bài báo quốc tế; số lượng hội nghị/hội thảo quốc tế, quốc gia và liên đơn vị được tổ chức tại trường là 2. Về chỉ số cung cấp dịch vụ đảm bảo tăng dần số khách hàng cá nhân tăng hơn 10% so với năm trước, khách hàng là tổ chức tăng từ hơn 12 tổ chức năm 2018 đến hơn 20 tổ chức năm 2022; đồng thời mở thêm các gói dịch vụ mới PVCĐ [H1.01.03.01]. KHCL giai đoạn 2020-2025 cũng chỉ rõ các chỉ số như: duy trì và mở các mã ngành mới, các hình thức đào tạo theo nhu cầu xã hội; số lượng hội nghị hội thảo quốc gia, liên đơn vị được tổ chức là 01; tăng nguồn thu bình quân các hoạt động cung cấp dịch vụ lên 10-20% so với năm liền kề; tỷ lệ khách hàng mới tăng trên 10% [H1.01.01.01]; Các chỉ số trên còn được xây dựng chi tiết trong kế hoạch thực hiện các mục tiêu chiến lược năm học giai đoạn 2017-2022 [H4.04.01.07],

[H4.04.01.09] [H4.04.01.08], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04] và Kế hoạch BSC năm học các đơn vị giai đoạn 2017-2022 [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04].

Các hoạt động đều được tổng kết, báo cáo lưu giữ trong hệ thống dữ liệu của trường theo quy định vào cuối năm học. Ví dụ báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên các năm học giai đoạn 2017-2022 [H21.21.02.39]; Báo cáo tổng kết công tác Công đoàn các năm giai đoạn 2017-2022 [H21.21.03.01]; Báo cáo tổng kết năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04]; Tổng hợp số chỉ phục vụ các hoạt động kết nối, PVCĐ năm 2020, 2021 [H21.21.03.02]. **Việc giám sát, triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng** theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được Hội đồng trường, BGH giám sát đánh giá thông qua báo cáo BSC hàng năm giai đoạn 2017-2022 [H4.04.02.03].

Các hoạt động đều được **đánh giá hiệu quả để tăng trách nhiệm đối với xã hội**. Đối với hoạt động đào tạo, trường thực hiện kế hoạch khảo sát hàng năm đối với học viên các chương trình đào tạo ngắn hạn. Kết quả đánh giá hoạt động được thể hiện qua Báo cáo đánh giá sự hài lòng của học viên với các chương trình đào tạo ngắn hạn giai đoạn 2017-2022 [H21.21.03.03], theo đó, 99,6% học viên luôn hài lòng với các chương trình đào tạo ngắn hạn do nhà trường đang triển khai. Đối với hoạt động NCKH, Trường xây dựng kế hoạch thu thập sự hài lòng của các đơn vị, cá nhân sử dụng dịch vụ KH&CN của Nhà trường năm 2021, 2022, xây dựng phiếu khảo sát và tổ chức thu thập thông tin đánh giá vào cuối năm học. Kết quả đánh giá sự hài lòng của đối tác trong và ngoài trường về hiệu quả tác động các hoạt động: Hội thảo, tập huấn, triển khai nghiên cứu đề tài thu thập được trong năm 2021 đạt trung bình chung 4,48/5 điểm [H18.18.04.03]; Kế hoạch thu thập thông tin đánh giá hài lòng của khách hàng sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh, tư vấn, xét nghiệm được Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí xây dựng kế hoạch triển khai trong kế hoạch BSC năm học của đơn vị; tổ chức thu thập lấy ý kiến của khách hàng theo quý. Theo số liệu thống kê và phân tích giai đoạn 2019-2022, 91,2% khách hàng đã sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa đánh giá hài lòng và rất hài lòng [H21.21.03.04]; Về đánh giá dịch vụ tư vấn và đánh giá về tư vấn kết quả, 92,5% khách hàng hoàn toàn hài lòng và hài lòng khi sử dụng các dịch vụ của Trung tâm xét nghiệm

giai đoạn 2019-2022 [H21.21.03.05].

Các hoạt động thiện nguyện của Công đoàn, Đoàn thanh niên chưa tổ chức triển khai thu thập thông tin bằng phiếu khảo sát. Hàng năm các đơn vị rà soát, tổng hợp và đánh giá kết quả các hoạt động, phân tích điểm mạnh và hạn chế để xây dựng kế hoạch tốt hơn cho năm tiếp theo thông qua các báo cáo: báo cáo tổng kết công tác Đoàn năm 2017-2022 [H21.21.02.39]; báo cáo tổng kết hoạt động của Công đoàn năm 2017-2022 [H21.21.03.01]; báo cáo tổng kết năm học 2017-2022 [H2.02.03.04].

Các báo cáo đánh giá sự hài lòng, báo cáo tổng kết được gửi công khai đến các đơn vị, cá nhân qua email nội bộ Trường ĐHYTCC để kịp thời duy trì, cải tiến các hoạt động cho năm tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng, số lượng và hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ [H21.21.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hàng năm Trường ĐHYTCC triển khai *kế hoạch cung cấp dịch vụ kết nối và PVCĐ* bám sát mục tiêu chiến lược năm học về Đào tạo, NCKH, Dịch vụ và gắn kết phát triển [H4.04.01.07] [H4.04.01.09] [H4.04.01.08] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. Theo đó các đơn vị chức năng liên quan như: Phòng QLĐT, TTĐTTNCXH, Phòng QLKH&HTPT, Phòng CTHV-SV, Trung tâm ĐBCL&KT, Trung tâm xét nghiệm, Phòng khám đa khoa, Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng cụ thể các hoạt động trong đó có hoạt động cung cấp các dịch PVCĐ thông qua kế hoạch BSC năm học của các đơn vị giai đoạn 2017-2022 [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Trong bản kế hoạch có quy định cụ thể các đầu mục công việc, nhân sự thực hiện và thời gian thực hiện.

Kết thúc năm học, các hoạt động đã thực hiện theo kế hoạch BSC hàng năm của đơn vị, trong đó có các hoạt động kết nối và PVCĐ được tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, đồng thời đề xuất các *giải pháp cải tiến* cũng như xây dựng các chỉ số cho năm học tiếp theo thông qua báo cáo tổng kết năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04]. Phòng QLĐT khảo sát nhu cầu của cộng đồng đề xuất mở các mã ngành mới phù hợp, cải tiến chương

trình, thời lượng các chương trình đào tạo ngắn hạn nhằm đảm bảo chất lượng và đáp ứng nhu cầu thực tế của học viên. Phòng QLKH&HTPT có trách nhiệm rà soát kết quả các hoạt động KH&CN PVCD, xây dựng kế hoạch cải tiến một số các dịch vụ để nâng cao hơn nữa chất lượng các hoạt động KH&CN; Các hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khám chữa bệnh và xét nghiệm được Phòng khám đa khoa và Trung tâm xét nghiệm xem xét, điều chỉnh để đảm bảo số lượng khách hàng cá nhân/ tổ chức được duy trì và tăng dần cho các năm tiếp theo; Ban chấp hành công đoàn rà soát, tổng kết và rút kinh nghiệm các hoạt động đã triển khai và hoàn thiện báo cáo tổng kết công tác Công đoàn các năm giai đoạn 2017-2022 gửi lãnh đạo Trường [H21.21.03.01]. Đoàn Thanh niên hoàn thiện báo cáo tổng kết công tác Đoàn các năm giai đoạn 2017-2022 [H21.21.02.39], đồng thời rà soát, cải tiến và đề xuất các kế hoạch triển khai cho năm tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng và số lượng các hoạt động cũng như sự lan tỏa tới cộng đồng.

Định kỳ, Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến khảo sát sự hài lòng của học viên với các chương trình đào tạo ngắn hạn, khách hàng sử dụng các dịch vụ KH&CN, tư vấn- khám chữa bệnh, xét nghiệm [H21.21.03.03] [H18.18.04.03] [H21.21.03.04] [H21.21.03.05], nhìn chung ***trên 75% cổ các bên được khảo sát đều hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng***, cụ thể: 99,6% học viên đánh giá hài lòng và rất hài lòng về các chương trình đào tạo ngắn hạn; 89,6 % đối tác trong và ngoài trường hài lòng với dịch vụ KH&CN của Nhà trường; 91,2% khách hàng hài lòng khi sử dụng các dịch vụ tư vấn, khám-chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa và 92,5% khách hàng là cá nhân và tổ chức hài lòng với các dịch vụ xét nghiệm của Trung tâm xét nghiệm. Các hoạt động thiện nguyện, phong trào vì cộng đồng của Công đoàn và Đoàn thanh niên không lấy ý kiến khảo sát; tuy nhiên, số lượng, chất lượng các hoạt động được tổ chức qua các năm đều được cải tiến và tăng cường thu hút được sự quan tâm tham gia của toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường.

Các báo cáo tổng kết năm học [H2.02.03.04], báo cáo tổng kết công tác Đoàn [H21.21.02.39], báo cáo tổng kết Công đoàn [H21.21.03.01] giai đoạn 2017-2022, kết quả khảo sát sự hài lòng của khách hàng [H21.21.03.03] [H18.18.04.03] [H21.21.03.04] [H21.21.03.05] đều chỉ rõ các kết quả đạt được và một số tồn tại. Đây là cơ sở để Nhà

trường xem xét, đánh giá và có giải pháp cải tiến hàng năm thông qua các chỉ số về Đào tạo, NCKH, cung cấp dịch vụ và Gắn kết phát triển trong đó có các hoạt động về kết nối và PVCĐ được xác định trong kế hoạch thực hiện mục tiêu chiến lược năm học [H4.04.01.07] [H4.04.01.09] [H4.04.01.08] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04] nhằm ngày càng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động kết nối, PVCĐ gắn liền với các mục tiêu Đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ, thể hiện rõ tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường. Bên cạnh đó, các hoạt động thiện nguyện của Công đoàn và Đoàn thanh niên huy động được sự tham gia về vật chất, tinh thần của đông đảo cán bộ, viên chức, học viên, sinh viên nhà trường và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Quy định tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ hiện hành chưa có đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, điều phối tổ chức các hoạt động và tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện. Các hoạt động kết nối và PVCĐ đang thực hiện gắn với các hoạt động chuyên môn của các đơn vị liên quan.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Rà soát, điều chỉnh lại Quy định về tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ (<i>bổ sung đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, điều</i>	Phòng Tổ chức Hành chính và các đơn vị liên quan	Tháng 7/2022-8/2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		<p><i>phối tổ chức các hoạt động và báo cáo đánh giá).</i></p> <p>- Xây dựng kế hoạch chi tiết về kết nối và PVCĐ vào đầu mỗi năm học chỉ rõ các đơn vị chịu trách nhiệm chính và đơn vị phối hợp thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch là Phòng Công tác Học viên Sinh viên. Các đơn vị phối hợp gồm có: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng QLKH&HTPT, Phòng khám Đa khoa, Trung tâm xét nghiệm</p>	<p>Tháng 4- 7/2022</p>	
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục tổ chức thêm nhiều hoạt động kết nối, PVCĐ thông qua đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ</p>	<p>Các đơn vị trong trường</p>	<p>Tháng 7/2022</p>	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	4,25
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo.

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường *có kế hoạch đào tạo* trong đó *xác định, phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (không tính thời gian được kéo dài), tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo*. Tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng thời hạn được nhà trường giao cho phòng CTHVSV xác lập, cập nhật hằng năm. Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GD-ĐT và tình hình thực tế, Nhà trường đã xác định tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp trong kế hoạch chiến lược phát triển tổng thể Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2013 - 2020, kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2018 - 2023 và trong bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ áp dụng từ năm học 2019-2020 đến nay. [H1.01.03.01] [H4.04.01.02] [H9.09.03.05].

Nhà trường có *hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo; tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần* để có biện pháp cải thiện chất lượng phù hợp. Kết thúc mỗi khóa đào tạo của từng ngành học, từng chương trình đào tạo, Phòng QLĐT là đầu mối tiến hành xét kết quả học tập, xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ để đánh giá kết quả học tập của người học, hoàn thành báo cáo tổng kết khóa học. Theo đó, từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 có trung bình 85.66% NH chương trình ĐTDH, 83.71% NH chương trình Ths, 98.86% NH chương trình CKI, 86.02% NH chương trình CKII đủ điều kiện để tốt nghiệp theo quy định học [H22.22.01.01] [H22.22.01.02]. Ngoài ra, Phòng CTHVSV theo dõi, tổng kết danh sách, tỷ lệ sinh viên thôi học, thông báo tới các bên liên quan các trường hợp NH thôi học. Tất cả danh sách và các thông tin liên quan đến NH thôi học đều được cập

nhật trên hệ thống phần mềm quản lý NH của nhà trường. Từ năm học 2019-2020 đến nay, Nhà trường đã đưa số liệu thống kê kết quả tỷ lệ thi học vào bộ chỉ số IQA từng kỳ học. Tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần được giao cho Phòng QLĐT, đến năm 2020 được giao cho TT ĐBCL&KT theo dõi, giám sát.

Nhà trường thực hiện **đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thi học** và dự đoán được xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thi học từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 của cùng chương trình đào tạo, giữa các chương trình đào tạo của Nhà trường như đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thi học của chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dinh dưỡng và Công tác xã hội; đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thi học của chương trình Thạc sĩ Y tế công cộng với Thạc sĩ Quản lý bệnh viện. Cụ thể đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của NH các hệ đào tạo của Trường thì chương trình đào tạo CK cấp I có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất, đạt 98.86%, chương trình đào tạo Thạc sĩ thấp nhất, đạt 83.71%.

Ngành Y tế công cộng khóa 2016 - 2020 hệ vừa làm vừa học có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất trong các chương trình đào tạo đại học đạt 99.51%. Ngành Y tế công cộng khóa 2015 - 2017 chương trình đào tạo Thạc sĩ có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất trong chương trình đào tạo thạc sĩ, đạt 97.22%. Chương trình CKII TCQLYT khóa 2015 - 2017 có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất trong các khóa đạt 100% [H22.22.01.03] [H22.22.01.04]. Tỷ lệ thi học tốt nghiệp được tính toán và đối sánh với kế hoạch đầu năm học, bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA), kế hoạch chiến lược và kịp thời điều chỉnh nếu cần [H22.22.01.05] [H22.22.01.06] [H22.22.01.07] [H22.22.01.08] [H22.22.01.09] [H22.22.01.10]. Dù đã xác định rõ vai trò của việc đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thi học của nhà trường với các với CTĐT thuộc các đơn vị khác, nhưng nhà trường chưa thể thực hiện đối sánh do số liệu công khai của các đơn vị chưa được cập nhật thường xuyên, gây khó khăn cho việc dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thi học của người học [H22.22.01.11] [H22.22.01.12].

Nhà trường **có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thi học** cho **tất cả các chương trình đào tạo; giảm tỷ lệ học lại, thi lại môn học/học phần**. Căn cứ vào quy định về đào tạo của Bộ GD&ĐT và các báo cáo thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thi học của của tất cả các CTĐT hàng năm, Nhà trường đã có một số điều chỉnh nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thi học

cho các chương trình đào tạo. Cụ thể là điều chỉnh quy định về đào tạo cho phù hợp với quy định mới của năm 2017 và năm 2021 [H22.22.01.13] [H22.22.01.14], [H22.22.01.15] [H22.22.01.16] [H22.22.01.17], trong đó, nổi bật nhất là: Thay đổi quy định đào tạo về thời gian tối đa hoàn thành khóa học; Thay đổi về số tín chỉ đăng ký trong 1 học kỳ. Điều chỉnh quy định về đánh giá môn học; Thay đổi thang điểm đánh giá (từ năm 2017 có A+, B+, C+, D+), học cải thiện điểm,... Hoạt động cảnh báo học vụ cũng được bộ phận đào tạo chú trọng để kết quả học tập được thông báo tới NH kịp thời. Hàng kỳ, Nhà trường đều gửi kết quả học tập tới sinh viên [H22.22.01.07]. Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường xây dựng và ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đội ngũ giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập để hỗ trợ sinh viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHYTCC tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ. Thời gian của một khoá học được quy định tùy thuộc vào trình độ, ngành đào tạo và được phổ biến cho người học vào đầu mỗi khoá học trong Tuần sinh hoạt công dân sinh viên và Chương trình gặp mặt đầu khoá [H17.17.02.03], [H17.17.02.04], [H17.17.02.05], [H17.17.02.06], [H17.17.02.07]. Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GDĐT và tình hình thực tế, **Nhà trường đã xác định thời gian tốt nghiệp trung bình** trong kế hoạch chiến lược phát triển tổng thể Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2013 - 2020, kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2018 - 2023 và trong bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ áp dụng từ năm học 2019-2020 đến nay [H1.01.03.01] [H4.04.01.02]. Bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ có hướng dẫn cách tính thời gian tốt nghiệp trung bình của người học; tài suất thu thập; nguồn thu thập; đơn vị chịu trách nhiệm thu thập [H9.09.03.05].

Trường có hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Phòng CTHSVV là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của người học toàn trường. Phòng CTHSVV phối hợp với phòng QLĐT trong việc giám sát, thống kê và quản lý người học tốt nghiệp [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Phòng CTHSVV giao cho các chuyên viên quản lý lớp trực tiếp theo dõi, hỗ trợ người học [H22.22.02.01]. Nhà trường

có thực hiện tìm hiểu phân tích nguyên nhân tốt nghiệp muộn thông qua các buổi họp lớp hàng tháng, qua trao đổi trực tiếp với sinh viên [H15.15.04.08]. Qua những kênh thông tin này kết hợp với dữ liệu trên phần mềm quản lý đào tạo, nhà trường nắm được danh sách những người học chưa hoàn thành chương trình đúng thời hạn, để kịp thời liên lạc tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra những hỗ trợ, hướng dẫn phù hợp cho người học.

Trường ĐHYTCC thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình các chương trình đào tạo theo từng năm học, theo từng hệ đào tạo. Cuối mỗi năm học, căn cứ vào danh sách sinh viên trong Quyết định công nhận người học và Quyết định công nhận tốt nghiệp, chuyên viên phụ trách mỗi hệ đào tạo của phòng CTHSV sẽ tổng hợp và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng niên khóa của chương trình đào tạo mình quản lý và thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình các chương trình đào tạo theo từng năm học, theo từng hệ đào tạo [H22.22.02.02] [H22.22.02.03].

Bảng 22.2.1. Bảng thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình các chương trình đào tạo giai đoạn 2017-2021 (9)

STT	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Thời gian tốt nghiệp theo đúng chương trình đào tạo (tháng)	Thời gian tốt nghiệp trung bình (tháng)
1	CNCQ	CNCQYTCC	48,00	48,14
2		CNCQKTXNYH	48,00	48,26
3		CNCQDD	48,00	48,00
4		CNCQCTXH	48,00	48,00
5	VLVH	VLVHYTCC	48,00	48,46
6		VLVHKTXNYH	48,00	48,00
7	Ths	ThsYTCC	24,00	25,93
8		ThsQLBV	24,00	26,36

STT	Hệ đào tạo	Chương trình đào tạo	Thời gian tốt nghiệp theo đúng chương trình đào tạo (tháng)	Thời gian tốt nghiệp trung bình (tháng)
9	CKI	CKIYTCC	24,00	24,00
10	CKII	CKIITCQLYT	24,00	30,02

Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học thuộc các chương trình đào tạo của trường ĐHYTCC hầu hết đều bám sát với thời gian thiết kế của chương trình [H22.22.02.04]. Trong đó, 4 chương trình đào tạo CNCQDD, CNCQCTXH, VLVHKTXYNH và CKIYTCC có thời gian tốt nghiệp trung bình trùng khớp với thời gian được quy định. Đối với nhóm ngành YTCC, sinh viên CNCQ có thời gian tốt nghiệp trung bình sớm hơn so với học viên VLVH. Ngược lại, sinh viên CNCQKTXNYH có thời gian tốt nghiệp trung bình muộn hơn học viên VLVH. Đối với nhóm học viên ThS, thời gian tốt nghiệp trung bình kéo dài hơn xấp xỉ 2 tháng so với mốc quy định được nêu trong thiết kế chương trình đào tạo. Trong đó, thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành ThsYTCC sớm hơn so với ngành ThsQLBV. Trong tất cả các chương trình đào tạo SDH của nhà trường, CKIITCQLYT là ngành có thời gian tốt nghiệp kéo dài nhất. Tuy nhiên, nhà trường gặp khó khăn trong việc đối sánh và dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình của chương trình đào tạo với các chương trình đào tạo tương ứng trong nước, do số liệu công khai của các đơn vị chưa được cập nhật thường xuyên.

Nhằm **nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của người học**, kết thúc mỗi năm học, phòng CTHSV tiến hành tổ chức họp tổng kết, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp, tính hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ người học. Bên cạnh đó, từ năm học 2021-2022, Nhà trường đã xây dựng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập cho các lớp sinh viên cử nhân chính quy với vai trò tư vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm thích hợp; theo dõi thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra lựa chọn phù hợp trong quá trình học tập; đồng thời hỗ trợ đảm bảo các quyền lợi của sinh viên [H17.17.01.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.3 Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường có *kế hoạch đào tạo* trong đó *xác định được tỷ lệ có việc làm của NH* sau khi tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo và giao cho phòng CTHVSV làm đầu mối. Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GDĐT và tình hình thực tế, Nhà trường đã xác định tỷ lệ NH có việc làm trong kế hoạch chiến lược phát triển tổng thể Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2013 - 2020, kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y tế công cộng giai đoạn 2018 - 2023 và trong bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ áp dụng từ năm học 2019-2020 đến nay. Bộ chỉ số Đảm bảo chất lượng nội bộ có hướng dẫn cách thu thập việc làm của NH sau tốt nghiệp; tần suất thu thập; nguồn thu thập; đơn vị chịu trách nhiệm thu thập [H1.01.03.01] [H4.04.01.02] [H9.09.03.05].

Nhà trường có *hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp* của tất cả các chương trình đào tạo. Tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp được nhà trường giao cho phòng CTHVSV theo dõi, giám sát và cập nhật hàng năm, được quy định trong chức năng nhiệm vụ và BSC hàng năm của Phòng. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo tỷ lệ có việc làm của sinh viên trong vòng 01 năm tốt nghiệp, hàng năm, Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch khảo sát tình hình việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, thống kê kết quả và báo cáo. Phòng CTHVSV là đầu mối thu thập thông tin tình hình việc làm của sinh viên CNCQ toàn trường. Hàng năm, phòng CTHVSV tổng hợp danh sách sinh viên tốt nghiệp trong vòng 01 năm, rà soát và lập kế hoạch khảo sát việc làm. Sau đó phòng tiến hành liên hệ với sinh viên tốt nghiệp để khảo sát thông tin, thống kê và báo cáo Bộ GD&ĐT theo quy định [H11.11.02.10] [H11.11.02.11] [H11.11.02.12] [H11.11.02.13] [H11.11.02.14].

Kết quả thống kê *tỷ lệ có việc làm trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp* của tất cả các ngành thực hiện khảo sát đều đạt từ *89% trở lên* [H11.11.02.10] [H11.11.02.11] [H11.11.02.12] [H11.11.02.13] [H11.11.02.14]. Tỷ lệ có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo của sinh viên CNCQ nhà trường là *trên 57%*. Số lượng SV tốt nghiệp làm việc trong các khu vực Nhà nước, tư nhân, có vốn nước ngoài và tự tạo việc làm cũng được

xác lập hàng năm. Đối với các CTĐT hệ VLVH và SDH đa số những người đi học đều đã có việc làm nên nhà trường không triển khai việc thu thập việc làm của các hệ đó.

Nhà trường thực hiện việc **đối sánh tỷ lệ có việc làm** và **mức độ đáp ứng công việc của NH sau khi tốt nghiệp** của tất cả các chương trình đào tạo. Phòng CTHVSV là đầu mối tổng hợp số liệu, lập bảng đối sánh tỷ lệ có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp các năm từ 2017 - 2021 của từng chương trình ĐTDH YTCC, KTXNYH; giữa chương trình ĐTDH YTCC và chương trình ĐTDH KTXNYH. Theo đó, tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp chương trình ĐTDH Y tế công cộng khảo sát trong khoảng 2017 - 2021 là từ 89.23% - 100%, trung bình là 94.5%. Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp chương trình ĐTDH KTXNYH là từ 93.1% - 100%, trung bình là 96.2% [H22.22.03.01]. Phòng CTHVSV tổng hợp các thông tin, báo cáo BGH để có kế hoạch cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Ví dụ như điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2017 và năm 2021. Tuy nhiên, nhà trường gặp khó khăn trong việc đối sánh về khả năng có việc làm của NH của chương trình đào tạo với các chương trình đào tạo tương ứng trong nước, do số liệu công khai của các đơn vị chưa được cập nhật thường xuyên.

Nhà trường **có biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên** để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo. Phòng CTHVSV được giao là đầu mối triển khai các hoạt động hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên. Từ năm học 2017 - 2018 đến hết học kỳ I năm học 2021 - 2022 có tổng số hơn 800 cơ hội việc làm được giới thiệu. Tất cả cơ hội việc làm nhà trường đều gửi thông qua hệ thống email nội bộ, website <https://ctsv.huph.edu.vn/>, fanpage <https://www.facebook.com/ctsvhuph>. Hàng năm, phòng CTHVSV chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên như kỹ năng viết và thiết kế "Sơ yếu lý lịch", kỹ năng trả lời phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng quản lý bản thân, tổ chức công việc, khởi nghiệp. Nhà trường cũng tổ chức các buổi nói chuyện, gặp gỡ nhà tuyển dụng lao động để trao đổi với sinh viên các thông tin về thị trường việc làm [H15.15.03.07] [H15.15.03.08] [H15.15.03.09] [H15.15.03.10] [H15.15.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trung tâm ĐBCL&KT được Nhà trường giao nhiệm vụ là đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động thu thập thông tin mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Trung tâm ĐBCL&KT đã xây dựng quy định, quy trình về phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng phản hồi của các bên liên quan và xây dựng bộ công cụ lấy ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H9.09.04.13], [H9.09.04.12]

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch và tiến hành thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan: khảo sát người học về hoạt động giảng dạy theo từng kỳ học và cuối khóa học. Ngoài ra còn khảo sát cán bộ, giảng viên về các hoạt động khác thông qua hình thức đánh giá 360° [H6.06.05.01] [H22.22.04.03].

Nhà trường thực hiện việc khảo sát qua phần mềm hoặc Khảo sát trực tuyến qua Google Form đối với các bên liên quan. Mẫu phiếu đánh giá về mức độ hài lòng của các bên liên quan đều được xây dựng dựa trên góp ý chi tiết của các bên tham gia đánh giá và các bên được đánh giá và được chỉnh sửa cập nhật định kỳ. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập theo 5 mức: rất hài lòng/rất đồng ý (điểm 5), hài lòng/đồng ý (điểm 4), bình thường (điểm 3), không hài lòng/không đồng ý (điểm 2), không hài lòng/không đồng ý (điểm 1) [H17.17.02.12].

Nhà trường có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan sau khi kết thúc thời gian khảo sát, Trung tâm ĐBCL&KT tiến hành tổng hợp xử lý thông tin dữ liệu khảo sát với các phiếu định lượng theo yêu cầu, các Khoa/viện điều phối chương trình tổng hợp ý kiến định tính do Khoa/viện thu thập. Sau đó, Trung tâm ĐBCL&KT công bố kết quả khảo sát và gửi về các đơn vị có liên quan. Dựa trên kết quả khảo sát, Khoa điều phối CTĐT chủ trì phối hợp với các Khoa tham gia giảng dạy chương trình rà soát, chỉnh sửa chương trình (nếu có). Các khoa điều phối CTĐT gửi lại cho Trung tâm ĐBCL&KT biên bản họp với các Khoa liên quan, CTĐT đã được điều chỉnh (nếu có) đã thông qua HĐKH trước khi vào năm học mới. Sau cùng, TTĐBCL&KT lưu trữ kết quả khảo sát [H9.09.04.12].

Căn cứ theo quy định hướng dẫn về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, nội dung báo cáo kết quả khảo sát không dừng lại ở phân tích kết quả đạt được trong năm học mà còn được đối sánh, phân tích với kết quả của cùng nhóm tiêu chí ở năm học trước.

Đối với khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy: Kết thúc môn học người học sẽ tham gia đánh giá nội dung môn học, chất lượng giảng dạy của giảng viên, lịch giảng, lịch thi, ... thông qua mẫu phiếu đánh giá môn học. Kết quả cho thấy điểm trung bình từng năm giảng viên được sinh viên đánh giá hài lòng nhìn chung khá tốt và đều đạt trên 4,4 điểm (thang điểm từ 1-5) [H22.22.04.01].

Đối với khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng: Từ năm 2016 nhà trường tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chất lượng người học sau khi tốt nghiệp phù hợp với công việc tại đơn vị, kiến thức, kỹ năng, hiệu quả công việc. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các đơn vị sử dụng lao động về kiến thức kỹ năng của người học tốt nghiệp có xu hướng tăng dần, cụ thể: năm 2018 là (82%), năm 2019 là (88%), năm 2020 là (89,5%) [H22.22.04.02].

Dựa trên những báo cáo sau khi khảo sát Nhà trường có biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, cụ thể như: Ban hành chức năng, nhiệm vụ của GVCN-CVHT từ năm học 2021 - 2022 [H17.17.01.17]; cải tiến các quy định về học bổng, khen thưởng, đánh giá kết quả ngoại khóa, rèn luyện cho NH [H17.17.01.12] [H17.17.01.16] [H16.16.01.04], kế hoạch, phương hướng cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ NCKH cho NH [H17.17.03.06]; xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính cho NH [H17.17.03.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã tiến hành xác lập, giám sát, đối sánh với mục tiêu cải tiến chất lượng về tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần; thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo; khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp và mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc đối sánh số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm giữa các CTĐT của trường với các ngành tương ứng của các trường đại học khác chưa được thực hiện kịp thời, toàn diện do khó khăn khi tiếp cận số liệu công khai của các đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch phối hợp với các đơn vị có liên quan để chia sẻ hệ thống số liệu phục vụ đối sánh các chỉ số về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, có việc làm sau tốt nghiệp.	Trung tâm ĐBCL&KT	2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng về tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần; thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo; khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp và mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp	P. CTHVSV P. QLĐT	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	4
Tiêu chí 22.1	4
Tiêu chí 22.2	4
Tiêu chí 22.3	4
Tiêu chí 22.4	4

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHYTCC có các quy định cụ thể, rõ ràng về loại hình hoạt động, số lượng và chất lượng NCKH của GV. Với mục tiêu tăng cường năng lực uy tín NCKH để tạo ra nhiều sản phẩm NCKH có chất lượng và tính ứng dụng cao với xã hội, mục tiêu chiến lược 2 (MTCL 2) về NCKH trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHYTCC các giai đoạn có ghi rõ các chỉ số về loại hình và số lượng NCKH của nhà trường cần đạt được trong năm, ví dụ như số lượng đề tài cơ sở được tài trợ từ trường là 5 đề tài/năm, số lượng đề tài HV, SV tối thiểu 5 đề tài/năm, số lượng đề tài từ doanh nghiệp 1-2 đề tài/năm, số đề tài HTQT tăng dần, số lượng xuất bản quốc tế tăng từ 0,54 bài/GV năm 2018 đến 1 bài/GV năm 2022, tuy nhiên con số này đã được điều chỉnh là 0,65 bài/GV năm 2022 trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025; Số lượng các bài báo trên tạp chí ISI/Scopus/GV tăng dần; số lượng hội thảo quốc tế, quốc gia liên đơn vị được duy trì... [H4.04.01.02] [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Để cụ thể hóa MTCL, Kế hoạch thực hiện công tác NCKH các năm học giai đoạn 2018-2022 [H2.02.02.01] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H18.18.01.04] [H1.01.02.04] cũng như kế hoạch hoạt động theo chỉ tiêu BSC của Phòng QLKH&HTPT cũng xác định rõ số lượng và loại hình NCKH mà nhà trường cần đạt được trong năm, cụ thể: số lượng đề tài NCKH cấp NN/bộ/tỉnh/hợp tác trong nước: 2 đề tài/năm, số lượng đề tài cấp cơ sở, đề tài NCKH của sinh viên: 5 đề tài/năm; đề tài HTQT được tài trợ mới: 5 đề tài/năm; triển khai các số tạp chí quốc tế chuyên đề: 1-2 số/năm; tổ chức hội nghị/hội thảo quốc tế, quốc gia, liên đơn vị 1-2 hội thảo/năm. Trong mỗi năm học, loại hình và số lượng mà mỗi GV phải thực hiện để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được quy định rất chi tiết tại Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHYTCC năm 2018, 2020 [H15.15.02.12] [H15.15.02.13] và Quy định tính giờ và quy đổi giờ NCKH của GV Trường ĐHYTCC năm 2016, 2018, 2021 [H18.18.01.14] [H18.18.01.15] [H23.23.01.05]. Chẳng hạn, trong quy định chế độ làm việc của GV năm 2020-2021 có nêu rõ, GV với các trình độ khác nhau sẽ phải hoàn thành tối thiểu 586 giờ NCKH, số giờ này được quy đổi từ các loại hình NCKH mà GV được thực hiện đã nêu ở trên. Ngoài ra nhà trường còn có

quy định đặc thù, mỗi GV trình độ thạc sĩ trong 3 năm phải là tác giả chính hoặc tham gia ít nhất một bài báo quốc tế, GV trình độ tiến sĩ trong 2 năm phải là tác giả chính của ít nhất một bài báo quốc tế. Đây là những quy định rõ ràng nhất mà căn cứ vào đó GV triển khai nhiệm vụ NCKH trong năm học.

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV, cán bộ nghiên cứu. Hệ thống theo dõi giám sát của nhà trường thống nhất từ đơn vị chức năng làm nhiệm vụ quản lý theo dõi, giám sát đến các quy định quy trình theo dõi giám sát; các công cụ và cơ sở dữ liệu tổng hợp đánh giá; ứng dụng CNTT để theo dõi, đánh giá và có thực hiện tổng kết đánh giá định kỳ hàng năm. Phòng QLKH&HTPT là đơn vị đầu mối được nhà trường giao nhiệm vụ quản lý, giám sát và điều phối các hoạt động NCKH [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Việc triển khai, tổ chức quản lý hoạt động NCKH của phòng QLKH&HTPT nói riêng và hoạt động NCKH của nhà trường nói chung được giám sát bởi Hội đồng Trường được nêu trong Quy chế hoạt động của Hội đồng Trường giai đoạn 2020-2025 [H2.02.01.14] và bởi Hội đồng Khoa học Đào tạo và Công nghệ (HĐKHĐT&CN) trong Quy chế hoạt động của HĐKHĐT&CN [H2.02.01.16]. Bên cạnh nhân lực, hệ thống theo dõi giám sát các hoạt động NCKH còn được thể hiện thông qua các văn bản quy định về hoạt động NCKH như Quy định quản lý KH-CN của cán bộ, GV các năm 2016, 2018, 2021 [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08] và Quy trình quản lý đề tài các cấp năm 2016, năm 2021 [H18.18.01.15] [H23.23.01.01] [H23.23.01.06]. Tại các văn bản này có hướng dẫn cụ thể và nêu rõ các bước để triển khai các hoạt động NCKH. Đó là cơ sở để cán bộ, GV thực hiện các hoạt động NCKH, cũng là cơ sở để phòng QLKH&HTPT theo dõi, giám sát các hoạt động. Cùng với hệ thống văn bản quản lý, Trường ĐHYTCC có áp dụng phần mềm quản lý nhân sự CMC năm 2017 và Phần mềm quản lý KH-CN Nam Việt năm 2021 để theo dõi, quản lý và tổng hợp đánh giá hoạt động NCKH của cán bộ, GV [H18.18.04.09]. GV khi có các sản phẩm NCKH mới ví dụ đề tài, bài báo hay sách giáo trình sẽ chủ động cập nhật vào phần mềm. Vào cuối năm học, dựa vào cơ sở dữ liệu này, nhà trường thực hiện tổng hợp giờ và các sản phẩm NCKH làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV.

Bên cạnh việc theo dõi, giám sát, *Trường còn có hệ thống bài bản thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu.* Hệ thống phản hồi, đánh giá về số lượng, chất lượng NCKH của nhà trường được thực hiện định kỳ thông qua việc đánh giá so với các chỉ tiêu đặt ra theo kế hoạch trong báo cáo về việc thực hiện chỉ số BSC về NCKH hàng quý, giữa kỳ và cuối năm học [H18.18.01.29], báo cáo chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA về NCKH giữa kỳ và cuối năm [H9.09.03.05] và trong báo cáo tổng kết các hoạt động năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04]. Các báo cáo là một kênh thông tin quan trọng để các bên liên quan nắm được tiến độ và chất lượng của hoạt động NCKH định kỳ, từ đó có những phản hồi, chỉ đạo, rà soát điều chỉnh kịp thời để đảm bảo chất lượng tổng thể hoạt động NCKH của nhà trường. Khi triển khai từng hoạt động, nhà trường cũng có hệ thống đánh giá chất lượng và phản hồi cụ thể, ví dụ khi thẩm định, đánh giá hay nghiệm thu các đề tài, nhà trường căn cứ vào ý kiến thẩm định của hội đồng xét duyệt đề cương và hội đồng nghiệm thu kết quả để làm căn cứ phê duyệt hay nghiệm thu công nhận kết quả [H23.23.01.02] [H23.23.01.03]. Việc lấy ý kiến phản hồi trực tiếp từ khách hàng được Trung tâm ĐBCL&KT thực hiện đánh giá 360° hàng năm và cũng đã được phòng QLKH&HTPT thực hiện đánh giá rất bài bản từ năm học 2020-2021. Nhà trường đã tiến hành thu thập khảo sát đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ NCKH của Trường [H18.18.04.01]. Kết quả khảo sát được tổng hợp và phân tích cho thấy, khách hàng đều đánh giá rất cao các dịch vụ KHCN mà trường đã thực hiện trong năm học cũng như đánh giá cao quy trình, chính sách phát triển, hỗ trợ của nhà trường đối với hoạt động NCKH, số điểm trung bình các chỉ số đạt 4,52/5 điểm [H18.18.04.03]. Việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH còn thể hiện qua việc hàng năm nhà trường đã thực hiện khảo sát 360° về công tác quản lý NCKH của phòng QLKH&HTPT [H18.18.04.04]. Kết quả đánh giá trong 5 năm cho thấy, công tác quản lý NCKH được cán bộ GV trong trường đánh giá rất tốt với điểm đánh giá Phòng QLKH&HTPT nói chung và từng chuyên viên nói riêng đều đạt từ 4,5/5 điểm trở lên. Có thể thấy, hệ thống đảm bảo chất lượng và thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của hoạt động NCKH được nhà trường thực hiện bài bản và được đánh giá rất tốt trong giai đoạn vừa qua.

Cùng với việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, **Nhà trường đã thực hiện việc đối sánh rất bài bản về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH** so với kế hoạch xây dựng của nhà trường đầu năm học, so với các trường có quy mô tương đồng trong khối ngành khoa học sức khỏe và so với một số trường cùng lĩnh vực trong khu vực Đông Nam Á. Việc đối sánh trước hết được thực hiện so với chỉ tiêu đề ra đầu năm học được thể hiện qua báo cáo đánh giá chỉ tiêu BSC của phòng QLKH&HTPT giai đoạn 2017-2022 [H18.18.01.29]; báo cáo chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA về NCKH được thực giữa kỳ và cuối năm học từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022 [H9.09.03.05]; báo cáo tổng kết cuối năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04]. Các báo cáo này đều cho thấy số lượng, loại hình NCKH trong những năm qua đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Đặc biệt trong năm 2021, nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH so với một số trường trong khối ngành sức khỏe như trường ĐHY Hải Phòng, ĐHY Thái Bình... Kết quả cho thấy một số chỉ số vượt trội của Trường ĐHYTCC như số lượng đề tài hợp tác quốc tế, số lượng xuất bản trong nước và đặc biệt là số lượng xuất bản quốc tế (XBQT) [H12.12.03.02]. Để đánh giá và đối sánh năng lực XBQT của các trường, Trường ĐHYTCC cũng đã chủ động thực hiện nghiên cứu “Nghiên cứu tổng quan đánh giá năng lực XBQT ở các trường Y dược khu vực Đông Nam Á năm 2019”. Kết quả nghiên cứu cho thấy một bức tranh tổng thể về năng lực XBQT của các Trường đào tạo YTCC trong khu vực, trong đó có thể thấy vị trí của Trường ĐHYTCC được đánh giá cao khi những năm gần đây số lượng và chất lượng các XBQT đã tăng lên đáng kể [H18.18.03.03]. Trường ĐHYTCC đứng thứ 2 trong số top 5 đơn vị đào tạo, nghiên cứu Y dược trong nước có tỷ lệ GV, NCV có từ 30 bài báo quốc tế trở lên và top 2 trong số 5 đơn vị có tỷ lệ GV, NCV có H-index ≥ 10 [H18.18.03.03]. Ngoài các hoạt động đối sánh mà nhà trường chủ động triển khai, nhà trường cũng đã được đối sánh và tham khảo bảng xếp hạng đánh giá năng lực NCKH các trường ĐHY tại Việt Nam từ hệ thống xếp hạng trường đại học (UPM) năm 2020 [H18.18.03.04]. Bảng xếp hạng cho thấy Trường ĐHYTCC đứng Top 2 về chỉ số số XBQT/giảng viên và đứng top 6 về năng lực NCKH trong số các trường đại học tất cả các ngành tại Việt Nam trong giai đoạn 2015-2019... Đó thực sự là những chỉ số thể hiện rõ chất lượng NCKH là thế mạnh của Trường ĐHYTCC trong giai đoạn vừa qua.

Từ việc thực hiện đối sánh để đánh giá chất lượng cũng như kết quả NCKH mà nhà trường đạt được, ***Trường ĐHYTCC đã xây dựng và có kế hoạch để không ngừng cải tiến hoạt động NCKH được tốt hơn nữa.*** Kế hoạch cải tiến được thể hiện thông qua chỉ tiêu được xác lập rõ trong KHCL phát triển Trường ĐHYTCC, được xây dựng với các chỉ số tăng dần hoặc duy trì qua các năm, cụ thể: số lượng XBQT tăng từ 0,54 bài/GV năm 2018 đến 0,65 bài/GV năm 2022; Số lượng các bài báo trên tạp chí ISI/Scopus/GV tăng dần; số lượng đề tài NCKH các cấp, hội thảo quốc tế, quốc gia liên đơn vị được duy trì [H4.04.01.02] [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Cùng với đó trong kế hoạch thực hiện MTCL2 về NCKH từng năm học giai đoạn 2017-2022 cũng xác định rõ các giải pháp để đạt được mục tiêu cụ thể của năm học [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H18.18.01.04] [H1.01.02.04]. Để cải tiến hơn nữa chất lượng nghiên cứu, nhà trường cũng đã ban hành kế hoạch/định mức khen thưởng XBQT và đấu thầu đề tài từ năm học 2018-2019 đến nay với các tiêu chí cụ thể và tăng dần độ khó để đảm bảo chất lượng như: thưởng cho bài báo được xuất bản trên tạp chí quốc tế trong danh mục ISI/SCOPUS/PubMed với số tiền thưởng tối đa là 40 triệu/bài năm học 2018-2019, năm 2019-2020 mức thưởng cao nhất cho bài báo là 50 triệu đồng/bài báo nếu được đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus/PubMed và theo hệ số tác động $IF < 3$, $3 \leq IF \leq 5$ và $IF > 5$; năm 2020-2021 ngoài các tiêu chí trên còn có thêm tiêu chí về xếp hạng tạp chí theo Q (Q1, Q2, Q3, Q), thưởng sau khi hoàn thành nhiệm vụ tối thiểu và mức thưởng cao nhất là 60 triệu đồng/bài [H18.18.01.10] [H18.18.01.09] [H18.18.01.11]. HĐKHCN-ĐT của nhà trường định kỳ cũng tiến hành họp rà soát điều chỉnh kế hoạch KHCN để kịp thời năm bất tình hình và có điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện [H23.23.01.04]. Ngoài ra, từ kết quả khảo sát đánh giá về sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ KHCN từ năm học 2020-2021, nhà trường cũng đã đưa ra phương hướng cải tiến hơn nữa chất lượng dịch vụ KHCN trong năm học tới như tăng cường đấu thầu đề tài dự án, tiếp tục cơ chế khuyến khích XBQT, thành lập nhóm hỗ trợ đấu thầu, tổ chức nhiều hơn các lớp tập huấn nâng cao năng lực về phương pháp NCKH...[H18.18.04.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHYTCC có các quy định cụ thể, rõ ràng về loại hình hoạt động, số lượng và chất lượng NCKH của người học (NH). Trong KHCL phát triển Trường ĐHYTCC các giai đoạn, tại MTCL 2 về NCKH đã xác định rõ số lượng các đề tài NCKH của NH trong mỗi năm phải đạt ít nhất 5 đề tài/năm [H4.04.01.02] [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Loại hình NCKH của NH cũng được xác lập cụ thể trong Quy định NCKH của HV, SV Trường ĐHYTCC năm 2016, 2018, 2021 [H17.17.01.10] [H17.17.01.09]. Tại Điều 4, Quy định năm 2021 nêu rõ các loại hình hoạt động NCKH mà NH thực hiện gồm: thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực YTCC, khoa học sức khỏe, dự phòng và lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân phù hợp với khả năng của HV, SV; tham gia hội nghị, hội thảo, sinh hoạt khoa học, hội thi sáng tạo KHCN, CLB sinh viên NCKH, các giải thưởng SV NCKH trong nước và quốc tế; viết và công bố kết quả NCKH của HV, SV trên các tạp chí trong nước và quốc tế; tham gia thực hiện các đề tài/dự án với cán bộ, GV nhà trường. Để triển khai cụ thể kế hoạch tổng thể và các quy định hiện hành, nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện MTCL2 về NCKH [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H18.18.01.04] [H1.01.02.04] và kế hoạch công tác theo chỉ tiêu BSC của phòng QLKH&HTPT cho từng năm học [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Tại các bản kế hoạch này, số lượng đề tài NCKH của NH, số lượng hội nghị hội thảo các lớp tập huấn mà NH cần tham gia, số lượng đề tài tham dự giải thưởng NCKH, được đặt chỉ tiêu cụ thể cho từng năm. Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy, trong Điều 8 của Quy định năm 2018 có nêu rõ NH tham gia hoạt động NCKH sẽ được đánh giá và cộng điểm rèn luyện [H23.23.02.01]. Đây là một trong những hình thức khuyến khích NH tham gia tích cực các loại hình NCKH để nâng cao kiến thức và kỹ năng trong quá trình học tập tại trường.

Nhà trường có hệ thống bài bản để theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH. Theo đó phòng QLKH&HTPT có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai đồng thời giám sát các hoạt động NCKH của NH [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Việc thực hiện giám sát các hoạt động NCKH của NH thông qua Quy định

quản lý NCKH của HV, SV và Quy trình quản lý các đề tài NCKH các cấp bao gồm đề tài HV, SV [H17.17.01.10] [H17.17.01.09]. Các văn bản này quy định rõ vai trò, trách nhiệm cũng như hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện NCKH cho NH, khoa, bộ môn và GV hướng dẫn có nhiệm vụ hỗ trợ, giám sát NH triển khai nghiên cứu; phòng QLKH&HTPT thực hiện theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH. Bên cạnh đó, hoạt động NCKH của NH được thực hiện theo kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động. Ví dụ kế hoạch tuyển chọn đề tài NCKH HV, SV được xây dựng với số lượng đề tài và các tiêu chí tuyển chọn, yêu cầu đầu ra cụ thể [H18.18.02.19] [H18.18.02.18] [H18.18.02.20] [H18.18.02.21] [H18.18.02.22]. Phòng QLKH&HTPT thông báo rộng rãi việc tuyển chọn đề tài NCKH tới toàn thể NH trong trường để biết và đề xuất nếu có ý tưởng phù hợp [H18.18.01.21]. Trong giai đoạn 5 năm vừa qua, đã có hơn 30 đề tài NCKH của NH được tuyển chọn tài trợ triển khai, được theo dõi giám sát theo đúng quy trình quản lý NCKH HV, SV của nhà trường [H23.23.02.03]. Từ việc triển khai các đề tài này, đã có 13 báo cáo kết quả đạt chất lượng tốt và được lựa chọn tham dự các giải thưởng NCKH của SV như giải thưởng VIFOTECH của Bộ Giáo dục và Đào tạo (12 đề tài), giải thưởng sinh viên NCKH Eureka (10 đề tài), giải thưởng Hội nghị KHCCN tuổi trẻ ngành Y Dược toàn quốc (5 đề tài). Đã có 12 đề tài của HV, SV nhà trường đạt giải, trong đó có 1 giải nhất, 2 giải nhì, 4 giải ba và 5 giải khuyến khích tại các cuộc thi này [H23.23.02.04].

Cùng với việc theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của NH, ***Trường ĐHYTCC cũng có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của NH.*** Cụ thể, nhà trường có hệ thống đánh giá chất lượng từng đề tài NCKH của NH qua việc thẩm định của hội đồng xét duyệt ý tưởng, xét duyệt đề cương và hội đồng nghiệm thu kết quả. Các hội đồng được thành lập và thẩm định đề tài theo đúng Quy định quản lý NCKH của HV, SV [H17.17.01.10] [H17.17.01.09] với các tiêu chí thẩm định để đánh giá xếp loại đề tài trong các mẫu phiếu thẩm định của hội đồng như tính mới, tính sáng tạo, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu rõ ràng, kết quả đầu ra cụ thể... [H23.23.02.05]. Việc tuyển chọn các đề tài của sinh viên được thực hiện nghiêm túc và chất lượng. Chính vì vậy trong 5 năm qua, 100% đề tài sinh viên được duyệt đã được triển khai đúng tiến độ và nghiệm thu kết quả được các hội đồng đánh giá ở mức đạt trở lên,

không có đề tài nào phải nghiệm thu hai lần [H23.23.02.06]. Báo cáo kết quả của các đề tài SV của nhà trường khi tham dự các hội nghị, hội thảo và các cuộc thi nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được các bên đánh giá rất cao, nhiều báo cáo đạt giải cao như đã đề cập ở trên. [H23.23.02.04].

Nhà trường đã thực hiện việc đối sánh loại hình, số lượng và chất lượng NCKH của NH so với kế hoạch xây dựng đầu năm học, so với các trường có quy mô tương đồng trong khối ngành khoa học sức khỏe. Kết quả đối sánh được thể hiện thông qua báo cáo đánh giá BSC của Phòng QLKH&HTPT theo quý, giữa kỳ và cuối năm học từ năm học 2017-2018 đến nay [H18.18.01.29]. So với chỉ tiêu về số lượng đặt ra đầu năm, các loại hình và số lượng NCKH của NH trong thời gian qua đều đạt và vượt chỉ tiêu. Cùng với việc đối sánh về số lượng, đối sánh chất lượng cũng được thể hiện trong báo cáo chỉ số đảm bảo chất lượng IQA về NCKH năm học từ năm học 2019-2020 [H9.09.03.05]. Các chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ về NCKH của NH như đề tài NCKH, giải thưởng NCKH của NH, tham gia hội nghị hội thảo cũng đạt so với chỉ số đề ra theo kế hoạch ban đầu. Bên cạnh đó, nhà trường cũng chủ động thực hiện đối sánh hoạt động NCKH của NH so với các các loại hình và số lượng NCKH của NH ở một số trường trong khối ngành sức khỏe như Trường ĐH Y Hải Phòng, ĐH Y Thái Bình [H12.12.03.02]. Kết quả đối sánh so với các đơn vị khác cho thấy, trong 5 năm qua, nhà trường mới có 30 đề tài NCKH của NH được thực hiện nhưng trong đó 18 đề tài được gửi tham dự giải thưởng sinh viên NCKH và hội nghị KH&CN tuổi trẻ toàn quốc, trong số đó có 12 đề tài đạt giải thưởng gồm: 1 giải nhất, 2 giải nhì, 4 giải ba và 5 giải khuyến khích; gần chục bài báo của NH được công bố trên các tạp chí quốc tế là một điểm mạnh trong NCKH của NH mà nhà trường đã đạt được [H12.12.03.02]. Mặc dù đã có những thành tích đáng tự hào nhưng so với quy mô NH tại trường và so với các đơn vị khác thì số lượng đề tài NCKH sinh viên của Trường còn khá ít. Nhiều mã ngành mới chưa có sinh viên chủ trì đề tài NCKH.

Từ việc đối sánh kết quả, *nhà trường đã có kế hoạch cải tiến chất lượng NCKH của NH*, được thể hiện thông qua biên bản họp của Hội đồng KHĐT&CN về việc rà soát điều chỉnh kế hoạch KH&CN giữa năm học khi nhà trường kịp thời rà soát chỉ tiêu và có những chỉ đạo để phù hợp với tình hình thực tế triển khai [H23.23.01.04]. Ngoài ra trong báo cáo

tổng kết cuối năm học (báo cáo HNCNVC) nhà trường cũng có phương hướng hành động trong năm học tới để cải tiến và nâng cao chất lượng NCKH với những chỉ tiêu và giải pháp cụ thể [H2.02.03.04]. Tại hội nghị tổng kết hoạt động KHCN hàng năm, bên cạnh việc nêu các kết quả nổi bật của hoạt động NCKH, nhà trường cũng đã nhấn mạnh nội dung phương hướng hành động cụ thể trong năm học tới để đảm bảo số lượng và chất lượng NCKH nói chung và NCKH của NH nói riêng [H23.23.02.07]. Việc cải tiến chất lượng cũng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ KHCN được nhà trường thực hiện từ năm học 2020-2021 [H18.18.04.01]. Dựa vào đánh giá của các bên liên quan, phòng QLKH&HTPT đã có kế hoạch cải tiến, nêu ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý và thực hiện các hoạt động NCKH của NH đạt hiệu quả cao hơn như thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, các buổi SHKH, áp dụng định mức đề tài NCKH của NH cho các mã ngành, mỗi mã ngành phải có ít nhất từ 1-2 đề tài SV được phê duyệt triển khai hàng năm, tăng cường sự hướng dẫn của GV đối với hoạt động NCKH của NH, tăng cường sự tham gia của NH cùng triển khai các đề tài/dự án với cán bộ GV [H17.17.02.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường có quy định rất cụ thể về các loại hình và công bố khoa học, bao gồm cả chỉ tiêu về trích dẫn hàng năm đối với các công bố quốc tế của GV. Cụ thể, trong KHCL phát triển Trường ĐHYTCC được xây dựng qua các giai đoạn, tại MTCL 2 về NCKH có hoạch định rõ các chỉ số về xuất bản bài báo trong nước là 1 bài/GV; số lượng xuất bản quốc tế/GV là 0,6 bài/GV năm 2018, 0,7 bài/GV (năm 2019), 0,8 bài/GV (năm 2020), 0,9 bài/GV (năm 2021) và 1 bài/GV (năm 2022); số lượng xuất bản trên các tạp chí ISI/Scopus/ GV tăng dần theo các năm; tổng chỉ số tác động của các tạp chí có bài báo được đăng tải cũng như tổng số trích dẫn các bài báo khoa học tăng dần theo các năm [H4.04.01.02] [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Công bố khoa học của GV còn được quy định tại Quy định quản lý KHCN của cán bộ GV Trường ĐHYTCC các năm trong đó Điều 6 Quy định năm 2021 có ghi rõ một trong những nhiệm vụ của GV đó là viết và công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp

chí trong nước và quốc tế [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]. Ngoài ra chỉ tiêu cụ thể của công bố NCKH của GV còn được quy định trong Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHYTCC năm 2018, 2020 [H15.15.02.12] [H15.15.02.13] và Quy định tính giờ và quy đổi giờ NCKH của GV Trường ĐHYTCC năm 2016, 2018, 2021 [H18.18.01.14] [H18.18.01.15] [H23.23.01.05]. Các quy định này nêu rõ để hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong mỗi năm học, GV cần hoàn thành tối thiểu số giờ NCKH nhất định (từ năm 2020, tối thiểu 586 giờ đối với GV có trình độ thạc sĩ). Số giờ này được quy đổi từ cá các sản phẩm NCKH trong đó có công bố kết quả trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Một bài báo trong nước được quy đổi tương đương 586 giờ NCKH, một bài báo quốc tế tối thiểu 1800 giờ NCKH. Về chỉ tiêu số trích dẫn hàng năm với công bố quốc tế cũng nhà trường xác định rõ: tổng số trích dẫn của các bài báo khoa học đăng tải của 2 năm học trước (Dựa trên ResearchGate hoặc Google Scholar) tăng từ 110 vào năm 2020 lên 120 vào năm 2025. Chỉ tiêu này được nêu rõ trong kế hoạch BSC của phòng QLKH&HTPT trong bộ chỉ số đảm bảo chất lượng IQA về NCKH đầu mỗi năm học từ năm học 2019-2020 đến nay [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] [H9.09.01.07].

Cùng với việc thiết lập các quy định và chỉ tiêu công bố, nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát, có CSDL cập nhật các công bố khoa học của GV bao gồm cả trích dẫn, chỉ số IF. Về đơn vị chức năng, phòng QLKH&HTPT được phân công nhiệm vụ theo dõi, giám sát và cập nhật các công bố khoa học của giảng viên theo quy định trong chức năng nhiệm vụ của Phòng [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Phòng thực hiện chức năng quản lý các công bố thông qua quy định quản lý hoạt động KH-CN của cán bộ GV được nhà trường ban hành và cập nhật qua các năm [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]. Ví dụ trong Điều 22 của Quy định quản lý KH-CN của cán bộ GV ban hành năm 2021 có nêu rõ quy định về các bài báo xuất bản trong nước và quốc tế của GV. GV khi có các xuất bản phải kê khai vào phiếu thông tin và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu cho phòng QLKH&HTPT để quản lý và theo dõi [H23.23.03.01] [H18.18.04.09]. Ngoài ra khi nhận được thông tin từ phía GV, phòng QLKH&HTPT có thông báo tới toàn trường [H23.23.03.02]. Đó là quy trình quản lý theo dõi giám sát XBQT nhưng cũng là hình thức khích lệ, ghi nhận thành công trong XBQT của GV. Các bước thực hiện quy trình này đều được phòng QLKH&HTPT thông báo đầy

đủ tới GV toàn trường thông qua tờ rơi hướng dẫn [H23.23.03.03]. Ngoài ra, phòng QLKH&HTPT cũng thường xuyên yêu cầu cán bộ, GV đăng ký cập nhật tài khoản trên hệ thống Research Gate để cập nhật chi số trích dẫn của các XBQT [H23.23.03.04].

Trường ĐHYTCC có tiến hành thu thập khảo sát đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về loại hình và số lượng công bố khoa học của GV bao gồm các trích dẫn. Từ năm học 2020-2021, nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ, GV về dịch vụ KHCN nói chung của nhà trường, trong đó có hoạt động công bố kết quả NCKH trong nước và quốc tế [H18.18.04.01]. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số các GV khá hài lòng về hoạt động xuất bản bài báo, cũng như hoạt động chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo do nhà trường chủ trì [H18.18.04.03]. Ngoài ra, nhà trường cũng lấy ý kiến GV về các chính sách khuyến khích hỗ trợ công bố XBQT bằng khen thưởng trực tiếp được nhà trường áp dụng trong thời gian qua. Hầu hết GV các đều mong muốn nhà trường duy trì các chính sách khuyến khích này [H18.18.04.03].

Nhà trường đã thực hiện việc đối sánh loại hình, số lượng các công bố khoa học bao gồm trích dẫn so với kế hoạch xây dựng đầu năm học, so với các trường có quy mô tương đồng trong khối ngành khoa học sức khỏe và so với một số trường cùng lĩnh vực trong khu vực Đông Nam Á. Báo cáo đánh giá BSC của phòng QLKH&HTPT và báo cáo chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA về NCKH trong giai đoạn vừa qua nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả đạt được với các chỉ tiêu trong kế hoạch về số lượng xuất bản trong nước, số lượng XBQT, tỷ lệ XBQT/giảng viên, tổng số IF, tổng số trích dẫn [H18.18.01.29],[H9.09.03.05]. Trong thời gian qua, kết quả về công bố khoa học của nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, ví dụ năm học 2020-2021, số bài báo quốc tế đạt 122 bài so với chỉ tiêu là 54 bài, hay xuất bản trong nước đạt 160 bài so với chỉ tiêu là 90 bài. Trong báo cáo đối sánh kết quả NCKH so với một số trường trong khối ngành sức khỏe cũng cho thấy, kết quả về công bố của nhà trường vượt trội so với các trường khác đặc biệt là XBQT [H12.12.03.02]. Năm 2019, nhà trường đã chủ động thực hiện nghiên cứu “Nghiên cứu tổng quan đánh giá năng lực XBQT ở các trường Y Dược khu vực Đông Nam Á năm 2019”. Kết quả báo cáo cho thấy, so với các trường đào tạo Y Dược tại Việt Nam và trong khu vực, Trường ĐHYTCC là một trong những đơn vị có thành tích và năng lực

XBQT tiềm năng, số lượng XBQT trong những năm gần đây đã tăng lên đáng kể, tỷ lệ XBQT/giảng viên đạt thứ hạng cao. Cụ thể, Trường ĐHYTCC đứng thứ 2 trong số top 5 đơn vị đào tạo, nghiên cứu Y dược tại Việt Nam có tỷ lệ GV, NCV có từ 30 bài báo quốc tế trở lên và top 2 trong số 5 đơn vị có tỷ lệ GV, NCV có H-index ≥ 10 [H18.18.03.03]. Năng lực XBQT của Trường cũng được hệ thống UPM công nhận khi hệ thống này phân tích các chỉ số và xếp hạng trường ĐHYTCC đứng top 2 về số bài báo XBQT/GV và top 6 về năng lực nghiên cứu giai đoạn 2015- 2019 [H18.18.03.04].

Nhà trường có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng và số lượng các công bố khoa học, bao gồm trích dẫn. Trong MTCL 2 về NCKH tại KHCL phát triển Trường ĐHYTCC giai đoạn 2020-2025 xác định tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH trong đó XBQT tăng 0,6 bài /GV (năm 2018) lên 0,65 bài/GV (năm 2022) [H1.01.01.01]. Để đạt được kế hoạch này, nhà trường tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng XBQT cho GV với các tiêu chí cụ thể và tăng dần độ khó để đảm bảo chất lượng như: thưởng cho bài báo được xuất bản trên tạp chí quốc tế trong danh mục ISI/scopus/Pubmed với số tiền thưởng tối đa là 40 triệu/bài năm học 2018-2019, năm 2019-2020 mức thưởng cao nhất cho bài báo là 50 triệu đồng/bài báo nếu được đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus/PubMed và theo hệ số tác động IF < 3 , $3 \leq \text{IF} \leq 5$ và $\text{IF} > 5$; năm 2020-2021 ngoài các tiêu chí trên còn có thêm tiêu chí về xếp hạng tạp chí theo Q, thưởng sau khi hoàn thành nhiệm vụ tối thiểu và mức thưởng cao nhất là 60 triệu đồng/bài. Ngoài ra, phòng QLKH&HTPT là đơn vị quản lý đã có những hoạt động cụ thể để cải tiến hoạt động XBQT của GV như phòng đã có những hướng dẫn về việc tạp chí phù hợp, tránh các tạp chí “săn mồi” [H23.23.03.05]; hay chủ động tìm kiếm và gửi thông báo mời viết bài của các tạp chí quốc tế, danh sách các tạp chí quốc tế có nhều xuất bản thành công hay danh mục các tạp chí được Hội đồng GSNN công nhận trong danh mục tạp chí tính điểm của ngành Y để GV có thể gửi bài đăng cho tạp chí phù hợp [H23.23.03.06]. Thông qua việc thực hiện khảo sát đánh giá về sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ KHCN của nhà trường từ năm học 2020-2021, nhà trường cũng đã đưa phương hướng cải tiến số lượng và chất lượng hoạt động công bố kết quả cụ thể như tiếp tục các chính sách khen thưởng trực tiếp, hỗ trợ tìm kiếm

các tạp chí phù hợp cho GV, tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực viết bài báo XBQT, hỗ trợ hiệu đính tiếng Anh... [H18.18.04.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường ĐHYCC có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó có quy định về việc sở hữu trí tuệ. Từ năm 2016, nhà trường đã lần đầu xây dựng và ban hành Quy định quản lý TSTT. Quy định này được chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung vào năm 2018 và 2021 [H18.18.01.18] [H18.18.01.19]. Về loại hình TSTT, trong Quy định về quản lý TSTT của nhà trường có xác định rõ loại hình các TSTT của Trường ĐHYTCC là các sản phẩm trí tuệ của cán bộ GV, HV, SV của Trường sáng tạo hoặc là sản phẩm của các hợp đồng thuê khoán chuyên môn, được thực hiện bằng nguồn lực của Trường ĐHYTCC, gồm: đề cương, báo cáo khoa học, bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí trong và ngoài nước, báo cáo khoa học tại các hội nghị hội thảo, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, các sản phẩm của đề tài/dự án NCKH, sách/giáo trình/tài liệu/bài giảng/bài trình bày, các thông tin hình ảnh từ sự kiện do Trường ĐHYTCC thực hiện, các sáng chế, giải pháp được tạo ra từ hoạt động NCKH, đào tạo và truyền thông của cán bộ, GV nhà trường. Về số lượng các TSTT được nhà trường xác lập trong kế hoạch chỉ tiêu BSC đầu mỗi năm học [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Trong kế hoạch này, số lượng TSTT được nhà trường xác định là số lượng các đề tài các cấp, số lượng bài báo khoa học, số lượng báo cáo tại hội nghị hội thảo. Ngoài ra, nhà trường cũng xác định từ các TSTT này, mỗi năm nhà trường có ít nhất 01 sản phẩm được đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích hay bản quyền.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các TSTT. Hệ thống này thống nhất từ nhân sự, quy trình thực hiện, hoạt động báo cáo giám sát đến tổng kết đánh giá. Về nhân sự, phòng QLKH&HTPT là đơn vị chức năng được nhà trường giao nhiệm vụ quản lý và hỗ trợ bảo hộ TSTT [H1.01.04.01] [H9.09.01.24] [H3.03.01.02]. Tại phòng QLKH& HTPT có 01 chuyên viên phụ trách hoạt động quản lý và hỗ trợ đăng ký,

bảo hộ các sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền [H19.19.01.03] [H19.19.01.02] [H19.19.01.01]. Về quy trình thực hiện theo dõi giám sát, nhà trường đã ban hành Quy định quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐHYTCC trong đó có các điều khoản về đăng ký bảo hộ và quản lý các sản phẩm TSTT cũng như hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện quy trình đăng ký sáng chế/GPHI và quy trình đăng ký quyền tác giả [H18.18.01.18] [H18.18.01.19] [H19.19.01.05]. Chỉ tiêu đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI, bản quyền được nhà trường xác định ít nhất 01 sản phẩm/năm học được thể hiện trong chỉ tiêu BSC đầu năm học cũng như được xác định là một chỉ số đảm bảo chất lượng NCKH nội bộ [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] [H9.09.01.07]. Để thực hiện được chỉ tiêu này, trong kế hoạch tuyển chọn các đề tài đầu mỗi năm học nhà trường đã luôn nhấn mạnh ưu tiên các nghiên cứu có sản phẩm có khả năng đăng ký SHTT/GPHI/bản quyền [H18.18.02.18] [H18.18.02.20] [H18.18.02.21] [H18.18.02.22]. Hàng năm, nhà trường cũng có khoản kinh phí nhất định (từ 30-50 triệu) cho hoạt động hỗ trợ đăng ký bảo hộ TSTT. Về hoạt động báo cáo tổng kết, kết quả về các TSTT của nhà trường trong năm học được báo cáo chi tiết trong báo cáo đánh giá BSC phòng QLKH&HTPT theo quý, giữa kỳ và cuối năm học [H18.18.01.29] và báo cáo đánh giá chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA của phòng QLKH&HTPT [H9.09.03.05]. Từ năm 2018 đến nay, chỉ tiêu về các TSTT của nhà trường đều đạt chỉ tiêu đề ra. Ngoài ra nhà trường còn thực hiện báo cáo tổng kết rà soát việc đăng ký, bảo hộ và công tác quản lý TSTT vào năm 2018, 2020 để phân tích thực trạng, nhu cầu và giải pháp tăng cường công tác đăng ký và quản lý các TSTT trong đó có bảo hộ các sáng chế/GPHI/bản quyền [H19.19.03.02].

Việc thực hiện đối sánh các loại hình và số lượng TSTT được thực hiện qua việc rà soát, đối sánh so với chỉ tiêu trong kế hoạch đầu năm cũng như hiện tổng kết rà soát việc đăng ký, bảo hộ và công tác quản lý TSTT trong báo cáo cụ thể năm 2018, 2020 và như đã được trình bày ở trên. Ngoài ra, nhà trường cũng đã thực hiện đối sánh các sản phẩm của nhà trường với một số đơn vị khác trong khối ngành sức khỏe, như so sánh về số lượng các đề tài, số lượng các bài báo trong và ngoài nước, số lượng các báo cáo tham dự hội nghị hội thảo, hay các sản phẩm đã đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI, bản quyền. Báo cáo đối sánh cho thấy, có một số chỉ số về các sản phẩm là TSTT của nhà trường vượt trội so với các trường

cùng khối ngành như số lượng đề tài hợp tác quốc tế, số lượng xuất bản trong nước và quốc tế [H12.12.03.02]. Tuy nhiên, về các sản phẩm đã đăng ký bảo hộ sáng chế/GPHI/bản quyền thì cũng giống như các đơn vị khác, do đặc thù lĩnh vực YTCC chủ yếu là các can thiệp cộng đồng, rất ít các sản phẩm mang kỹ thuật hay nằm ngoài nhận thức của con người nên các sản phẩm có khả năng đăng ký sáng chế hay giải pháp hữu ích còn khá hạn chế.

Nhà trường đã thực hiện việc đối sánh loại hình, số lượng các công bố khoa học bao gồm trích dẫn so với kế hoạch xây dựng đầu năm học, so với các trường có quy mô tương đồng trong khối ngành khoa học sức khỏe và so với một số trường cùng lĩnh vực trong khu vực Đông Nam Á. Trong báo cáo đánh giá thực hiện chỉ tiêu BSC phòng QLKH&HTPT và báo cáo đánh giá chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ IQA, phòng QLKH&HTPT đã tổng kết, đánh giá và so sánh kết quả đạt được về số lượng xuất bản trong nước, số lượng xuất bản quốc tế, tỷ lệ XBQT/giảng viên, tổng số IF, tổng số trích dẫn so với chỉ tiêu đặt ra đầu năm học. Trong 5 năm qua, các chỉ số về công bố khoa học và trích dẫn của nhà trường đều đạt và vượt so với định mức đặt ra trong kế hoạch đầu năm. Ví dụ năm học 2020-2021, chỉ tiêu đặt ra cho XBQT là 54 bài nhưng kết quả nhà trường đã đạt được là 122 bài. Hay tổng chỉ số trích dẫn đặt ra đầu năm là 110, kết quả cuối năm học đạt tổng số là 1139. Trong báo cáo đối sánh kết quả NCKH so với một số trường trong khối ngành sức khỏe như Trường ĐH Y Hải Phòng, Trường ĐH Y Thái Bình cũng đã so sánh kết quả công bố quốc tế trong 5 năm của nhà trường so với các đơn vị này. Có thể thấy sự vượt trội về số lượng XBQT của nhà trường so với các trường cùng đào tạo mã ngành, cùng quy mô tổ chức [H12.12.03.02]. Điều này cũng được khẳng định trong kết luận của “Nghiên cứu tổng quan đánh giá năng lực xuất bản quốc tế ở các trường Y dược khu vực Đông Nam Á năm 2019” do nhà trường chủ trì thực hiện năm 2019 [H18.18.03.03]. Kết quả của nghiên cứu chỉ rõ Trường ĐHYTCC là một trong những đơn vị thuộc khối ngành sức khỏe có tiềm năng và năng lực XBQT đứng đầu hiện nay. Hệ thống UMP khi phân tích các chỉ số cũng đã công bố Trường ĐHYTCC đứng top 2 về số xuất bản quốc tế/giảng viên và top 6 về năng lực nghiên cứu giai đoạn 2015-2019 trong số các trường đại học tại Việt Nam [H18.18.03.04]. XBQT được đánh giá là một thế mạnh của Trường.

Nhà trường có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng và số lượng các công bố khoa học. Để cải tiến chất lượng và số lượng các công bố khoa học đặc biệt là XBQT, Nhà trường đã ban hành kế hoạch/định mức khen thưởng XBQT và đấu thầu đề tài từ năm học 2018-2019 đến nay [H18.18.01.10] [H18.18.01.09] [H18.18.01.11]. Kế hoạch tăng cường này đã quy định định mức khen thưởng trực tiếp cho GV có bài báo đăng tải trên tạp chí quốc tế với định mức lên đến 30-40 triệu/bài khi GV là tác giả đứng đầu và tạp chí có IF cao. Chính sách này đã khuyến khích kịp thời để GV chú trọng hoạt động XBQT. Chính nhờ có chính sách này mà trong những năm qua, số lượng và chất lượng XBQT của nhà trường đã tăng đáng kể. Ngoài ra, phòng QLKH&HTPT là đơn vị quản lý cũng đã chủ động có các hoạt động cụ thể giúp tăng cường số lượng và chất lượng xuất bản như đã có các hướng dẫn về việc tìm tạp chí phù hợp [H23.23.03.05]; hay thông báo, cập nhật danh mục các tạp chí được tính điểm của Hội đồng GSNN các năm [H23.23.03.06]. Từ kết quả khảo sát đánh giá về sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ KHCN từ năm học 2020-2021, nhà trường cũng đã đưa ra phương hướng cải tiến hơn nữa chất lượng và số lượng công bố khoa học trong năm học tới bằng các giải pháp cụ thể như tiếp tục chính sách khen thưởng bài báo, hỗ trợ tìm kiếm tạp chí phù hợp, tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực viết và XBQT, hỗ trợ hiệu đính tiếng Anh [H18.18.04.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu. Tổng chi cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của nhà trường đáp ứng các quy định hiện hành khoảng 2-3 tỷ đồng/năm học. Ngoài ra trong kế hoạch thực hiện MTCL 2 về NCKH và dự toán chi tiết hoạt động theo chỉ tiêu BSC được nhà trường xây dựng đầu mỗi năm học đều có ghi rõ kinh phí thu, chi dành cho các hoạt động NCKH. Chẳng hạn như năm học 2020-2021 xác định tổng thu từ các đề tài/dự án/hợp đồng KHCN là 7,5 tỷ (chỉ tiêu này năm 2021-2022 tăng lên 14 tỉ) và tổng chi cho hoạt động quản lý NCKH, tăng cường chất lượng số lượng các loại hình NCKH là khoảng 2-3 tỷ. Thực tế tổng kinh phí NCKH từ các đề tài, dự án trong nước và quốc tế mỗi năm thường đạt 10-

30 tỉ VNĐ, vượt kế hoạch đề ra (ví dụ tổng kinh phí NCKH từ các đề tài dự án năm 2020-2021 là 29.658.080.000đ so với chỉ tiêu đề ra là 7,5 tỉ VNĐ) [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H18.18.01.04] [H1.01.02.04], [H7.07.01.11] [H7.07.01.12] [H7.07.01.13] [H7.07.01.14].

Ngoài định mức tổng thể về thu chi, trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường cũng có quy định cụ thể về phân bổ kinh phí cho một số hoạt động NCKH cơ bản như định mức chi cho đề tài cơ sở từ 30-50 triệu/đề tài; đề tài NCKH của sinh viên là 5-10 triệu/đề tài; chi cho Hội đồng KHCN đánh giá và nghiệm thu đề tài cán bộ và sinh viên; chi tổ chức hội nghị/hội thảo khoảng 100-200 triệu/ năm; chi thưởng XBQT, đề tài đấu thầu thành công khoảng 700-1,2 tỷ,...[H18.18.01.23] [H18.18.01.24] [H18.18.01.25] [H18.18.01.26] [H18.18.01.27], [H23.23.05.01] [H23.23.05.02] [H23.23.05.03] [H23.23.05.04] [H23.23.05.05]. Ngoài ra, nhà trường cũng đã ban hành Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán đề tài sử dụng kinh phí từ Trường năm 2019 [H18.18.01.28]. Đây là căn cứ để GV nhà trường xây dựng dự toán đề tài cấp cơ sở phù hợp với quy định của nhà nước cũng như phù hợp với kinh phí bố trí được từ phía nhà trường.

Cùng với đó, nhà trường cũng có định mức chi khen thưởng XBQT với định mức từ 30-60 triệu đồng/bài báo mà GV là tác giả đứng đầu và có hệ số IF cao hoặc tạp chí trong hệ thống Q1, Q2; từ 10-15 triệu đồng chi đều cho các tác giả khi GV là tác giả tham gia bài báo, hay nếu GV đấu thầu đề tài thành công sẽ được thưởng trực tiếp 2% tổng kinh phí của đề tài... [H18.18.01.09]. Có thể nói, nhà trường đã rất chú trọng bố trí kinh phí để đầu tư, phát triển hoạt động NCKH kịp thời và có định hướng rõ ràng. Số kinh phí dành cho hoạt động NCKH và hoạt động quản lý NCKH hàng năm đều đạt 5% theo đúng tinh thần Nghị định 99/ 2014-CP quy định về việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong cơ sở giáo dục đại học [H23.23.05.06].

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của GV, cán bộ về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Nhà trường bắt đầu thực hiện việc đánh giá phản hồi về các dịch vụ NCKH trong đó phản hồi về kinh phí cho từng loại hoạt động của nghiên cứu từ năm học 2020-2021 thông qua phiếu khảo sát đánh giá về sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ KHCN của nhà trường [H18.18.04.01].

Phiếu khảo sát được gửi email đến cán bộ GV trong trường và kết quả được tổng hợp đánh giá bởi phòng QLKH&HTPT. Báo cáo kết quả khảo sát cho thấy, đa số cán bộ GV hài lòng với các khoản kinh phí dành cho NCKH của nhà trường đặc biệt là kinh phí chi cho đầu tư, khuyến khích các XBQT, kinh phí triển khai các đề tài... [H18.18.04.03]

Nhà trường có hệ thống giám sát việc phân bổ kinh phí cho từng hoạt động của nghiên cứu. Việc phân bổ kinh phí về NCKH được triển khai dựa trên dự toán hoạt động theo chỉ tiêu BSC được phòng QLKH&HTPT xây dựng đầu năm học và được phòng TCKT rà soát, trình BGH duyệt chi [H7.07.01.11] [H7.07.01.12] [H7.07.01.13] [H7.07.01.14]. Căn cứ vào dự toán được duyệt, phòng QLKH&HTPT triển khai các hoạt động theo kế hoạch và phòng TCKT là đơn vị giám sát chi các hoạt động theo định mức đã được duyệt. Cuối năm học, phòng QLKH&HTPT phối hợp với phòng TCKT tổng hợp kinh phí chi cụ thể cho hoạt động NCKH để báo cáo BGH [H23.23.05.06]. Ngoài ra, phòng TCKT sẽ thực hiện báo cáo tài chính của năm học trong đó có báo cáo về hoạt động NCKH, đánh giá thu chi từ các nguồn của hoạt động NCKH để báo cáo các bên liên quan [H23.23.05.07].

Nhà trường có thực hiện đối sánh và điều chỉnh kinh phí dành cho từng loại hoạt động NCKH hàng năm, có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Việc đối sánh kinh phí cho hoạt động NCKH được thực hiện trong báo cáo kinh phí cho hoạt động NCKH theo dự toán BSC [H23.23.05.08]. Phòng QLKH&HTPT thực hiện tổng kết theo từng đầu mục hoạt động số kinh phí đã chi so với dự toán được duyệt. Đa số các hoạt động đều bám sát dự toán ban đầu. Một số hoạt động trong quá trình thực hiện có phát sinh hoặc vượt định mức cần điều chỉnh, đều đã được Phòng trình xin ý kiến chỉ đạo của BGH và phòng TCKT phê duyệt mới triển khai thực hiện. **Bên cạnh đó nhà trường có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu.** Nhà trường cam kết bố trí kinh phí thường xuyên từ nguồn thu của nhà trường từ 2-3 tỷ/năm để phát triển hoạt động NCKH. Điều này được thể hiện trong KHCL phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 [H1.01.01.01]. Nhà trường xác định đầu tư cho từng loại hình nghiên cứu cụ thể ví dụ như ưu tiên cấp kinh phí cho đề tài đạt chi phí- hiệu quả như các đề tài thiết kế nghiên cứu tổng quan, sử dụng số liệu thứ cấp, ứng dụng kỹ thuật phân tích dữ liệu

lớn (big data), sử dụng kỹ thuật phân tích nâng cao, đề tài có hướng dẫn nghiên cứu sinh, cao học... Nhà trường cũng cam kết tiếp tục giải pháp thi đua khen thưởng như chính sách khuyến khích động viên khen thưởng cho các đơn vị cá nhân đưa các đề tài, dự án về trường, tiếp tục chính sách khen thưởng XBQT trong danh mục ISI, Scopus (có tính đến chỉ số tác động IF và phân nhóm Q1, Q2, Q3, Q4) [H18.18.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Trong Điều 14 của Quy định quản lý KHCN của cán bộ GV Trường ĐHYTCC năm 2021 ghi rõ yêu cầu kết quả đầu ra của đề tài cấp Trường đó là ngoài các sản phẩm cam kết trong thuyết minh đề cương được duyệt thì đề tài cấp Trường cần có một trong các sản phẩm cụ thể là: ít nhất 01 bài báo xuất bản trong nước trong thời gian 6 tháng tính từ thời điểm nghiệm thu đạt yêu cầu và phải có bản thảo bài báo trước khi nghiệm thu; hoặc có ít nhất 01 XBQT được nộp trong thời gian 01 năm sau khi đề tài được xác nhận hoàn thành; hoặc tham gia đào tạo ít nhất 01 cử nhân làm khóa luận tốt nghiệp hoặc 01 học viên sau đại học làm luận văn hoặc có 02 học viên/sinh viên tham gia thực hiện đề tài [H18.18.01.08]. Ngoài ra trong Kế hoạch tuyển chọn đề tài cấp cơ sở của GV và HV, SV hàng năm, nhà trường cũng quy định ưu tiên cho các nghiên cứu có tính sáng tạo, tính mới; đề tài có các sản phẩm có khả năng đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, bản quyền [H18.18.02.18] [H18.18.02.20] [H18.18.02.21] [H18.18.02.22]. Điều đó cho thấy nhà trường đã quan tâm và đã có quy định rất cụ thể về kết quả của hoạt động NCKH để GV nhà trường tuân thủ và thực hiện.

Nhà trường có tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu và sáng tạo. Từ năm 2019, để đánh giá và tiếp nhận phản hồi về chất lượng nghiên cứu, nhà trường xây dựng bộ chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ về NCKH dưới sự giám sát của hội đồng đảm bảo chất lượng của Trường [H9.09.01.07]. Ngoài ra, nhà trường tiếp nhận phản hồi về chất lượng nghiên cứu của cán bộ, GV qua các hội đồng xét

duyet ý tưởng, xét duyệt đề cương và hội đồng nghiệm thu kết quả, cũng như ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong thực tiễn. Các hội đồng được thành lập gồm những chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu. Đối với đề tài cấp cơ sở, hội đồng thẩm định đề tài theo đúng quy định, quy trình quản lý NCKH của nhà trường [H18.18.01.06] [H18.18.01.07] [H18.18.01.08]. Tiêu chí thẩm định để đánh giá xếp loại đề tài có trong các mẫu phiếu thẩm định như mục tiêu và phương pháp nghiên cứu rõ ràng; chủ đề nghiên cứu có tính mới, sáng tạo; kết quả đầu ra cụ thể; kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng trong thực tiễn, trong giảng dạy và nghiên cứu tại Trường ĐHYTCC... [H23.23.01.03]. Căn cứ vào đánh giá của hội đồng, nhà trường quyết định có tuyển chọn, phê duyệt hay nghiệm thu kết quả báo cáo hay không. Đa số các đề tài cấp cơ sở trong thời gian qua được hội đồng đánh giá xếp loại từ mức đạt trở lên khi nghiệm thu kết quả [H23.23.01.02]. Đối với các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước/bộ/tỉnh/thành phố, chất lượng nghiên cứu cũng được đánh giá qua các hội đồng được đơn vị quản lý thành lập và việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Trong 5 năm, các đề tài cấp Nhà nước/bộ/tỉnh/thành phố do nhà trường chủ trì đều được các hội đồng và cơ quan quản lý nghiệm thu và đánh giá rất tốt. Trong đó có nhiều đề tài nghiệm thu đạt loại xuất sắc. Ví dụ điển hình là 03 đề tài NCKH cấp Nhà nước đã đạt loại xuất sắc là đề tài “Nghiên cứu dịch tễ học, phương pháp chẩn đoán và can thiệp sớm rối loạn tự kỷ ở trẻ em tại cộng đồng”; đề tài “Những giải pháp cơ bản và cấp bách về chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay”, đề tài “Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng vùng biên giới Tây Nguyên và tạo sản phẩm hàng hóa từ nguồn dược liệu bản địa” [H23.23.06.01]. Kết quả từ các đề tài cấp Nhà nước kể trên cũng được áp dụng tại các địa phương như: Quy trình chẩn đoán sớm và can thiệp sớm rối loạn tự kỷ ở trẻ em ở cộng đồng [H21.21.02.13] áp dụng tại phòng can thiệp sớm cho trẻ em tự kỷ tại Bệnh viện Nhi Thái Bình và BVĐK Hòa Bình năm 2019 [H21.21.02.14]; ứng dụng kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tạo sản phẩm hàng hóa gồm nguyên liệu làm thuốc và thực phẩm chức năng từ dược liệu bản địa [H21.21.02.15]. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu của nhà trường đã có những đóng góp đáng kể vào việc cung cấp thông tin cho công tác hoạch định chính sách y tế như các chính sách phòng chống tai nạn thương tích cấp quốc gia, phòng chống tác

hại thuốc lá; chuẩn bị ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, phòng ngừa HIV/AIDS, chiến lược quốc gia về sức khỏe sinh sản.

Về các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo. Do đặc thù của lĩnh vực nên nhà trường chưa thành lập các đơn vị khởi nghiệp tuy nhiên Trường có các đơn vị/nhóm nghiên cứu chủ động đấu thầu, thử nghiệm và triển khai các nghiên cứu. Năm 2015, Trường ĐHYTCC đã thành lập 6 nhóm nghiên cứu theo các lĩnh vực nghiên cứu là thế mạnh của trường gồm các nghiên cứu về các bệnh không lây nhiễm (NCDs), các bệnh lây nhiễm và HIV/AIDS, thuốc lá và tác hại của thuốc lá, hệ thống y tế và chính sách y tế, kinh tế y tế, biến đổi khí hậu và sức khoẻ [H18.18.02.07]. Bên cạnh đó, nhà trường hiện có 3 trung tâm nghiên cứu trực thuộc Trường gồm: Trung tâm Nghiên cứu Chính sách và Phòng chống Chấn thương (CCIPR), Trung tâm Nghiên cứu Y tế công cộng và Hệ sinh thái (CENPHER), Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Sức khỏe cộng đồng (CPHS) [H18.18.02.08]. Các nhóm nghiên cứu và các trung tâm trên đã tiến hành đấu thầu thành công nhiều dự án nghiên cứu trong và ngoài nước, góp phần mang lại nguồn thu về NCKH cho nhà trường.

Trường ĐHYTCC có thực hiện đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo, có thực hiện điều chỉnh và có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động nghiên cứu và sáng tạo. Đối sánh kết quả nghiên cứu được thực hiện so với chỉ tiêu đặt ra đầu năm học thể hiện trong báo cáo đánh giá BSC của phòng QLKH&HTPT theo quý, giữa kỳ và cuối mỗi năm học [H18.18.01.29], cũng như trong báo cáo chỉ số đảm bảo chất lượng nội bộ về NCKH (chỉ số IQA) [H9.09.03.05] và trong báo cáo tổng kết cuối năm học (báo cáo HNCNVC) [H2.02.03.04]. Việc so sánh với chỉ tiêu đầu năm để đánh giá tiến độ và có những điều chỉnh kịp thời trong hoạt động NCKH để đảm bảo đạt được kế hoạch đề ra. Ngoài ra, nhà trường đã chủ động thực hiện đối sánh kết quả NCKH của nhà trường so với một số trường trong khối ngành sức khỏe như Trường ĐH Y Hải Phòng, trường ĐH Y Thái Bình... [H12.12.03.02]. Nhà trường cũng thực hiện việc điều chỉnh, rà soát hoạt động NCKH thông qua biên bản họp rà soát điều chỉnh kế hoạch KHCN giữa năm học của HĐKHCN-ĐT [H23.23.06.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Nhà trường có các quy định, quy trình quản lý KHCN rất rõ ràng cụ thể, thường xuyên được cập nhật bổ sung để phù hợp với bối cảnh. Nhà trường có cơ sở dữ liệu quản lý các kết quả NCKH được thực hiện trên phần mềm giúp cho việc quản lý được mang lại hiệu tốt. So với các đơn vị khác, chỉ số về số lượng các đề tài quốc tế, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trong đó số lượng XBQT và chỉ số trích dẫn, H-index của nhà trường vượt trội và Nhà trường có cơ chế khuyến khích đầu tư phát triển NCKH đem lại hiệu quả cao giúp nâng cao chất lượng và số lượng NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Số lượng đề tài của sinh viên ở một số ngành mới còn hạn chế, cần tăng cường trong những năm tới.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường số lượng các đề tài NCKH của NH bằng cách giao kế hoạch tới các khoa chuyên ngành để định hướng cho SV thực hiện đề tài NCKH	Phòng QLKH&HTPT	Từ năm học mới 2022- 2023	Khoa/đơn vị phối hợp
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỗ trợ đấu thầu để tăng số lượng và chất lượng các đề tài hợp tác quốc tế	Phòng QLKH&HTPT Khoa/đơn vị/GV	Năm học 2022-2023	
3		Tiếp tục cơ chế chính sách đầu tư phát triển NCKH và khuyến khích GV tham gia	Phòng QLKH&HTPT Khoa/đơn	Từ năm học mới 2022- 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		các hoạt động NCKH đặc biệt là các công bố quốc tế	vị/GV		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	4.67
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	4
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	5
Tiêu chí 23.6	4

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Để hiện thực hóa sứ mệnh và tầm nhìn là một trường đại học có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, Trường ĐHYTCC đã ***có văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (PVCĐ), đóng góp cho xã hội*** như KHCL phát triển tổng thể Trường ĐHYTCC giai đoạn 2013-2020 [H4.04.01.02] gồm: Củng cố và phát triển các chương trình đào tạo để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu xã hội; Tăng cường chuyên gia kết quả NCKH để xây dựng chính sách và thực hành tốt hơn vì lợi ích của cộng đồng; tăng cường năng lực về phân tích và vận động chính sách, phổ biến những thành công và kết quả nghiên cứu PVCĐ; hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở YTCC khác về các chức năng của YTCC; phối hợp với các

đối tác trong đào tạo, nghiên cứu, tư vấn và vận động chính sách; cải cách giáo dục, đào tạo cán bộ y tế của thế kỷ 21.

KHCL phát triển Trường ĐHYTCC giai đoạn 2018-2023 [H1.01.03.01], giai đoạn 2020-2025 [H1.01.01.01] đã xác lập loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ thông qua các mục tiêu đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ như: đổi mới, mở rộng các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng số lượng học viên các chương trình đào tạo ngắn hạn; tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH có tính ứng dụng cao đối với nhu cầu xã hội, tăng nguồn thu từ các lớp đào tạo phương pháp NCKH, viết bài báo quốc tế; cung cấp dịch vụ có uy tín đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe...; tăng cường gắn kết và HTPT để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo PVCĐ, ứng dụng chuyên giao công nghệ cho các sản phẩm NCKH và các hoạt động dịch vụ PVCĐ. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối, PVCĐ, đóng góp cho xã hội còn được xác lập ở các mục tiêu ngắn hạn của Nhà trường, được xây dựng vào đầu năm học như kế hoạch MTCL năm học giai đoạn 2018-2022 [H4.04.01.07], [H4.04.01.09], [H4.04.01.08], [H1.01.02.01]; [H1.01.02.02]; [H18.18.01.05]; [H1.01.02.04]; Kế hoạch BSC năm học từ năm 2018-2022 của các đơn vị [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04], theo đó có chỉ tiêu cụ thể về khối lượng hoạt động PVCĐ hàng năm gồm: xây dựng mới 1-2 chương trình đào tạo ngắn hạn; tổ chức 1-2 hội thảo quốc tế, hội nghị quốc gia, liên đơn vị; tổ chức 4-6 hội thảo tập huấn phương pháp NCKH, phân tích số liệu, viết bài báo quốc tế; tiếp tục khảo sát tỉ lệ khách hàng tái sử dụng dịch vụ của phòng khám, TTXN để duy trì và cải thiện chất lượng các dịch vụ khám chữa bệnh, xét nghiệm và triển khai các dịch vụ mới. Kế hoạch BSC hàng năm của các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, ĐTN có chỉ rõ các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ như: 100% công đoàn viên tham gia các hoạt động nhằm tuyên truyền góp ý từ thiện, hiến máu nhân đạo, tổ chức các chương trình tình nguyện mùa hè xanh, các chương trình thiện nguyện,...

Trường ĐHYTCC *có hệ thống giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội* thông qua kế hoạch MTCL năm học, kế hoạch BSC đã được phê duyệt đầu năm học và giám sát thông qua báo cáo các cuộc họp

Đảng ủy, họp Hội đồng trường, họp giao ban, nhằm kịp thời phát hiện các vấn đề khó khăn, tồn tại từ đó có các giải pháp để đạt được các mục tiêu kết nối và PVCD đã đề ra. Đối với các hoạt động kết nối, PVCD thuộc mục tiêu đào tạo và NCKH còn được giám sát thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp định kỳ 3 tháng /lần [H2.02.02.05], Hội đồng ĐBCL họp mỗi năm 2 lần. Đối với các hoạt động PVCD của Công đoàn được giám sát của BGH, Ban thanh tra nhân dân Công đoàn ngành Y tế giám sát. Các hoạt động kết nối PVCD của ĐTN được giám sát bởi Đảng ủy, Ban giám hiệu, các phòng liên quan, Thành đoàn Thành phố.

Việc thực hiện đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD được Nhà trường đặc biệt quan tâm từ quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động cho đến các cuộc họp tổng kết, đánh giá. Việc đối sánh được thực hiện định kỳ hàng năm thông qua báo cáo tổng kết hoạt động các năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04], báo cáo BSC các đơn vị hàng năm giai đoạn 2018-2022 [H4.04.02.03], báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn các năm học giai đoạn 2017-2022 [H21.21.03.01], báo cáo tổng kết công tác Đoàn các năm học giai đoạn [H21.21.02.39]. Từ đó, Nhà trường đánh giá kết quả đạt được để tiếp tục phát huy điểm mạnh, xem xét các hạn chế, tồn tại để kịp thời điều chỉnh các loại hình và khối lượng tham gia các hoạt động nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội và cộng đồng.

Nhà trường cũng xây dựng ***hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội*** bằng việc lấy ý kiến khảo sát của học viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, khách hàng sử dụng các dịch vụ KH&CN, tư vấn khám, chữa bệnh và xét nghiệm. Kế hoạch khảo sát được xác lập trong kế hoạch BSC các đơn vị chức năng liên quan [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Với mỗi đối tượng tham gia khảo sát đều có hướng dẫn trả lời kèm phiếu khảo sát riêng biệt [H24.24.01.01]. Kết quả khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD được thể hiện qua báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của HV các chương trình ĐT ngắn hạn các năm giai đoạn 2019-2022 [H21.21.03.03], báo cáo đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng các

dịch vụ KH&CN năm học 2020-2021 [H18.18.04.03], báo cáo đánh giá sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh tại PKĐK các năm 2019-2022 [H21.21.03.04], báo cáo đánh giá sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ tại TTXN các năm 2019-2022 [H21.21.03.05]. Các hoạt động kết nối, PVCD của Công đoàn và ĐTN chủ yếu là các hoạt động thiện nguyện, Nhà trường chưa tổ chức thu thập lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tuy nhiên đóng góp của các hoạt động trên đối với xã hội được thể hiện thông qua thư cảm ơn của địa phương, đơn vị thụ hưởng kết quả [H21.21.02.35], hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về các hoạt động này.

Hàng năm, Trường ĐHYTCC ***có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.*** Căn cứ vào sự phản hồi của các bên liên quan, các đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động xây dựng kế hoạch cho năm học tới trên cơ sở phát huy các kết quả đã đạt được, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, cải tiến các điểm còn tồn tại để nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động ĐT, NCKH, dịch vụ, các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng và yêu cầu phát triển của xã hội [H4.04.01.07] [H4.04.01.09] [H4.04.01.08] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04] [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Toàn bộ kết quả giám sát, đo lường các hoạt động kết nối PVCD được công khai qua email nội bộ Trường để các đơn vị duy trì, đồng thời xây dựng kế hoạch cải tiến cho năm tiếp theo [H21.21.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hàng năm, Nhà trường có ***kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động*** các hoạt động Đào tạo, NCKH, cung cấp dịch vụ, trong đó có đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD thông qua kế hoạch BSC năm học các đơn vị giai đoạn 2018-2022 [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Kết quả khảo sát đối với học viên các chương trình đào tạo ngắn hạn cho thấy 99,6 học viên rất hài lòng và hài lòng với chất lượng các chương trình đào tạo ngắn hạn. 89,6% đối tác trong và ngoài trường đánh

giá rất hài lòng và hài lòng về hiệu quả tác động các hoạt động dịch vụ KH&CN của Nhà trường như: Hội thảo, tập huấn, triển khai nghiên cứu đề tài (số liệu thu thập được trong năm 2021) [H18.18.04.03]. Theo số liệu thống kê và phân tích giai đoạn 2019-2022, 91,2% khách hàng đã sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa đánh giá hài lòng và rất hài lòng [H21.21.03.04]; Về đánh giá dịch vụ tư vấn và đánh giá về tư vấn kết quả, 92,5% khách hàng hoàn toàn hài lòng và hài lòng khi sử dụng các dịch vụ của Trung tâm xét nghiệm giai đoạn 2019-2022 [H21.21.03.05]. Trong thời gian qua, Nhà trường chưa triển khai đánh giá tác động các hoạt động thiện nguyện PVCD của Công đoàn và ĐTN, tuy nhiên có thể thấy tác động của các hoạt động này đến cộng đồng, địa phương, đơn vị, cá nhân được thụ hưởng thông qua các thư cảm ơn [H25.25.02.01] hay Bằng khen của Trung ương đoàn về thành tích hoạt động đoàn; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế về hỗ trợ các tỉnh, thành phố phòng chống dịch [H25.25.02.02].

Nhà trường có **hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội**. Cụ thể Trung tâm ĐBCL và Khảo thí là đơn vị chủ trì lập kế hoạch giám sát, đánh giá các hoạt động phục vụ Đào tạo, NCKH, cung cấp dịch vụ trong đó có các hoạt động kết nối PVCD, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khảo sát theo kế hoạch đã được xác lập trong kế hoạch BSC năm học của các đơn vị giai đoạn 2018-2022 [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Kết quả đánh giá tác động được tổng hợp trong Báo cáo BSC các đơn vị giai đoạn 2018-2022 [H4.04.02.03].

Hàng năm, Trường ĐHYTCC có **thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội** thông qua báo cáo tổng kết hoạt động các năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04], cụ thể:

- Về công tác đào tạo ngắn hạn PVCD: tổ chức các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội. Năm học 2017-2018, đã tổ chức 100 lớp đào tạo và cấp 2678 chứng chỉ, 1079 chứng nhận với tổng nguồn thu từ các lớp ngắn hạn này tăng 40% so với năm học trước; năm học 2018-2019 tăng 60% so với năm 2017-2018; năm học 2019-2020 tăng 100% so với năm học 2018-2019; năm 2020-2021 tăng 12% so với năm học trước.

- Về hoạt động cung cấp dịch vụ KH&CN số lượng tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo năm học 2017-2018 và năm 2018-2019 tổ chức 07 hội nghị, hội thảo, năm học

2019-2020 tổ chức 12 hội nghị, hội thảo; năm học 2020-2021 là 16.

- Về hoạt động cung cấp dịch vụ PVCD: năm học 2017-2018, số khách hàng cá nhân đã phục vụ khám chữa bệnh là 10.356, số hợp đồng khám sức khỏe cho các cơ quan tổ chức là 17; năm học 2018-2019, con số này đã tăng 42,0% so với năm học 2017-2018; năm 2020-2021 tăng 23,2% so với năm 2018-2019, năm 2020-2021 tăng 3,6%.

Nhà trường có **hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả** của hoạt động kết nối, PVCD, đóng góp cho xã hội thông qua các mục tiêu đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ. Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí là đơn vị đầu mối thiết kế phiếu khảo sát, kết hợp với các đơn vị chức năng liên quan tổ chức triển khai khảo sát theo kế hoạch đã được xây dựng trong Kế hoạch BSC năm học của các đơn vị giai đoạn 2018-2022 [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Với mỗi loại phiếu khảo sát đều có hướng dẫn trả lời ở phần mở đầu [H24.24.01.01]. Hình thức tổ chức khảo sát có thể được thực hiện trực tiếp hoặc online phù hợp với thực tế. Sau khi thu được kết quả khảo sát, Trung tâm ĐBCL&KT tiến hành phân tích, đánh giá kết quả và gửi lại các đơn vị liên quan qua email nội bộ. Riêng các hoạt động kết nối và PVCD do Công đoàn và ĐTN chưa triển khai thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội và kết quả của hoạt động này đối với xã hội. Tuy nhiên, các hoạt động thiện nguyện do Công đoàn và ĐTN tổ chức, đặc biệt là các chương trình Thanh niên tình nguyện luôn nhận được sự quan tâm tham gia và ủng hộ của Ban giám hiệu, cán bộ viên chức và học viên, sinh viên Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả khảo sát của học viên tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn, khách hàng sử dụng dịch vụ KH&CN, tư vấn khám, chữa bệnh và xét nghiệm, Lãnh đạo Trường **có kế hoạch cải tiến các hoạt động** trong kế hoạch thực hiện các mục tiêu chèn lược năm học, theo đó các hoạt động kết nối và PVCD được xây dựng bằng các chỉ số cụ thể phù hợp với thực tế và khắc phục các tồn tại của năm học trước [H4.04.01.07] [H4.04.01.09] [H4.04.01.08] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. Việc cải tiến các hoạt động kết nối và PVCD còn được các đơn vị liên quan đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động trong kế hoạch BSC năm học của các đơn vị giai đoạn 2018-2022 [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04], trong đó có các

chỉ số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, cụ thể:

- Tiếp tục mở các mã ngành đào tạo mới để phục vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng.
- Mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu của nhân lực y tế.
- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, địa phương trong triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học giải quyết các vấn đề cấp bách, ưu tiên mà cộng đồng đang gặp phải.
- Tổ chức các khóa học trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên.
- Tăng cường chất lượng các hoạt động dịch vụ tại Phòng khám đa khoa và Trung tâm xét nghiệm.
- Tăng cường các hoạt động gắn kết, phục vụ cộng đồng của đoàn viên và công đoàn viên Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường ĐHYTCC luôn quan tâm, thúc đẩy người học cũng như đội ngũ cán bộ giảng viên, nhân viên tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCD để ngày càng có nhiều các hoạt động thực sự có ý nghĩa đến cho cộng đồng và xã hội. Hàng năm, Nhà trường có **kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động** của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học thông qua kế hoạch BSC năm học các đơn vị giai đoạn 2018-2022 (phòng QLĐT) [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Đối với hoạt động đào tạo ngắn hạn, tác động của khóa học đối với người học được đánh giá thông qua phiếu khảo sát thực hiện sau khi kết thúc mỗi khóa học [H21.21.03.03]. Hoạt động kết nối và PVCD của Công đoàn và ĐTN có nhiều tác động đến đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên, tuy nhiên chưa được triển khai đánh giá theo hình thức khảo sát mà tác động của các hoạt động này được thể hiện ở một số kênh truyền thông của Nhà trường cũng như sự tham gia ngày càng nhiều hơn của các đối tượng trên.

Nhà trường có **hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học**, Trung tâm ĐBCL&KT phối hợp với Phòng QLĐT

và Trung tâm ĐTTNCXH tổ chức khảo sát theo kế hoạch đã được xác lập trong kế hoạch BSC năm học của đơn vị. Với mỗi phiếu khảo sát đều có hướng dẫn trả lời câu hỏi ở phần mở đầu và tiến hành khảo sát tới người học [H24.24.01.01]. Việc giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên chưa xây dựng hệ thống giám sát, tuy nhiên Công đoàn Trường có thể nắm bắt được tác động của hoạt động thông qua sự tham gia nhiệt tình của các tổ công đoàn, công đoàn viên.

Hàng năm, Nhà trường cũng thực hiện ***đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội*** thông qua báo cáo tổng kết hoạt động các năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04], Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn các năm học giai đoạn 2018-2022 [H21.21.03.01], Báo cáo tổng kết công tác Đoàn các năm học giai đoạn 2018-2022 [H21.21.02.39]. Theo đó, các chỉ số tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học được ghi nhận cụ thể như sau: năm học 2017-2018 Nhà trường tổ chức 4 lớp đào tạo ngắn hạn về phương pháp NCKH, Công tác xã hội trong bệnh viện, An toàn vệ sinh lao động trong ngành y tế, Xét duyệt đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học với 78 học viên tham gia. Năm 2018-2019, Nhà trường đã mở được 5 lớp đào tạo ngắn hạn với 840 học viên tham gia. Năm học 2019-2020 tổ chức 11 lớp với 1537 học viên và 10 lớp với 1376 học viên tham gia. Các chỉ số tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên được ghi nhận: 100% công đoàn viên tham gia các hoạt động gây quỹ từ thiện. Tổng số tiền thu được từ HUPH fair năm 2020-2021 là 32.490.000đ, năm 2021-2022 là 42.000.000đ; số tiền quyên góp ủng hộ đồng bào Miền Trung lũ lụt là: 105.523.000đ,...

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học được Nhà trường triển khai thường xuyên sau khi kết thúc khóa học. Trung tâm ĐBCL&KT là đơn vị đầu mối, kết hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm ĐTTNCXH tổ chức khảo sát theo kế hoạch được xác lập trong Kế hoạch BSC năm học của 2 đơn vị [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Với mỗi loại phiếu khảo sát đều có hướng dẫn trả lời ở phần mở đầu [H24.24.01.01]. Khảo sát có thể tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc online phù hợp thực tế. Sau khi thu được kết quả khảo sát, Trung tâm ĐBCL&KT tiến hành tổng hợp,

phân tích kết quả và gửi lại các đơn vị liên quan. Về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với cán bộ, GV, SV, mặc dù chưa có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, tuy nhiên sự nhiệt tình tham gia của 100% công đoàn viên trong trường là minh chứng cho ảnh hưởng, tác động của hoạt động này trong toàn trường.

Căn cứ vào kết quả khảo sát học viên các chương trình đào tạo ngắn hạn, cũng như cảm nhận của cán bộ, giảng viên sau khi kết thúc mỗi sự kiện do Công đoàn, ĐTN tổ chức, Trường ĐHYTCC có những điều chỉnh, ***cải tiến chất lượng*** trong Kế hoạch thực hiện các mục tiêu chiến lược năm học. Theo đó các hoạt động kết nối và PVCĐ được xây dựng bằng các chỉ số cụ thể phù hợp với thực tế và khắc phục các tồn tại của năm học trước [H4.04.01.07] [H4.04.01.09] [H4.04.01.08] [H1.01.02.01] [H1.01.02.02] [H18.18.01.05] [H1.01.02.04]. Việc cải tiến chất lượng các hoạt động PVCĐ còn được các đơn vị liên quan đề xuất kế hoạch cải tiến thông qua các chỉ số cụ thể trong Kế hoạch BSC năm học của các đơn vị giai đoạn 2018-2022 [[H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Để nâng cao chất lượng các hoạt động kết nối, dịch vụ PVCĐ, hàng năm nhà trường có ***Kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan*** bao gồm học viên các chương trình đào tạo ngắn hạn, khách hàng sử dụng các dịch vụ KH&CN, tư vấn khám- chữa bệnh và xét nghiệm thông qua Kế hoạch BSC đơn vị các năm học giai đoạn 2018-2022 [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04]. Trung tâm ĐBCL&KT kết hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm ĐTTNCXH tổ chức khảo sát sự hài lòng của học viên tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn sau khi kết thúc khóa học [H21.21.03.03]; kết hợp với Phòng QLKH&HTPT tổ chức khảo sát các đơn vị, cá nhân có tham gia các hoạt động KH&CN của Nhà trường sau khi kết thúc năm học [H18.18.04.03]; kết hợp với PKĐK và TTXN tổ chức khảo sát lấy ý kiến khách hàng sử dụng các dịch vụ tư vấn, khám- chữa bệnh và xét nghiệm [H24.24.01.01] [H21.21.03.05] [H21.21.03.04]. Nhà trường cũng xây dựng ***hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan***, theo đó Trung tâm ĐBCL&KT là đơn vị chủ trì xây dựng

phiếu khảo sát, kết hợp với các đơn vị chức năng liên quan tổ chức khảo sát theo kế hoạch được xác lập trong Kế hoạch BSC năm học của các đơn vị [H4.04.01.10] [H2.02.02.01] [H2.02.02.02] [H1.01.02.03] [H1.01.02.04] . Mỗi loại phiếu khảo sát đều có hướng dẫn trả lời ở phần mở đầu. Khảo sát có thể tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc online để phù hợp với bối cảnh thực tế. Kết quả khảo sát được thể hiện trong báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của học viên các chương trình đào tạo ngắn hạn giai đoạn 2019-2022 [H21.21.03.03]; Báo cáo kết quả đánh giá sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ KH&CN [H18.18.04.03]; Báo cáo đánh giá sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ khám-chữa bệnh [H21.21.03.04]; Báo cáo đánh giá sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ của TTXN [H21.21.03.05]. Các hoạt động kết nối và PVCĐ của Công đoàn và ĐTN chủ trì, Nhà trường chưa tổ chức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Nhà trường *có hệ thống giám sát về sự hài lòng của các bên liên quan*, Trung tâm ĐBCL&KT được phân công nhiệm vụ giám sát, theo dõi, đánh giá sự hài lòng của học viên các chương trình đào tạo ngắn hạn, khách hàng sử dụng dịch vụ KH&CN, tư vấn, khám-chữa bệnh và xét nghiệm. Các đơn vị phối hợp triển khai gồm phòng QLĐT, Phòng QLKH&HTPT, Trung tâm ĐTTNCXH, TTXN, PKĐK. Nhà trường chưa có hệ thống giám sát về sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, sinh viên hay các đơn vị cá nhân đồng tổ chức, tham gia hay thụ hưởng các hoạt động kết nối và PVCĐ do Công đoàn và ĐTN triển khai.

Hàng năm, Nhà trường *thực hiện đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan* về hoạt động đào tạo PVCĐ, NCKH, dịch vụ tư vấn, khám chữa bệnh và xét nghiệm PVCĐ thông qua báo cáo BSC các đơn vị năm học giai đoạn 2018-2022 [H4.04.02.03], báo cáo tổng kết năm học giai đoạn 2017-2022 [H2.02.03.04]. Với chỉ số 75% số các bên liên quan hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ PVCĐ được đặt ra trong kế hoạch BSC các đơn vị năm học 2018-2019, thực tế đạt được là 78% và tiếp tục tăng ở các năm học 2019-2020 là 81%. Trên cơ sở kết quả đối sánh qua các năm học, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị chức năng *rà soát, điều chỉnh các hoạt động PVCĐ*, cụ thể Phòng Quản lý Đào tạo mở thêm các lớp đào tạo ngắn hạn phù hợp với nhu cầu của xã hội như: Đào tạo, bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương; Quản lý chất lượng bệnh viện; Bồi

dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp, bác sĩ chính [H21.21.02.05]. Phòng QLKH&HTPT tổ chức các hội thảo, tập huấn về phương pháp NCKH, xuất bản quốc tế phù hợp với nhu cầu của xã hội [H8.08.02.12]. Trung tâm xét nghiệm và phòng khám tăng cường các hoạt động tư vấn, khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu xã hội; Công đoàn, Đoàn thanh niên cải tiến các hoạt động nhằm thu hút cán bộ, giảng viên và học viên sinh viên tham gia các hoạt động PVCĐ:

Bảng thống kê số tiền tham gia hoạt động mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo và phòng chống dịch

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số tiền	31	35	35	901	466

Bảng thống kê số tiền tham gia hoạt động thiện nguyện

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Số tiền	64	7.2	128	285.6	1

Trên cơ sở thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các hoạt động PVCĐ, nhà trường yêu cầu các đơn vị chức năng liên quan xây dựng kế hoạch cải tiến các hoạt động kết nối và PVCĐ cho các năm tiếp theo trong kế hoạch BSC của đơn vị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh

Giai đoạn 2017-2022, loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập cụ thể trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHYTCC các giai đoạn, kế hoạch thực hiện mục tiêu chiến lược các năm học và kế hoạch BSC năm học của các đơn vị.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

Nhà trường chưa triển khai thu thập thông tin về tác động và kết quả PVCD đối với các hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng phiếu khảo sát đối với cán bộ, giảng viên và sinh viên về các hoạt động tham gia kết nối, PVCD - Tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên sau khi kết thúc hoạt động	Công đoàn Đoàn Thanh niên Trung tâm ĐBCL&KT	Tháng 8/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường nhiều loại hình và khối lượng các hoạt động kết nối và PVCD để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng	Các đơn vị trong trường	Tháng 9/2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 24	4,25
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2018-2023 và giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đã xác định một số chỉ tiêu như chỉ tiêu về đào tạo phát triển NCKH và cung cấp dịch vụ, trong đó có kế hoạch tài chính của từng lĩnh vực theo 5 năm và kế hoạch BSC hàng năm có các chỉ tiêu tài chính và các giải pháp chính và các chỉ số thực hiện, cụ thể là “*Duy trì và tăng nguồn thu hợp pháp để đảm bảo tự chủ tài chính; nguồn thu tăng từ 5% đến 10%/năm*” có chi tiết tại các phụ lục trong kế hoạch chiến lược [H1.01.03.01] [H1.01.01.01].

Trường Đại học Y tế công cộng là trường Đại học công lập trực thuộc Bộ Y tế. Năm 2022 Trường là đơn vị tự chủ chi thường xuyên về tài chính, chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí theo quy định của nhà nước, cũng như thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động thường xuyên chủ yếu thu từ các nguồn học phí và cung cấp dịch vụ. Trường luôn có giải pháp và kế hoạch tự chủ tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển của nhà trường.

Trường có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính đối với các hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng được nhà trường thiết lập và vận hành/hoạt động thông qua các hoạt động như Quy chế quản lý tài chính [H7.07.01.03]; Quy chế chi tiêu

nội bộ của trường và của 2 đơn vị tự chủ như Phòng khám và Trung tâm xét nghiệm [H7.07.01.15] [H7.07.01.16] [H7.07.01.17] [H7.07.01.18] [H7.07.01.19] với các hình thức như:

- Thứ nhất, Phòng Tài chính kế toán tự theo dõi và giám sát các chỉ số tài chính (thu-chi) cho từng lĩnh vực hoạt động theo kế hoạch phân bổ mà kế hoạch tài chính đã được Hội đồng trường phê duyệt. Định kỳ đối chiếu số liệu tài chính, vật tư tiêu hao, thuốc, học phí ... với các bộ phận liên quan thể hiện qua các minh chứng cụ thể như biên bản kiểm kê, biên bản đối chiếu công nợ, thông báo nợ học phí [H25.25.01.01] [H25.25.01.02] [H25.25.01.03] [H25.25.01.04] ...

- Thứ hai, Kết quả chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng được nhà trường xác lập thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Các chỉ số tài chính chủ yếu được thể hiện trong kế hoạch chiến lược và được kiểm tra, giám sát thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch tài chính [H7.07.01.27], Báo cáo sơ kết thực hiện tự chủ đại học thể hiện các kết quả đạt được về Đào tạo; Nghiên cứu khoa học; đảm bảo chất lượng; nhân sự; tài chính và tài sản [H25.25.01.05] và Báo cáo tài chính hàng năm học trình bày tại Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm [H25.25.01.06].

Hàng năm trong báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch hoạt động năm học của nhà trường, của từng đơn vị đều có so sánh kết quả thực hiện với các chỉ số kế hoạch và chỉ số thực hiện các năm trước, để xây dựng phương hướng và nhiệm vụ xác định chỉ số kế hoạch của năm tiếp theo [H2.02.03.04], căn cứ vào các chỉ số tài chính đạt được trong lĩnh vực đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng, nhà trường đều triển khai đối sánh các kết quả thực hiện so với kế hoạch; qua đó có kế hoạch điều chỉnh chỉ số năm sau cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của nhà trường. Từ việc đối sánh về kết quả và chỉ số tài chính, hàng năm nhà trường đều thực hiện việc rà soát điều chỉnh kết quả thực hiện, cũng như các chỉ số đánh giá các chỉ số lượng hóa về mặt tài chính trong công tác đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Cụ thể, trong giai đoạn năm học 2017-2018 đến kỳ 1 năm học 2021-2022 *chỉ số về mức độ biến động doanh thu và chi phí* được trình bày theo Bảng dưới đây:

**Bảng 25.1.1. Bảng tổng hợp thu chi giai đoạn từ NH 2017-2018 đến kỳ 1 NH
2021-2022 (10)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	2017-2018		2018-2019		2019-2020		2020-2021		T9/21-T1/22	
		Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
I	Tổng thu	124.875	100%	131.023	100%	161.522	100%	163.260	100%	87.891	100%
1	Thu từ Ngân sách TX + KTX	24.314	19%	24.962	19%	15.961	10%	18.177	11%	16.502	19%
2	Thu học phí	44.642	36%	50.543	39%	53.114	33%	63.806	39%	26.711	30%
3	Thu từ dịch vụ	31.073	25%	35.290	27%	71.699	44%	64.576	40%	39.625	45%
4	Thu khác	24.846	20%	20.228	15%	20.748	13%	16.701	10%	5.054	6%
I	Tổng chi	85.312	100%	93.270	100%	126.468	100%	143.785	100%	85.983	100%
1	Chi cho con người	27.234	31,9 %	32.419	34,8 %	36.099	28,5 %	50.101	34,8 %	19.991	23,2 %
2	Chi hoạt động đào tạo	16.255	19,1 %	20.509	22,0 %	40.334	31,9 %	26.327	18,3 %	17.693	20,6 %
3	Chi cho NCKH	18.440	21,6 %	15.362	16,5 %	18.449	14,6 %	27.002	18,8 %	24.250	28,2 %
4	Chi học bổng sinh viên	585	0,7%	374	0,4%	506	0,4%	607	0,4%	0	0,0%
5	Chi cho đào tạo bồi dưỡng	15	0,0%	113	0,1%	60	0,0%	222	0,2%	73	0,1%
6	Chi sửa chữa, mua TTB phục vụ thực hành	6.096	7,1%	8.104	8,7%	6.943	5,5%	14.601	10,2 %	11.819	13,7 %
7	Chi cho thư viện (giáo trình; tài liệu...)	13	0,0%	78	0,1%	62	0,0%	49	0,0%	1	0,0%
8	Chi vận hành cơ sở vật chất và chi khác	16.644	19,5 %	16.276	17,5 %	23.980	19,0 %	23.975	16,7 %	11.690	13,6 %

9	Chi cho hoạt động phục vụ cộng đồng	31	0,0%	35	0,0%	35	0,0%	901	0,6%	466	0,5%
	Chênh lệch thu chi	39.563	-	37.753	-	35.054	-	19.475	-	1.980	-

Kết quả đối sánh cho thấy: về thực hiện các chỉ số nguồn thu từ năm học 2017-2018 đến kỳ 1 năm học 2021-2022, tổng thu của nhà trường là 668,57 tỷ, trong đó kinh phí ngân sách nhà nước cấp 99,91 tỷ chiếm 15%; thu của nhà trường (học phí, dịch vụ và hoạt động khác) là 568,66 tỷ chiếm 85%, trong đó học phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chỉ số nguồn thu. Nguồn thu từ học phí là nguồn thu bền vững và ổn định của trường, năm học 2017-2018 là 44,62 tỷ; năm học 2018-2019 là 50,54 tỷ; năm học 2019-2020 là 53,11 tỷ; năm học 2020-2021 là 63,80 tỷ và kỳ I năm học 2021-2022 là 26,71 tỷ và tăng bình quân khoảng 36% từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021.

Về thực hiện các chỉ số chi, tổng chi của nhà trường giai đoạn NH 2017-2018 đến kỳ I NH 2021-2022 là 534,81 tỷ, trong đó chi cho con người chiếm tỷ trọng lớn nhất, trung bình chiếm 31%; chi đào tạo chiếm 23%; chi cho nghiên cứu khoa học chiếm 19%; chi học bổng sinh viên chiếm 0,4%. Trong 5 năm của chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường đã chi 47,56 tỷ cho việc sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy thực hành. Ngoài ra, cũng trong năm 2021, nhà trường đã cử 100 sinh viên và cán bộ nhà trường tham gia công tác phòng chống dịch tại các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, TP Hồ Chí Minh ... nên nhà trường cũng phải trang trải các khoản chi phí cho các hoạt động phục vụ cộng đồng này.

Chênh lệch thu chi qua các năm có xu hướng giảm 6% qua các năm từ NH 2017-2018 đến NH 2019-2020 và giảm 44% từ NH 2019-2020 đến năm 2020-2021 và tiếp tục giảm trong kỳ I NH 2021-2022. Lý do là kinh phí ngân sách nhà nước giảm đáng kể qua các năm và đến năm 2022 nhà trường tự chủ chi thường xuyên nên ngân sách nhà nước không cấp cho chi thường xuyên.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, NCKH, CCDV CSSK và các chỉ số phục vụ cộng đồng

tại Trường được thiết lập và thực hiện qua hai hình thức. Hình thức thứ nhất là qua lấy ý kiến của tất cả các đoàn viên công đoàn trường thông qua kênh của Ban Chấp hành Công đoàn Trường. Hàng năm, thông qua Ban Chấp hành Công đoàn Trường, các báo cáo tổng kết năm học, bao gồm tất cả các lĩnh vực ĐT, NCKH, CCDV CSSK.... trong đó có báo cáo tài chính được BCHCD gửi các tổ công đoàn để xin ý kiến góp ý trước khi hoàn thiện thực hiện báo cáo tại Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm và lấy ý kiến của các đoàn viên công đoàn về Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [H25.25.01.07]. Hình thức thứ hai là thông qua việc thu thập ý kiến của toàn thể người lao động, viên chức trong toàn Trường thông qua Phiếu khảo sát hài lòng của giảng viên và chuyên viên về các hoạt động tài chính. Các chỉ số tài chính của trường luôn được thăm dò ý kiến các bên liên quan bao gồm giảng viên và chuyên viên. Nhà trường giao việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và chỉ số tài chính cho Trung tâm ĐBCL&KT. Hàng năm, *để thực hiện công việc này*, Trung tâm ĐBCL&KT đã căn cứ quy định khảo sát của trường để thiết kế Bảng hỏi hài lòng của giảng viên và chuyên viên về các hoạt động tài chính [H25.25.01.08]. Kết quả khảo sát cụ thể về mức chi tiền lương và thu nhập tăng thêm; mức chi cho các hoạt động đào tạo; NCKH và mức thưởng về xuất bản quốc tế (*được thể hiện ở báo cáo khảo sát*) cho thấy tỷ lệ hài lòng của giảng viên NH 2021-2021 chiếm trên 82%, NH 2021-2022 chiếm 83,44%; tỷ lệ hài lòng của chuyên nhân viên NH 2020-2021 chiếm 92,26%, NH 2021-2022 chiếm 94,89% [H25.25.01.09]. Trong năm học 2020-2021 Phòng QLKH&HTPT cũng lấy ý kiến của giảng viên và đối tác bên ngoài về các dịch vụ nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Từ báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của người học, kết quả lấy ý kiến của giảng viên và chuyên viên, nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho phù hợp cụ thể như: Để cải tiến chỉ số về mặt tài chính năm học 2021-2022, Trường là đơn vị tự chủ chi thường xuyên nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của người học, nhà trường đã tăng học phí theo nguyên tắc sao cho mức học phí của trường chỉ bằng 50% đến 70% mức cho phép của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/8/2021. Đồng thời với việc tăng học phí, nhà trường đã đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo như nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên bằng cách hỗ trợ giảng viên và chuyên viên đi học

nâng cao trình độ. Mặt khác, để bảo đảm nguồn thu tự chủ, nhà trường đã mở thêm mã ngành về Khoa học dữ liệu, và tăng dần chỉ tiêu tuyển sinh đại học giai đoạn 2022 đến 2026 [H25.25.01.10] [H21.21.02.04].

Ngoài ra, để cải thiện các chỉ số tài chính liên quan đến tự chủ, nhà trường đã có chính sách thưởng cho các cá nhân đem các đề tài, dự án về cho nhà trường; qua đó mang lại nguồn thu từ NCKH tăng khoảng 10% hàng năm trong giai đoạn tới [H7.07.01.15] [H7.07.01.16] [H7.07.01.17] [H7.07.01.18] [H7.07.01.19].

Đối với hoạt động phục vụ cộng đồng, nhà trường tiếp tục triển khai các hoạt động thiện nguyện của công đoàn trường và hoạt động hiến máu và hoạt động “Mùa hè xanh” của đoàn thanh niên, hoạt động tư vấn khám sức khỏe miễn phí cho người dân phường Đức Thắng ...

Việc cải tiến chất lượng hoạt động dựa trên kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng đã đạt được. Từ các kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế đã đánh giá, nhà trường đưa ra phương hướng cải tiến kết quả và chỉ số tài chính cho năm hoạt động tiếp theo [H25.25.01.11].

Toàn bộ cơ sở dữ liệu về thực hiện kết quả tài chính trên phần mềm kế toán được quản lý có hệ thống tại Phòng Tài chính kế toán. Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo; nghiên cứu khoa học; quản lý sinh viên; dữ liệu nhân sự; dữ liệu về học phí; dữ liệu về tài sản được lưu giữ tại phần mềm Nam Việt [H25.25.01.12].

Các hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán, báo cáo kế toán được nhà trường lưu trữ theo quy định dưới dạng văn bản giấy và CSDL điện tử để sử dụng cho mục đích quản trị nội bộ trong nhà trường cũng như phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Y tế công cộng đã xác định rõ trong kế hoạch chiến lược là trở thành trường tự chủ chi thường xuyên vào năm 2022, là trường đại học có uy tín hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân [H1.01.03.01] [H1.01.01.01]. Để đáp ứng định hướng

phát triển nêu trên, nhà trường hết sức quan tâm đến kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng. Chính vì vậy, vào ngày 20/8/2020, trường đã ban hành Quyết định số 684/QĐ-YTCC ngày 24/8/2020 của Hiệu trưởng quy định cụ thể về kết quả chỉ số thị trường giáo dục của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong quy định thể hiện rõ 10 nhóm chỉ tiêu về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; 3 nhóm chỉ tiêu về hoạt động NCKH; 2 nhóm chỉ tiêu về phục vụ cộng đồng, ngoài ra quy định còn thể hiện rõ phương pháp tính các chỉ tiêu về kết quả và các chỉ số thị trường nêu trên [H25.25.02.01]

Hoạt động giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng được nhà trường thực hiện có bài bản và có hệ thống. Ngay trong quyết định số 684/QĐ-YTCC ngày 24/8/2020 thể hiện tách nhiệm của các đơn vị chủ trì việc thực hiện, quản lý các chỉ tiêu trên. Kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng được giám sát thông qua Báo cáo tổng kết năm học, báo cáo chuyên đề hàng năm của trường. Trong giai đoạn từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, Báo cáo chuyên đề về công tác tuyển sinh đã chỉ rõ kết quả và các chỉ số về thị trường tuyển sinh như số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành, số lượng sinh viên trúng tuyển và nhập học từng ngành, thị phần tuyển sinh khối y học dự phòng [H13.13.05.01]; Báo cáo công đoàn và đoàn thanh niên có các chỉ số phục vụ cộng đồng [H21.21.02.39] [H21.21.03.01]

Bên cạnh việc tổ chức giám sát, nhà trường còn tổ chức đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường với các cơ sở giáo dục đào tạo khác cũng như tự đối sánh kết quả trong nội bộ trường để đánh giá vị trí, hướng phát triển của trường trong từng thời kỳ. Kết quả và các chỉ số thị trường về đào tạo; NCKH và PVCD như đối sánh điểm chuẩn ngành YTCC; tình trạng sinh viên tốt nghiệp trong 5 năm gần đây; đối sánh các đề tài và xuất bản quốc tế

Chỉ số hoạt động đào tạo: Nhà trường đã xác định chỉ số tuyển sinh cho từng hệ đào tạo trên cơ sở các quy định hiện hành về tuyển sinh, cũng như đảm bảo tăng quy mô theo lộ trình của trường và đồng thời đảm bảo phát triển các ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với sứ mạng nhà trường. Bên cạnh đó, nhà trường còn đối sánh kết quả chỉ số thị trường của trường và các cơ sở giáo dục có đào tạo YTCC để đánh giá

năng lực cạnh tranh, thị phần của trường. Nhà trường cũng khảo sát chỉ số thị trường về tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học chính quy (Bảng 25.2.3). Các chỉ số về thị trường đào tạo cụ thể được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 25.2.1. Thống kê kết quả và chỉ số thị trường tuyển sinh từ NH 2020-2021 (11)

Chỉ báo kết quả của các hoạt động	Đơn vị tính	Y tế công cộng	Kỹ thuật XN Y học	Dinh dưỡng	Phục hồi chức năng	Công tác xã hội	Công nghệ kỹ thuật môi trường
Số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển	nguyên vọng	665	755	475	452	212	96
Chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành		120	100	80	50	40	30
Số lượng SV trúng tuyển từng ngành	sinh viên	301	223	187	117	70	21
Số lượng SV trúng tuyển nhập học từng ngành	sinh viên	85	135	66	63	20	6
Tỷ lệ SV trúng tuyển nhập học từng ngành		71%	135%	83%	126%	50%	20%
Thứ hạng của trường trong thị trường tuyển sinh hàng năm		8					

Bảng 25.2.2. Đối sánh chỉ tiêu và điểm chuẩn ngành YTCC với một số trường (12)

TÊN TRƯỜNG	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn
Trường ĐH Y Hà Nội	50	19,5	50	22,4
Trường ĐH Y tế công cộng	140	16,5	120	15,5
Trường ĐH Y Thái Bình		18		16
Trường ĐH điều dưỡng Nam Định		17		Ko tuyển sinh
Trường ĐH Thăng Long		15,1		Ko tuyển sinh
Trường ĐH Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng		15,60		Ko tuyển sinh

Về điểm chuẩn ngành YTCC so với các trường ĐH khác cùng lĩnh vực trên địa bàn phải bắc thì điểm chuẩn thi vào trường ngành YTCC ở mức khá.

Tuy việc đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường được thực hiện nhưng nhà trường chưa thực hiện việc đối sánh, so chuẩn toàn bộ các chỉ số của nhà trường với cơ sở giáo dục khác cùng lĩnh vực mà chỉ so sánh một số chỉ tiêu quan trọng.

**Bảng 25.2.3. Tình trạng tốt nghiệp của SV đại học chính quy
trong 5 năm gần đây (13)**

Chỉ tiêu	Năm tốt nghiệp										
	2017		2018		2019		2020		2021		
	YTCC	YTCC	KTXN YH	YTCC	KTXNY H	YTCC	KTXN YH	YTC C	KTXN YH	DD	CTXH
Số lượng SV tốt nghiệp (người)	147	153	35	138	25	137	24			37	17
Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với tuyển vào (%)	94,23 %	91,07 %	97,22 %	80,95%	92,59%					86,05 %	73,91 %
Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo sau 12 tháng tốt nghiệp (%)	81,25 %	67,31 %	80,77 %	63,92%	80,95%	57,66%	90,48 %	chưa đến kỳ KS	chưa đến kỳ KS	chưa đến kỳ KS	chưa đến kỳ KS
Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành đào tạo	18,75 %	32,69 %	19,23 %	36,08%	19,05%	42,34%	9,52%	chưa đến kỳ KS	chưa đến kỳ KS	chưa đến kỳ KS	chưa đến kỳ KS

2. Các chỉ số nghiên cứu khoa học của nhà trường:

Hàng năm, Nhà trường có thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động NCKH thông qua các hình thức tự đối sánh hoặc đối sánh với các trường có quy mô tương đồng trong khối ngành khoa học sức khỏe.

- Về đề tài NCKH các cấp, Nhà trường tự đối sánh hàng năm, kết quả thể hiện qua bảng tổng hợp sau:

**Bảng 25.2.4. Thống kê kết quả nghiệm thu đề tài NCKH
giai đoạn 2017-2021 (14)**

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022 (học kỳ 1)	
1	Đề tài cấp NN	0	0	2	2	0	4
2	Đề tài cấp Bộ/Thành phố	1	0	3	2	3	9
3	Đề tài cấp cơ sở	33	24	19	24	26	126
	Tổng cộng	34	24	24	28	29	139

Số lượng đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ/Thành phố trong chu kỳ đánh giá là 13 đề tài và các kết quả nghiên cứu đề tài được ứng dụng trực tiếp tại các địa phương hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tạo sản phẩm hàng hóa mang lại lợi ích cho cộng đồng. Số lượng đề tài cấp cơ sở trong giai đoạn 2017-2022 là 126 đề tài (mỗi năm khoảng 20-30 đề tài đều vượt chỉ tiêu đề ra là mỗi năm tối thiểu 10 đề tài, trong đó 5 đề tài cho giảng viên và 5 đề tài cho sinh viên). Nhiều đề tài được kết hợp triển khai nghiên cứu với doanh nghiệp, đối tác có ý nghĩa khoa học trong việc cung cấp bằng chứng hoạch định nhiều chính sách quan trọng của ngành Y tế cũng như góp phần chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Về xuất bản trong nước và quốc tế, số liệu thống kê số bài báo được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế và trong nước được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 25.2.5. Thống kê số lượng bài báo được xuất bản trên các tạp chí trong 5 năm gần đây (15)

T	T	Phân loại tạp chí	Số lượng bài báo được xuất bản					Tổng số
			2017- 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020- 2021	2021-2022 (tính đến 31/1/2022)	
1		Tạp chí khoa học quốc tế	76	61	97	122	18	374
2		Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	134	151	162	160	17	624
3		Tạp chí cấp trường	28	62	48	55	30	223
		Tổng cộng	238	274	307	437	65	981

Về kết quả tự đối sánh ở bảng trên cho thấy, giai đoạn 2017-2022, kết quả về công bố khoa học của Nhà trường đều đạt và vượt chỉ tiêu của năm học (từ 50-58 bài báo quốc tế/năm, tăng dần năm sau cao hơn năm trước). Ví dụ năm học 2020-2021, số bài báo quốc tế đạt 122 bài so với chỉ tiêu là 54 bài, hay xuất bản trong nước đạt 160 bài so với chỉ tiêu là 90 bài.

Về xuất bản quốc tế, ngoài việc thống kê số liệu hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đối sánh kết quả NCKH so với một số trường trong khối ngành sức khỏe. Kết quả về công bố của nhà trường vượt trội so với các trường khác đặc biệt là XBQT [H12.12.03.02]. Năm 2019, nhà trường đã chủ động thực hiện “Nghiên cứu tổng quan đánh giá năng lực XBQT ở các trường Y Dược khu vực Đông Nam Á năm 2019”. Kết quả báo cáo cho thấy, so với các trường đào tạo Y Dược tại Việt Nam và trong khu vực, Trường ĐHYTCC là một trong những đơn vị có thành tích và năng lực XBQT tiềm năng, số lượng XBQT trong những năm gần đây đã tăng lên đáng kể, tỷ lệ XBQT/giảng viên đạt thứ hạng cao (đứng thứ 2 trong số top 5 đơn vị đào tạo, nghiên cứu Y dược tại Việt Nam có tỷ lệ GV, NCV có từ 30 bài báo quốc tế trở lên và top 2 trong số 5 đơn vị có tỷ lệ GV, NCV có H-index ≥ 10) [H18.18.03.03].

Ngoài các hoạt động đối sánh mà nhà trường chủ động triển khai, nhà trường cũng đã được đối sánh và tham khảo bảng xếp hạng đánh giá năng lực NCKH các trường ĐH tại Việt Nam từ hệ thống xếp hạng các trường đại học (UPM) năm 2020 [H18.18.03.04]. Bảng xếp hạng cho thấy Trường ĐHYTCC đứng Top 2 về chỉ số số XBQT/giảng viên và đứng top 6 về năng lực NCKH trong số các trường đại học tại Việt Nam giai đoạn 2015-2019...

Hoạt động phục vụ cộng đồng: Các chỉ số được xây dựng hàng năm thông qua các tổ chức thiện nguyện, đóng góp cứu trợ cho các đồng bào lũ lụt, tham gia các hoạt động phòng chống dịch Covid cho các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hồ Chí Minh, sinh viên tình nguyện, mùa hè xanh và hiến máu nhân đạo.

Nhà trường đã nhận được công nhận, đánh giá cao của các tổ chức như Bằng khen của Trung ương đoàn về thành tích hoạt động đoàn; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế về hỗ trợ các tỉnh, thành phố phòng chống dịch [H25.25.02.02].

Bảng 25.2.6. Thống kê số tiền tham gia hoạt động mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo và phòng chống dịch (16)

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số tiền	31	35	35	901	466

Bảng 25.2.6. Thống kê số tiền tham gia hoạt động thiện nguyện (17)

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Số tiền	64	7.2	128	285.6	1

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và PVCD và giao Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí chuyên trách đảm nhiệm việc khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi liên quan đến các hoạt động của trường; trong đó có các chỉ số về hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc thu thập thông tin này được thực hiện cùng các hoạt động khảo sát của nhà trường; và thông tin cần thu thập được thiết kế chung trong bảng hỏi của trường. Bên cạnh đó, năm 2021 P.NCKH cũng khảo sát đánh giá sự hài lòng về các

chính sách NCKH của nhà trường. Qua mỗi đợt khảo sát, căn cứ vào dữ liệu thu được, nhà trường đều lập báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng [H18.18.04.03].

Dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng; nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhiều hoạt động trong trường theo từng năm học; qua đó làm căn cứ, cơ sở cho việc cải tiến nâng cao hoạt động NCKH thể hiện như giao chỉ tiêu BSC đến từng cá nhân và đơn vị về xuất bản quốc tế; giao chỉ tiêu tuyển sinh cho các khoa phải đạt 80% chỉ tiêu tuyển sinh và giao PK và TTXN các chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ. Chỉ số đào tạo là tăng cường phát triển chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng đề án mở mã ngành Khoa học dữ liệu và tuyển sinh vào năm 2021; qua đó tăng thêm nguồn thu cho nhà trường (Bảng 25.1.1).

Nhà trường có hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu đánh giá hàng năm về kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể:

- *Đối với CSDL về kết quả và các chỉ số thị trường về đào tạo và về tuyển sinh*: được kết xuất từ báo cáo tổng kết năm học; báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và phần mềm quản lý đào tạo như phần mềm CMC và Nam Việt, do Phòng quản lý đào tạo là đầu mối chịu trách nhiệm quản lý và lưu trữ [H2.02.03.04] [H13.13.05.01] [H25.25.02.03]

- *Đối với CSDL về kết quả thị trường về NCKH*: được tổng hợp, lưu trữ từ báo cáo tổng kết NCKH hàng năm và phần mềm Nam Việt cấu phần NCKH do Phòng NCKH và HTPT là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm quản lý và lưu trữ [H17.17.03.06] [H25.25.02.04]

- *Đối với CSDL về kết quả và các chỉ số thị trường về PVCD*: được tổng hợp, theo dõi và lưu trữ từ báo cáo tổng kết năm học của trường, báo cáo của Đoàn thanh niên và công đoàn trường [H2.02.03.04] [H21.21.02.39] [H21.21.03.01]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường có quy định cụ thể về chỉ số tài chính cho hoạt động đào tạo; NCKH và cung cấp dịch vụ như tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo;

NCKH và cung cấp dịch vụ từ 5-10% hàng năm, có chính sách tăng lương phù hợp với từng giai đoạn phát triển, xây dựng mức học phí phù hợp...

Trường ngày càng khẳng định và nâng cao vị thế đào tạo hàng đầu trong lĩnh vực y tế công cộng đứng đầu cả nước; NCKH đứng top 2 về xuất bản quốc tế và đứng top 6 về năng lực NCKH trong giai đoạn 2015-2019

2. Tóm tắt điểm tồn tại

Việc thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng của nhà trường với đơn vị khác chưa thực sự đầy đủ.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch đối sánh các chỉ số thị trường về hoạt động giáo dục đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng với 3-5 trường đại học tương đồng	Phòng QLĐT; Phòng NCKH và HTPT; Phòng TCKT; Công đoàn; Đoàn TN	Năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	4,5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa		
1.	1.1	5	
2.	1.2	5	
3.	1.3	4	
4.	1.4	5	
5.	1.5	4	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị		
6.	2.1	5	
7.	2.2	5	
8.	2.3	5	
9.	2.4	5	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý		
10.	3.1	5	
11.	3.2	4	
12.	3.3	5	
13.	3.4	4	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược		
14.	4.1	5	
15.	4.2	5	
16.	4.3	4	
17.	4.4	4	
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng		
18.	5.1	5	
19.	5.2	5	
20.	5.3	4	
21.	5.4	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực		
22.	6.1	5	
23.	6.2	5	
24.	6.3	5	
25.	6.4	5	
26.	6.5	5	
27.	6.6	5	
28.	6.7	5	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất		
29.	7.1	4	
30.	7.2	5	
31.	7.3	5	
32.	7.4	5	
33.	7.5	6	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại		
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	4	
37.	8.4	4	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong		
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	5	
42.	9.5	5	
43.	9.6	4	
II.10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài		

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
44.	10.1	5	
45.	10.2	5	
46.	10.3	4	
47.	10.4	5	
II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong		
48.	11.1	5	
49.	11.2	5	
50.	11.3	4	
51.	11.4	5	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng		
52.	12.1	5	
53.	12.2	4	
54.	12.3	4	
55.	12.4	5	
56.	12.5	5	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học		
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	4	
60.	13.4	4	
61.	13.5	4	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học		
62.	14.1	5	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	4	
66.	14.5	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập		
67.	15.1	5	
68.	15.2	4	
69.	15.3	4	
70.	15.4	5	
71.	15.5	4	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học		
72.	16.1	4	
73.	16.2	4	
74.	16.3	4	
75.	16.4	4	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học		
76.	17.1	4	
77.	17.2	4	
78.	17.3	4	
79.	17.4	4	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH		
80.	18.1	5	
81.	18.2	5	
82.	18.3	5	
83.	18.4	5	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ		
84.	19.1	5	
85.	19.2	5	
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH		
88.	20.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
89.	20.2	5	
90.	20.3	5	
91.	20.4	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng		
92.	21.1	4	
93.	21.2	5	
94.	21.3	4	
95.	21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo		
96.	22.1	4	
97.	22.2	4	
98.	22.3	4	
99.	22.4	4	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH		
100.	23.1	5	
101.	23.2	4	
102.	23.3	5	
103.	23.4	5	
104.	23.5	5	
105.	23.6	4	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng		
106.	24.1	5	
107.	24.2	4	
108.	24.3	4	
109.	24.4	4	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường		
110.	25.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
111.	25.2	4	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm;
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm;
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC



HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Văn Minh

Phần III. PHỤ LỤC

Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/06/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):
Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
Tiếng Anh: Hanoi University of Public Health
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:
Tiếng Việt: ĐH YTCC
Tiếng Anh: HUPH
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Quản lý cán bộ ngành Y tế (thuộc Bộ Y tế)
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Y tế
5. Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (84.4) 26266 2299 Số fax: (84.4) 26266 2385
7. E-mail: ytcc@huph.edu.vn Website: www.huph.edu.vn
8. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2001
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2002
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2006
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
12. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)
Có Không
Chính quy

Không chính quy

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hiệu trưởng	Hoàng Văn Minh	GS.TS, Hiệu trưởng	0913392717	hvm@huph.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Hà	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0913311604	nth1@huph.edu.vn
	Lã Ngọc Quang	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0986722768	lnq@huph.edu.vn
	Lê Thị Thanh Hương	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0912056596	lth@huph.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn	Bùi Thị Thu Hà	GS.TS, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT	0913363603	bth@huph.edu.vn
	Lê Thị Thanh Hương	PGS.TS, Chủ tịch Công đoàn	0912056596	lth@huph.edu.vn
	Đoàn Ngọc Tiến Minh	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên	0977275911	dntm@huph.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng	Nguyễn Thị Thanh Nhã	ThS, Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán	0912612186	ntn@huph.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
	Trần Ninh Giang	ThS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	0983751084	tng@huph.edu.vn
	Trần Thị Tuyết Hạnh	PGS.TS, Trưởng Phòng Quản lý khoa học & Hợp tác phát triển	0912955078	tth2@huph.edu.vn
	Đỗ Thị Hạnh Trang	TS, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo	0904320132	dtth@huph.edu.vn
	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo		nttt@huph.edu.vn
	Phùng Văn Thùy	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo		pvt2@huph.edu.vn
	Đoàn Ngọc Tiến Minh	ThS, Trưởng phòng Công tác Học viên, sinh viên	0977275911	dntm@huph.edu.vn
	Nguyễn Thị Phương Thanh	Ths, Phó Giám đốc TT Đảm bảo chất lượng - Khảo thí	0912142337	ntpt@huph.edu.vn
	Tạ Anh Hà	ThS, Trưởng phòng Quản trị - Công nghệ	0912015125	tah@huph.edu.vn
	Nguyễn Đức Thành	CN, Phó trưởng phòng Quản trị - Công nghệ	0977380882	ndt1@huph.edu.vn
	Triệu Quốc Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Quản trị - Công nghệ,	0904396345	tqv@huph.edu.vn
	Nguyễn Hải Hà	ThS, Giám đốc Trung	0944715308	nhh@huph.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
		tâm thông tin - Thư viện		
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc	Đặng Thế Hưng	TS, Giám đốc Trung tâm xét nghiệm	0968668198	dth3@huph.edu.vn
	Bùi Thị Ngọc Hà	TS, Phó Giám đốc Trung tâm Xét nghiệm	0904839086	btmh@huph.edu.vn
	Trần Quốc Lâm	TS, Phó trưởng Phòng khám đa khoa	0932265868	tql@huph.edu.vn
	Phạm Hùng Tiến	Ths, Phụ trách Phòng Hành chính tổng hợp, PKĐK	0982296298	pht@huph.edu.vn
	Nguyễn Thị Phương Thảo	ThS, Phụ trách chuyên môn PKĐK	0966658885	ntpt1@huph.edu.vn
6. Các khoa/viện đào tạo	Vũ Thị Hoàng Lan	PGS.TS, Trưởng khoa các Khoa học cơ bản	0918358886	vhl@huph.edu.vn
	Lê Thị Vui	TS, Trưởng khoa Khoa học xã hội và Hành vi	0912370672	ltv@huph.edu.vn
	Nguyễn Thu Hương	PGS.TS, Trưởng khoa Y học cơ sở	0912085470	nth14@huph.edu.v n
	Hồ Thị Hiền	PGS.TS, Phó trưởng Khoa Y học lâm sàng	0913542882	hth1@huph.edu.vn
	Nguyễn Ngọc Bích	TS, Trưởng khoa Sức khỏe môi trường và	0964676789	nmb@huph.edu.vn

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
		Nghề nghiệp		
	Nguyễn Đức Thành	PGS.TS, Phó Viện trưởng Viện Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành y tế		ndt@huph.edu.vn
	Nguyễn Bá Học	ThS, Trưởng BM Ngoại ngữ	0912018463	nbh@huph.edu.vn

14. Các khoa/viện đào tạo của CSGD: Không có

15. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
1	Trung tâm Nghiên cứu chính sách và Phòng chống chấn thương	2002	Nghiên cứu chấn thương, đào tạo và cung cấp những tư vấn về chính sách liên quan đến chấn thương tại Việt Nam	5	1
2	Trung tâm Nghiên cứu y tế công cộng và hệ sinh thái	2009	Nghiên cứu tác động của các yếu tố môi trường, sinh thái, văn hóa, kinh tế xã hội và nhân khẩu học đối với sức khỏe và hạnh phúc, sử dụng các phương pháp tiếp cận tích hợp của Ecohealth và One Health ở Đông Nam Á và tương tự ở Châu Phi	11	1

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
3	Trung tâm Nghiên cứu khoa học sức khỏe	2014	Nghiên cứu hệ thống y tế và kinh tế y tế, nghiên cứu công bằng sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng, các bệnh mạn tính không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ, đặc biệt về phòng chống tác hại thuốc lá	8	1

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

16. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Năm học 2017-2018

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	88	29 (33%)	38	34 (89%)
Nghiên cứu viên				
Tổng	88	29 (33%)	38	34 (89%)

Năm học 2018-2019

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	86	33 (38%)	40	35 (88%)
Nghiên cứu viên				
Tổng	86	33 (38%)	40	35 (88%)

Năm học 2019-2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	91	33 (36%)	47	41 (87%)
Nghiên cứu viên				
Tổng	91	33 (36%)	47	41 (87%)

Năm học 2020-2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	104	37 (36%)	49	43 (88%)
Nghiên cứu viên	24	2 (8.3%)		
Tổng	128	39	49	43 (88%)

Năm học 2021-2022

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	108	36 (33%)	76	68 (89%)
Nghiên cứu viên	24	2 (8.3%)		
Tổng	132	38	76	68 (89%)

17. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

Năm học 2017-2018

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	28		28
Nhân viên	116		116
Tổng cộng	144		144

Năm học 2018-2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	34		34
Nhân viên	105		105
Tổng cộng	139		139

Năm học 2019-2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	36		36
Nhân viên	114		114
Tổng cộng	150		150

Năm học 2020-2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	41		41
Nhân viên	127		127
Tổng cộng	168		168

Năm học 2021-2022

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	39		39
Nhân viên	136		136
Tổng cộng	175		175

18. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

Năm học 2017-2018

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy	28	63	91

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	19	34	53
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	30	8	38
	Tổng cộng	77	105	182

Năm học 2018-2019

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	32	62	94
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	14	31	45
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	32	8	40
	Tổng cộng	78	101	179

Năm học 2019-2020

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	30	62	92
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	17	41	58

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	định thời hạn (hợp đồng dài hạn)			
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	36	11	47
	Tổng cộng	83	114	197

Năm học 2020-2021

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	38	69	107
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	18	43	61
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	37	12	49
	Tổng cộng	93	124	217

Năm học 2021-2022

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	37	70	107
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	20	48	68

II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	57	19	76
	Tổng cộng	114	137	251

19. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

Năm học 2017-2018

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	1	0	0	1
2	Phó Giáo sư	14	0	8	0	0	14
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	2	6	36	0	50
5	Thạc sĩ	29	16	8	2	0	47
6	Đại học	1	13	0	0	0	15
	Tổng cộng	57	31	23	38	0	127

Tổng số giảng viên cơ hữu¹: 88 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $88/144=61\%$

Năm học 2018-2019

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	1	0		2
2	Phó Giáo sư	12	0	7	0		12
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0		0

¹ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
4	Tiến sĩ	18	1	9	37		56
5	Thạc sĩ	32	11	9	2		45
6	Đại học	1	9	0	1		11
	Tổng cộng	65	21	26	40		126

Tổng số giảng viên cơ hữu¹:86 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:86/139=62%

Năm học 2019-2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	1	0		2
2	Phó Giáo sư	12	0	8	0		12
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0		0
4	Tiến sĩ	18	1	10	41		60
5	Thạc sĩ	30	16	9	5		51
6	Đại học	1	11	0	1		13
	Tổng cộng	63	28	28	47		138

Tổng số giảng viên cơ hữu¹: 91 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:91/150=61%

Năm học 2020-2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	0	2	0		3
2	Phó Giáo sư	16	0	11	0		16

3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0		0
4	Tiến sĩ	17	1	9	43		61
5	Thạc sĩ	36	18	6	5		59
6	Đại học	3	10	1	1		14
	Tổng cộng	75	29	29	49		153

Tổng số giảng viên cơ hữu¹: 104 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $104/168=62\%$

Năm học 2021-2022

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	0	2	0		3
2	Phó Giáo sư	15	0	11	2		17
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0		0
4	Tiến sĩ	18	1	10	66		85
5	Thạc sĩ	35	17	5	7		59
6	Đại học	3	16	1	1		20
	Tổng cộng	74	34	29	76		184

Tổng số giảng viên cơ hữu¹: 108 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $108/175=62\%$

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

Năm học 2017-2018

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	1%	0	1	0	0	1	0	0
2	Phó Giáo sư	14	16%	7	7	0	0	8	5	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
4	Tiến sĩ	14	18%	4	10	0	9	5	0	0
5	Thạc sĩ	45	51%	11	34	2	34	6	3	0
6	Đại học	14	14%	3	11	12	1	0	1	0
	Tổng cộng	88	100%	25	63	15	44	20	9	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $29/89=33\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $45/89=51\%$.

Năm học 2018-2019

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2%	1	1	0	0	0	2	0
2	Phó Giáo sư	12	14%	6	6	0	0	8	3	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	22%	5	14	0	13	6	0	0
5	Thạc sĩ	43	50%	10	33	7	26	6	4	0
6	Đại học	10	12%	2	8	6	3	0	1	0
	Tổng cộng	86	100%	24	62	13	42	20	10	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $33/86=38\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD:

$$43/86=50\%$$

Năm học 2019-2020

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	2%	1	1	0	0	0	2	0
2	Phó Giáo sư	12	13%	6	6	0	0	8	3	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	21%	5	14	0	8	11	0	0
5	Thạc sĩ	46	51%	10	36	8	29	6	3	0
6	Đại học	12	13%	3	9	8	3	0	1	0
	Tổng cộng	91	100%	25	66	16	40	25	9	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $33/91=36\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $46/91=51\%$

Năm học 2020-2021

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	3%	2	1	0	0	1	1	1
2	Phó Giáo sư	16	15%	7	9	0	0	11	4	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	18	17%	6	12	0	7	11	0	0

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
5	Thạc sĩ	54	52%	16	38	13	31	7	3	0
6	Đại học	13	13%	2	11	4	8	0	1	0
	Tổng cộng	104	100%	33	71	17	46	30	9	2

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $37/104=36\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $54/104=52\%$

Năm học 2021-2022

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	3%	2	1	0	0	1	1	1
2	Phó Giáo sư	15	14%	6	9	0	0	10	5	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	19	18%	6	13	0	5	13	1	0
5	Thạc sĩ	52	48%	16	36	11	33	5	3	0
6	Đại học	19	18%	4	15	10	8	0	1	0
	Tổng cộng	108	100%	34	74	21	46	29	11	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $37/108=34\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $52/108=48\%$

				CTXH: 22 KTPH CN: 95 CNKT MT: 19			
--	--	--	--	---	--	--	--

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: 2510 người.

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2017	YTCC: 327 KTXN YH: 55	YTCC: 327 KTXN YH: 55	0	YTCC: 279 KTXN YH: 35	17 20		
2018	YTCC: 159 KTXN YH:198	YTCC: 159 KTXN YH:198		YTCC: 154 KTXN YH:175	16 16		
2019	YTCC: 254	YTCC: 254		YTCC: 243	15		

	KTXN YH: 42	KTXN YH: 42		KTXN YH: 41	15		
2020	YTCC: 180 KTXN YH: 40	YTCC: 180 KTXN YH: 40		YTCC: KTXN YH:	10.25 13.25	17.12 14.32	
2021	YTCC: 249 KTXN YH: 126 DD:28	YTCC: 249 KTXN YH: 126 DD:28		YTCC: 249 KTXN YH: 126 DD:28	15 15 15	19.2 21.44 19.98	

22. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	168,8	105,5	812,35	643,55	1012,8
2. Số lượng sinh viên	20	54	99	131	160
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	16	10	77	61	96
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	10,55	10,55	10,55	10,55	10,55
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	168,8	105,5	812,35	643,55	1012,8

23. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng (người)	25	15	37	47	50
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	8,5%	5,2%	13,7%	12,5%	8,5%

24. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	3	3	3	4	3
2. Học viên tốt nghiệp cao học	161	197	244	199	145
- Y tế công cộng					
- Quản lý bệnh viện					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
- Y tế công cộng	339	338	363	422	430
- Kỹ thuật xét nghiệm y học		35	25	58	223
- Dinh Dưỡng					37
- Công tác xã hội					17
Hệ chính quy					
- Y tế công cộng	147	153	138	137	140
- Kỹ thuật xét nghiệm y học		35	25	24	57
- Dinh Dưỡng					37
- Công tác xã hội					17
Hệ không chính quy					
- Y tế công cộng	192	185	225	285	290
- Kỹ thuật xét nghiệm y học				34	166

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp

bảng).

25. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)					
- Y tế công cộng	147	153	138	137	140
- Kỹ thuật xét nghiệm y học		35	25	24	57
- Dinh Dưỡng					37
- Công tác xã hội					17
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)					
- Y tế công cộng	86.47%	91.18%	80.59%	81.76%	79.41%
- Kỹ thuật xét nghiệm y học		97.22%	86.21%	88.89%	
- Dinh Dưỡng					86.05%
- Công tác xã hội					73.91%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	89%	91%	91%	92%	94%

(%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	8%	7%	6%	4%	4%
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	3%	3%	3%	4%	2%
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	YTCC: 82.25	KTXN:77. 78 (sau 12 tháng)	YTCC: 63.9 (sau 12 tháng)	YTCC: 57.66 (sau 12 tháng)	YTCC: 71 (sau 12 tháng)
- Sau 6 tháng tốt nghiệp			KTXNYH : 80.95 (sau 12 tháng)	KTXNYH : 90.48 (sau 12 tháng)	KTXNYH: 94 (sau 12 tháng) DD: 65 (sau 12 tháng)
- Sau 12 tháng tốt					CTXH: 60 (sau 12 tháng)

nghiệp					
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	YTCC:17 .75	KTXNYH: 18.52 (sau 12 tháng tốt nghiệp)	YTCC: 36.1 KTXNYH : 19.1 (sau 12 tháng)	YTCC: 42.34 (sau 12 tháng) KTXNYH : 9.52 (sau 12 tháng)	YTCC: 71 (sau 12 tháng)
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	YTCC: 10.94	KTXNYH: 0	YTCC: 6.19 KTXNYH : 0	YTCC:4.5 KTXNYH : 4.76	KTXNYH: 94 (sau 12 tháng) DD: 65 (sau 12 tháng) CTXH: 60 (sau 12 tháng)
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm			6.700.000 /tháng (trung bình trên số NH phản hồi)	7.000.000 /tháng (trung bình trên số NH phản hồi)	YTCC: 71 (sau 12 tháng)
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	43%	45%	51%	49%	56%
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản	42%	42%	41%	44%	34%

đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	15%	13%	8%	7%	10%

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy: Không có

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	2	2	0	4
2	Đề tài cấp Bộ*	1	0	3	2	3	8
3	Đề tài cấp trường	33	24	19	24	30	130
	Tổng cộng	34	24	24	28	33	142

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Năm 2017 ($34/88 = 0,39$)

Năm 2018 ($24/86 = 0,28$)

Năm 2019 ($24/91 = 0,26$)

Năm 2020 ($28/104 = 0,27$)

Năm 2021 ($33/108 = 0,31$)

Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	1.509	1.75	
2	2018	1.848	1.85	
3	2019	2.755	1.9	
4	2020	507	0.41	
5	2021	1.500	1.16	

28. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	4	6	21	lượt tham gia
Từ 4 đến 6 đề tài	15	23	35	lượt tham gia
Trên 6 đề tài	11	14	14	lượt tham gia
Tổng số cán bộ tham gia	30	43	70	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

29. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					Tổng số
		2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	
1	Sách chuyên khảo	0	0	0	2	0	2
2	Sách giáo trình	9	8	13	4	4	38
3	Sách tham khảo	7	12	5	2	2	28
4	Sách hướng dẫn	3	3	1	1	1	9
	Tổng cộng	19	23	19	9	7	105

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu:

Năm 2017 ($19/88 = 0,21$)

Năm 2018 ($23/86 = 0,27$)

Năm 2019 ($19/91 = 0,21$)

Năm 2020 ($9/104 = 0,87$)

Năm 2021 ($7/108 = 0,65$)

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	19	5	2
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	5	3	1
Trên 6 cuốn sách	0	11	5	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	35	13	3

31. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng
----	-------------------	----------

		2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	76	61	97	122	75	431
	Danh mục ISI	39	42	80	110	70	341
	Danh mục Scopus	71	54	84	120	70	399
	Khác	5	7	8	2	5	27
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	134	151	162	160	167	774
3	Tạp chí / tập san của cấp trường						
	Tổng cộng	325	315	431	514	387	1972

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Năm 2017 ($325/88 = 3,69$)

Năm 2018 ($315/86 = 3,66$)

Năm 2019 ($431/91 = 4,74$)

Năm 2020 ($514/104 = 4,94$)

Năm 2021 ($387/108 = 3,58$)

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	45	34	41
Từ 6 đến 10 bài báo	15	27	7
Từ 11 đến 15 bài báo	12	14	0

Trên 15 bài báo	7	17	0
Tổng số cán bộ tham gia	79	92	48

33. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					Tổng số
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Hội thảo quốc tế	24	15	18	18	11	86
2	Hội thảo trong nước	9	9	18	3	17	56
3	Hội thảo của trường	6	3	16	0	18	43
	Tổng cộng	39	27	52	21	46	185

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu:

Năm 2017 ($39/88 = 0,44$)

Năm 2018 ($27/86 = 0,31$)

Năm 2019 ($52/91 = 0,57$)

Năm 2020 ($21/104 = 0,20$)

Năm 2021 ($46/108 = 0,43$)

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	17	24	20
Từ 6 đến 10 báo cáo	4	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0

Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	21	24	20

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

35. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	01(hồ sơ nộp đơn đăng ký giải pháp hữu ích)
2020-2021	01 sản phẩm chương trình máy tính được cấp bản quyền
2021-2022	02 sản phẩm được cấp bản quyền

36. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

35.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	8	6	195	Bao gồm tham gia đề tài cán bộ và đề tài sinh viên
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	

Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	6		

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

35.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	4		4	7	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	2	3	2	2	7

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

37. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	57.093	X		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	9.384	X		

2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	5577			
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	2114	X		
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2108	X		

38. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I		
Khối ngành II		
Khối ngành III		
Khối ngành IV		
Khối ngành V	281	931
Khối ngành VI	7483	16261
Khối ngành VII	452	1277
Các môn chung	88	336
Tổng	8304	18805

39. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở	16	Hệ thống sắc ký khí (GC-ECD-NPD)	Giảng viên Người học	2108	X		

	thực hành, thực tập, luyện tập		Hệ thống sắc ký khí (GC-CD-FID) Hệ thống sắc ký khí (GC MS-HeadSpace) Hệ thống sắc ký lỏng cao áp (HPLC-ĐA-FL) Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ (LC-MSMS) Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) Máy quang phổ phát xạ nguyên tử (ICP- OES) Máy sinh hóa tự động AU 480 Máy miễn dịch tự động ASSECC 2 Máy đếm tế bào dòng chảy Kính hiển vi huỳnh quang				
	Tổng	16	-----	-----			

40. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2017.: 86.272 (triệu đồng)
- Năm 2018: 99.902 (triệu đồng)
- Năm 2019: 145.037 (triệu đồng)
- Năm 2020: 123.732 (triệu đồng)

- Năm 2021: 129.800 (triệu đồng)

41. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2017: 7.093 (triệu đồng)

- Năm 2018: 9.676 (triệu đồng)

- Năm 2019: 11.451 (triệu đồng)

- Năm 2020: 13.230 (triệu đồng)

- Năm 2021: 16.208 (triệu đồng)

42. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2017: 1.509 (triệu đồng)

- Năm 2018: 1.848 (triệu đồng)

- Năm 2019: 2.755 (triệu đồng)

- Năm 2020: 507 (triệu đồng)

- Năm 2021: 1.500 (triệu đồng)

43. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

- Năm 2017: 1.509 (triệu đồng)

- Năm 2018: 1.848 (triệu đồng)

- Năm 2019: 2.755 (triệu đồng)

- Năm 2020: 507 (triệu đồng)

- Năm 2021: 1.500 (triệu đồng)

44. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2017: 17.221 (triệu đồng)

- Năm 2018: 25.837 (triệu đồng)

- Năm 2019: 38.851 (triệu đồng)

- Năm 2020: 32.373 (triệu đồng)

- Năm 2021: 35.000 (triệu đồng)

45. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2017: 84 (triệu đồng)
- Năm 2018: 290 (triệu đồng)
- Năm 2019: 898 (triệu đồng)
- Năm 2020: 121 (triệu đồng)
- Năm 2021: 200 (triệu đồng)

46. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2017: 5 (triệu đồng)
- Năm 2018: 5 (triệu đồng)
- Năm 2019: 5 (triệu đồng)
- Năm 2020: 5 (triệu đồng)
- Năm 2021: 5 (triệu đồng)

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TDG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TDG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	VBHN số 06/VBHN-BGDĐT	2017	2017	CEA-AVU &C	09/2017	86%	27/11/2017	27/11/2022

2	Chương trình đào tạo ThsYTC C	AUN-QA	2015	2015	AUN-QA	2016	Đạt	22/03/2016	22/03/2020
3	Chương trình đào tạo ThsQLB V	AUN-QA			AUN-QA		Đạt	24/01/2017	24/01/2021
4	Chương trình đào tạo Cử nhân YTCC	AUN-QA			AUN-QA		Đạt	23/02/2018	23/02/2023
5	Chương trình đào tạo Cử nhân KTXNY H	Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT			VCE A		Đạt 84%	84%	

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 108

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $108/222=49\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%):
 $37/108=34\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%):
 $52/108=48\%$

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 2510 người

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 14,7

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 95%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 94%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 4%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 74,07%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 21,3%

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 4,63%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 7.000.000 VNĐ

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 56%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 34%

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 1.31

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 13.8 triệu đồng

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0.65

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 4.7

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0.19

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 4,4 m²/ đầu sinh viên

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 4,1 m²/ đầu sinh viên .

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: 86%

Cấp chương trình đào tạo: Đạt chuẩn AUN-QA (chương trình ThsYTCC, ThsQLBV, CNYTCC), đạt 84% chương trình CNKTXNYH

Số: 592 /QĐ-ĐHYTCC

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y tế công cộng;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Y tế công cộng gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCL&KT, TCHC


HIỆU TRƯỞNG

★ **Hoàng Văn Minh**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-ĐHYTCC ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hoàng Văn Minh	GS, TS Hiệu trưởng, Đảng ủy viên, Thành viên Hội đồng Trường Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thanh Hà	PGS, TS Phó Hiệu trưởng, Phó Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng Trường, Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Đào tạo	Phó Chủ tịch thường trực	
3	Lã Ngọc Quang	PGS, TS Phó Hiệu trưởng, Đảng ủy viên, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Phó Chủ tịch	
4	Bùi Thị Thu Hà	GS, TS Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
5	Lê Thị Thanh Hương	PGS, TS Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí, Đảng ủy viên, Chủ tịch Ban Chấp hành Công đoàn, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên Trưởng ban Thư ký	
6	Đỗ Thị Hạnh Trang	TS Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Thành viên Hội đồng Khoa học Đào tạo	Thành viên	
7	Nguyễn Thanh Nhã	Ths Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Thành viên	
8	Trần Thị Tuyết Hạnh	PGS, TS Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phát triển, Thành viên	Thành viên	

R O

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
		Hội đồng Khoa học Đào tạo		
9	Trần Ninh Giang	Ths Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên	
10	Đoàn Ngọc Tiến Minh	Ths Phó Trưởng phòng Công tác Học viên Sinh viên, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường ĐH YTCC	Thành viên	
11	Tạ Anh Hà	ThS Trưởng phòng Quản trị Công nghệ	Thành viên	
12	Nguyễn Hải Hà	ThS Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên	
13	Nguyễn Ngọc Bích	TS Trưởng khoa Sức khỏe môi trường nghề nghiệp, Đảng ủy viên, Thành viên HĐ trường, Ủy viên BCHCD	Thành viên	
14	Đặng Thế Hưng	TS Giám đốc Trung tâm Xét nghiệm	Thành viên	
15	Phạm Hùng Tiến	ThS, BS Phó Trưởng Phòng khám đa khoa	Thành viên	
16	Nguyễn Ngọc Sơn	Học viên lớp ThSQLBV14-1B1	Thành viên	
17	Nguyễn Minh Anh	Sinh viên lớp CNCQYTCC17- 1A	Thành viên	

(Danh sách ấn định gồm có 17 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-ĐHYTCC ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Thị Thanh Hương	PGS, TS Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Đảng ủy viên, Chủ tịch Công đoàn	Trưởng Ban thư ký
2	Nguyễn Thị Phương Thanh	Ths Chuyên viên Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thành viên Ban Thư ký
3	Nguyễn Thị Thúy Liễu	Cử nhân Chuyên viên Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thành viên Ban Thư ký
4	Nguyễn Thị Vân	Ths Chuyên viên Phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên Ban thư ký
5	Phùng Văn Thùy	Ths Phó Trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên Ban thư ký
6	Nguyễn Đức Thành	CN Phó trưởng phòng Quản trị công nghệ	Thành viên Ban thư ký
7	Phạm Thị Thu Hường	Ths Chuyên viên phòng Công tác Học viên – Sinh viên	Thành viên Ban thư ký
8	Lại Thị Hương	Ths Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển	Thành viên Ban thư ký
9	Trần Ninh Giang	Ths Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Thành viên Ban thư ký
10	Đàm Minh Hoàng	Chuyên viên Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên Ban thư ký

(Danh sách ấn định gồm có 10 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 592/QĐ-ĐHYTCC ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1:Đảm bảo chất lượng về chiến lược (Tiêu chuẩn 1 – Tiêu chuẩn 8)			
1	Bùi Thị Thu Hà	GS, TS Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT	Trưởng nhóm
2	Trần Ninh Giang	ThS Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Thư ký HĐT	Phó trưởng nhóm
3	Nguyễn Thanh Nhã	ThS Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
4	Đàm Minh Hoàng	ThS Chuyên viên Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
5	Hoàng Ngọc Ánh	ThS Chuyên viên Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
6	Trần Thị Tuyết Hạnh	PGS,TS Trưởng Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển	Thành viên
7	Lê Thị Thanh Hà	ThS Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển	Thành viên
8	Tạ Anh Hà	ThS Trưởng phòng Quản trị công nghệ	Thành viên
9	Triệu Quốc Vinh	ThS Phó Trưởng phòng Quản trị công nghệ	Thành viên
10	Nguyễn Đức Thành	CN Phó Trưởng phòng Quản trị công nghệ	Thành viên
11	Nguyễn Hải Hà	Ths Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên
Nhóm 2:Đảm bảo chất lượng về hệ thống (Tiêu chuẩn 9 – Tiêu chuẩn 12)			
1	Hoàng Văn Minh	GS, TS Đảng ủy viên, Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng Trường, Chủ tịch HĐ ĐBCL	Trưởng nhóm
2	Lê Thị Thanh Hương	PGS, TS Đảng ủy viên, Giám đốc TT ĐBCL&KT, Thành viên Hội đồng Trường, Thư ký Hội đồng ĐBCL	Phó trưởng nhóm
3	Nguyễn Thị Phương Thanh	ThS Chuyên viên Trung tâm Đảm bảo chất	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
		lượng và Khảo thí	
4	Cao Hữu Quang	CN Chuyên viên Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thành viên
5	Đồng Thị Hoài Thu	CN Chuyên viên Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thành viên
6	Đặng Thị Khuyên	CN Chuyên viên Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thành viên
Nhóm 3: Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng (Tiêu chuẩn 13 – Tiêu chuẩn 21)			
1	Nguyễn Thanh Hà	PGS, TS Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng, Thành viên HĐT	Trưởng nhóm
2	Đỗ Thị Hạnh Trang	TS Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Phó trưởng nhóm
3	Phùng Văn Thùy	ThS Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
5	Đỗ Thanh Huyền	ThS Chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
6	Đoàn Ngọc Tiến Minh	ThS Phó Trưởng phòng Công tác Học viên – Sinh viên	Thành viên
7	Phạm Thị Thu Hường	ThS Chuyên viên Phòng Công tác Học viên – Sinh viên	Thành viên
8	Trần Thị Tuyết Hạnh	PGS, TS Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển	Thành viên
9	Nguyễn Thị Minh Thành	ThS Chuyên viên, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển	Thành viên
10	Nguyễn Ngọc Bích	TS, Trưởng khoa SKMTNN Ủy viên BCH Công đoàn	Thành viên
11	Đặng Thế Hưng	TS Giám đốc Trung tâm xét nghiệm	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
12	Phạm Hùng Tiến	ThS Phó Trưởng Phòng khám đa khoa	Thành viên
13	Nguyễn Thị Phương Thanh	Ths Chuyên viên Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thành viên
Nhóm 4: Kết quả hoạt động (Tiêu chuẩn 22 – Tiêu chuẩn 25)			
1	Lã Ngọc Quang	PGS, TS Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng Trường	Trưởng nhóm
2	Trần Thị Tuyết Hạnh	PGS, TS Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển	Phó trưởng nhóm
3	Nguyễn Thị Minh Thành	ThS Chuyên viên phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Phát triển	Thành viên
4	Nguyễn Thanh Nhã	ThS Trưởng Phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
5	Bùi Thị Thanh Lâm	ThS Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
6	Đoàn Ngọc Tiến Minh	ThS Phó trưởng phòng Công tác Học viên – Sinh viên	Thành viên
7	Vũ Thu Hà	CN Chuyên viên Phòng Công tác Học viên – Sinh viên	Thành viên
8	Nguyễn Ngọc Bích	TS Trưởng khoa SKMTNN Ủy viên Ban Chấp hành công đoàn	Thành viên
9	Đặng Thế Hưng	TS Giám đốc Trung tâm xét nghiệm	Thành viên
10	Phạm Hùng Tiến	ThS Phó Trưởng Phòng khám đa khoa	Thành viên

(Danh sách ấn định gồm có 31 người)

Số: 684 /KH-ĐHYTCC

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ và đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của CSGD trong giai đoạn 2017 – 2022 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn (CV số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019)

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CSGD được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-ĐHYTCC ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng, Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1	Nhóm chuyên trách số 1	
2	Tiêu chuẩn 2	Nhóm chuyên trách số 1	
3	Tiêu chuẩn 3	Nhóm chuyên trách số 1	
4	Tiêu chuẩn 4	Nhóm chuyên trách số 1	
5	Tiêu chuẩn 5	Nhóm chuyên trách số 1	
6	Tiêu chuẩn 6	Nhóm chuyên trách số 1	
7	Tiêu chuẩn 7	Nhóm chuyên trách số 1	
8	Tiêu chuẩn 8	Nhóm chuyên trách số 1	
9	Tiêu chuẩn 9	Nhóm chuyên trách số 2	
10	Tiêu chuẩn 10	Nhóm chuyên trách số 2	
11	Tiêu chuẩn 11	Nhóm chuyên trách số 2	
12	Tiêu chuẩn 12	Nhóm chuyên trách số 2	

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
13	Tiêu chuẩn 13	Nhóm chuyên trách số 3	
14	Tiêu chuẩn 14	Nhóm chuyên trách số 3	
15	Tiêu chuẩn 15	Nhóm chuyên trách số 3	
16	Tiêu chuẩn 16	Nhóm chuyên trách số 3	
17	Tiêu chuẩn 17	Nhóm chuyên trách số 3	
18	Tiêu chuẩn 18	Nhóm chuyên trách số 3	
19	Tiêu chuẩn 19	Nhóm chuyên trách số 3	
20	Tiêu chuẩn 20	Nhóm chuyên trách số 3	
21	Tiêu chuẩn 21	Nhóm chuyên trách số 3	
22	Tiêu chuẩn 22	Nhóm chuyên trách số 4	
23	Tiêu chuẩn 24	Nhóm chuyên trách số 4	
24	Tiêu chuẩn 24	Nhóm chuyên trách số 4	
25	Tiêu chuẩn 25	Nhóm chuyên trách số 4	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
2	Tiêu chuẩn 2	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
3	Tiêu chuẩn 3	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
4	Tiêu chuẩn 4	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
5	Tiêu chuẩn 5	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
6	Tiêu chuẩn 6	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
7	Tiêu chuẩn 7	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
8	Tiêu chuẩn 8	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
9	Tiêu chuẩn 9	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
10	Tiêu chuẩn 10	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
11	Tiêu chuẩn 11	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		chứng, hoàn thiện báo cáo	minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	
12	Tiêu chuẩn 12	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
13	Tiêu chuẩn 13	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
14	Tiêu chuẩn 14	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
15	Tiêu chuẩn 15	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
16	Tiêu chuẩn 16	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
17	Tiêu chuẩn 17	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
18	Tiêu chuẩn 18	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
19	Tiêu chuẩn 19	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
20	Tiêu chuẩn 20	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
21	Tiêu chuẩn 21	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
22	Tiêu chuẩn 22	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
23	Tiêu chuẩn 23	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
24	Tiêu chuẩn 24	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực con người: Bao gồm người thu thập minh chứng, người viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022
25	Tiêu chuẩn 25	Thu thập minh chứng, viết báo cáo, mã minh chứng, hoàn thiện báo cáo	Nguồn lực tài chính: Bao gồm kinh phí in ấn/in sao minh chứng; kinh phí cho việc viết báo cáo	Tháng 10/2021 đến tháng 03/2022

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGD (nếu cần)

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê một đơn vị Kiểm định chất lượng có uy tín và kinh nghiệm trong công tác đánh giá cơ sở giáo dục để tư vấn trong quá trình viết báo cáo TĐG

8. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (Từ ngày 06-19/9/2021)	<ol style="list-style-type: none">Họp BGH để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD.Họp Hội đồng tự đánh giá CSGD để:<ul style="list-style-type: none">Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Thông nhất về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CSGD.
Tuần 3 - 4 (Từ ngày 20/9-03/10/2021)	<ol style="list-style-type: none">Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan;Tổ chức tập huấn triển khai tự đánh giá cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan.Họp Hội đồng tự đánh giá CSGD để thông qua:<ul style="list-style-type: none">Kế hoạch tự đánh giá CSGD;Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của CSGD).Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 – 8 (Từ ngày 04-31/10/2021)	<ol style="list-style-type: none">Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá.
Tuần 9 – 15 (Từ ngày 01-19/12/2021)	<ol style="list-style-type: none">Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (Từ ngày 20-26/12/2021)	Hội đồng tự đánh giá CSGD: <ol style="list-style-type: none">Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo.Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

Thời gian	Các hoạt động
	3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. 4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. 5. Thụ ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CSGD.
Tuần 17-18 <i>(Từ ngày 27/12/2021-09/01/2022)</i>	Hội đồng tự đánh giá CSGD: 1. Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa. 2. Thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 <i>(Từ ngày 10-30/01/2022)</i>	1. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ Trường Đại học Y tế công cộng. 2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 3. Nhóm nghiên cứu độc lập rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
Tuần 22-25 <i>(Từ ngày 07/02-06/03/2022)</i>	1. Hội đồng tự đánh giá CSGD: <ul style="list-style-type: none"> • Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. • Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. • Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. 2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 3. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 26-29 <i>(Từ ngày 07-31/03/2022)</i>	1. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GDĐT. 2. Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trên website của Trường và hệ thống văn bản Voffice. 3. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.
Từ tuần 30 <i>(Từ ngày 01/4/2022)</i>	1. Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động. 2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Lưu VT, ĐBCL&KT.


HIỆU TRƯỞNG
Hoàng Văn Minh